

Khóa Luận Khoa Nông Học năm học 2018 - 2019

STT	Tên đề tài	Họ tên sinh viên	Giáo viên hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Nghiên cứu bệnh đốm đen vi khuẩn hại cà chua vụ đông xuân năm 2017-2018 vùng Hà Nội và phụ cận	Vũ Thuận ánh	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A
2	Nghiên cứu bệnh nấm hại cây rau họ hoa thập tự vụ đông xuân năm 2018 vùng Hà Nội	Nhữ Thị Hạnh	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A
3	Nghiên cứu hiệu lực của vi sinh vật đối kháng phòng trừ bệnh héo rũ gốc mốc trắng (<i>Sclerotium solfsii</i> Sacc.) hại cây trồng	Phạm Thị An	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A
4	Nghiên cứu bệnh héo xanh vi khuẩn (<i>Ralstonia solanacearum</i> Smith) hại một số cây trồng cạn tại Hà Nội và phụ cận	Trần Thị Hiên	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A
5	Nghiên cứu bệnh nấm hại cây đậu tương vụ đông xuân 2018 tại Hà Nội	Bùi Thị Mỹ Ngân	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A
6	Nghiên cứu bệnh nấm hại cây cà chua vụ đông xuân năm 2018 vùng Hà Nội	Nguyễn Xuân Thái	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A
7	Nghiên cứu bệnh vi khuẩn vàng lá đen gân (<i>Xanthomonas campestris</i> Pv. <i>campestris</i>) hại cây rau họ hoa thập tự	Bùi Thị Ngọc Oanh	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A
8	Nghiên cứu bệnh đốm lá nhỏ hại ngô (<i>Bipolaris maydis</i>) vụ đông xuân năm 2018 vùng Hà Nội	Lương Thị Phương Anh	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A
9	Nghiên cứu hiệu lực của vi sinh vật đối kháng phòng trừ bệnh lở cổ rễ (<i>Rhizoctonia solani</i> Kuhn) trên cây trồng cạn	Bùi Thị Thu Hà	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A
10	Nghiên cứu bệnh đốm lá lớn hại ngô (<i>Exserohilum turcicum</i>) vụ đông xuân năm 2018 vùng Hà Nội	Nguyễn Thị Phương	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A
11	Nghiên cứu bệnh lở cổ rễ (<i>Rhizoctonia solani</i> Kuhn) hại một số cây trồng vùng Hà Nội	Nguyễn Thị Linh	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A

12	Nghiên cứu bệnh đốm lá nhỏ <i>Bipolaris maydis</i> hại ngô ở Gia Lâm và phụ cận vụ xuân năm 2018	Đoàn Thị Sự	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
13	Nghiên cứu bệnh đạo ôn hại lúa ở Phú Xuyên, Hà Nội, vụ xuân 2018	Nguyễn Thị Thoa	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
14	Nghiên cứu bệnh thối trắng hành do nấm <i>Sclerotium cepivorum</i> vụ xuân 2018 ở Gia Lâm và phụ cận	Đoàn Đức Lộc	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
15	Nghiên cứu nấm <i>Sclerotium cepivorum</i> gây bệnh thối trắng hại hành	Nguyễn Thị Gái	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
16	Nghiên cứu nấm <i>Pyricularia oryzae</i> gây bệnh đạo ôn lúa	Phạm Thị Hương	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
17	Nghiên cứu nấm <i>Bipolaris maydis</i> gây bệnh đốm lá nhỏ hại ngô	Nguyễn Thị Thùy Linh	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
18	Nghiên cứu nấm <i>Corynesspora cassicola</i> gây bệnh đốm vòng cà chua vụ xuân hè năm 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Trần Thị Minh Lụa	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
19	Nghiên cứu nấm <i>Bipolaris oryzae</i> gây bệnh đốm nâu lúa	Phạm Thị Quỳnh Anh	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
20	Nghiên cứu bệnh héo gốc mốc trắng (<i>Sclerotium rolfsi</i>) hại cà chua vụ xuân 2018 ở Gia Lâm, Hà Nội	Hoàng Tuấn Anh	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
21	Nghiên cứu bệnh héo gốc mốc trắng (<i>Sclerotium rolfsi</i>) hại đậu tương vụ xuân 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Tô Mai Linh	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
22	Nghiên cứu bệnh khô vằn ngô (<i>Rhizoctonia solani</i>) vụ xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Thu Hoài	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
23	Nghiên cứu sản xuất chế phẩm nấm đối kháng <i>Trichoderma</i> (T34) và phòng trừ bệnh héo gốc mốc trắng hại cây đậu tương, bệnh mốc trắng hại hành	Hoàng Thị Lan	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
24	Nghiên cứu một số bệnh nấm hại vùng rễ trên cây cà chua tại Hà Nội và vùng phụ cận vụ Đông Xuân 2018	Lưu Thị Hải	TS. Đỗ Trung Kiên	#N/A
25	Nghiên cứu bệnh nấm hại vùng rễ cây ớt tại Hà Nội và vùng phụ cận vụ Đông Xuân 2018	Lê Thị Thu Uyên	TS. Đỗ Trung Kiên	#N/A

26	Nghiên cứu bệnh hại vùng rễ cây trồng cận do <i>Pythium</i> gây ra tại Hà Nội và vùng phụ cận vụ Đông Xuân 2018	Nguyễn Thị Kim Cúc	TS. Đỗ Trung Kiên	#N/A
27	Nghiên cứu bệnh Panama hại cây chuối tại Hà Nội và vùng phụ cận vụ xuân hè 2018	Phạm Thị Nguyệt	TS. Đỗ Trung Kiên	#N/A
28	Nghiên cứu bệnh nấm hại lá và quả cây cà chua tại Hà Nội và vùng phụ cận vụ đông xuân năm 2018	Nguyễn Thị Ngọc	TS. Đỗ Trung Kiên	#N/A
29	Nghiên cứu bệnh nấm hại lá và quả cây ớt tại Hà Nội và vùng phụ cận vụ đông xuân 2018	Đỗ Thị Thanh	TS. Đỗ Trung Kiên	#N/A
30	Bệnh nấm hại lá cây rau tại Hà Nội và vùng phụ cận vụ đông xuân 2018	Trần Thị Dung	TS. Đỗ Trung Kiên	#N/A
31	Nghiên cứu bệnh thán thư hại cà chua tại Hà Nội và vùng phụ cận vụ Đông Xuân 2018	Trần Thị Diệu	TS. Đỗ Trung Kiên	#N/A
32	Nghiên cứu bệnh thán thư hại ớt do nấm <i>Colletotricum</i> sp. tại Hà Nội và vùng phụ cận vụ đông xuân 2018	Hoàng An	TS. Đỗ Trung Kiên	#N/A
33	Nghiên cứu bệnh đốm vòng hại cà chua tại Hà Nội và vùng phụ cận vụ đông xuân 2018	Vũ Thị Thảo Ly	TS. Đỗ Trung Kiên	#N/A
34	Nghiên cứu bệnh hại vùng rễ cây rau do <i>Pythium</i> gây ra tại Hà Nội và vùng phụ cận vụ Đông Xuân 2018	Nguyễn Văn Đăng	TS. Đỗ Trung Kiên	#N/A
35	Nghiên cứu bệnh nấm hại vùng rễ cây rau họ thập tự ở Hà Nội và vùng phụ cận	Nguyễn Thị Phúc	TS. Đỗ Trung Kiên	#N/A
36	Nghiên cứu bệnh hại trên cây đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i>) và biện pháp phòng trừ	Tạ Thị Huyền Anh	PGS.TS. Ngô Bích Hào	#N/A
37	Nghiên cứu bệnh hại trên cây gấc (<i>Momordica cochinchinensis</i>) và biện pháp phòng trừ	Đào Thị Kim Nhung	PGS.TS. Ngô Bích Hào	#N/A
38	Nghiên cứu bệnh đạo ôn lúa và đánh giá khả năng chống chịu của 1 số giống lúa trồng phổ biến tại Hà Nội	Phạm Thị Ngọc Châu	PGS.TS. Ngô Bích Hào	#N/A
39	Phòng chống sinh học nấm <i>Fusarium</i> bằng vi khuẩn đối kháng phân lập từ đất và các hợp chất ức chế được chiết xuất từ chúng	Hàn Việt Cường	PGS.TS. Hà Việt Cường	#N/A

40	Điều tra thành phần bệnh hại lúa vụ xuân năm 2018 tại Gia Lâm Hà Nội và đánh giá khả năng phòng chống bệnh đạo ôn của một số chế phẩm kích kháng	Nguyễn Thị Hiền	PGS.TS. Hà Viết Cường	#N/A
41	Xác định thành phần bệnh hại chuối tại Gia Lâm Hà Nội năm 2018 và đánh giá tính gây bệnh của Banana Bunchy top virus	Nguyễn Như Hùng	PGS.TS. Hà Viết Cường	#N/A
42	Nghiên cứu về bệnh thán thư hại ớt vụ xuân năm 2018	Luyện Thị Thu Hường	PGS.TS. Hà Viết Cường	#N/A
43	Xác định thành phần bệnh hại cà chua và đánh giá tính gây bệnh của <i>Tomato necrotic ringspot virus</i> (TNRV) vụ xuân tại Gia Lâm - Hà Nội 2018	Phạm Hồng Nhật	PGS.TS. Hà Viết Cường	#N/A
44	Xác định thành phần bệnh hại măng tây, đặc điểm sinh học, hình thái và biện pháp phòng chống nấm <i>P.Asparagi</i>	Nguyễn Quang Bách	PGS.TS. Hà Viết Cường	#N/A
45	Nghiên cứu bệnh Huanglongbing trên cây cam sành tại huyện Hàm Yên, Tỉnh Tuyên Quang	Vũ Văn Dương	PGS.TS. Hà Viết Cường	#N/A
46	Xác định thành phần bệnh hại ớt tại Thái Thụy Thái Bình năm 2018 và đánh giá tính gây bệnh của Pepper yellow leafcurl Vietnam virus (PEPYLCVNV)	Nguyễn Thị Vân	PGS.TS. Hà Viết Cường	#N/A
47	Xác định thành phần bệnh hại và nghiên cứu Begomovirus hại chanh leo năm 2018 tại Nghệ An	Lê Thị Như Quỳnh	PGS.TS. Hà Viết Cường	#N/A
48	Điều tra và đánh giá tính gây bệnh của Kudzu mosaic virus (KuMV) và French bean severe leaf curl virus (FbSLCV)	Vũ Thị Xuân	PGS.TS. Hà Viết Cường	#N/A
49	Điều tra thành phần bệnh hại lúa vụ xuân năm 2018 tại Gia Lâm Hà Nội và đánh giá khả năng ức chế bệnh lùn sọc đen hại lúa bằng một số chế phẩm kích kháng	Hoàng Anh Tuấn	PGS.TS. Hà Viết Cường	#N/A
50	Đánh giá tính gây bệnh của Begomovirus hại bầu bí vụ xuân 2018	Trịnh Thị Lệ	PGS.TS. Hà Viết Cường	#N/A
51	Nghiên cứu nấm <i>Aspergillus spp</i> hại nông sản sau thu hoạch tại Hà Nội và một số vùng phụ cận	Hà Xuân Thắng	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A

52	Nghiên cứu bệnh nấm hại lạc và biện pháp phòng trừ tại vùng Gia Lâm - Hà Nội vụ xuân năm 2018	Vũ Thị Hồng	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A
53	Nghiên cứu bệnh mốc lá trên cà chua tại Hà Nội và một số vùng phụ cận	Nguyễn Hoàng Hiệp	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A
54	Nghiên cứu bệnh đốm vòng cải bắp tại xã Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội vụ xuân 2018 và biện pháp phòng trừ	Lê Đức Dũng	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A
55	Nghiên cứu bệnh thán thư hại ớt (<i>Colletotricum spp.</i>) vụ xuân hè 2018 tại Văn Đức - Gia Lâm - Hà Nội	Đinh Thị Trang	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A
56	Nghiên cứu thành phần hại lúa và đánh giá tính gây bệnh của virus lùn sọc đen Phương Nam ở Trục Ninh - Nam Định	Ngô Thị Trang	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A
57	Nghiên cứu bệnh thán thư hại cà chua do nấm <i>Colletotricum cocodes</i> và biện pháp phòng trừ, tại Gia Lâm và một số vùng phụ cận	Lê Chí Dũng	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A
58	Điều tra thành phần nấm gây hại lúa vụ xuân 2018 tại xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn. Nghiên cứu đặc điểm sinh học của một số nấm hại chính và biện pháp phòng trừ	Hoàng Thị Mỹ Duyên	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A
59	Nghiên cứu <i>Fusarium</i> trên ngô vùng Hà Nội	Nguyễn Thị Mỹ	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A
60	Nghiên cứu bệnh đốm lá lớn hại ngô vụ xuân 2018 trên địa bàn Hà Nội	Lê Thị Luận	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A
61	Nghiên cứu bệnh nấm gây bệnh héo vàng Panama trên chuối	Trần Thị Mỹ	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A
62	Nghiên cứu bệnh đốm đen hoa hồng (<i>Marssonina rosae</i>) và biện pháp phòng trừ	Hoàng Thị Thơm	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A
63	Nghiên cứu Nấm <i>Phytophthora sp.</i> gây bệnh thối quả chanh dây ở một số tỉnh Miền Bắc Việt Nam năm 2018	Nguyễn Thạc Huy	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
64	Nghiên cứu bệnh virus hại hành, tỏi	Đặng Thị Thu Minh	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
65	Nghiên cứu bệnh hại hoa cúc tại Nam Định và các tỉnh phụ cận	Vũ Thị My	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
66	Nghiên cứu bệnh nấm <i>Pyricularia oryzae</i> gây bệnh đạo ôn Lúa	Trần Thị Tâm	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A

67	Nghiên cứu nấm gây bệnh tàn lụi măng tây (<i>Phomopsis asparagi</i>)	Phan Văn Duy	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
68	Phát hiện và nghiên cứu <i>Potyvirus</i> trên một số cây trồng	Nguyễn Thị Mừng	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
69	Nghiên cứu bệnh nấm hại cây có múi tại Hà Nội và phụ cận	Nguyễn Ngọc Bích	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
70	Nghiên cứu bệnh hại rau (bệnh lở cổ rễ, bệnh thối hạch bắp cải) và ứng dụng chế phẩm sinh học phòng trừ bệnh tại Hà Nội	Đặng Tuyết Mai	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
71	Nghiên cứu bệnh thán thư ớt <i>Colletotrichum spp</i> tại một số tỉnh Đồng bằng Bắc bộ	Nguyễn Thị Hiền	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
72	Nghiên cứu bệnh Panama trên chuối tại một số tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc	Nguyễn Thị Hồng Loan	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
73	Phát hiện và nghiên cứu bệnh vius hại cây họ cà (<i>Solanaceae</i>) tại Thanh Hóa	Trịnh Thị Thu Phương	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
74	Phát hiện, nghiên cứu bệnh nấm và vius hại cây thuốc lào	Phạm Thị Trà My	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
75	Ảnh hưởng của mật độ và lượng lân bón đến sinh trưởng, năng suất giống Hương thuần 8 vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Hương	PGS. TS. Nguyễn Ích Tân	Mục đích xác định mật độ cây và lượng lân bón thích hợp cho giống lúa Hương thuần 8 vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội. Mật độ 50 khóm/m ² kết hợp với mức bón 150kgN/ha cho năng suất lý thuyết (đạt 122,99 tạ/ha) là cao nhất. Năng suất thực thu của lúa đạt cao nhất (82,80 tạ/ha) ở mật độ cấy 50khóm/m ² kết hợp với mức bón 90kgN/ha trên cùng nền 120kg N và 60kg K 2O trên một ha.
76	Ảnh hưởng của mật độ và lượng kali bón đến sinh trưởng, năng suất giống Bắc hương 9 vụ Xuân tại Gia Lâm, Hà Nội	Đào Thị Ngọc Ân	PGS. TS. Nguyễn Ích Tân	Mục đích xác định mật độ cấy và lượng kali bón thích hợp cho giống Bắc hương 9 vụ Xuân tại Gia lâm, Hà Nội. Năng suất thực thu biến động từ 24,30 – 30,42 tạ/ha, cao nhất ở công thức K1M1 (30,42 tạ/ha), thấp nhất là công thức K2M1 (24,30 tạ/ha). Mật độ 35 khóm/m ² , lượng kali 90kg/ha cho năng suất thực thu 30,38tạ/ha và HSKT 1,38 bước đầu thích hợp.
77	Ảnh hưởng của mật độ và lượng kali bón đến sinh trưởng, năng suất giống Hương thuần 8 dòng 3 vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Trần Thị Trà My	PGS. TS. Nguyễn Ích Tân	Mục đích xác định mật độ, lượng kali bón thích hợp cho Hương thuần 8 dòng 3 thích h[_p] vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội. Kết quả có sự ảnh hưởng tương tác giữa mật độ và lượng kali bón đến các chỉ tiêu trên và có sự sai khác có ý nghĩa giữa các công thức. Cụ thể cây ở mật độ 40 hay 45 khóm/m ² kết hợp với bón ở mức 90kg K cho năng suất lý thuyết cao nhất (112,16-118,74 tạ/ha). Tuy nhiên, năng suất thực thu (68,5 tạ/ha) lại cao nhất ở công thức cấy 35 khóm/m ² kết hợp với bón 90kg/ha K2O.

78	Ảnh hưởng của liều lượng lân và mật độ cây đến sinh trưởng và năng suất giống lúa J02 vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Bùi Thị Diệu Linh	PGS. TS. Nguyễn Ích Tân	Ảnh hưởng của mật độ, lượng lân bón và tác động của chúng tạo ra sự khác nhau về năng suất của các công thức. Sự sai khác này đều có ý nghĩa ở độ tin cậy 95% Với năng suất thực thu thì mật độ 50 khóm/m ² kết hợp với lượng lân là 45 kg/ha là cao nhất, đạt 92,15 (tạ/ha). Mật độ 50 khóm/m ² kết hợp với lượng lân là 90 kg/ha có NSLT là cao nhất, đạt 191,754(tạ/ha).
79	Ảnh hưởng của mật độ và lượng đạm bón đến sinh trưởng, năng suất giống lúa J02 vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Vũ Thị Nhân	PGS. TS. Nguyễn Ích Tân	Mục đích xác định mật độ và lượng đạm bón thích hợp cho giống lúa J02 vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội. Trong vụ xuân, để giống J02 đạt năng suất cao thì cây ở mật độ 50 khóm/m ² với lượng đạm bón 120 kgN/ha cho năng suất thực thu cao nhất là 98,47 tạ/ha
80	Ảnh hưởng của mật độ và lượng lân bón đến sinh trưởng, năng suất giống Bắc hương 9 vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Trịnh Thị Thanh Hiền	PGS. TS. Nguyễn Ích Tân	Mục đích xác định mật độ và lượng lân thích hợp cho Bắc Hương 9 vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội. Mật độ cây 35 khóm/m ² , mức phân bón 100kg N + 120kg P ₂ O ₅ + 60kg K ₂ O/ha phù hợp trong vụ Xuân
81	Ảnh hưởng của mật độ và lượng đạm bón đến sinh trưởng, năng suất giống Bắc hương 9 vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Kim Đạt	PGS. TS. Nguyễn Ích Tân	Mục đích xác định mật độ và lượng đạm bón thích hợp cho giống lúa Bắc hương 9 vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội. Với mật độ 45 khóm/m ² kết hợp với lượng đạm là 120 kg/ha NSLT là cao nhất đạt 102.49(tạ/ha); năng suất thực thu là cao nhất đạt 97.67(tạ/ha).
82	Ảnh hưởng của mật độ và lượng đạm bón đến sinh trưởng và năng suất Diêm mạch xanh vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Hoàng Thị Thu Trang	PGS. TS. Nguyễn Ích Tân	Mục đích xác định thời vụ và lượng đạm bón thích hợp cho diêm mạch xanh vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội. Bước đầu nhận thấy mật độ 250000 cây/ha và lượng đạm bón 150N thích hợp để trồng trên vùng đất Gia Lâm. NSTT dao động từ 0,96 – 1,55 (tấn/ha), đạt cao nhất tại mật độ 250000 cây/ha – 150N + 60P ₂ O ₅ + 60 K ₂ O là 1,55 (tấn/ha), thấp nhất (200000 cây/ha - 0N + 60P ₂ O ₅ + 60 K ₂ O) là 0,96(tấn/ha).
83	Ảnh hưởng của thời vụ và lượng đạm đến sinh trưởng và năng suất Diêm mạch đỏ vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Bùi Thị Loan	PGS. TS. Nguyễn Ích Tân	Mục đích xác định thời vụ và lượng đạm bón thích hợp cho diêm mạch đỏ vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội. Bước đầu nhận thấy thời vụ trồng ngày 12/3/2018 và lượng đạm bón 120kg/ha thích hợp để trồng trên vùng đất Gia Lâm. Có chiều dài bông chính đạt 19,83cm, p1000 đạt 2,36g, năng suất cá thể đạt 8,45g, năng suất lý thuyết đạt 1,69 tấn.
84	Ảnh hưởng của mật độ và lượng đạm bón đến sinh trưởng và năng suất Diêm mạch đỏ vụ Xuân tại Gia Lâm, Hà Nội	Trần Thị Lý	PGS. TS. Nguyễn Ích Tân	Mục đích xác định mật độ và lượng đạm bón thích hợp cho diêm mạch đỏ vụ Xuân tại Gia Lâm, Hà Nội. Lượng đạm bón càng tăng thì càng kéo dài thời gian sinh trưởng, cụ thể với lượng đạm bón 0kgN/ha tổng thời gian sinh trưởng ngắn nhất từ 91-93 ngày; với lượng bón 150kgN/ha và 200 kgN/ha có TGST kéo dài nhất từ 93-94 ngày. Sự sinh trưởng, phát triển của Diêm mạch đỏ ở mức đạm 200 kgN/ha ứng với mật độ 750.000 cây/ha vượt trội hơn hẳn các mức còn lại.
85	Ảnh hưởng của thời vụ và lượng đạm bón đến sinh trưởng và năng suất Diêm mạch xanh vụ Xuân tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Hương	PGS. TS. Nguyễn Ích Tân	Mục đích xác định thời vụ và lượng đạm bón thích hợp cho diêm mạch xanh vụ Xuân tại Gia Lâm, Hà Nội. Bước đầu nhận thấy thời vụ gieo ngày 12/3/2018 và lượng đạm bón 120kg/ha thích hợp để trồng trên vùng đất Gia Lâm. Thời gian sinh trưởng 93-94 ngày, năng suất lý thuyết 3,81 tạ/ha; năng suất thực thu 1,64 tấn/ha.

86	Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật nhân giống và ảnh hưởng của phân bón NPK cho cây hoa hồng (<i>Rosa spp.</i> L.) tại Gia Lâm – Hà Nội	Phan Minh Hằng	TS. Nguyễn Mai Thơm	Xác định các biện pháp kỹ thuật nhân giống cụ thể là biện pháp ghép cây: nêm chéo và mắt nhỏ có gỗ. Xác định sự ảnh hưởng của các công thức phân bón đến sự sinh trưởng và phát triển của hoa hồng
87	Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật nhân giống và ảnh hưởng của phân bón qua lá đến sinh trưởng của cây giống cam Mùồng Pồn HVN54 tại Gia Lâm – Hà Nội	Lê Hải Đăng	TS. Nguyễn Mai Thơm	Nhân giống bằng phương pháp ghép nêm chéo và ghép mắt nhỏ có gỗ. Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón qua lá đến sinh trưởng và phát triển của cây giống nhằm xác định lượng phân bón phù hợp làm cơ sở góp phần xây dựng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây Cam Mùồng Pồn tại Gia Lâm, Hà Nội
88	Nghiên cứu kỹ thuật ghép cải tạo và liều lượng phân bón đạm đến sinh trưởng của cây ghép bưởi ngọt HVN53 tại Gia Lâm, Hà Nội	Hoàng Mạnh Quang	TS. Nguyễn Mai Thơm	v Xác định được kỹ thuật ghép cải tạo và liều lượng phân bón Đạm thích hợp ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây bưởi ngọt HVN53 tại Gia Lâm, Hà Nội
89	Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng đạm và kali bón đến khả năng sinh trưởng, phát triển và năng suất Bầu hồ lô (<i>Lagenaria vulgaris</i>) tại Gia Lâm, Hà Nội	Lê Hà Mai	TS. Nguyễn Mai Thơm	Nghiên cứu liều lượng đạm và kali ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống bầu hồ lô, tìm ra mức bón thích hợp nhất đối với giống bầu hồ lô nhằm nâng cao năng suất bầu hồ lô phục vụ thương mại hóa trong nước và xuất khẩu
90	Nghiên cứu kỹ thuật ghép cải tạo và loại phân bón qua lá đến sinh trưởng của cây bưởi ngọt HVN53 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Ngọc ánh	TS. Nguyễn Mai Thơm	Nghiên cứu kỹ thuật ghép cải tạo và sử dụng loại phân bón lá thích hợp cho khả năng sinh trưởng của cây Bưởi ngọt HVN53 tại Gia Lâm, Hà Nội
91	Khảo sát tình hình sản xuất - kinh doanh giống cây ăn quả và biện pháp kỹ thuật bón phân qua lá cho cây Cam Lòng Vàng (<i>Citrus sinensis Obeck</i>) tại Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Ngô Đức Trung	TS. Nguyễn Mai Thơm	Khảo sát được tình hình sản xuất và kinh doanh các giống cây ăn quả tại các cửa hàng và vườn ươm trong khu vực TT.Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội. Từ đó đưa ra các kế hoạch phát triển và nhân giống các loại cây có triển vọng. Tìm hiểu liều lượng bón phân phù hợp của cây giống giai đoạn sinh trưởng dinh dưỡng nhằm góp phần xây dựng hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây Cam lòng vàng tại TT.Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội
92	Nghiên cứu nhân giống in vitro và phân bón qua lá Lan Hoàng thảo hạc vỹ (<i>Dendrobium aphyllum</i> (Roxb.) C. Fisch) ở giai đoạn vườn ươm	La Văn Huân	TS. Nguyễn Mai Thơm - TS. Phạm Hương Sơn	óp phần xây dựng qui trình nhân giống in vitro và nuôi trồng lan Hạc Vỹ ở điều kiện ex vitro, nhằm bảo tồn và phát triển nguồn gen quý hiếm, tạo ra nguồn nguyên liệu phục vụ cho lĩnh vực, hoa cảnh, mỹ phẩm và y học
93	Nghiên cứu biện pháp ghép cải tạo và ảnh hưởng của liều lượng phân bón qua lá đến sự sinh trưởng của cây giống Xoài tím HVN55 tại Gia Lâm, Hà Nội	Champa Onkeo .	TS. Nguyễn Mai Thơm	Tìm hiểu và nghiên cứu các biện pháp ghép, cải tạo cây xoài tím HVN55 và sự ảnh hưởng của liều lượng phân bón qua lá đến sự sinh trưởng của cây xoài tím HVN55
94	Nghiên cứu ảnh hưởng của thời vụ, phân bón hữu cơ và chế phẩm chứa nấm đối kháng (<i>Trichoderma spp</i>) đến sinh trưởng và phát triển của cây rau đắng đất (<i>Glinus oppositifoliu s L.</i>) tại Gia Lâm, Hà Nội	Phạm Thùy Dương	TS. Nguyễn Mai Thơm	Xác định mật độ, liều lượng phân bón đạm lân kali và kỹ thuật giâm cành cây rau đắng đất, góp phần hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng và thâm canh cây rau đắng đất tại Gia Lâm, Hà Nội

95	Nghiên cứu ảnh hưởng của lượng phân hữu cơ và nồng độ phun dung dịch HB-101 đến sinh trưởng và năng suất giống lúa xuân Bắc hương 9 tại Kiến Xương, Thái Bình	Hoàng Thị Linh	TS. Nguyễn Thị Loan	Mục tiêu: Xác định lượng phân hữu cơ bón và nồng độ phun dung dịch HB101 cho giống lúa BH9 tại Thái Bình. Kết quả chính: Lượng phân hữu cơ và nồng độ phun dung dịch Hb101 ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của giống lúa BH9 tại Kiến Xương, Thái Bình. Công thức có năng suất thực thu cao nhất với lượng phân bón hữu cơ 8 tấn/ha và lượng phun 3 giọt/lít là 40,83 tạ/ha
96	Đánh giá sinh trưởng và năng suất của tập đoàn lúa thuần chất lượng vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Vũ Thu Hà	TS. Nguyễn Thị Loan	Mục tiêu: lựa chọn những giống lúa thuần triển vọng cho năng suất và chất lượng cao. Kết quả chính: - Các dòng/giống lúa đều thuộc loại hình giống trung ngày (có thời gian sinh trưởng từ 111- 121 ngày), đa số các dòng có khả năng đẻ nhánh ở mức độ trung bình, khả năng thích nghi rộng, đặc biệt là khả năng chịu rét của các dòng ở giai đoạn mạ. Nhóm lúa có triển vọng cao điển hình là các dòng: ++ Dòng 29-H; Dòng 16-H; Dòng 7-H - có năng suất cao
97	Ảnh hưởng của lượng phân hữu cơ bón đến sinh trưởng, phát triển và năng suất cà chua vụ Xuân Hè 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Vàng Seo Hòa	TS. Nguyễn Thị Loan	Mục tiêu: xác định lượng phân hữu cơ bón phù hợp cho giống cà chua nhập nội Rus1. Kết quả chính: Lượng phân hữu cơ không ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng nhưng ảnh hưởng đến chỉ tiêu phát triển, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất. Lượng phân bón cao làm tăng các chỉ tiêu theo dõi. năng suất thực thu đạt cao nhất ở công thức bón 24 tấn/ ha và 27,5 tấn/ ha phân hữu cơ
98	Nghiên cứu ảnh hưởng của lượng đạm bón và nồng độ Ethephone đến sinh trưởng, phát triển và năng suất trên cây dưa chuột vụ Xuân - Hè năm 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Ngọc	TS. Nguyễn Thị Loan	Mục tiêu: xác định lượng đạm và lượng phun HB101 phù hợp cho dưa chuột tại Gia Lâm, Hà Nội Kết quả nghiên cứu chính: khi tăng lượng đạm bón và dung dịch tưới HB101 đều làm tăng các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý dẫn đến tăng năng suất tăng và có sự sai khác có ý nghĩa giữa các yếu tố ảnh hưởng riêng lẻ. Cụ thể: NSTT cao nhất ở mức bón 150 N và kết hợp với phun dung dịch 5giọt/lít (7,67 tấn/ha), thấp nhất ở công thức không bón phân đạm và không phun dung dịch HB101 (3,17 tấn/ha).
99	Nghiên cứu ảnh hưởng của lượng đạm bón và mật độ đến sinh trưởng và năng suất giống lúa hương thuần 8 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Quỳnh	TS. Nguyễn Thị Loan	Mục tiêu: xác định lượng đạm bón và mật độ cây cho giống lúa Hương Thuần 8. Kết quả nghiên cứu chính: khi tăng lượng đạm bón và mật độ cây đều làm tăng các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý dẫn đến tăng năng suất nhưng không có sự sai khác có ý nghĩa giữa các yếu tố ảnh hưởng riêng lẻ. Tuy nhiên, có sự sai khác có ý nghĩa khi ảnh hưởng tương tác của lượng đạm bón và mật độ trồng đến các chỉ tiêu trên. Cụ thể: NSTT không có sự sai khác có ý nghĩa giữa các mức bón đạm và mật độ cây khác nhau nhưng khi ảnh hưởng tương tác của 2 yếu tố thí nghiệm này lại là sai khác có ý nghĩa (M3N4 cho NSTT thấp nhất, M2N4 cho NSTT cao nhất).

100	Đánh giá một số dòng cà chua thuần sinh trưởng vô hạn có chứa gen bất dục đực chức năng (PS-2) vụ Xuân Hè 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Đỗ Huệ Chi	TS. Nguyễn Thị Loan	Mục tiêu: đánh giá khả năng thích nghi của các dòng cà chua bất dục đực chức năng (ps2) trong điều kiện Việt Nam. Kết quả chính: Các dòng cà chua đều là dòng thuần chứa gen bất dục đực (ps2), dạng hình sinh trưởng vô hạn, thích nghi tốt trong điều kiện Việt Nam. Các dòng cà chua có khối lượng quả lớn, dạng quả tròn dẹt, chất lượng tốt phù hợp với mục đích ăn tươi và chế biến. Các dòng đều phù hợp với công tác chọn tạo và nhân giống
101	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân hữu cơ vi sinh và dung dịch dinh dưỡng đến sinh trưởng và năng suất của giống cà chua tại Gia Lâm, Hà Nội	Hà Văn Huy	TS. Nguyễn Thị Loan	Mục đích: xác định lượng phân hữu cơ và lượng phun HB101 phù hợp cho giống cà chua HT109 tại Gia Lâm, Hà Nội Kết quả nghiên cứu chính: khi tăng lượng phân hữu cơ bón và dung dịch tưới HB101 đều làm tăng các chỉ tiêu sinh trưởng dẫn đến tăng năng suất tăng và có sự sai khác có ý nghĩa giữa các yếu tố ảnh hưởng riêng lẻ. Cụ thể: NSTT cao nhất ở mức bón phân hữu cơ 16 tấn/ha và kết hợp với phun dung dịch 6 giọt/lít (52,79 tấn/ha), thấp nhất ở công thức không bón phân hữu cơ và không phun dung dịch HB101 (29,44 tấn/ha).
102	Nghiên cứu ảnh hưởng của lượng đạm bón đến sinh trưởng, phát triển, năng suất của một số giống cà chua thuần trong vụ Đông Xuân 2018 tại Gia Lâm- Hà Nội	Hoàng Thị Kim Ngọc	TS. Nguyễn Thị Loan	Mục tiêu: xác định lượng đạm bón cho một số dòng cà chua thuần. Kết quả nghiên cứu chính: khi tăng lượng đạm bón và trồng các dòng cà chua khác nhau đều ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất và có sự sai khác có ý nghĩa giữa các yếu tố ảnh hưởng riêng lẻ. Cụ thể: NS cá thể cao nhất ở mức bón đạm 40 g/chậu đối với dòng Lik oval và Lik. Trong khi đó dòng Kun năng suất cá thể cao nhất ở mức bón 45 g/chậu
103	Đánh giá khả năng tiếp hợp của một số loại gốc ghép dưa lê, dưa chuột, dưa hấu trong vụ Xuân tại Hà Nội	Vũ Thị Lan	TS. Chu Anh Tiệp	Đánh giá khả năng tiếp hợp của một số loại gốc ghép dưa lê, dưa chuột và dưa hấu đối với ngọn ghép dưa chuột trong vụ xuân tại Hà Nội
104	Ảnh hưởng của biện pháp tia quạ, cắt cành đến sinh trưởng và năng suất của ổi Đài Loan tại huyện Chương Mỹ, Hà Nội	Kiều Thị Anh Thơ	TS. Chu Anh Tiệp	Xác định ảnh hưởng của biện pháp tia quạ và bấm ngọn đến sinh trưởng của quả ổi trên giống ổi đài loan tại huyện Chương Mỹ
105	Xác định khoảng cách bấm ngọn, tạo tán trên cây ổi Đài Loan trong giai đoạn thiết kế cơ bản	Nguyễn Thị Huệ	TS. Chu Anh Tiệp	Xác định ảnh hưởng của khoảng cách bấm ngọn đến sinh trưởng và tạo tán của cây ổi đài loan tại huyện Chương Mỹ
106	Ảnh hưởng của phun phân bón lá HB-101 đến sinh trưởng của bưởi diễm tại huyện Chương Mỹ, Hà Nội	Vũ Thị Thủy Tiên	TS. Chu Anh Tiệp	Xác định ảnh hưởng của nồng độ phân bón HB101 đến sinh trưởng của bưởi diễm tại huyện Chương Mỹ
107	Ảnh hưởng của lượng phân bón hữu cơ và mật độ cây đến sinh trưởng và năng suất lúa J02 tại Tứ Kỳ - Hải Dương	Nguyễn Đức Khôi	TS. Chu Anh Tiệp	Xác định ảnh hưởng của mật độ và lượng phân hữu cơ bón đến sinh trưởng và năng suất giống lúa J02 trên đất lúa - rui tại An Thanh - Tứ Kỳ - Hải Dương

108	Đánh giá khả năng sinh trưởng và năng suất của một số giống lúa trong vụ Xuân Sớm trên đất lúa, rưới tại Tứ Kỳ - Hải Dương	Lê Thị Phương	TS. Chu Anh Tiệp	Xác định khả năng sinh trưởng, năng suất và phù hợp của một giống lúa trong điều kiện vụ xuân sớm đất lúa - rưới tại An Thanh - Tứ Kỳ - Hải Dương
109	Ảnh hưởng của kỹ thuật trồng và phân bón đến sự sinh trưởng của cây bưởi thực sinh trên đất bán sơn địa tại Chương Mỹ - Hà Nội	Đình Duy Phương	TS. Chu Anh Tiệp	Ảnh hưởng của biện pháp tạo hố xuyên qua tầng đá ong đến khả năng sinh trưởng của bộ rễ cây bưởi thực sinh, cây bưởi trên đất gò đồi vùng bán sơn địa
110	Ảnh hưởng của một số loại gốc ghép đến sinh trưởng và năng suất của dưa chuột trong vụ Xuân 2018	Dương Mạnh Cường	TS. Chu Anh Tiệp	Xác định khả năng thích hợp của một số loại cây gốc ghép đối với dưa chuột trong vụ xuân tại Hà Nội
111	Ảnh hưởng của kỹ thuật trồng và phân bón đến sự sinh trưởng của cây ổi thực sinh trên đất bán sơn địa tại Chương Mỹ - Hà Nội	Lê Đình Quyết	TS. Chu Anh Tiệp	Ảnh hưởng của biện pháp tạo hố xuyên qua tầng đá ong đến khả năng sinh trưởng của bộ rễ cây ổi thực sinh, cây ổi ghép trên đất gò đồi vùng bán sơn địa
112	Ảnh hưởng của một số loại gốc ghép đến sinh trưởng và năng suất dưa lê (<i>Cucumis melo</i>) trong vụ Xuân 2018	Lê Thị Ngọc	TS. Chu Anh Tiệp	Xác định khả năng thích hợp của một số loại cây gốc ghép đối với dưa lê trong vụ xuân tại Hà Nội
113	Nghiên cứu ảnh hưởng của lượng phân hữu cơ khoáng bón và thời gian làm cỏ đến sinh trưởng và năng suất Bắc hương 9 tại Gia Lâm – Hà Nội	Nguyễn Thị Thủy	TS. Trần Thị Thiêm	Mục đích của đề tài: Xác định lượng phân hữu cơ khoáng bón và thời kỳ làm cỏ thích hợp đến sinh trưởng và năng suất Bắc Hương 9 tại Gia Lâm, Hà Nội. Kết quả của đề tài: Thời kỳ làm cỏ khác nhau và lượng phân hữu cơ khoáng bón khác nhau có ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý dẫn đến tăng năng suất và có sự sai khác có ý nghĩa giữa các yếu tố ảnh hưởng riêng lẻ. Điều đó dẫn đến có sự ảnh hưởng tương tác giữa thời kỳ làm cỏ và lượng phân hữu cơ khoáng bón đến các chỉ tiêu trên và có sự sai khác có ý nghĩa. NSTT cao nhất (7,54 tấn/ha) khi lúa được làm cỏ 2 lần và bón ở 1.9 tấn/ha phân hữu cơ khoáng.
114	Nghiên cứu ảnh hưởng của D409 và thời gian làm cỏ đến sinh trưởng và năng suất cà chua tại Gia Lâm – Hà Nội	Nguyễn Thị Thủy	TS. Trần Thị Thiêm	Mục đích của đề tài: Xác định lượng D409 và thời kỳ làm cỏ thích hợp đến sinh trưởng và năng suất cà chua tại Gia Lâm, Hà Nội. Kết quả thí nghiệm cho thấy: Lượng phun D409 khác nhau và thời kỳ làm cỏ khác nhau có ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý dẫn đến tăng năng suất và có sự sai khác có ý nghĩa giữa các yếu tố ảnh hưởng riêng lẻ. Điều đó dẫn đến có sự ảnh hưởng tương tác giữa thời kỳ làm cỏ và lượng phun D409 đến các chỉ tiêu trên và có sự sai khác có ý nghĩa. NSTT cao nhất (63,40 tấn/ha) khi làm cỏ 2 lần vào lúc cây ra hoa và thu quả đợt 1 kết hợp với phun dung dịch D409 ở mức 28lít/ha.

115	Nghiên cứu ảnh hưởng của các biện pháp kỹ thuật đến sinh trưởng và năng suất cây ngón biển trong điều kiện chậu vại tại Gia Lâm – Hà Nội	Hoàng Thị Kim Dung	TS. Trần Thị Thiêm	Mục đích của đề tài: Xác định giá thể và độ mặn thích hợp đến sinh trưởng và năng suất cây Salicornia tại Gia Lâm, Hà Nội. Kết quả thí nghiệm cho thấy: Độ mặn khác nhau và giá thể khác nhau có ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý dẫn đến tăng năng suất sinh vật học và có sự sai khác có ý nghĩa giữa các yếu tố ảnh hưởng riêng lẻ (Cụ thể cây Salicornia thích hợp trồng trên 100% đất và tưới mặn ở mức 200 mM NaCl). Điều đó dẫn đến có sự ảnh hưởng tương tác giữa độ mặn và giá thể đến các chỉ tiêu trên và có sự sai khác có ý nghĩa. NSSVH cao nhất (30,9 g/cây) khi trồng trên giá thể 100% đất và tưới 200 mM NaCl.
116	Nghiên cứu ảnh hưởng của lượng phân hữu cơ khoáng bón và mật độ đến sinh trưởng và năng suất của Bắc thơm 7 tại Gia Lâm- Hà Nội	Trần Thị Vân Anh	TS. Trần Thị Thiêm	Kết quả thí nghiệm cho thấy: Mật độ cây khác nhau và lượng phân hữu cơ khoáng bón khác nhau có ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý dẫn đến tăng năng suất và có sự sai khác có ý nghĩa giữa các yếu tố ảnh hưởng riêng lẻ. Điều đó dẫn đến có sự ảnh hưởng tương tác giữa thời kỳ làm cỏ và lượng phân hữu cơ khoáng bón đến các chỉ tiêu trên và có sự sai khác có ý nghĩa. NSTT cao nhất (6,78 tấn/ha) khi lúa cây ở mật độ 45 khóm/m ² và bón 1,5 tấn/ha phân hữu cơ khoáng.
117	Nghiên cứu ảnh hưởng của lượng phân hữu cơ khoáng bón và mật độ cây đến sinh trưởng và năng suất Bắc hương số 9 tại Gia lâm- Hà Nội	Lò Thị Phượng	TS. Trần Thị Thiêm	Mục đích của đề tài: Xác định lượng phân hữu cơ khoáng bón và mật độ cây thích hợp đến sinh trưởng và năng suất Bắc Hương số 9 tại Gia Lâm, Hà Nội. Kết quả thí nghiệm cho thấy: Mật độ cây khác nhau và lượng phân hữu cơ khoáng bón khác nhau có ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý dẫn đến tăng năng suất và có sự sai khác có ý nghĩa giữa các yếu tố ảnh hưởng riêng lẻ. Điều đó dẫn đến có sự ảnh hưởng tương tác giữa thời kỳ làm cỏ và lượng phân hữu cơ khoáng bón đến các chỉ tiêu trên và có sự sai khác có ý nghĩa. NSTT cao nhất (7,5-7,6 tấn/ha) khi lúa cây ở mật độ 42 khóm/m ² và bón 1,7-1,9 tấn/ha phân hữu cơ khoáng.

118	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân hữu cơ vi sinh thay thế lượng phân vô cơ bón và thời vụ đến sinh trưởng và năng suất rau cải ngọt tại thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Trần Thị Nhân	TS. Trần Thị Thiêm	Mục đích của đề tài xác định lượng phân hữu cơ vi sinh thay thế phân hữu cơ vi sinh và thời vụ thích hợp đến sinh trưởng và năng suất cà chua tại thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Kết quả thí nghiệm cho thấy: lượng phân hữu cơ thay thế lượng đạm bón khác nhau không ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý dẫn đến không có sự sai khác có ý nghĩa đến năng suất. Tuy nhiên thời vụ trồng khác nhau có ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý dẫn đến ảnh hưởng đến năng suất và có sự sai khác có ý nghĩa. Khi xét đến sự ảnh hưởng tương tác giữa lượng phân hữu cơ thay thế lượng đạm bón và thời vụ trồng có sự sai khác có ý nghĩa đến các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý và năng suất. NSTT cao nhất khi trồng thời vụ 3 ở tất cả các mức bón phân hữu cơ thay thế lượng đạm bón.	
119	Nghiên cứu ảnh hưởng củuvjD409 và thời kỳ làm cỏ đến sinh trưởng và năng suất dưa chuột tại thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Nguyễn Đức Minh	TS. Trần Thị Thiêm	Mục đích của đề tài: Xác định lượng D409 và thời kỳ làm cỏ thích hợp đến sinh trưởng và năng suất giống dưa chuột nếp thơm 766 tại Gia Lâm, Hà Nội. Kết quả thí nghiệm cho thấy: Lượng phun D409 khác nhau và thời kỳ làm cỏ khác nhau có ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý dẫn đến tăng năng suất và có sự sai khác có ý nghĩa giữa các yếu tố ảnh hưởng riêng lẻ. Điều đó dẫn đến có sự ảnh hưởng tương tác giữa thời kỳ làm cỏ và lượng phun D409 đến các chỉ tiêu trên và có sự sai khác có ý nghĩa. NSTT cao nhất (30,73 tấn/ha) khi làm cỏ 2 lần vào lúc cây bắt đầu ra hoa và thu quả rộ kết hợp với phun dịch D409 ở mức 12,51 lít/ha.	
120	Nghiên cứu ảnh hưởng của sự thay thế lượng đạm bón thay bằng phân hữu cơ đến sinh trưởng và năng suất cây cà chua tại thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Hoàng Thị Mỹ Linh	TS. Trần Thị Thiêm	Mục đích của đề tài xác định lượng phân hữu cơ vi sinh thay thế lượng vô cơ bón thích hợp đến sinh trưởng và năng suất cà chua tại thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Kết quả thí nghiệm cho thấy: lượng phân hữu cơ vi sinh thay thế lượng phân vô cơ bón khác nhau có ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý dẫn đến tăng năng suất nhưng không có sự sai khác có ý nghĩa giữa các công thức. NSTT quả cao nhất (118,72 tấn/ha) ở công thức phân hữu cơ vi sinh thay thế 50% lượng phân vô cơ bón.	
121	Nghiên cứu ảnh hưởng của thời vụ đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của cây Diêm mạch xanh tại cánh đồng Mường Thanh- Điện Biên	Nguyễn Thu Phương	PGS.TS. Nguyễn Tất Cảnh		0
122	Nghiên cứu phối hợp phân bón hóa học và dung dịch hữu cơ đến sinh trưởng, phát triển, năng suất và phẩm chất của cây xà lách ở Gia Lâm- Hà Nội	Lưu Văn Huy	PGS.TS. Nguyễn Tất Cảnh		0

123	Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến tốc độ xử lý và chất lượng của phân compost	Lê Văn Phụng	PGS.TS. Nguyễn Tất Cảnh	0
124	Một số đặc điểm sinh học , sinh thái loài ruồi đục thân đậu tương <i>Melanagromyza sojae</i> tại Gia Lâm, Hà Nội năm 2018	Bùi Thị Tâm	TS. Lê Ngọc Anh - TS. Lê Quang Khải	<p>Đã điều tra thành phần sâu hại và thiên địch trên đậu tương vụ xuân hè năm 2018, theo dõi diễn biến gây hại của ruồi đục thân đậu tương <i>Melanagromyza sojae</i> trên đậu tương trồng xen và trồng thuần, theo đó ghi nhận ruồi đục thân đậu tương <i>Melanagromyza sojae</i> mật độ cao hơn ở ruộng trồng thuần.</p> <p>Nhiệt độ có ảnh hưởng tới các chỉ số sinh học của ruồi đục thân đậu tương <i>Melanagromyza sojae</i>, vòng đời dao động từ 23,13-26,17 ngày ở nhiệt độ 30°C và 25°C. Các chỉ tiêu sinh học thu được tương ứng ở 25°C đều cao hơn như số trứng đê/TT cái, tỷ lệ chết, tỷ lệ trứng nở... so với ở 30°C. Thức ăn bổ xung (mật ong 10%) là tốt nhất cho ruồi trưởng thành cái.</p> <p>Tỷ lệ ký sinh cuối vụ (từ giai đoạn hình thành hạt đến thu hoạch) là cao nhất (47,6%)</p> <p>Thuốc Regent 800 cho hiệu lực đạt cao nhất (90%).</p>
125	Thành phần bọ phấn hại rau đặc điểm sinh học, sinh thái của loài bọ phấn chính tại Hà Nội năm 2018	Nguyễn Thị Trang	TS. Lê Ngọc Anh	<p>Đã điều tra thành phần bọ phấn họ Aleyrodidae trên một số cây rau tại Đông Anh, Hà Nội năm 2018, theo dõi diễn biến gây hại của bọ phấn Bemisia tabaci trên cà chua và dưa chuột, theo đó ghi nhận bọ phấn Bemisia tabaci bắt đầu xuất hiện ngay từ đầu vụ, với mật độ cao nhất đạt được lên tới 2,25con/m² trên cà chua và 3,99 con/m² trên dưa chuột vào giai đoạn phát triển thân lá.</p> <p>Thức ăn (cà chua và dưa chuột) và nhiệt độ (27,5 và 29,6°C) có ảnh hưởng tới các chỉ số sinh học của bọ phấn Bemisia tabaci, theo đó khi nuôi trên cà chua và dưa chuột, vòng đời của bọ phấn Bemisia tabaci dao động từ 16,7-17,2 ngày tùy điều kiện nhiệt độ và thức ăn. Các chỉ tiêu sinh học khác như số trứng đê/TT cái, tỷ lệ chết, Tỷ lệ chết các pha trước trưởng thành cũng được ghi nhận...</p>
	Một số đặc điểm sinh học sâu đục quả đậu tương		TS. Lê Ngọc Anh - TS. Lê	<p>Đã thu thập thành phần sâu hại đậu tương vụ xuân 2018 tại Đông Anh, Hà Nội thu được 14 loài, thuộc 6 bộ của lớp côn trùng (Insecta).. Có 4 loài phổ biến là sâu cuốn lá Lamprosema indicata, ruồi đục thân Melanagromyza sojae, bọ phấn Parabemisia myricae Kuwana, rầy xanh Empoasca flavescens Fabr. Kết quả điều tra thu được có 2 loài thiên địch thuộc bộ cánh cứng (Coleoptera) trong đó loài tần suất bắt gặp cao là bọ rùa đốm Micraspis discolor Fabr.</p> <p>Đã điều tra diễn biến mật độ sâu đục quả đậu tương ghi nhận sự xuất hiện khá muộn trên đồng ruộng, từ giai đoạn quả non. Mật độ sâu đục quả trên ruộng đậu tương tăng dần và cao nhất ở giai đoạn quả xanh chắc (1,5 con/m² và 0,6 con/m²).</p>

126	<p>Một số đặc điểm sinh học sâu đục quả đậu tương <i>Etiella zinckenella</i> tại Hà Nội năm 2018</p>	Nguyễn Thị Hằng	TS. Lê Ngọc Anh - TS. Lê Quang Khải	<p>Đã theo dõi một số chỉ tiêu sinh học loài sâu đục quả đậu tương ở nhiệt độ trung bình 310C và ẩm độ trung bình là 74% trên 3 loại thức ăn khác nhau là đậu đũa, đậu tương, đậu cove ghi nhận thì vòng đời, khối lượng nhộng khác nhau. Tỷ lệ trứng nở cao nhất là ở đậu tương. Tỷ lệ đục cái khá đồng đều. Tỷ lệ hóa nhộng ở đậu cove là cao nhất. Tỷ lệ chết tự nhiên các pha trước trưởng thành khi nuôi trên đậu tương là lớn nhất 35%, tiếp đến là đậu cove (33,3%), thấp nhất là đậu đũa (31,7%). Sâu non tuổi 3,4 có tỉ lệ chết thấp nhất. Ở 27°C tỷ lệ chết tự nhiên các pha trước trưởng thành thấp hơn ở 31°C.</p> <p>Mật ong (50%) là thức ăn thêm tốt nhất cho trưởng thành cái ăn thêm: Sức đẻ trứng và tuổi thọ trung bình của trưởng thành khi nuôi trên thức ăn là mật ong 50% là cao nhất.</p>
127	<p>Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học của sâu đục thân ngô <i>Ostrinia furnacalis</i> Guenee vụ xuân hè 2018 tại Hà Nội</p>	Cao Thị Nữ	TS. Lê Ngọc Anh	<p>Đã điều tra thành phần sâu hại và thiên địch trên ngô vụ xuân hè năm 2018 tại Cổ Bi và Đông Anh, theo dõi diễn biến mật độ và tỷ lệ hại của sâu đục thân ngô Châu Á <i>Ostrinia furnacalis</i>, theo đó ghi nhận sâu đục thân ngô bắt đầu xuất hiện ở giai đoạn 5-7 lá.</p> <p>Thức ăn có ảnh hưởng tới các chỉ tiêu sinh học của sâu đục thân ngô Châu Á <i>Ostrinia furnacalis</i>, theo đó khi nuôi trên ngô nếp và thức ăn nhân tạo, vòng đời của sâu đục thân ngô Châu Á <i>Ostrinia furnacalis</i> dao động từ 30,55-34.07 ngày. Ngô nếp là thức ăn ưa thích của sâu đục thân ngô Châu Á <i>Ostrinia furnacalis</i>, với các chỉ tiêu sinh học thu được tương ứng đều cao hơn như số trứng đẻ/TT cái, tỷ lệ chết,...</p> <p>Nhiệt độ khác nhau cũng ảnh hưởng đến vòng đời và 1 số chỉ tiêu sinh học của sâu đục thân ngô Châu Á <i>Ostrinia furnacalis</i>: nhiệt độ tăng thì vòng đời ngắn lại.</p> <p>Sức đẻ trứng sâu đục thân ngô Châu Á <i>Ostrinia furnacalis</i> trên ngô nếp cao hơn trên TANT. Mật ong 50% là thức ăn bổ xung tốt nhất cho TT.</p> <p>Tỷ lệ sống sót các pha trước trưởng thành trên thức ăn nhân tạo cao hơn trên ngô nếp.</p>
				<p>Đã điều tra thành phần sâu mọt hại nông sản tại các chợ ở Hà Nội năm 2018 thu được 12 loài côn trùng thuộc 8 họ thuộc bộ Cánh cứng Coleoptera, và 1 loài côn trùng thiên địch là bọ xít bắt mồi <i>Xylocoris flavipes</i> thuộc họ Anthocoridae, bộ Cánh nửa (Hemiptera).</p> <p>Đã theo dõi vòng đời và một số chỉ tiêu sinh học khác nhau sức đẻ trứng, tỷ lệ trứng nở, tỷ lệ đục cái ở điều kiện nhiệt độ 30.1°C , ẩm độ 72.7% và 25°C, ẩm độ 70% trên 3 loại thức ăn là bột ngô, bột sắn và bột đậu xanh, ghi nhận có sự sai khác. Tỷ lệ đục/cái của mọt râu dài <i>Cryptolestes pusillus</i> khi nuôi trên các nguồn thức ăn khác nhau không có sự chênh lệch đáng kể.</p>

128	Thành phần sâu mọt hại tại các chợ nông sản; đặc điểm sinh học, sinh thái của loài mọt phổ biến tại Gia Lâm, Hà Nội năm 2018	Trần Thị Thanh Phúc	TS. Lê Ngọc Anh	<p>Tỉ lệ chết các pha phát dục của mọt râu dài <i>Cryptolestes pusillus</i> là không đồng đều, pha sâu non tuổi 1 là pha có tỉ lệ chết cao nhất so với các pha phát dục còn lại. Thức ăn và nhiệt độ là những nhân tố ảnh hưởng đến tỉ lệ chết các pha trước trưởng thành của mọt râu dài, nhiệt độ càng thấp thì tỉ lệ chết càng cao.</p> <p>Khả năng gây hại của mọt râu dài <i>Cryptolestes pusillus</i> ở 30.1°C cao hơn ở 25°C. Số lượng cá thể trưởng thành loài mọt râu dài <i>Cryptolestes pusillus</i> trên bột ngô cao hơn trên bột sắn và bột đậu xanh sau 90 ngày bảo quản ở tất cả các công thức thí nghiệm do bột ngô là thức ăn ưa thích nhất của chúng. Mật độ mọt càng cao thì tỷ lệ hao hụt khối lượng sau thời gian bảo quản càng lớn.</p> <p>Bọ xít bắt mồi <i>X. flavipes</i> tuổi càng lớn thì sức tiêu thụ vật mồi càng lớn. Trứng của mọt râu dài <i>Cryptolestes pusillus</i> và ngòi gạo <i>Corcyra cephalonica</i> là thức ăn ưa thích nhất.</p>
129	Đặc điểm sinh học, sinh thái loài mọt thóc Thái Lan <i>Lophocateres pusillus</i> (Klug) tại Hà Nội 2018	Nguyễn Thị Ngọc Mai	TS. Lê Ngọc Anh	<p>Đã điều tra thành phần sâu mọt hại nông sản tại các chợ ở Hà Nội năm 2018 thu được 12 loài côn trùng thuộc 10 họ thuộc bộ Cánh cứng Coleoptera.</p> <p>Đã theo dõi vòng đời và một số chỉ tiêu sinh học khác nhau sức đẻ trứng, tỷ lệ trứng nở, tỷ lệ đực cái ở điều kiện nhiệt độ 30°C, ẩm độ 69,1% và 25°C, ẩm độ 70% trên 3 loại thức ăn là gạo tẻ, hà thủ ô và đậu xanh, ghi nhận có sự sai khác. Tỉ lệ đực/cái mọt đục hạt nhỏ <i>Rhizopertha dominica</i> khi nuôi trên các nguồn thức ăn khác nhau không có sự chênh lệch đáng kể.</p> <p>Tỉ lệ chết các pha phát dục của mọt đục hạt nhỏ <i>Rhizopertha dominica</i> là không đồng đều, pha sâu non tuổi 1 là pha có tỉ lệ chết cao nhất so với các pha phát dục còn lại. Thức ăn và nhiệt độ là những nhân tố ảnh hưởng đến tỉ lệ chết các pha trước trưởng thành của mọt râu dài, nhiệt độ càng thấp thì tỉ lệ chết càng cao.</p> <p>Số lượng cá thể trưởng thành loài mọt đục hạt nhỏ <i>Rhizopertha dominica</i> trên gạo tẻ cao hơn trên 2 loại thức ăn sau 90 ngày bảo quản ở tất cả các công thức thí nghiệm. Mật độ mọt càng cao thì tỷ lệ hao hụt khối lượng sau thời gian bảo quản càng lớn.</p>
				<p>Đã điều tra thành phần sâu hại và thiên địch trên một số cây thuốc tại Trung tâm nghiên cứu và chế biến cây thuốc Hà Nội năm 2018, theo dõi diễn biến mật của rệp muội <i>Aphis citricola</i> trên cây dây thìa canh theo đó ghi nhận rệp muội <i>Aphis citricola</i> xuất hiện vào tháng 2, với mật độ cao nhất đạt được lên tới 12,7con/m².</p>

130	Thành phần sâu hại, diễn biến mật độ và đặc điểm sinh học loài sâu hại chính trên cây dứa liệu tại Hà Nội năm 2018	Đinh Vũ Thu Hương	TS. Lê Ngọc Anh	<p>Thức ăn có ảnh hưởng tới các chỉ số sinh học của rệp muội <i>Aphis citricola</i>, theo đó khi nuôi trên dây thìa canh và lá bồ công anh, vòng đời của rệp muội <i>Aphis citricola</i> dao động 8,43 ngày. Tỷ lệ chết khi nuôi trên dây thìa canh cao hơn so với lá bồ công anh.</p> <p>Tỷ lệ tăng tự nhiên (rm) thu được tương ứng trên dây thìa canh và lá bồ công anh ở điều kiện nhiệt độ 20°C là 0,414; 0,355, và 25°C lần lượt là 0,552; 0,559.</p> <p>Hiệu lực phòng trừ rệp muội <i>Aphis citricola</i> trong phòng thí nghiệm cao nhất đạt 68,9% sau 48h xử lý thuốc Golnitor 50WG.</p>
131	Thành phần sâu hại vải, đặc điểm sinh học, sinh thái loài hại chính tại Phú Cừ, Hưng Yên năm 2018	Trần Thị Hương Giang	TS. Lê Ngọc Anh	<p>Đã điều tra thành phần sâu hại và thiên địch trên cây vải tại Tam Đa và Minh Tiến, Phú CỪ, Hưng Yên năm 2018, theo dõi diễn biến mật độ sâu đục cuống quả vải, theo đó ghi nhận sâu đục cuống quả vải <i>Conopomorpha sinensi</i> bắt đầu xuất hiện ngay từ khi ra lộc (tháng 2), với mật độ cao nhất đạt được lên tới 5-7con/cành (vào giai đoạn quả lớn, thu hoạch).</p> <p>Nhiệt độ có ảnh hưởng tới các chỉ số sinh học của sâu đục cuống quả vải <i>Conopomorpha sinensi</i>, vòng đời của sâu đục cuống quả vải <i>Conopomorpha sinensi</i> dao động từ 19-24 ngày. Các chỉ tiêu sinh học khác như số trứng đê/TT cái, tỷ lệ chết... ở điều kiện 30,9°C và ẩm độ 79% cũng được ghi nhận.</p> <p>Sâu đục cuống quả vải <i>Conopomorpha sinensi</i> có tỷ lệ ký sinh pha sâu non và pha nhộng khá cao, lần lượt là 25,71% và 40,38%.</p> <p>Thời gian vũ hóa của TT đực và TT cái đạt đỉnh cao nhất vào khoảng thời gian 22-24h đêm đến 4-6h sáng hôm sau.</p>
132	Sự phát triển và tính kháng thuốc của rầy lưng trắng <i>Sogatella furcifera</i> Horvath mẫn cảm đối với một số hoạt chất năm 2018	Đặng Thanh Hương	TS. Lê Ngọc Anh	<p>Đã tiến hành thí nghiệm theo dõi sự thay đổi các giá trị LD50, Ri qua các thế hệ của quần thể rầy lưng trắng mẫn cảm dưới chịu áp lực chọn lọc của hoạt chất Pymetrozine, Fenobucarb, Sulfoxaflor, Buprofezine, Imidacloprid, Chloropyrifos Ethyl, và Nytenpyram, bước đầu ghi nhận sự gia tăng các chỉ số và biểu hiện tính kháng thuốc trên các nhóm rầy thử với Fenobucarb, Buprofezin, Imidacloprid. Đối với các hoạt chất còn lại, các chỉ số LD50, Ri có tăng nhưng vẫn trong giới hạn mẫn cảm.</p> <p>Hoạt chất Nytenpyram và Sulfoxaflor có ảnh hưởng làm giảm sức sinh sản, giảm nhịp điệu sinh sản, kéo dài vòng đời của rầy lưng trắng mẫn cảm, làm tăng loại hình rầy cánh dài và tỷ lệ đục cánh dài cao hơn so với rầy không tiếp xúc với hoạt chất này.</p>

133	Thành phần sâu hại và thiên địch trên một số cây dược liệu và đặc điểm sinh học loài sâu khoang <i>Spodoptera litura</i> gây hại trên cây dược liệu tại Hà Nội năm 2018	Nguyễn Thị Thúy	TS. Lê Ngọc Anh	<p>Đã điều tra thành phần sâu hại và thiên địch trên một số cây thuốc tại Trung tâm nghiên cứu và chế biến cây thuốc Hà Nội năm 2018, theo dõi diễn biến gây hại của sâu khoang trên cây ngưu tất, bồ công anh, theo đó ghi nhận sâu khoang bắt đầu xuất hiện ở giữa vụ, với mật độ cao nhất đạt được lên tới 1,6con/m².</p> <p>Thức ăn có ảnh hưởng tới các chỉ số sinh học của sâu khoang, theo đó khi nuôi trên ngưu tất và bồ công anh, vòng đời của sâu khoang dao động từ 28-33 ngày. Lá bồ công anh là thức ăn ưa thích của sâu khoang hơn so với lá ngưu tất, với các chỉ tiêu sinh học thu được tương ứng đều cao hơn như số trứng đê/TT cái, tỷ lệ chết, sức tiêu thụ thức ăn...</p>
134	Thành phần bọ rùa bắt mồi, họ Coccinellidae trên ngô vụ xuân hè 2018. Đặc điểm sinh vật học, sinh thái học của loài bọ rùa phổ biến	Hà Thanh Hoàn	PGS. TS. Trần Đình Chiến	<p>Thành phần bọ rùa bắt mồi trên ngô năm 2016 tại Gia Lâm, Hà Nội bao gồm 8 loài, trong đó bọ rùa 6 vằn <i>Menochilus sexmaculatus</i>, bọ rùa Nhật bản <i>Propylaea japonica</i> và bọ rùa đỏ <i>Micraspis discolor</i> xuất hiện phổ biến nhất.</p> <p>bọ rùa 6 vằn <i>Menochilus sexmaculatus</i> xuất hiện ngay từ đầu vụ, mật độ thay đổi theo giai đoạn sinh trưởng của cây ngô, đạt đỉnh cao vào giai đoạn ngô tung phần, phun râu với mật độ trung bình 1.14 con/cây.</p> <p>Mối tương quan giữa diễn biến mật độ bọ rùa 6 vằn <i>Menochilus sexmaculatus</i> và chỉ số rệp ngô là quan hệ tương đối chặt với R=0.82. Vòng đời của bọ rùa 6 vằn <i>Menochilus sexmaculatus</i> khi nhân nuôi ở điều kiện nhiệt độ 24.8°C và 29.4°C là 25.2 và 24.6 ngày. Sức sinh sản trung bình đạt 266.8 quả/con cái ở điều kiện nhiệt độ 32.6°C. Tỷ lệ đực cái là 1:1.052.</p> <p>Bọ rùa 6 vằn <i>Menochilus sexmaculatus</i> có sức tiêu thụ vật mồi khá cao, sức ăn vật mồi tăng dần từ pha ấu trùng đến trưởng thành. Vật mồi ưa thích nhất là rệp ngô.</p>
135	Nghiên cứu diễn biến mật độ sâu tơ và đặc điểm sinh học, sinh thái của loài sâu tơ (<i>Plutella xylostella</i> Linnaeus) hại rau tại Gia Lâm, Hà Nội	Phạm Thị Lê Dung	PGS. TS. Hồ Thị Thu Giang	<p>Đã điều tra diễn biến mật độ sâu tơ <i>Plutella xylostella</i> (Linnaeus) hại rau họ Hoa thập tự tại 2 địa điểm điều tra xã Cổ Bi và Văn Đức, huyện Gia Lâm: Trên bắp cải và su hào. Vòng đời của sâu tơ ở nhiệt độ 20°C là 22,0 ± 1,14 ngày và ở nhiệt độ 25°C là 19,0 ± 1,12 ngày. Tỷ lệ chết của các pha trước trưởng thành của sâu tơ ở nhiệt độ 20°C là 13,33% và ở nhiệt độ 25°C là 21,67%. Trong điều kiện nhiệt độ 25°C một trưởng thành cái sâu tơ đẻ từ 104 – 126 trứng, và từ 88 – 112 quả (ở 20°C). Thức ăn thêm của trưởng thành sâu tơ là mật ong nguyên chất thì sức sinh sản là 422,5 ± 22,95 quả/con cái, thời gian sống của trưởng thành dao động từ 8 - 11 ngày; thấp nhất là nước lã sức sinh sản là 96,2 ± 6,43 quả/con cái, thời gian sống của trưởng thành dao động từ 4 – 5 ngày.</p>

136	Nghiên cứu tính miễn cảm của bọ xít mù xanh (<i>Cyrtorhinus lividipennis</i> Reuter) đối với một số hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật trên vụ lúa xuân năm 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Hà Thị Xuyên	PGS. TS. Hồ Thị Thu Giang	Vụ xuân năm 2018 tại xã Kiên Thành – Gia Lâm - Hà Nội ghi nhận có 02 loài rầy là rầy lưng trắng <i>Sogatella furcifera</i> Horvath xuất hiện với mức độ phổ biến, rầy nâu <i>Nilaparvata lugens</i> Stal xuất hiện với mức độ ít phổ biến. Thiên địch trên nhóm rầy hại thân ghi nhận bọ xít mù xanh là loài chủ yếu bên cạnh đó còn có nhện sói, bọ cánh cộc và bọ rùa đỏ. Diễn biến mật độ của bọ xít mù xanh tương ứng với sự thay đổi mật độ rầy hại thân lúa. Đã xác định hoạt chất Imidacloprid có ảnh hưởng độc tính tới bọ xít mù xanh với giá trị LD50 thu được tương ứng là 10,387 (mg/g), ảnh hưởng rõ rệt tới pha phát dục và nhịp điệu sinh sản của bọ xít mù xanh. Thuốc Bassa 50 EC độc nhất đối với bọ xít mù xanh ở cấp 2, các thuốc còn lại ít độc với bọ xít mù xanh tỷ lệ lựa chọn lớn hơn 1
137	Nghiên cứu đặc điểm sinh vật học, sinh thái học của sâu xanh <i>Helicoverpa armigera</i> Hubner trên ngô tại Gia Lâm, Hà Nội năm 2018	Lê Thị Ngọc Hương	PGS. TS. Hồ Thị Thu Giang	Đã điều tra diễn biến mật độ sâu xanh <i>Helicoverpa armigera</i> ở hai xã Đặng Xá và Lệ Chi ghi nhận mật độ sâu xanh cao nhất ở giai đoạn cây chín thu hoạch với mật độ cao nhất ở Đặng Xá là 0,48 con/cây, ở Lệ Chi là 0,54 con/cây. Sâu xanh trên 5 loài cây trong tổng số 7 loài cây ký chủ chính là cà chua, lạc, ớt, ngô và mướp, trong đó độ thường gặp phổ biến là ở trên ngô, cà chua tại Gia Lâm. Ở nhiệt độ 200C và ẩm độ là 74% vòng đời trung bình của sâu xanh là 39,38 ngày. Tỷ lệ tăng tự nhiên r _m là 0,094, hệ số nhân của một thế R ₀ là 52,96, thời gian tăng đôi của một thế hệ DT là 7,36 ngày, thời gian của một thế hệ tính theo mẹ T _c 42,54 ngày, chỉ số giới hạn gia tăng tự nhiên 1,099 lần. Sức tiêu thụ thức ăn hạt ngô tăng dần qua từng tuổi. Trưởng thành ăn thêm mật ong 20% và đường viên thì sức sinh sản, thời gian sống không sai khác. Cả 3 thuốc Dupont TM Prevathon® 5SC, Sokupi 0,5SL, Gelnitor 50WG đều có hiệu quả tốt đối với sâu xanh.
138	Nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái học của loài mọt thóc đỏ <i>Tribolium castaneum</i> Herbst gây hại hoa cúc khô	Quảng Thị Thu Hiền	PGS. TS. Hồ Thị Thu Giang	Đã xác định ảnh hưởng của nhiệt độ, thức ăn đến vòng đời mọt thóc đỏ ở 20°C, vòng đời trung bình khi nuôi trên bột mì và hoa cúc khô lần lượt là: 91,91± 4,23 (ngày); 91,89± 3,20 ngày. Ở nhiệt độ trung bình 25°C vòng đời trung bình là 70,75± 3,14 (ngày) khi nuôi trên bột mì; 75,52± 3,36 (ngày) khi nuôi trên thức ăn là hoa cúc khô. Tổng số trứng đẻ của trưởng thành cao hơn khi nuôi trên bột mì so với hoa cúc khô. Trên bột mì mọt thóc đỏ có khả năng gia tăng quần thể cao hơn khi nuôi trên hoa cúc khô. Đồng thời tỷ lệ thức ăn hao hụt khi nuôi trên bột mì cũng cao hơn khi nuôi trên hoa cúc khô. Sức tăng trưởng của quần thể loài mọt thóc đỏ <i>Tribolium castaneum</i> cao hơn trong điều kiện sống cạnh tranh với loài mọt răng của <i>Oryzaephilus surinamensis</i> .

139	<p>Nghiên cứu một số đặc điểm sinh thái, sinh học của rầy lưng trắng (<i>Sogatella fuircifera</i> Horvath) trên lúa và ký chủ phụ năm 2018</p>	<p>Nguyễn Thị Thảo</p>	<p>PGS. TS. Hồ Thị Thu Giang</p>	<p>Đã điều tra diễn biến trên đồng ruộng tại Ngọc Lịch, Trưng Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên - Vụ xuân 2018 xuất hiện 2 loại rầy chính là rầy lưng trắng và rầy nâu. Rầy lưng trắng xuất hiện sớm hơn rầy nâu. Chúng bắt đầu xuất hiện vào giai đoạn đẻ nhánh và nhiều nhất nhất từ giai đoạn làm đồng đến phơi màu. Ghi nhận trên đồng ruộng có 5 loại cỏ phổ biến là: Lồng vực nước, Đuôi phụng, Mần Trầu, cỏ Cháo và cỏ Mực. Trong đó rầy xuất hiện phổ biến trên 2 loại cỏ là Lồng vực nước và Đuôi phụng. Trên các loại thức ăn khác sau 15 ngày lây nhiễm tỷ lệ sống sót của rầy non trên lúa cao hơn dao động từ 73-81% so với các loại cỏ đại tỷ lệ sống sót dao động là 5-58%. Xác định ở nhiệt độ trung bình là 28,2oC ẩm độ 67,3% vòng đời của rầy lưng trắng trên cây lúa Bắc thơm 7 là 25,2 ngày, trên giống Thiên Ưu 8 là 27,8 ngày và vòng đời kéo dài nhất trên cỏ đại là 31,6 ngày. Xác định được tỷ lệ tăng tự nhiên của rầy lưng trắng trên lúa Bắc Thơm 7 là 0,13, trên lúa Thiên Ưu 8 là 0,11. Hệ số nhân của 1 thế hệ Ro trên lúa Bắc Thơm 7 là 48,06, trên lúa Thiên Ưu 8 là 41,50.</p>
140	<p>Nghiên cứu mức độ miễn cảm của rầy nâu An Giang (<i>Nilaparvata lugen</i> Stal) đối với một số hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật năm 2018</p>	<p>Nguyễn Ngọc Diệp</p>	<p>PGS. TS. Hồ Thị Thu Giang</p>	<p>Áp lực chọn lọc liên tục của rầy nâu An Giang đối với hoạt chất Fenobucarb sau 21, 23 thế hệ giá trị Ri tăng so với thế hệ G1 lần lượt là 4,79 và 5,58 lần trong khi nuôi trên giống kháng OM6976 giá trị Ri tăng lên chậm hơn tương ứng là 3,13 và 3,7 lần. Rầy nâu thu thập ngoài đồng nuôi trên giống lúa BT7 sau 16, 18 thế hệ không tiếp xúc với hoạt chất Fenobucarb thì giá trị Ri giảm so với nguồn rầy nâu thế hệ G1 lần lượt là 1,29 và 1,35 lần trong khi nuôi trên giống lúa có biểu hiện kháng OM6976. Hiệu lực của thuốc đối với rầy nâu tuổi 1-2 và tuổi 3-4 cao hơn so với tuổi 5 và trưởng thành. Vòng đời của rầy nâu trên giống kháng OM6976 là 26,13 ngày dài hơn so với rầy nuôi trên giống nhiễm BT7 có vòng đời là 22,9 ngày; sức sinh sản cũng như tỷ lệ trứng nở của rầy nâu nuôi trên giống kháng thấp hơn so với rầy nâu nuôi trên giống nhiễm</p>

141	Thành phần rệp hại trên rau họ hoa thập tự. Đặc điểm sinh vật học, sinh thái học của loài rệp gây hại phổ biến năm 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Đức Trường	PGS. TS. Hồ Thị Thu Giang	<p>Đã điều tra mật độ rệp xám hại tại Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội trên rau HHTT được trồng trong nhà lưới và ngoài nhà lưới. Mật độ của rệp xám trên cải bắp trồng trong nhà lưới xuất hiện muộn hơn. Mật độ rệp tăng dần vào cuối vụ. Vòng đời của rệp xám trên cải bắp là 11,92 ngày, trên su hào là 11,88 ngày. Vòng đời của rệp xám trên cải bắp ở 25oC là 11,92 ngày ngắn hơn vòng đời của rệp xám ở 20 oC. Tỷ lệ chết của rệp ở su hào (35,0%) cao hơn tổng tỷ lệ chết ở cải bắp (28,33%). Sức sinh sản của rệp xám trên cải bắp cao hơn trên su hào. Tỷ lệ tăng thực tự nhiên của rệp xám <i>Brevicoryne brassicae</i> trên cải bắp ở mức nhiệt độ 25oC ($r_m = 0,44$) và ở 20 oC ($r_m = 0,3$). Hiệu lực thuốc sau 72h của thuốc Golnitor 50WG, tiếp theo là Actara 25WG và thuốc Bitadin WP 96,42% thấp nhất là Sokupi 0,5SL với 85,71%.</p>
142	Thành phần sâu hại đậu rau, nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái của rệp muội đen <i>Aphis craccivora</i> Koch vụ xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Tuấn Vũ	PGS. TS. Hồ Thị Thu Giang	<p>Thành phần sâu hại trên đậu rau vụ xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội , ghi nhận có 15 loài thuộc 7 bộ và 14 họ côn trùng. Mật độ rệp muội đen trên đậu đũa tương đối cao, gây hại nặng vào giai đoạn ra nụ, ra hoa và quả non. Ở vụ muộn đậu đũa bị nặng hơn ở chính vụ. Đã xác định Vòng đời của rệp muội đen trên đậu cove và đậu đũa, ở 20°C và 25°C. Thời gian sống và sức sinh sản. Tỷ lệ tăng thực tự nhiên của rệp muội đen trên đậu đũa(r_m) ở 20°C là 0,47 và ở 25°C là 0,57; tỷ lệ tăng thực tự nhiên của rệp muội đen trên đậu cove(r_m) ở 20°C là 0,42 và ở 25°C là 0,52. Cả 3 loại thuốc bảo vệ thực vật Actara 25WG, Tasieu 5WG, Newlitoc 36EC và chế phẩm sinh học: gừng, tỏi, ớt khảo sát đều có hiệu quả trừ rệp muội đen <i>Aphis craccivora</i> .</p>
143	Nghiên cứu thành phần sâu hại trên cây dưa chuột, đặc điểm sinh học, sinh thái của loài rệp muội <i>Aphis gossypii</i> Glover gây hại tại Gia Lâm, Hà Nội năm 2018	Nguyễn Thị Lợt	PGS. TS. Hồ Thị Thu Giang	<p>Tại Gia Lâm, Hà Nội trên dưa chuột đã thu thập được 7 loài sâu hại thuộc 8 họ và 6 bộ. Trong số các loài bọ trĩ, bọ phấn trắng, ruồi đục lá, rệp muội bông là 4 loài gây hại chính trên dưa chuột. Đã nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ 20 – 25oC, ẩm độ 65% đến vòng đời rệp muội bông. Tỷ lệ chết các tuổi của rệp non ở nhiệt độ 20oC là 25% và ở nhiệt độ 25oC là 13,33%. - Giống dưa chuột VA789, Madam 663 và Baby có ảnh hưởng đến thời gian phát dục của rệp muội bông <i>Aphis gossypii</i>. Hiệu lực của thuốc đối với rệp muội bông <i>A.gossypii</i> sau 3 ngày xử lý thuốc đạt cao nhất là thuốc Oshin 20wp, tiếp theo là thuốc Reagent 3.6EC và Dầu khoáng DS 98.8EC</p>

144	Thành phần sâu hại trên cây cà chua. Nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái của bọ trĩ trên cây cà chua năm 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Đỗ Thị Xuân	PGS. TS. Hồ Thị Thu Giang	Thành phần sâu hại trên cà chua tại Vân Nội-Đông Anh-Hà Nội năm 2018 bao gồm: 8 loài thuộc 6 họ trong tổng số 5 bộ. Có 2 loài bọ trĩ chủ yếu là <i>Frankliniella occidentalis</i> và <i>Frankliniella intonsa</i> . Đã xác định ảnh hưởng nhiệt độ 25°C và 20°C đến vòng đời của bọ trĩ, ký chủ ảnh hưởng đến vòng đời bọ trĩ. Tỷ lệ chết các pha trước trưởng thành khi nuôi trên cà chua thấp hơn khi nuôi trên đậu rau. Sức sinh sản của bọ trĩ <i>F.occidentalis</i> Pergande trên cà chua trung bình là 64 quả/ con cái, đẻ trứng cao điểm vào ngày thứ 5-6 sau vũ hóa. Hệ số nhân của một thế hệ (R _n) của <i>F.occidentalis</i> Pergande là 34,5 Giới hạn tăng tự nhiên đạt 1,16 lần Tỷ lệ tăng tự nhiên (rm) đạt 0,15. Hiệu lực của 3 loại thuốc RADIANT 60SC, MAP JONO 700WP và ANGUN 5WG ở giai đoạn bọ trĩ non tuổi 1 sau 3 ngày xử lý đạt lần lượt là: 77,38%, 82,14%, 86,3%.
145	Sự phát triển tính kháng thuốc của quần thể rầy nâu mẫn cảm đối với một số hoạt chất thuốc trừ rầy năm 2018	Nguyễn Thế Đông	PGS. TS. Hồ Thị Thu Giang	- Chi số kháng RR của hoạt chất Buprofezine ở thế hệ G40 tăng 5,90 lần so với thế hệ đầu (G1). Hoạt chất Nitenpyram ở thế hệ G26 tăng 2,33 lần. Chi số kháng RR của hoạt chất Sulfoxaflor tăng 5,26 lần (G30) và của hoạt chất Chlorpyrifos ethyl ở G36 tăng lên 1,29 lần. Trưởng thành rầy nâu cái qua tiếp xúc với hoạt chất Sulfoxaflor có thời gian sống ngắn hơn, thời gian pha trứng dài hơn so với rầy đối chứng. Sức sinh sản và tỷ lệ trứng nở của rầy mẫn cảm sau khi trưởng thành tiếp xúc với hoạt chất Sulfoxaflor giảm đáng kể so với quần thể rầy không tiếp xúc thuốc. Dòng rầy nâu mẫn cảm đã kháng nhẹ với Buprofezin nhưng chưa xuất hiện tính kháng chéo đối với ba hoạt chất Sulfoxaflor, Imidacloprid và Fenobucarb.

146	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, sinh thái của rầy nâu Nghệ An <i>Nilaparvata lugens</i> trên lúa và ký chủ phụ năm 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Lê Thị Tươi	PGS. TS. Hồ Thị Thu Giang	<p>- Ghi nhận có bốn loại cỏ dại là ký chủ của rầy nâu: cỏ lồng vực, cỏ màn trâu, cỏ đuôi phụng, cỏ cháo, trong bốn loại cỏ này cỏ lồng vực rầy có mức độ phổ biến nhất. Tỷ lệ sống sót các pha rầy non của rầy nâu trên các loại cây ký chủ sau 15 ngày lây nhiễm đối với giống lúa Bắc Thơm 7 là 73% tiếp theo trên giống lúa Thiên Ưu 8 là 67%, cỏ lồng vực là 60% và cỏ đuôi phụng là 50,7%. Tỷ lệ sống sót của rầy non trên lúa qua 3 thế hệ ta thấy tỷ lệ sống sót càng về thế hệ sau thì tỷ lệ sống sót càng cao hơn. Diễn biến mật độ rầy hại thân trên lúa vụ đông xuân 2018 tại Kiên Thành - Gia Lâm - Hà Nội: rầy lưng trắng xuất hiện sớm hơn rầy nâu, đỉnh cao của rầy lưng trắng vào giai đoạn làm đồng với mật độ 141,87 con/m², rầy nâu đỉnh cao ở giai đoạn làm đồng- trở mật độ là 101,61 con/m². Ở nhiệt độ 30OC ẩm độ 61% vòng đời của rầy nâu trên cây ký chủ Lúa Bắc Thơm 7 ngắn nhất tiếp theo trên lúa Thiên Ưu 8 25,13 và cỏ lồng vực là 28,27 ngày, cỏ đuôi phụng là 29,15 ngày. Sức sinh sản của rầy nâu khi ở thức ăn cây ký chủ là lúa cao hơn so với trên cây cỏ Tỷ lệ chết của rầy non trên các cây ký chủ phụ cao hơn ở lúa. Trên cây ký chủ lúa Bắc Thơm 7 rầy có loại hình cánh ngắn nhiều hơn so với các cây ký chủ khác. Tỷ lệ tăng tự nhiên trên giống lúa Bắc thơm 7 là 0,125 và giống lúa Thiên Ưu 8 là 0,114.</p>
147	Nghiên cứu tính kháng thuốc của quần thể rầy nâu mẫn cảm đối với một số hoạt chất thuốc trừ rầy nâu năm 2018	Vũ Thị Là	PGS. TS. Hồ Thị Thu Giang	<p>Giá trị Ri của quần thể rầy nâu đối với hoạt chất Imidacloprid tăng 6 lần ở thế hệ G24 so với thế hệ đầu (G1). Với hoạt chất Fenobucarb Ri tăng 5,76 lần sau 24 thế hệ. Hoạt chất Dinotefuran sau 5 thế hệ Ri tăng 1,19 lần. Hoạt chất Pymetrozine sau 14 thế hệ chỉ số Ri tăng 1,42 lần so với thế hệ đầu tiếp xúc thuốc (G1). Nòi rầy nâu kháng Imidacloprid chưa có tính kháng chéo giữa Imidacloprid và các hoạt chất khác ở rầy nâu. Vòng đời của rầy nâu mẫn cảm sau khi tiếp xúc với hoạt chất Pymetrozine có thời gian dài hơn rầy nâu mẫn cảm không tiếp xúc thuốc. Sức sinh sản và tỷ lệ trứng nở thấp hơn khi rầy nâu tiếp xúc thuốc. Hoạt chất Pymetrozine có ảnh hưởng đến tỷ lệ giới tính và khả năng hình thành dạng cánh của rầy trưởng thành.</p>
148	Đánh giá khả năng sử dụng nhện hại kho trong việc nhân nuôi nhện bắt mồi họ <i>Phytoseiidae</i>	Bùi Thu Hà	PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Oanh	<ul style="list-style-type: none"> • Đã xác định được kích thước các pha của loài NBM <i>Amblyseius swirskii</i> khi nuôi bằng 2 loài nhện kho • Đã xác định được khả năng ăn các pha nhện kho <i>Carpoglyphus lactis</i> và nhện <i>Tyrophagus putrescentiae</i> của trưởng thành cái NBM <i>Amblyseius swirskii</i> • Đã nuôi sinh học loài nhện bắt mồi <i>Amblyseius swirskii</i> trong tủ định ôn ở nhiệt độ 25oC, ẩm độ 70% trên hai loại thức ăn là nhện kho <i>Carpoglyphus lactis</i> và nhện <i>Tyrophagus putrescentiae</i> từ đó xác định được thời gian phát dục các pha, nhịp điệu sinh sản, sức sinh sản, tỷ lệ đực cái ở thế hệ thứ 2,

				<ul style="list-style-type: none"> • Từ kết quả nuôi sinh học đã lập được bảng sống và tính toán được các chỉ tiêu sinh học (tỷ lệ tăng tự nhiên, thời gian một thế hệ, tỷ lệ sinh sản) của NBM <i>Amblyseius swirskii</i> khi nuôi bằng 2 loài nhện kho
149	Nghiên cứu ứng dụng nhện nhỏ bắt mồi họ <i>Phytoseiidae</i> để quản lý nhện hại trên cây bưởi tại thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Hà Nội năm 2018	Đinh Thị Hồng Nhung	PGS. Ts. Nguyễn Thị Kim Oanh	<ul style="list-style-type: none"> • Đã xác định được 2 loài NBM (<i>Amblyseius largoensis</i> và <i>Proprioiseipsis lenis</i> trên một số vườn cây có múi tại Hà Nội vụ Xuân hè 2018 và mức độ phổ biến của chúng qua các tháng • Đã xác định được khả năng ăn trứng và kích thước các pha phát dục của NBM <i>Amblyseius californicus</i> và <i>Amblyseius longispinosus</i> khi nuôi chúng trên vật môi là: nhện đỏ hại cam chanh • Xác định được thời gian phát dục các pha, nhịp điệu sinh sản, sức sinh sản, thời gian đẻ trứng, tuổi thọ, tỷ lệ cái ở thế hệ thứ hai của NBM <i>Amblyseius californicus</i> và <i>Amblyseius longispinosus</i> khi nuôi chúng trên vật môi là nhện đỏ hại cam chanh ở nhiệt độ ổn định 30oC • Dựa trên cơ sở kết quả nuôi sinh học đã tính toán được các chỉ tiêu sinh học cơ bản của NBM <i>Amblyseius californicus</i> và <i>Amblyseius longispinosus</i> ở 30oC
150	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, sinh thái của quần thể rầy lưng trắng <i>Sogatella furcifera</i> Horvath trên lúa và ký chủ phụ tại Gia Lâm năm 2018	Vũ Thị Mai	PGS. TS. Hồ Thị Thu Giang - ThS. Nguyễn Đức Khánh	<p>Qua quá trình điều tra trên giống lúa Thiên ưu 8 tại Gia Lâm, Hà Nội vụ xuân năm 2018 cho thấy: Mật độ rầy nâu xuất hiện sớm hơn rầy lưng trắng và cả 2 đều có mật độ tương đối cao. Ngoài ra trên cánh đồng con xuất hiện nhiều loại cỏ dại khác nhau như: cỏ lồng vực, cỏ đuôi phụng, cỏ gấu, cỏ cháo và cỏ màn trâu. Mức độ phổ biến của rầy lưng trắng trên các loại cỏ ở trên bờ và trong ruộng lúa đa số ở mức độ phổ biến ít và trung bình. Trên loài cỏ lồng vực rầy lưng trắng xuất hiện phổ biến nhất. Đối với các loại cây ký chủ khác nhau thì mức độ sống sót của rầy trên mỗi loại là khác nhau. Qua các ngày lấy nhiễm thì tỷ lệ sống sót của rầy lưng trắng trên 2 giống lúa cao hơn so với trên các loại cỏ. Cây ký chủ có ảnh hưởng đến vòng đời của rầy lưng trắng. Trên giống BT7 vòng đời của rầy lưng trắng là 24.81 ngày dài hơn so với trên cây ký chủ phụ (cỏ lồng vực) là 28.41 ngày (độ tin cậy 95%, nhiệt độ TB: 28,2°C, ẩm độ TB: 67,3%). Sức sinh sản của rầy lưng trắng trên cây ký chủ là cây lúa cao hơn so với cây ký chủ là cỏ lồng vực. Số trứng đẻ/con cái trên giống lúa BT7 là cao nhất với $148,5 \pm 16,66$ quả, tiếp theo là trên giống lúa kháng dân $135,9 \pm 8,19$ quả và thấp nhất là trên cây ký chủ phụ cỏ lồng vực $112,7 \pm 4,64$ quả. Sự hình thành dạng cánh phụ thuộc vào nguồn thức ăn cũng như cây ký chủ. Nguồn thức ăn dồi dào, phù hợp sẽ xuất hiện nhiều cánh ngắn.</p>
				Sinh viên đã điều tra được thành phần thiên địch của bộ trĩ trên dưa chuột vụ xuân 2018 ghi nhận 03 phổ biến nhất là bộ xít bắt mồi <i>Orius sauteri</i> , Bộ trĩ bắt mồi và Bộ rùa đỏ. Diễn biến mật độ bộ xít bắt mồi <i>O. sauteri</i> cũng được ghi nhận trong thời gian điều tra.

151	Nghiên cứu đặc điểm sinh vật học, sinh thái học của loài bọ xít bắt mồi <i>Orius sauteri</i>	Mai Thị Hoa	ThS. Nguyễn Đức Khánh	<p>Sinh viên cũng nghiên cứu ảnh hưởng của các thức ăn khác nhau lên một số đặc điểm sinh học của bọ xít bắt mồi <i>O. sauteri</i>, theo đó bọ trĩ là thức ăn thích hợp để nhân nuôi bọ xít, tuy nhiên sử dụng thức ăn từ trứng ngai gạo cũng có khả năng duy trì sự tồn tại và phát triển của chúng.</p> <p>Đánh giá độ độc của thuốc BVTV Tungmectin 5WG và Dupont Prevathon 5SC trong phòng thí nghiệm đối với <i>O. sauteri</i> ghi nhận thuốc Dupont có độ độc trung bình đối với bọ xít bắt mồi.</p>
152	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số thuốc bảo vệ thực vật đến đặc điểm sinh học của loài bọ cánh cộc <i>Paederus fuscipes</i> (Staphylinidae, Coleoptera)	Lê Thị Vân	ThS. Nguyễn Đức Khánh	<p>Sinh viên đã tiến hành nhân nuôi sinh học bọ cánh cộc <i>P. fuscipes</i> trên thức ăn là cám chó, mèo và sâu tơ, ghi nhận thức ăn sâu tơ cho kết quả bọ cánh cộc có thời gian sống và vòng đời ngắn hơn; sức đẻ trứng cao hơn (trung bình đạt 42,2 trứng/cái) nhưng tỷ lệ chết trước trưởng thành và tỷ lệ nở của trứng thấp hơn rõ rệt. Sức ăn của bọ cánh cộc đối với sâu tơ là rất cao, góp phần giảm thiểu tác hại mà sâu tơ đem tới cho cây rau.</p> <p>Thử nghiệm ảnh hưởng của thuốc hóa học lên bọ cánh cộc <i>P. fuscipes</i> ghi nhận Angun 5WG là thuốc có độ độc cao đối với bọ cánh cộc, tiếp đó đến Sokupi 0,5% và Dupont Prevathon 5EC. Thuốc Pluted 3,6EC (Abamectin) có độ độc thấp đối với bọ cánh cộc, có thể được khuyến cáo sử dụng trên rau cải.</p>
153	Nghiên cứu diễn biến mật độ, đặc điểm sinh học của bọ nhảy sọc cong <i>Phylloptreta striolata</i> và biện pháp hóa học phòng trừ chúng	Trần Thị Thu Hiền	ThS. Nguyễn Đức Khánh	<p>Sinh viên đã điều tra thành phần côn trùng hại trên rau cải tại Vân Nội, Đông Anh, Hà Nội vụ xuân 2018, ghi nhận 4 loài hại chính gồm bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng và rệp cải.</p> <p>Điều tra diễn biến mật độ trưởng thành bọ nhảy hại trên cải canh cho thấy bọ nhảy đạt đỉnh cao ở vào giai đoạn cây cải thu hoạch (16,5con/m²).</p> <p>Bọ nhảy <i>Phylloptreta striolata</i> sau khi tiếp xúc với thuốc Sukopi 5SL có chỉ tiêu sinh học sai khác chủ yếu là sức sinh sản.</p> <p>Đánh giá hiệu lực của 3 thuốc BVTV Angun 5WP, Oshin 20WP, Sokupi 0,5SL và Dupont Prevathon 5SC trong phòng trừ bọ nhảy ghi nhận thuốc Oshin 20WP có hiệu lực cao nhất đạt 96,7% với LC50 tính toán được đạt 20,152ppm.</p>
154	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật đến đặc điểm sinh học của bọ xít mù xanh (<i>Cyrtorhinus lividinervis</i>)	Phạm Thị Út Linh	ThS. Nguyễn Đức Khánh	<p>Sinh viên đã điều tra được thành phần rầy hại thân trên lúa vụ xuân 2018 tại Kiên Thành, Gia Lâm, Hà Nội, ghi nhận 03 loài rầy là rầy nâu, rầy nâu nhỏ và rầy lưng trắng; thành phần thiên địch của chúng phổ biến nhất là bọ xít mù xanh và nhện sói. Diễn biến mật độ bọ xít mù xanh tỷ lệ thuận với mật độ rầy hại thân lúa và có mối tương quan có ý nghĩa.</p>

	Bọ xít mù xanh (<i>Cyrtorninus vivipennis</i> Reuter) trên vụ lúa đông xuân năm 2018			Hoạt chất Imidacloprid, Buprofezin, Fipronil và Sulfoxaflor có ảnh hưởng độc tính tới bọ xít mù xanh với giá trị LD50/LC50 thu được tương ứng là 27,3 (mg/g), 579 (mg/g) và 79,6 (mg/g), 663 (mg/g) và 0,063mg/g. Cả 4 hoạt chất trên đều có ảnh hưởng làm giảm sức sinh sản và tỷ lệ trứng nở của bọ xít mù xanh
155	Nghiên cứu đặc điểm hình thái, sinh học sinh thái và biện pháp phòng trừ bọ cánh cứng ăn lá đậu tương <i>Medythia suturalis</i> tại Hà Nội năm 2018	Đỗ Thúy Hương	ThS. Nguyễn Đức Khánh	<p>Sinh viên đã tiến hành theo dõi các đặc điểm hình thái của loài <i>Medythia suturalis</i>, bước đầu mô tả chi tiết các pha phát dục của loài này.</p> <p>Theo dõi đặc điểm sinh học của loài bọ cánh cứng này, bước đầu xác định vòng đời của loài kéo dài 31-41 ngày ở các mức nhiệt độ nuôi khác nhau, xác định được một số chỉ tiêu sinh học khác như sức đẻ trứng, nhịp điệu đẻ trứng, tỷ lệ chết các pha trước trưởng thành, tỷ lệ vũ hóa, tỷ lệ đực cái...</p> <p>Hoàn thành việc đánh giá ảnh hưởng của nhiệt độ môi trường nuôi tới sự sinh trưởng và phát triển của bọ cánh cứng ăn lá, ảnh hưởng của yếu tố ký chủ tới tập tính chọn lọc đẻ trứng của trưởng thành cái (ưa thích cây đậu tương), cũng như tập tính gây hại của sâu non và trưởng thành trưởng thành gây ra trên cây họ đậu.</p>
156	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, sinh thái học và khả năng nhân nuôi trong điều kiện phòng thí nghiệm ngài gạo <i>Corcyra cephalonica</i> (<i>Lepidoptera: Pyralidae</i>) năm 2018	Nguyễn Thị Dung Nhi	ThS. Nguyễn Đức Khánh	<p>Sinh viên đã tiến hành nhân nuôi sinh học ngài gạo <i>Corcyra cephalonica</i> ở nhiệt độ 23° C, ẩm độ 69% bằng 3 công thức hỗn hợp thức ăn khác nhau, ghi nhận CT3 chứa cám gạo+ sữa bột cho thời gian phát triển nhanh nhất (vòng đời trung bình là 37,5)</p> <p>Theo dõi chỉ tiêu sức sinh sản của ngài gạo <i>Corcyra cephalonica</i> khi nuôi trên CT3 cho số lượng trứng đẻ /TTcái cao nhất đạt 122,7 quả/con cái. Trong điều kiện PTN, trứng có tỷ lệ chết (không nở) cao nhất, trọng lượng trứng ngài nuôi trên các CT thức ăn khác nhau cũng ghi nhận sự sai khác, theo đó thứ tự trọng lượng trứng tương ứng là CT3, CT1 và CT2 với kết quả thu được là 43,1mg, 36,4mg và 31,8mg.</p> <p>Kết quả chung thu được CT3 là công thức thích hợp nhất để nhân nuôi ngài gạo trong phòng thí nghiệm. Tỉ suất nhân nuôi ở CT2 đạt cao nhất đạt 16,7 lần</p>
157	Nghiên cứu ảnh hưởng của kỹ thuật thụ tinh nhân tạo đến một số đặc điểm sinh học của ong chúa <i>Apis cerana</i>	Lê Thị Vân	PGS. TS. Phạm Hồng Thái	#N/A
158	Nghiên cứu đặc điểm hình thái, sinh học của ve ký sinh <i>Tropilaelaps mercedes</i> trên ong ngoại <i>Apis mellifera</i>	Lê Thị Uyên	PGS. TS. Phạm Hồng Thái	#N/A
159	Nghiên cứu mức độ thuần qua một số thế hệ dòng ong mật <i>Apis mellifera</i>	Nguyễn Thị Mai Anh	PGS. TS. Phạm Hồng Thái	#N/A

160	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học và biện pháp phòng trừ <i>Nosema spp</i> trên các dòng ong khác nhau trong vụ xuân hè tại Gia Lâm, Hà Nội năm 2018	Đinh Thị Thu	PGS. TS. Phạm Hồng Thái	#N/A
161	Nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng đến năng suất sữa ong chúa của ong <i>Apis mellifera</i>	Đào Phi Long	PGS. TS. Phạm Hồng Thái	#N/A
162	Nghiên cứu một số tập tính sinh học của ong ruồi đỏ <i>Apis florea</i> tại Gia Lâm 2018	Phùng Thị Trà	PGS. TS. Phạm Hồng Thái	#N/A
163	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học và năng suất của ong chúa <i>Apis mellifera</i> được thụ tinh nhân tạo và giao phối tự do ở một số cây nguồn mật chính ở Việt Nam 2018	Mạc Văn Linh	PGS. TS. Phạm Hồng Thái	#N/A
164	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học và biện pháp phòng trừ nấm <i>Ascosphaera apis</i> trên ong mật <i>Apis mellifera</i>	Nguyễn Thị Lệ	PGS. TS. Phạm Hồng Thái	#N/A
165	Nghiên cứu một số đặc điểm hình thái và sinh học ở hai dòng ong chọn lọc của <i>Apis mellifera</i> và con lai của chúng	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	PGS. TS. Phạm Hồng Thái	#N/A
166	Nghiên cứu diễn biến số lượng của ve ký sinh <i>Varroa destructor</i> và <i>Tropilaelaps mercedesae</i> bị đào thải bởi ong thợ ở các dòng ong khác nhau trong vụ xuân hè 2018	Phí Thị Lý	PGS. TS. Phạm Hồng Thái	#N/A
167	Nghiên cứu một số đặc điểm hình thái và sinh học của một số thể hệ dòng nội phối của <i>Apis cerana</i>	Nguyễn Thị Ánh Vân	PGS. TS. Phạm Hồng Thái	#N/A
168	Nghiên cứu đặc điểm sinh học của rầy nâu (<i>Nilaparvata lugens</i> Stal) hại lúa và khả năng kháng rầy nâu của một số giống lúa chủ lực tại miền Bắc	Phạm Văn Cường	PGS. TS. Phạm Hồng Thái	#N/A
169	Điều tra thành phần và khả năng khống chế quần thể bọ trĩ của một số loài nhện bắt mồi họ Phytoseiidae trên rau họ bầu bí vùng Hà Nội	Lê Thị Lan	TS. Nguyễn Đức Tùng	<ul style="list-style-type: none"> Sinh viên đã điều tra thành phần nhện bắt mồi họ Phytoseiidae ăn bọ trĩ trên cây rau họ bầu bí, đồng thời tiến hành điều tra diễn biến mật độ bọ trĩ và nhện bắt mồi Paraphytoseius cracentis trên cây họ bầu bí tại Cổ Bi-Gia Lâm-Hà Nội. Đã đánh giá khả năng ăn bọ trĩ của nhện bắt mồi Paraphytoseius cracentis thu được trên cây họ bầu bí.

	Phytoseiidae trên rau họ đậu ở vùng Hà Nội			<ul style="list-style-type: none"> • Đã nghiên cứu kích thước và thời gian phát dục các pha khả năng sinh sản và sức tăng quần thể của loài nhện bắt mồi Paraphytoseius cracentis ăn bọ trĩ Frankliniella occidentalis và phân hoa Typha latifolia tại nhiệt độ 25°C.
170	Nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái nhện bắt mồi bọ trĩ họ Phytoseiidae trên các loại thức ăn thay thế	Nguyễn Thị Tuyết	TS. Nguyễn Đức Tùng	<ul style="list-style-type: none"> • Sinh viên đã điều tra thành phần của loài nhện bắt mồi trên đậu đỗ tại Hà Nội. • Đã điều tra diễn biến mật độ nhện bắt mồi Euseius aizawai và bọ trĩ Frankliniella occidentalis trên cây đậu cô ve tại Đồng Xuyên - Đặng Xá - Gia Lâm - Hà Nội vụ xuân hè 2018 • Đã xác định được thời gian phát dục các pha, sức sinh sản và sức tăng quần thể của nhện bắt mồi trên phân hoa Typha latifolia và thức ăn nhân tạo.
171	Điều tra thành phần và khả năng khống chế quần thể nhện đỏ của muỗi họ Cecidomyiidae	Đình Tiến Hùng	TS. Nguyễn Đức Tùng	<ul style="list-style-type: none"> • Đã điều tra được thành phần thiên địch của nhện đỏ trên cây đậu cove. • Đã điều tra được biến mật độ muỗi họ Cecidomyiidae và nhện đỏ trên cây đậu cove • Đã tiến hành nghiên cứu đặc điểm hình thái, sinh vật học của muỗi họ Cecidomyiidae trên nhện đỏ và kích thước các pha phát dục, thời gian phát dục các pha, khả năng sinh sản và sức tăng quần thể của nhện bắt mồi Neoseiulus californicus.
172	Nghiên cứu đặc điểm sinh học sinh thái nhện bắt bọ trĩ trên các loại phân hoa năm 2018	Vũ Thị Minh Thủy	TS. Nguyễn Đức Tùng	<p>Sinh viên đã điều tra được thành phần nhện bắt mồi họ Phytoseiidae trên cây rau tại một số địa điểm vùng đồng bằng sông Hồng vụ Xuân – Hè năm 2018</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã tiến hành điều tra diễn biến mật độ nhện bắt mồi Euseius aizawai và bọ trĩ Frankliniella occidentalis trên đậu cove - Đã xác định được vòng đời, sức đẻ trứng, thời gian thế hệ và sức tăng quần thể của nhện bắt mồi Euseius aizawai trên phân thầu dầu và phân typha
173	Điều tra thành phần và khả năng khống chế quần thể bọ trĩ của một số loài nhện bắt mồi họ Phytoseiidae trên rau họ cà vùng Hà Nội	Quách Thị Thảo	TS. Nguyễn Đức Tùng	<ul style="list-style-type: none"> • Đã xác định được 4 loài NBM thuộc họ Phytoseiidae gồm: NBM Amblyseius largoensis, Proprioseipsis lenis, Amblyseius sp. và Euseius aizawai, trong đó loài NBM Euseius aizawai xuất hiện phổ biến nhất trên cây họ cà tại một số tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng vụ Xuân hè 2018 • Đã điều tra diễn biến mật độ NBM Euseius aizawai và bọ trĩ trên ruộng cà bát tại Cổ Bi, Gia Lâm vụ xuân hè 2018 • Đã xác định được khả năng ăn trứng bọ trĩ của NBM A. swirskii và E. aizawai

	Phytoseiidae trên rau họ Cà vùng Hà Nội			<ul style="list-style-type: none"> • Xác định được kích thước các pha phát dục, thời gian phát dục các pha, nhịp điệu sinh sản, sức sinh sản, thời gian đẻ trứng, tuổi thọ, tỷ lệ cái ở thể hệ thứ hai của NBM <i>E. aizawai</i> và <i>A. swirskii</i> khi nuôi chúng bằng bọ trĩ ở nhiệt độ 28,7oC • Đã xác định được các chỉ tiêu sinh học cơ bản của NBM <i>E. aizawai</i> và <i>A. swirskii</i> khi nuôi chúng bằng bọ trĩ ở nhiệt độ trung bình 28,7oC, ẩm độ 83,9%
174	Điều tra thành phần và khả năng khống chế quần thể nhện trắng của một số loài nhện bắt mồi Phytoseiidae trên cây ớt vùng Hải Phòng	Tạ Đức Dương	TS. Nguyễn Đức Tùng	<ul style="list-style-type: none"> • Sinh viên đã điều tra phân bố NBM <i>E. aizawai</i> ăn nhện trắng trên ớt tại một số xã thuộc Hà Nội và vùng phụ cận. • Đã điều tra diễn biến mật độ nhện bắt mồi <i>E. aizawai</i> và nhện trắng trên cây ớt tại vùng Hà Nội • Đã đánh giá khả năng ăn nhện trắng của loài nhện bắt mồi <i>E. aizawai</i> và nhện bắt mồi <i>A. swirskii</i>. • Đã tiến hành nghiên cứu kích thước các pha phát dục, thời gian phát dục các pha, khả năng sinh sản và sức tăng quần thể của loài nhện bắt mồi <i>E. aizawai</i> trên đồng ruộng
175	Nghiên cứu ảnh hưởng của các loại thức ăn tới sức quần thể nhện bắt mồi <i>Neoseiulus californicus</i> (Acari: Phytoseiidae)	Lê Thị Thảo	TS. Nguyễn Đức Tùng	Sinh viên đã đồng thời nghiên cứu thời gian phát dục, kích thước, sức sinh sản và sức tăng quần thể của nhện bắt mồi <i>A. californicus</i> ăn 5 loại thức ăn gồm phần hoa typha, nhện đỏ chèn <i>Oligonychus coffeae</i> , nhện đỏ tươi <i>Brevipalpus phoenicis</i> , nhện đỏ son <i>Tetranychus cinnabarinus</i> , bọ trĩ <i>Scirtothrips dorsalis</i> .
176	Nghiên cứu ảnh hưởng của ẩm độ tương đối đến tỷ lệ gia tăng quần thể của nhện bắt mồi <i>Neoseiulus californicus</i> (Acari: Phytoseiidae) ăn nhện đỏ	Bùi Thị Thanh Mai	TS. Nguyễn Đức Tùng	<ul style="list-style-type: none"> • Sinh viên đã thực hiện nghiên cứu thời gian phát dục, sức sinh sản và sức tăng quần thể của nhện bắt mồi <i>A. californicus</i> ăn nhện đỏ chèn <i>O. coffeae</i> tại 4 ngưỡng ẩm độ khác nhau.
177	Điều tra thành phần và khả năng khống chế quần thể trên quần thể bọ trĩ của một số loài nhện bắt mồi Phytoseiidae trên cây họ đậu vùng Hà Nội	Phạm Thị Hòa	TS. Nguyễn Đức Tùng	<ul style="list-style-type: none"> • Sinh viên đã điều tra thành phần sâu, nhện hại và thiên địch và diễn biến mật độ của bọ trĩ và nhện bắt mồi phổ biến nhất trên cây họ đậu tại Hà Nội vụ Xuân Hè. • Đã đánh giá khả năng ăn bọ trĩ và nhện đỏ son của nhện bắt mồi <i>E. aizawai</i>. • Đã tiến hành nghiên cứu kích thước các pha phát dục, thời gian phát dục các pha, khả năng sinh sản và sức tăng quần thể của loài nhện bắt mồi nhện bắt mồi <i>E. aizawai</i>.
178	Điều tra thành phần và khả năng khống chế quần thể nhện đỏ của một số loài nhện bắt mồi Phytoseiidae trên rau họ đậu đỗ vùng Hà Nội	Nguyễn Thị Hiền	TS. Nguyễn Đức Tùng	<ul style="list-style-type: none"> • Đã tiến hành điều tra thành phần nhện bắt mồi ăn nhện đỏ và diễn biến mật độ của loài nhện bắt mồi <i>Amblyseius</i> sp. và nhện đỏ trên cây đậu cove tại Hà Nội. • Đã nghiên cứu kích thước các pha phát dục, thời gian phát dục các pha, khả năng sinh sản và sức tăng quần thể của loài nhện bắt mồi <i>Amblyseius</i> sp. và <i>P. persimilis</i>.

				<ul style="list-style-type: none"> • Đã tiến hành đánh giá khả năng ăn nhện đỏ của loài nhện bắt mồi <i>Amblyseius</i> sp. và so sánh với nhện bắt mồi <i>P. persimilis</i>.
179	Điều tra thành phần và khả năng khống chế quần thể nhện đỏ của bọ rùa	Nguyễn Thị Hồng	TS. Nguyễn Đức Tùng	<ul style="list-style-type: none"> • Sinh viên đã tiến hành điều tra thu thập mẫu thành phần thiên địch của quần thể nhện đỏ trên cây đậu cove leo, đồng thời điều tra diễn biến mật độ bọ rùa <i>Stethorus punctillum</i> và nhện đỏ trên cây đậu cove leo. • Đã nghiên cứu đặc điểm sinh học của bọ rùa <i>Stethorus punctillum</i> và nhện bắt mồi <i>Amblyseius swirskii</i>.
180	Đánh giá ảnh hưởng của mật độ cây và mức phân bón đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của lúa DCG72 tại Gia Lâm - Hà Nội trong vụ xuân 2018	Lưu Thị Nga	PGS.TS. Phạm Văn Cường	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng 2 yếu tố, theo kiểu split-plot, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, năng suất của giống lúa DCG72 trên các công thức mật độ cây và phân bón khác nhau tại Gia Lâm-Hà Nội nhằm lựa chọn công thức phù hợp nhất
181	Đánh giá ảnh hưởng của mật độ gieo thẳng và lượng phân bón đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống lúa DCG72 tại Gia Lâm - Hà Nội trong vụ xuân 2018	Nguyễn Thị Hằng	PGS.TS. Phạm Văn Cường	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng 2 yếu tố, theo kiểu split-plot, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, năng suất của giống lúa DCG72 trên các công thức mật độ gieo thẳng và phân bón khác nhau tại Gia Lâm-Hà Nội nhằm lựa chọn công thức phù hợp nhất
182	Nghiên cứu ảnh hưởng của thời vụ trồng đến sinh trưởng và năng suất của giống lúa DCG72 và một số dòng lúa triển vọng tại Gia Lâm - Hà Nội trong vụ xuân 2018	Nông Thị Ánh	PGS.TS. Phạm Văn Cường	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng 1 yếu tố, theo kiểu RCB, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, mức độ nhiễm sâu bệnh hại và năng suất của các dòng lúa mới chọn tạo trong vụ xuân tại Gia Lâm-Hà Nội nhằm chọn ra 1-2 dòng triển vọng nhất
183	Nghiên cứu ảnh hưởng của mức phân và phương pháp bón đến sinh trưởng và năng suất của giống lúa DCG72 tại Gia Lâm - Hà Nội trong vụ xuân 2018	Dương Thị Bé	PGS.TS. Phạm Văn Cường	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng 2 yếu tố, theo kiểu split-plot, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, năng suất của giống lúa DCG72 trên các công thức lượng phân bón và cách bón khác nhau tại Gia Lâm-Hà Nội nhằm lựa chọn công thức phù hợp nhất
184	Đánh giá ảnh hưởng của phân bón đến sinh trưởng và năng suất của một số dòng lúa triển vọng tại Gia Lâm - Hà Nội trong vụ xuân 2018	Nguyễn Thị Ngọc	PGS.TS. Phạm Văn Cường	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng 2 yếu tố, theo kiểu split-plot, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, mức độ nhiễm sâu bệnh hại và năng suất của một số dòng lúa mới trên các công thức lượng phân bón khác nhau tại Gia Lâm-Hà Nội nhằm lựa chọn công thức phù hợp nhất cho mỗi dòng
185	Ảnh hưởng của thời vụ và mật độ đến năng suất hạt cao lương OPV88 trong vụ xuân 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Nguyễn Văn Yên	PGS.TS. Phạm Văn Cường	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng 2 yếu tố, theo kiểu split-plot, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, mức độ nhiễm sâu bệnh hại và năng suất chất xanh và năng suất hạt của giống cao lương OPV88 trên các công thức thời vụ và mật độ khác nhau tại Gia Lâm-Hà Nội nhằm lựa chọn công thức phù hợp nhất
186	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân hữu cơ và phân vô cơ đến sinh trưởng và năng suất của một số loại rau tại Lý Nhân tỉnh Hà Nam	Đình Văn Hiệ	PGS.TS. Phạm Văn Cường	Bố trí các thí nghiệm đồng ruộng, mỗi thí nghiệm cho 1 đối tượng cây rau (cà chua, dưa chuột, cải bắp), thí nghiệm 1 yếu tố, theo kiểu RCB, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, mức độ nhiễm sâu bệnh hại và năng suất và chất lượng của cây rau trên các công thức phân bón (hữu cơ kết hợp với vô cơ) trong vụ xuân 2018 tại Lý Nhân, Hà Nam nhằm lựa chọn công thức phù hợp nhất

187	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón đến sinh trưởng và năng suất của cây cam tại Quỳnh Hợp - tỉnh Nghệ An	Lương Thị Nga	PGS.TS.Phạm Văn Cường - TS. Đoàn Văn Lưu	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng trên vườn cam 5 năm tuổi, thí nghiệm 1 yếu tố, theo kiểu RCB, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, mức độ nhiễm sâu bệnh hại và năng suất và chất lượng của cây cam trên các công thức phân bón (hữu cơ kết hợp với vô cơ) trong 6 tháng đầu năm 2018 tại Quỳnh Hợp, Nghệ An nhằm lựa chọn công thức phù hợp nhất
188	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ giá thể gồm xốp kỹ thuật đến sinh trưởng và năng suất giống đậu bắp F1 trong vụ xuân 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội, chuẩn hóa gồm xốp kỹ thuật	Mai Thị Hồng	PGS.TS.Nguyễn Thế Hùng	Xác định ảnh hưởng của tỉ lệ phối trộn giá thể gồm xốp đến sinh trưởng, PT và năng suất giống đậu bắp. Chọn ra được công thức có tỉ lệ phối trộn 1 phần giá thể gồm xốp kỹ thuật 3 phần đất phù sa phù hợp cho việc trồng cây đậu bắp trong chậu.
189	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ giá thể gồm xốp kỹ thuật đến sinh trưởng và năng suất giống ớt chỉ thiên trồng trong vụ xuân 2018	Hoàng Thị Mai Tuyết	PGS.TS.Nguyễn Thế Hùng	Xác định ảnh hưởng của tỉ lệ phối trộn giá thể gồm xốp đến sinh trưởng, PT và năng suất và chất lượng giống ớt chỉ thiên Kim Thái. Chọn ra được công thức có tỉ lệ phối trộn 1 phần giá thể gồm xốp kỹ thuật 4 phần đất phù sa phù hợp cho việc trồng giống ớt thí nghiệm trong chậu.
190	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ giá thể gồm xốp kỹ thuật đến sinh trưởng và năng suất giống húng bạc hà trồng trong vụ xuân 2018	Nguyễn Ngọc Bảo Huy	PGS.TS.Nguyễn Thế Hùng	Xác định ảnh hưởng của tỉ lệ phối trộn giá thể gồm xốp đến sinh trưởng, PT và năng suất và chất lượng giống rau húng Bạc hà. Chọn ra được công thức có tỉ lệ phối trộn 1 phần giá thể gồm xốp kỹ thuật 3 phần đất phù sa phù hợp cho việc trồng rau húng bạc hà trong chậu.
191	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ giá thể gồm xốp kỹ thuật đến sinh trưởng và năng suất giống lan huệ trồng trong vụ xuân 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Vũ Thị Hà My	PGS.TS.Nguyễn Thế Hùng	Xác định ảnh hưởng của tỉ lệ phối trộn giá thể gồm xốp đến sinh trưởng, PT và năng suất và chất lượng giống Lan Huệ. Chọn ra được công thức có tỉ lệ phối trộn 1 phần giá thể gồm xốp kỹ thuật 4 phần đất phù sa phù hợp cho việc trồng lan huệ trong chậu.
192	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỉ lệ giá thể và độ chặt bầu công nghiệp đến khả năng sinh trưởng và phát triển của cây thanh táo và cây hoa cúc một số loại cây trồng	Trương Ngọc Thành	PGS.TS.Nguyễn Thế Hùng	Lựa chọn và xác định ảnh hưởng của các loại giá thể và độ chặt bầu công nghiệp đến khả năng sinh trưởng và phát triển của cây thanh táo và cây hoa cúc.. Sử dụng 3 loại bầu Bầu rom, Bầu trấu, Bầu bã nấm và 5 mức độ chặt làm bầu : 0.5 kg; 1 kg, 1.5 kg, 2 kg, 2.5 kg. Đã chọn được hai loại bầu trồng thành công cây Thanh Táo và Cây Hoa cúc trong điều kiện vụ Xuân 2018.
193	Đánh giá ảnh hưởng của các loại giá thể làm bầu công nghiệp đến khả năng sinh trưởng, phát triển của một số loại cây trồng	Lường Tiến Học	PGS.TS.Nguyễn Thế Hùng	Lựa chọn và xác định ảnh hưởng của các loại giá thể và độ chặt bầu công nghiệp đến khả năng sinh trưởng và phát triển của cây Ngô và cây đậu tương.. Sử dụng 3 loại bầu Bầu rom, Bầu trấu, Bầu bã nấm và 5 mức độ chặt làm bầu : 0.5 kg; 1 kg, 1.5 kg, 2 kg, 2.5 kg. Đã chọn được hai loại bầu trồng thành công 2 loại cây thí nghiệm trong điều kiện vụ Xuân 2018.

194	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ giá thể gồm xốp kỹ thuật đến sinh trưởng và năng suất giống hoa hồng trồng trong vụ xuân 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Nguyễn Thị Nga	PGS.TS.Nguyễn Thế Hùng	Xác định ảnh hưởng của tỉ lệ phối trộn giá thể gồm xốp đến sinh trưởng , PT và năng suất và chất lượng giống hoa Hồng cổ Sa Pa . Chọn ra được công thức có tỉ lệ phối trộn 1 phần giá thể gồm xốp kỹ thuật 4 phần đất phù sa phù hợp cho việc trồng Hoa Hồng trong chậu.
195	So sánh tập đoàn giống hoa lily trong vụ đông xuân 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Phú Thị Thu Thủy	PGS.TS.Nguyễn Thế Hùng	Bố trí 2 thí nghiệm trồng cây hoa Lily trong vụ Đông và vụ Đông Xuân năm 2017 trên 5 công thức: CT1: Đối chứng: Sử dụng giá thể thông thường: đất phù sa (3kg); CT2: 30% giá thể gồm xốp (0,9kg) + 70% đất phù sa (2,1kg); CT3: 40% giá thể gồm xốp (1,2kg) + 60% đất phù sa (1,8kg); CT4: 50% giá thể gồm xốp (1,5kg) + 50% đất phù sa (1,5kg); CT5: 60% giá thể gồm xốp (1.8kg) + 40% đất phù sa (1,2kg). Lựa chọn công thức 4 có tỉ lệ các loại giá thể phù hợp cho trồng hoa Lily trong chậu.
196	So sánh các tổ hợp ngô nếp lai vụ xuân 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Nguyễn Thị Trang	PGS.TS.Nguyễn Thế Hùng - ThS. Phạm Quang Tuấn	So sánh 12 TH ngô nếp lai có triển vọng trong điều kiện vụ Xuân vùng Gia Lâm Hà Nội, Chọn được 2 THL ưu tú có phẩm chất tốt làm nguồn vật liệu chọn tạo giống ngô nếp lai phục vụ sản xuất.
197	Đánh giá sinh trưởng, phát triển của các dòng ngô nếp trong điều kiện vụ xuân 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Nguyễn Đức Thắng	PGS.TS.Nguyễn Thế Hùng - ThS. Phạm Quang Tuấn	So sánh tập đoàn 20 dòng ngô nếp i có triển vọng trong điều kiện vụ Xuân vùng Gia Lâm Hà Nội, Chọn được 4 dòng ưu tú có phẩm chất tốt làm nguồn vật liệu chọn tạo giống ngô nếp lai phục vụ sản xuất.
198	Nghiên cứu ảnh hưởng của mật độ và phân đạm tới khả năng sinh trưởng và năng suất của diêm mạch trồng trong điều kiện không tưới tại Sơn La	Đình Thị Phương Thảo	PGS.TS.Nguyễn Việt Long	Bố trí thí nghiệm theo Split Plot, với 3 lần nhắc với 4 mật độ trồng trên 5 giống diêm mạch
				Nghiên cứu đã xác định được đặc điểm sinh trưởng, phát triển và năng suất của các giống diêm mạch trên 04 mật độ trong vụ Xuân năm 2018 tại Sơn La. Nghiên cứu xác định tăng mật độ làm tăng năng suất diêm mạch, hai giống Atlas và Cahuis cho năng suất cao 3 tấn/ha là triển vọng để phát triển tại Sơn La.
199	Khảo nghiệm một số giống diêm mạch triển vọng ngoài đồng ruộng vụ xuân 2018 tại Sơn La	Nguyễn Thị Diệu Linh	PGS.TS.Nguyễn Việt Long	Thí nghiệm được bố trí theo khối ngẫu nhiên, với 3 lần nhắc lại trên 15 giống diêm mạch.
				Nghiên cứu đã xác định được đặc điểm sinh trưởng, phát triển và năng suất của các giống diêm mạch trong vụ Xuân năm 2018 tại Sơn La. Nghiên cứu xác định CT10 (giống Leucan Boldo) có năng suất cao (NSLT đạt >3 tấn/ha) phù hợp để nghiên cứu phát triển.
200	Nghiên cứu ảnh hưởng của mật độ và phân đạm đến khả năng sinh trưởng và năng suất cây diêm mạch trồng trong điều kiện không tưới	Dương Thị Hằng	PGS.TS.Nguyễn Việt Long	Bố trí thí nghiệm theo Split Plot, với 3 lần nhắc lại với 4 mật độ trồng trên 4 giống diêm mạch.
				Nghiên cứu đã xác định được đặc điểm sinh trưởng, phát triển và năng suất của các giống diêm mạch trên 04 mật độ trong vụ Xuân năm 2018 tại Dak Lak.

				Nghiên cứu xác định mật độ M3 và giống Modaras cho năng suất cao (NSLT đạt >2,6 tấn/ha) phù hợp để nghiên cứu phát triển.
201	Khảo nghiệm sinh thái một số giống diêm mạch triển vọng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn Thị Thương	PGS.TS.Nguyễn Việt Long	Bố trí thí nghiệm theo khối ngẫu nhiên, với 3 lần nhắc lại trồng trên 15 giống diêm mạch. Nghiên cứu đã xác định được đặc điểm sinh trưởng, phát triển và năng suất của các giống diêm mạch trong vụ Xuân năm 2018 tại Sóc Trăng. Nghiên cứu xác định 05 giống sinh trưởng phát triển phù hợp tại Sóc Trăng.
202	Khảo nghiệm khả năng sinh trưởng và năng suất của một số giống diêm mạch ngoài đồng ruộng vụ xuân 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Nguyễn Thu Thảo	PGS.TS.Nguyễn Việt Long	Bố trí thí nghiệm theo khối ngẫu nhiên, với 3 lần nhắc lại trồng trên 15 giống diêm mạch. Nghiên cứu đã xác định được đặc điểm sinh trưởng, phát triển và năng suất của các giống diêm mạch trong vụ Xuân năm 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội.
203	Nghiên cứu ảnh hưởng của mức đạm nhân tạo đến sinh trưởng và phát triển của cây diêm mạch ở giai đoạn cây con trong vụ xuân 2018	Nguyễn Bảo Yến	PGS.TS.Nguyễn Việt Long	Bố trí thí nghiệm theo khối ngẫu nhiên để nghiên cứu ảnh hưởng của 04 mức mặn đến 6 giống diêm mạch. Nghiên cứu xác định sinh trưởng, phát triển, các chỉ tiêu sinh lý và đặc biệt là sự phát triển của bộ rễ của diêm mạch trong các mức mặn khác nhau và so sánh với đối chứng. Nghiên cứu đã xác định khi tăng nồng độ muối từ 0mM NaCl đến 300 mM NaCl làm giảm sinh trưởng của bộ rễ và cây diêm mạch. Hai giống diêm mạch G3 và G4 có khả năng chịu mặn tốt nhất.
204	Khảo nghiệm sinh thái một số giống diêm mạch nhập nội triển vọng trong điều kiện chịu nước trời tại Buôn Mê Thuật - Đắk Lắk trong vụ xuân	Lê Thị Hào	PGS.TS.Nguyễn Việt Long	Bố trí thí nghiệm theo khối ngẫu nhiên, với 3 lần nhắc lại trồng trên 15 giống diêm mạch. Nghiên cứu đã xác định được đặc điểm sinh trưởng, phát triển và năng suất của các giống diêm mạch trong vụ Xuân năm 2018 tại Đắk Lắk. Nghiên cứu xác định 02 giống có năng suất đạt gần 3 tấn/ha có triển vọng để phát triển tại Đắk Lắk.
205	Nghiên cứu ảnh hưởng của mật độ và phân đạm đến sinh trưởng và năng suất một số giống cây diêm mạch ngoài đồng ruộng vụ xuân năm 2018 tại Sóc Trăng	Trần Thị Hằng	PGS.TS.Nguyễn Việt Long	Bố trí thí nghiệm theo Split Plot, với 3 lần nhắc lại với 4 mức đạm bón trên 4 giống diêm mạch. Nghiên cứu đã xác định được đặc điểm sinh trưởng, phát triển và năng suất của các giống diêm mạch trên 04 mức đạm trong vụ Xuân tại Sóc Trăng. Nghiên cứu xác định mật độ mức đạm N= 90kg/ha phù hợp cho 03 giống diêm mạch sinh trưởng và phát triển tại Sóc Trăng
206	Đánh giá đặc điểm sinh trưởng, phát triển và năng suất của một số dòng lúa thuần triển vọng trong vụ Xuân 2018 tại Phú Thọ	Hán Thị Thu Hà	PGS.TS. Tăng Thị Hạnh	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng 1 yếu tố theo kiểu RCB, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, phát triển, mức độ nhiễm sâu bệnh hại, năng suất của các dòng lúa mới chọn tạo trong vụ xuân tại Viện KHKH miền núi phía Bắc, Phú Hộ, Phú Thọ nhằm chọn ra 1-2 dòng có triển vọng nhất

207	Ảnh hưởng của các mức phân silic đến sinh trưởng và năng suất giống lúa BC15 trên đất nhiễm mặn tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Đào Thị Nga	PGS.TS. Tăng Thị Hạnh	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng 1 yếu tố theo kiểu RCB, theo dõi diễn biến độ mặn trên đồng ruộng và đánh giá sinh trưởng, phát triển, mức độ nhiễm sâu bệnh hại, năng suất của các giống lúa BC15 trên các công thức bón phân silic khác nhau trong vụ xuân 2018 tại Thái Thụy, Thái Bình nhằm lựa chọn lượng phân silic bón phù hợp nhất
208	Nghiên cứu ảnh hưởng của lượng hạt giống và mức phân đạm đến sinh trưởng và năng suất của giống lúa BQ trong vụ Xuân 2018 tại Phú Thọ	Đỗ Thị Thu Phương	PGS.TS. Tăng Thị Hạnh	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng 2 yếu tố theo kiểu split-plot, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, phát triển, mức độ nhiễm sâu bệnh hại, năng suất của giống lúa BQ trên các công thức mật độ gieo thẳng và lượng phân đạm khác nhau trong vụ xuân tại Phú Hộ, Phú Thọ nhằm xác định lượng hạt giống và lúc phân đạm phù hợp nhất.
209	Nghiên cứu ảnh hưởng của lượng phân bón đến sinh trưởng và năng suất của giống lúa thiên ưu 8 ở vụ xuân 2018 tại Lương Tài - Bắc Ninh	Phạm Thị Huệ	PGS.TS. Tăng Thị Hạnh	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng 1 yếu tố theo kiểu RCB, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, phát triển, mức độ nhiễm sâu bệnh hại, năng suất của giống lúa Thiên ưu 8 trên các công thức phân bón khác nhau trong vụ xuân tại Lương Tài-Bắc Ninh nhằm lựa chọn lượng phân bón phù hợp nhất
210	Xác định mật độ gieo thẳng cho giống lúa Hương Việt 3 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Hảo	PGS.TS. Tăng Thị Hạnh	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng 1 yếu tố theo kiểu RCB, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, phát triển, mức độ nhiễm sâu bệnh hại, năng suất của giống lúa Hương Việt 3 trên các công thức mật độ gieo thẳng khác nhau trong vụ xuân tại Gia Lâm, Hà Nội
211	Nghiên cứu ảnh hưởng của lượng phân bón đến sinh trưởng và năng suất của một số giống lúa lai 3 dòng mới trong điều kiện vụ xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Phan Nhật Thứ	PGS.TS. Tăng Thị Hạnh; TS. Nguyễn Văn Mười	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng 2 yếu tố theo kiểu split-plot, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, phát triển, mức độ nhiễm sâu bệnh hại, năng suất một số giống lúa lai 3 dòng mới trên các công thức phân bón khác nhau trong vụ xuân tại Gia Lâm, Hà Nội nhằm chọn ra công thức phân bón phù hợp nhất cho mỗi tổ hợp lai
212	Khảo sát tập đoàn lúa thuần chất lượng cao trong điều kiện vụ xuân 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Trần Thị Hà	PGS.TS. Tăng Thị Hạnh; TS. Nguyễn Văn Mười	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng theo kiểu tuần tự không nhắc lại, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, phát triển, mức độ nhiễm sâu bệnh hại, năng suất và chất lượng tập đoàn dòng lúa mới chọn tạo trong vụ xuân tại Gia Lâm, Hà Nội nhằm chọn ra một số dòng triển vọng nhất.
213	So sánh một số tổ hợp lúa lai ba dòng tại xã Minh Đức - Tứ Kỳ - Hải Dương	Hoàng Thị Thùy Thơm	PGS.TS. Tăng Thị Hạnh	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng 1 yếu tố theo kiểu RCB, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, phát triển, mức độ nhiễm sâu bệnh hại, năng suất và chất lượng của các tổ hợp lúa lai 3 dòng mới chọn tạo trong vụ xuân tại Tứ Kỳ-Hải Dương nhằm chọn ra 1-2 tổ hợp lai triển vọng nhất.
214	So sánh một số tổ hợp lúa lai ba dòng tại xã Minh Đức - Tứ Kỳ - Hải Dương	Đào Thu Hương	PGS.TS. Tăng Thị Hạnh	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng 1 yếu tố theo kiểu RCB, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, phát triển, mức độ nhiễm sâu bệnh hại, năng suất và chất lượng của các tổ hợp lúa lai 3 dòng mới chọn tạo trong vụ xuân tại Tứ Kỳ-Hải Dương nhằm chọn ra 1-2 tổ hợp triển vọng nhất

215	Khảo sát tập đoàn lúa lai ba dòng trong điều kiện vụ xuân 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội.	Nguyễn Thị Vân	PGS.TS. Tăng Thị Hạnh; TS. Nguyễn Văn Mười	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng theo kiểu tuần tự không nhắc lại, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, phát triển, mức độ nhiễm sâu bệnh hại, năng suất và chất lượng tập đoàn lúa lai ba dòng mới chọn tạo trong vụ xuân tại Gia Lâm, Hà Nội nhằm chọn ra 1-2 tổ hợp lai triển vọng nhất
216	Ảnh hưởng của lượng phân bón NPK và phương pháp bón đến sinh trưởng và năng suất của giống lúa DCG72 tại Yên Thành - Nghệ An	Đỗ Thị Trâm Anh	PGS.TS. Tăng Thị Hạnh	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng 2 yếu tố theo kiểu split-plot, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, phát triển, mức độ nhiễm sâu bệnh hại, năng suất của giống lúa DCG72 trên các công thức lượng phân bón và cách bón khác nhau trong vụ xuân tại Yên Thành-Nghệ An nhằm lựa chọn công thức phù hợp nhất
217	Nghiên cứu sự biến đổi cấu trúc của bộ rễ liên quan đến khả năng chống chịu thiếu hụt oxy vùng rễ và chịu ngập úng của cây ngô	Trần Thị Hồng Thương	TS. Nguyễn Văn Lộc	Nghiên cứu sự biến đổi của cấu trúc hình thái rễ của tập đoàn giống/ dòng ngô trong điều kiện thiếu hụt oxy ở vùng rễ.
				Nghiên cứu sự biến đổi cấu trúc hình thái của bộ rễ ngô trong điều kiện xử lý ngập nhân tạo và thiếu hụt oxy.
				Nghiên cứu đặc điểm hình thái, các chỉ tiêu sinh trưởng phát triển của các giống ngô trong điều kiện ngập úng và thiếu hụt oxy.
				Đánh giá khả năng chịu úng và thiếu hụt oxy của các giống ngô thông qua các chỉ tiêu sinh trưởng phát triển của các giống ngô.
218	Ảnh hưởng của ngập lụt đến sự sinh trưởng và phát triển bộ rễ khoai lang	Nguyễn Thị Lan Phương	TS. Nguyễn Văn Lộc	Nghiên cứu này được tiến hành để đánh giá về khả năng sinh trưởng, phát triển của bộ rễ trong điều kiện ngập úng, tập trung nghiên cứu vào sự hình thành và phân hóa rễ củ khoai lang. Cấu trúc bộ rễ được đánh giá thông qua các chỉ tiêu về hình thái và giải phẫu.
219	Nghiên cứu ảnh hưởng của ngập đến khả năng nảy mầm của hạt đậu tương trong các điều kiện nhiệt độ khác nhau	Nguyễn Đăng Đức	TS. Nguyễn Văn Lộc	Nghiên cứu ảnh hưởng của ngập đến khả năng nảy mầm của hạt đậu tương trong các điều kiện nhiệt độ khác nhau (20oC, 23oC, 26oC và 29oC).
220	Nghiên cứu ảnh hưởng của hạn đến cấu trúc bộ rễ của cây Diêm mạch thời kỳ cây con	Nghiêm Thùy Dương	TS. Nguyễn Văn Lộc	Nghiên cứu và so sánh ảnh hưởng của các mức độ gây hạn nhân tạo đến chỉ tiêu sinh trưởng, hình thái : thời gian sinh trưởng, chiều cao thân chính, diện tích lá, số lá, nhánh, diện tích lá, đặc biệt là cấu trúc bộ rễ của cây diêm mạch ở thời kỳ cây con của một số dòng, giống diêm mạch nhập nội trong điều kiện hạn nhân tạo và đối chứng.
221	Đánh giá đặc điểm sinh trưởng tính dục và năng suất duy trì nhị 32 A/B ở các thể hệ G1, G2 trong vụ xuân 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Vũ Thị Phượng	TS. Nguyễn Văn Lộc- TS Nguyễn Văn Mười	Đánh giá đặc điểm sinh trưởng của các cặp dòng II32-A/B ở các thể hệ nhân G1, G2 và siêu nguyên chủng trong điều kiện vụ Xuân 2018.
				Đánh giá khả năng chống chịu với một số loại sâu bệnh của các cặp dòng II32-A/B ở các thể hệ G1, G2 và siêu nguyên chủng trong điều kiện vụ Xuân 2018. Đánh giá các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất duy trì của các cặp dòng II32-A/B ở các thể hệ G1, G2 và siêu nguyên chủng trong điều kiện vụ Xuân 2018.
				Đánh giá tính dục của các dòng II-32A ở các thể hệ G1, G2 và siêu nguyên chủng trong điều kiện vụ Xuân 2018.

222	Đánh giá tập đoàn các tổ hợp ngô nếp lai vụ xuân 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Hoàng Thị Thu	TS. Nguyễn Văn Lộc	Đánh giá các giai đoạn sinh trưởng, phát triển của các tổ hợp lai vụ Xuân 2018.
				Đánh giá các đặc điểm nông học của các tổ hợp lai vụ Xuân 2018.
				Đánh giá mức độ nhiễm sâu bệnh hại và đổ gãy của các tổ hợp lai vụ Xuân 2018.
				Đánh giá các chỉ tiêu chất lượng ăn tươi của các tổ hợp lai vụ Xuân 2018.
				Đánh giá các đặc điểm hình thái bắp của các tổ hợp lai vụ Xuân 2018.
				Đánh giá yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của các tổ hợp lai vụ Xuân 2018.
223	Khảo sát tập đoàn lúa lai hai dòng trong điều kiện vụ xuân 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Đặng Thế Anh	TS. Nguyễn Văn Lộc- TS Nguyễn Văn Mười	Theo dõi thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng của các tổ hợp lúa lai hai dòng trong điều kiện vụ Xuân 2018.
				Theo dõi đặc điểm nông sinh học, đặc điểm hình thái của các tổ hợp lúa lai hai dòng trong điều kiện vụ Xuân 2018.
				Theo dõi tình hình sâu bệnh hại tự nhiên trên các tổ hợp lúa lai hai dòng trong điều kiện vụ Xuân 2018.
				Đánh giá năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của các tổ hợp lúa lai hai dòng trong điều kiện vụ Xuân 2018.
				Đánh giá chất lượng của các tổ hợp lúa lai hai dòng trong điều kiện vụ Xuân 2018.
224	So sánh một số giống lúa thuần chất lượng cao trong vụ xuân 2018 tại Thọ Xuân, Thanh Hóa	Lê Văn Thiết	ThS. Phan Thị Hồng Nhung	Đánh giá đặc điểm nông sinh học và năng suất của 5 giống lúa thuần chất lượng cao tại huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Thông qua việc đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, khả năng chống chịu sâu bệnh hại, năng suất và chất lượng hạt, tác giả đã chọn ra được 2 dòng lúa thuần chất lượng cao tại địa bàn nghiên cứu trong vụ xuân là VS18 và VS20.
225	So sánh một số dòng, giống lúa thuần mới chọn tạo trong vụ xuân 2018 tại Gia Lâm - HÀ NỘI	Lê Thị Hoài	ThS. Phan Thị Hồng Nhung TS Nguyễn Văn Mười	Đánh giá đặc điểm nông sinh học và năng suất của 10 dòng, giống lúa thuần mới chọn tạo và 2 giống đối chứng và Thiên ưu 8 và Bắc thơm 7. Thông qua việc đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, khả năng chống chịu sâu bệnh hại, năng suất và chất lượng hạt, tác giả đã chọn ra được 2 dòng lúa thuần triển vọng trong vụ xuân tại Gia Lâm – Hà Nội là 13B/BT7 và ON1054.
226	Đánh giá sinh trưởng của một số giống khoai môn, sọ trồng trong điều kiện mặn khác nhau trong vụ xuân 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Trần Trung Tuấn	ThS. Phan Thị Hồng Nhung	Đánh giá đặc điểm nông sinh học khả năng chịu mặn của hai giống khoai sọ là khoai sọ tím Mộc Châu và khoai sọ trắng Thuận Châu trong bốn điều kiện mặn khác nhau. Thông qua việc đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, tác giả cho thấy giống khoai sọ tím Mộc Châu có khả năng chịu mặn tốt trong khi giống khoai sọ trắng Thuận Châu chống chịu kém hơn với điều kiện mặn trong thí nghiệm. Kết quả này cung cấp thông tin quan trọng trong công tác chọn tạo giống cũng như canh tác khoai sọ ở điều kiện đất nhiễm mặn.

227	Nghiên cứu ảnh hưởng của đạm đến sinh trưởng của cây lúa cườm trong điều kiện mặn vụ xuân tại Gia Lâm - Hà Nội.	Lê Thị Hương Giang	ThS. Phan Thị Hồng Nhung	Đánh giá phản ứng với phân đạm bón của giống lúa Cườm trong các điều kiện mặn khác nhau. Các số liệu thu thập được đầy đủ và đáng tin cậy. Kết quả thí nghiệm chỉ ra khả năng chịu mặn của giống lúa Cườm; phản ứng rõ rệt của giống lúa Cườm trong các điều kiện đạm bón khác nhau trong mỗi điều kiện mặn. Kết quả của thí nghiệm cung cấp thông tin quan trọng trong công tác chọn tạo giống và canh tác lúa ở vùng đất bị nhiễm mặn.
228	Ảnh hưởng của lượng đạm đến sinh trưởng của giống lúa cai tiên FL478 trong điều kiện mặn trong vụ xuân 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội.	Nguyễn Thị Dịu	ThS. Phan Thị Hồng Nhung	Đánh giá khả năng chịu mặn của giống lúa FL478 và phản ứng của giống lúa này với các lượng đạm bón khác nhau trong từng điều kiện mặn. Thông qua việc đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, khả năng chống chịu mặn của giống lúa FL478, tác giả kết luận giống lúa FL478 có khả năng chịu mặn tốt và có phản ứng với đạm khác nhau trong mỗi điều kiện mặn. Điều này cung cấp thông tin quan trọng trong công tác chọn tạo giống và canh tác lúa ở vùng đất nhiễm mặn.
229	Ảnh hưởng của phân bón đến sinh trưởng, phát triển của cây lan Vũ nữ socola trong điều kiện vụ xuân năm 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Phạm Thị Oanh	ThS. Nguyễn Hữu Cường	<p>Tìm hiểu ảnh hưởng của phân bón đến sinh trưởng, phát triển của cây lan Vũ nữ socola trong điều kiện vụ xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội</p> <p>Xác định được loại phân bón phù hợp cho sinh trưởng và phát triển của cây lan Vũ nữ socola</p>
230	Ảnh hưởng của phân bón đến sinh trưởng, phát triển của cây lan Vũ nữ vàng trong điều kiện vụ xuân năm 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Lê Hồng Ngọc	ThS. Nguyễn Hữu Cường	<p>Tìm hiểu ảnh hưởng của phân bón đến sinh trưởng, phát triển của cây lan Vũ nữ vàng trong điều kiện vụ xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội</p> <p>Xác định được loại phân bón phù hợp cho sinh trưởng và phát triển của cây lan Vũ nữ vàng</p>
231	Ảnh hưởng của phân bón đến sinh trưởng, phát triển của cây lan Đuôi cáo (<i>Aerides multiflora</i>) trong điều kiện vụ xuân hè năm 2018 tại Mỹ Hòa, Hưng Yên	Vũ Thị Hương	ThS. Nguyễn Hữu Cường	<p>Tìm hiểu ảnh hưởng của phân bón đến sinh trưởng, phát triển của cây lan Đuôi cáo (<i>Aerides multiflora</i>) trong điều kiện vụ xuân hè năm 2018 tại Mỹ Hòa, Hưng Yên</p> <p>Xác định được loại phân bón phù hợp cho sinh trưởng và phát triển của cây lan Đuôi cáo</p>
232	Ảnh hưởng của phân bón lá đến sinh trưởng, phát triển của giống chè Kim tuyến trong điều kiện vụ xuân 2018 tại Bản Hon, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	Nguyễn Mỹ Linh	ThS. Nguyễn Hữu Cường	<p>Tìm hiểu ảnh hưởng của phân bón lá đến sinh trưởng, phát triển của giống chè Kim tuyến trong điều kiện vụ xuân 2018 tại Bản Hon, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu</p> <p>Xác định được loại phân bón phù hợp cho sinh trưởng và phát triển của cây chè Kim tuyến</p>
233	Ảnh hưởng của phân bón đến sinh trưởng, phát triển của cây lan Vũ nữ mặt trời trong điều kiện vụ xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Đình Phương Nhung	ThS. Nguyễn Hữu Cường	<p>Tìm hiểu ảnh hưởng của phân bón đến sinh trưởng, phát triển của cây lan Vũ nữ mặt trời trong điều kiện vụ xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội</p> <p>Xác định được loại phân bón phù hợp cho sinh trưởng và phát triển của cây lan Vũ nữ mặt trời</p>
234	Đánh giá sinh trưởng, phát triển của một số dòng Lan huệ nhân invitro vụ xuân hè năm 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Hương	TS. Nguyễn Hạnh Hoa	<p>Tìm hiểu đặc điểm sinh trưởng, phát triển của một số dòng Lan huệ nhân invitro vụ xuân hè năm 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội</p> <p>Tìm được một số dòng Lan huệ invitro có các đặc tính tốt cho bộ giống Lan huệ của VN</p>

235	Nghiên cứu nhân giống vô tính cây hoa lan huệ vụ xuân hè năm 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội	Đinh Thị Luyên	TS. Nguyễn Hạnh Hoa	Nghiên cứu một số phương pháp nhân giống vô tính cây hoa lan huệ vụ xuân hè năm 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội
				Xác định được phương pháp nhân giống vô tính phù hợp nhất cho cây lan huệ vụ xuân hè
236	Khảo sát sinh trưởng của cây con Lan huệ và Huệ mưa trong một số tổ hợp lai mới vụ xuân – hè năm 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội	Lý Thị Kim Tuyền	TS. Nguyễn Hạnh Hoa	Đánh giá đặc điểm sinh trưởng của cây con Lan huệ và Huệ mưa trong một số tổ hợp lai mới vụ xuân – hè năm 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội
				Đánh giá được đặc điểm sinh trưởng của cây con Lan huệ và Huệ mưa trong một số tổ hợp lai mới
237	Đánh giá sinh trưởng, phát triển của một số dòng, giống hoa Lan Huệ vụ xuân – hè năm 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội	Bùi Thị Quỳnh	TS. Nguyễn Hạnh Hoa	Đánh giá sinh trưởng, phát triển của một số dòng, giống hoa Lan Huệ vụ xuân – hè năm 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội
				Tìm được một số dòng Lan huệ có các đặc tính tốt cho bộ giống Lan huệ của VN
238	Đánh giá sinh trưởng, phát triển của một số giống chuối cảnh vụ xuân – hè năm 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Đỗ Tài Dương	TS. Nguyễn Hạnh Hoa	Đánh giá sinh trưởng, phát triển của một số giống chuối cảnh vụ xuân – hè năm 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội
				Tìm được một số giống Chuối cảnh có các đặc tính tốt cho bộ giống Chuối cảnh của VN
239	Đánh giá và chọn lọc kiểu hình hoa Lan Huệ lai vụ xuân – hè năm 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Oanh	TS. Nguyễn Hạnh Hoa	Đánh giá sinh trưởng, phát triển của một số dòng Lan huệ nhân vô tính trong điều kiện vụ Đông xuân năm 2018-2019
				Chọn lọc được một số dòng Lan huệ có các đặc tính tốt cho bộ giống Lan huệ của VN
240	Đánh giá sinh trưởng, phát triển và ảnh hưởng của phân bón tới cây Huệ mưa vụ xuân – hè năm 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Phạm Tiến Đạt	TS. Nguyễn Hạnh Hoa	Đề tài nhằm mục đích tìm hiểu ảnh hưởng của phân bón lá và hai loại chất phụ gia phân bón lá tới sinh trưởng và phát triển của Lan vũ nữ socola. Kết quả cho thấy phân bón lá, cả khi dùng kèm và không dùng kèm phụ gia, đều có ảnh hưởng tích cực đến sinh trưởng và phát triển của cây lan; khả năng thúc đẩy hiệu quả phân bón lá của hai loại chất phụ gia không được thể hiện rõ rệt trong nghiên cứu.
241	Nghiên cứu sinh trưởng phát triển của cây hoa Sứ lai vụ xuân hè 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội	Nguyễn Thị Khuyên	TS. Nguyễn Hạnh Hoa	Nghiên cứu sinh trưởng phát triển của cây hoa Sứ lai vụ xuân hè 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội
				Tìm được một số dòng Sứ lai tốt cho bộ giống Sứ của Việt Nam
242	Ảnh hưởng của một số chế độ ủ lạnh đến sinh trưởng và phát triển của giống Lan Huệ Cẩm Tú	Đinh Văn Nam	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	Đánh giá được ảnh hưởng của các chế độ xử lý lạnh cho củ giống đến các đặc điểm sinh trưởng và phát triển của cây Lan Huệ Cẩm Tú. Đề xuất phương pháp xử lý củ giống trước khi trồng để điều khiển thời gian ra hoa của cây Lan Huệ Cẩm Tú trong năm.
				Chế độ xử lý lạnh củ giống LHCT trong thời gian 6 tuần bọc giấy báo cho hiệu quả tốt nhất đối với sinh trưởng và phát triển của cây. Sử dụng chế độ xử lý củ giống ở nhiệt độ 4oC bọc giấy báo trong 6 tuần thích hợp để xử lý cây ra hoa sớm.

243	Ảnh hưởng của Ethrel đến đặc điểm nông sinh học của một số dòng Lan Huệ lai vụ Xuân – Hè năm 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Phạm Tú Hoàn	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	<p>Tìm hiểu sự ảnh hưởng của liều lượng phun ethrel đến đặc điểm sinh trưởng và khả năng ra hoa của cây Lan Huệ lai, từ đó xác định được nồng độ phun Ethrel phù hợp để thay đổi thời gian ra hoa của cây Lan Huệ lai.</p>
				<p>Khi phun ethrel cho 2 dòng Lan Huệ lai ở nồng độ 100ppm kích thích cây ra số nhánh tối đa và có tác động tăng kích thước đường kính củ. Ethrel 100ppm cũng cho thấy hiệu quả tốt nhất trong việc kích thích sự xuất hiện sớm ngồng và hoa, kéo dài độ bền hoa và cụm hoa ở cây Lan Huệ. Tuy nhiên tỷ lệ mắc sâu bệnh hại ở công thức này là cao nhất.</p>
244	Ảnh hưởng của Ethrel đến sinh trưởng và phát triển của cây Lan Huệ Cẩm Tú vụ Xuân hè năm 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội	Nguyễn Thục Trinh	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	<p>Tìm hiểu sự ảnh hưởng của liều lượng ethrel đến đặc điểm sinh trưởng và khả năng ra hoa của cây Lan Huệ. Từ đó xác định được nồng độ ethrel phù hợp để thay đổi thời gian ra hoa của cây Lan Huệ.</p>
				<p>Phun ethrel ở nồng độ 50ppm (CT2) giúp cây Lan Huệ Cẩm Tú tăng chiều dài lá nhiều nhất và khả năng ra lá mới lớn nhất. Còn với nồng độ phun ethrel 200ppm sẽ rút ngắn được khoảng thời gian ra hoa của Lan Huệ Cẩm Tú và cho hoa nở sớm nhất đồng thời kéo dài độ bền cụm hoa cao nhất, ngoài ra còn giúp tăng trưởng chiều rộng lá tốt nhất.</p>
				<p>Phun ethrel cho Lan Huệ Cẩm Tú ở nồng độ 100ppm thì cây cho đường kính hoa lớn nhất, số lượng hoa trên cụm, số ngồng hoa trên cây cao nhất và đường kính củ giảm nhiều nhất</p>
245	Ảnh hưởng của GA3 đến đặc điểm nông sinh học của một số dòng lan Huệ lai vụ Xuân – Hè năm 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Đặng Thị Huyền Trang	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	<p>Tìm hiểu sự ảnh hưởng của các mức nồng độ phun GA3 đến một số đặc điểm nông sinh học của cây Lan Huệ, từ đó xác định được nồng độ phun GA3 phù hợp để thay đổi thời gian ra hoa của cây Lan Huệ.</p>
				<p>GA3 50ppm cho hiệu quả tốt nhất trong việc kích thích sự xuất hiện sớm ngồng và hoa, kéo dài độ bền hoa và cụm hoa ở cả hai dòng Lan Huệ lai. Rút ngắn thời gian từ trồng đến nở hoa ở dòng lai DC khoảng 40 ngày so với thời gian hoa nở tự nhiên và khoảng 20 ngày so với thời gian hoa nở tự nhiên ở dòng lai DST. GA3 100ppm có tác dụng thúc đẩy cây sinh trưởng và phát triển nhanh về kích thước lá, số lá, số nhánh và đường kính thân hành. GA3 200ppm cho hiệu quả tốt nhất trong việc kéo dài ngồng hoa, đường kính hoa. Tăng số hoa/ngồng và số ngồng/cây.</p>
				<p>Đánh giá khả năng thích nghi, theo dõi một số chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển của một số giống Lan Huệ ngoại.</p>

246	Đánh giá đặc điểm sinh trưởng, phát triển của một số giống Lan Huệ ngoại vụ Xuân – Hè năm 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội	Nguyễn Thị Ngân	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	Các giống Lan Huệ ngoại đều sinh trưởng, phát triển bình thường trong vụ Xuân- Hè ở điều kiện miền Bắc nước ta. Các giống Lan Huệ ngoại theo dõi có chiều dài ngồng dao động từ 10,8- 46,8 cm. Chiều dài ngồng cao nhất trung bình là 46,8 cm ở giống AF. Số ngồng/ cây và số hoa/ ngồng đạt cao nhất lần lượt là 2,5 ngồng và 6 hoa ở giống Ri và giống AD. Đường kính hoa đạt từ 10,6- 20,1 cm, trong đó giống có đường kính hoa lớn nhất là giống DC (TB 20,1 cm). Giống có độ bền hoa cao nhất đạt 9,9 ngày là giống Mal và Ri. Màu sắc hoa đa dạng, bắt mắt, 5/ 8 giống hoa có hương thơm đều ở các giống Lan Huệ cánh kép như Har, Suny, AD, DC, AF.
247	Đánh giá sự sinh trưởng và phát triển của tập đoàn Phong huệ vụ xuân – hè năm 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội	Nguyễn Văn Tú	TS. Phùng Thị Thu Hà	Mục đích: Đánh giá được đặc điểm sinh trưởng, phát triển của từng giống Phong huệ trong tập đoàn nghiên cứu. KQ chính: Khóa luận đã mô tả được một số đặc điểm hình thái của tập đoàn huệ mưa và đặc điểm sinh trưởng của tập đoàn huệ mưa trong vụ hè- thu năm 2018 tại Gia Lâm – HN.
248	Ảnh hưởng của hong củ đến sự sinh trưởng và phát triển của cây Lan Huệ tại Gia Lâm, Hà Nội	Lê Văn Đoàn	TS. Phùng Thị Thu Hà	Mục đích: đánh giá sự ảnh hưởng của hong củ đến một số đặc điểm sinh trưởng và phát triển của cây Lan huệ. KQ chính: Kết quả đã mô tả được một số đặc điểm sinh trưởng và khả năng ra hoa của cây Lan huệ ở các chế độ hong củ và tình hình sâu bệnh hại trên cây Lan huệ trong vụ xuân – hè 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội
249	Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống in vitro cây Lan Huệ ngoại cánh kép	Phạm Thị Diệu Linh	TS. Phùng Thị Thu Hà - ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh	Mục đích: Xây dựng quy trình nhân giống cây Lan Huệ cánh kép bằng phương pháp nuôi cấy mô nhằm tạo ra cây con đồng đều, sạch bệnh từ nguồn vật liệu ban đầu. KQ chính: Khóa luận đã thiết lập được quy trình nhân giống in vitro cây Lan huệ ngoại cánh kép thông qua các bước: vật liệu thích hợp là vảy củ đôi, để hoa. Môi trường phát sinh chồi từ vảy củ đôi là MS + 1,5 mg/l BAP, môi trường phát sinh chồi của đế hoa là MS + 3 mg/l BAP + 1 mg/l 2,4D; nhân chồi trên môi trường MS + 1,5mg/l BAP, môi trường thích hợp để tăng kích thước củ là MS + 60 g/l đường, môi trường thích hợp cho giai đoạn ra rễ là MS + 1 mg/l IAB, giá thể thích hợp để ra cây là đất phù sa + trấu hun (1:1).
				Mục đích: Xây dựng quy trình nhân giống cây Lan Huệ ngoại bằng phương pháp nuôi cấy mô nhằm tạo ra cây con đồng đều, sạch bệnh từ nguồn vật liệu ban đầu.

250	Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống in vitro cây hoa Lan Huệ ngoại	Hoàng Thị Thùy Dung	TS. Phùng Thị Thu Hà - ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh	KQ chính: Khóa luận đã thiết lập được quy trình nhân giống in vitro cây hoa Lan Huệ ngoại thông qua các bước: Vật liệu thích hợp là vảy củ đôi, chưa tạo được chồi từ đế hoa. Môi trường phát sinh chồi từ vảy củ đôi là MS + 1,5 mg/l BAP + 30g/l sucrose + 7g/l agar, nhân nhanh chồi trên môi trường MS + 1,5mg/l BAP + 0,25 mg/l NAA + 30g/l sucrose + 7g/l agar, môi trường thích hợp để tăng kích thước củ là MS + 60 g/l đường + 7g/l agar, môi trường thích hợp cho giai đoạn ra rễ là MS + 1 mg/l IAB + 30g/l sucrose + 7g/l agar, giá thể thích hợp để ra cây là đất phù sa + trấu hun (1:1).
251	Nghiên cứu nhân giống cây Đồng tiền lùn bằng nuôi cấy in vitro tại xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Lê Thu Hằng	TS. Phùng Thị Thu Hà	Mục đích: Xây dựng quy trình nhân giống cây Đồng Tiền lùn đồ GEB 109 từ giai đoạn vào mẫu tới giai đoạn ra rễ trong phòng nuôi cấy mô KQ chính: Khóa luận đã thiết lập được quy trình nhân giống in vitro cây đồng tiền lùn tại Xuân Quan thông qua các bước: Khử trùng nụ hoa non bằng Javen trong 20 phút, tái sinh chồi trên môi trường MS + 2mg/l BAP + 0.5mg/l IAA, nhân chồi trên môi trường MS + 0.3mg/l kinetin + 0.3mg/l BAP, Môi trường thích hợp cho giai đoạn ra rễ là MS + 0.3mg/l IAA.
252	Đánh giá ảnh hưởng của giá thể đến sự sinh trưởng và phát triển của hoa Đồng tiền nuôi cấy mô	Nguyễn Phương Thảo	TS. Phùng Thị Thu Hà	Mục đích: Đánh giá ảnh hưởng của giá thể trồng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây hoa đồng tiền nuôi cấy mô để tìm ra được loại giá thể tối ưu. KQ chính: Khóa luận đã đánh giá được ảnh hưởng của các loại giá thể khác nhau đến sự sinh trưởng của 2 giống đồng tiền lùn GEB 101 và đồng tiền cao SX sau nuôi cấy mô giai đoạn vườn ươm, và vườn sản xuất: kết quả cho thấy giá thể 50% xơ dừa + 50% trấu hun phù hợp nhất với 2 giống đồng tiền lùn GEB 101 và đồng tiền cao SX ở giai đoạn vườn ươm. Và giá thể 50% đất + 10% trấu hun + 30% xơ dừa + 10% xi than là phù hợp nhất với 2 giống đồng tiền lùn GEB 101 và đồng tiền cao SX ở giai đoạn vườn sản xuất.

253	Đánh giá đặc điểm nông sinh học và khả năng nhân giống một số dòng lai Lan huệ tại Gia Lâm - Hà Nội năm 2018	Đàm Thị Anh	PGS.TS. Phạm Thị Minh Phượng	<p>Mục đích: Dựa trên các kết quả nghiên cứu, lựa chọn các dòng lai có triển vọng có đặc tính tốt về các đặc điểm hoa (kích thước, màu sắc, hình dáng,...) để phục vụ cho sản xuất hoa cắt, hoa trồng chậu và đánh giá chất lượng cây con, hệ số nhân giống một số dòng lai lan huệ bằng phương pháp chẻ củ. Kết quả: 11/19 dòng lai cánh đơn có chiều cao lớn hơn 45cm sử dụng làm hoa cắt cành, trong đó 6 dòng lai (TH 12-23, TH 5-9, TH1-25, TH12-2, TH 12-10, TH 12-11, TH 5-13, TH 15-1) có hoa đẹp, độ bền hoa/cụm cao, dáng hoa cân đối rất có triển vọng cho sản xuất. 16/17 dòng lan huệ cánh kép có chiều cao lớn hơn 45cm sử dụng làm hoa cắt cành, trong đó 7 dòng lai (TH 9-8, TH 11-2, TH 12-12, TH 12-14, TH 12-49, TH 12-50, TH 1-2) có hoa đẹp, độ bền hoa/cụm cao, dáng hoa cân đối rất có triển vọng cho sản xuất.</p> <p>Sau 5 tháng nhân giống một số dòng lai có thể ra ngôi trong đó H 1-1 có thời gian cho ra ngôi sớm nhất và các dòng TH 15-1, TH 5-13, TH 4-7 cây còn nhỏ chưa đủ tiêu chuẩn ra ngôi. Hệ số nhân giống cao nhất là TH 9-2 (26 lần) và thấp nhất là TH 2-3 (7 lần). Chất lượng cây con tốt nhất ở các dòng TH 9-2 (2,6 lá/cây,</p> <p>4,8 rễ chính/mảnh, 5,4 rễ phụ/mảnh, kích thước lá 45,6cm x 1,7cm, chu vi củ 4,2cm). Kết quả nghiên cứu khẳng định hệ số nhân giống của quy trình nhân giống chẻ củ cao và có khả năng ứng dụng trong thực tế.</p>
254	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số tổ hợp lai hoa Hiên năm 2016 và khả năng lai tạo giống hoa Hiên 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Lê Thành Đạt	PGS.TS. Phạm Thị Minh Phượng	<p>Mục đích: Đánh giá và lựa chọn những cây lai hoa Hiên có các tính trạng tốt về màu sắc và hình dạng hoa, cũng như thích nghi với điều kiện khí hậu từ đó giới thiệu vào sản xuất hoa chậu, hoa thảm và tạo các nguồn vật liệu mới qua lai hữu tính phục vụ công tác chọn tạo giống hoa Hiên Việt Nam. Kết quả: 42/43 THL ra hoa trong đó KC37 có số lượng cây ra hoa nhiều nhất 16/20 cây (97,7%). Mỗi cây ra từ 1-2 ngồng hoa và có chiều cao trung bình dao động lớn từ 13,3-129,9cm. Thời gian hoa nở tập trung từ cuối tháng 3 đến cuối tháng 6. Màu hoa nằm trong ba nhóm chủ yếu là nhóm màu Tím (GPG – RPG), nhóm màu Đỏ (RG) và nhóm màu Vàng-Cam (YG – YOG). Hình dáng và kích thước hoa vô cùng đa dạng được thừa hưởng những tính trạng tốt từ bố mẹ như màu mắt hoa, họng hoa, viền cánh. Trong đó nổi bật là 29 cây lai được lựa chọn trên tổng số khoảng 250 cây ra hoa của 42 THL. Đã thực hiện hơn 500 phép lai, thu được 80 quả, bao gồm 21 quả lai (chiếm 4,2%), 46 quả tự thụ (chiếm 9,2%). Thời gian từ khi lai đến khi thu hạt khoảng 1 - 2,5 tháng. Các giống 10, 19, 20, C11 có khả năng đậu quả rất thấp. Đây là vật liệu cho công tác lai tạo giống hiên.</p>

255	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của tập đoàn Lan huệ lai 2014 và 2016	Phạm Tuấn Anh	PGS.TS. Phạm Thị Minh Phượng	Mục tiêu: lựa chọn những dòng hoa lan huệ có những đặc điểm tính trạng tốt về hình thái, kích thước, màu sắc hoa đẹp, khả năng trồng chịu sâu bệnh, và giới thiệu cho sản xuất. Kết quả: 13/14 tổ hợp lai ra hoa với 189/275 cây lai đã ra hoa (chiếm 68,7%). Cây lai có sự đa dạng về màu sắc cánh hoa (đỏ, hồng, cam, trắng, đỏ sọc), dạng cánh, dạng hoa (111 cây lai cánh đơn và 49 cây lai cánh bán kép và 29 cây lai cánh kép), đường kính cánh hoa (nhỏ, trung bình) dao động từ 11,7 cm đến 18,8 cm. Kết quả lựa chọn được 23 cây lai dạng trồng chậu (ngõng hoa thấp) trong đó 11 hoa đơn, 5 hoa bán kép, 6 hoa kép. trong số này (chiếm 12,2% số cây lai nở hoa, chỉ chiếm 8,4% tổng số cây lai được theo dõi) có triển vọng cho sản xuất.
256	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số tổ hợp lai hoa Lan huệ năm 2014 và ảnh hưởng của thời vụ đến nhân giống Lan huệ bằng vảy củ	Võ Văn Trung	PGS.TS. Phạm Thị Minh Phượng	Mục tiêu: lựa chọn các cây lai có triển vọng để phát triển sản xuất hoa trồng chậu, hoa cắt cành tạo nguồn vật liệu đưa vào sản xuất thương mại và xác định thời vụ nhân giống Lan Huệ cho chất lượng cây đảm bảo hệ số nhân giống cao góp phần xây dựng quy trình nhân giống Lan Huệ bằng phương pháp tách vảy củ tại Việt Nam. Kết quả: 23 cây trên tổng 135 cây hoa lan huệ tiềm năng trong đó có 6 cây hoa đơn và 17 cây hoa kép, bán kép, các cây lai này có độ bền cao màu sắc hoa độc đáo phù hợp cho sử dụng trồng chậu và sản xuất hoa cắt cành. Thời vụ nhân giống cây Lan huệ (Hồng Đào) tốt nhất vào tháng 2 cho chất lượng mảnh củ tốt và hệ số nhân giống cao đạt 26 lần, chất lượng cây con tốt (số rễ là 3,0, chiều dài rễ 4,1cm, số lá 2,4 lá, chiều dài lá 15,9cm), sau 4 tháng cây có thể ra ngôi. Đây là kết quả có ý nghĩa trong công tác xây dựng quy trình kỹ thuật nhân giống lan huệ bằng phương pháp tách vảy củ.
257	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số tổ hợp lan huệ lai năm 2015 và khả năng lai tạo giống năm 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Trần Thị Duyên	PGS.TS. Phạm Thị Minh Phượng	lựa chọn được những cây lai Lan Huệ có tính trạng nổi trội về đặc điểm, hình dạng hoa, kích thước màu sắc hoa đẹp và tạo ra các vật liệu mới phục vụ cho công tác chọn tạo giống hoa Lan Huệ Việt Nam. Kết quả: Lựa chọn được 22 cây lai Lan huệ có triển vọng để phục vụ cho sản xuất thương mại, trong trang trí cảnh quan và là vật liệu mới cho công tác đánh giá, chọn tạo giống. Chiều cao ngõng dao động từ 20cm-63,7cm., trong đó TH60-12-20 có chiều cao ngõng lớn nhất đạt 63,7cm. Số ngõng/cây dao động từ 1-2 ngõng/cây. Đường kính hoa cao nhất đạt 19,7 cm với chủ yếu hoa dạng cánh đơn và có độ bền hoa từ 4-9 ngày. Lai tạo thành công 64 THL, với 178 quả và đậu quả đạt 117 quả, tỷ lệ đậu quả đạt 65,7% có cao hơn so với năm 2017(52%). Thời gian từ khi lai đến khi quả chín từ 19-44 ngày. Chỉ tiêu hạt chắc cao nhất đạt 123 hạt/quả ở phép lai TH20(Th60-6-53×Rosy star), và thấp nhất là 3 hạt/quả ở TH37(Trumpet Rogue × TH8-2). Đây là các vật liệu có giá trị cho công tác lai tạo giống hoa lan huệ Việt Nam.

258	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của tập đoàn hoa Hiên lai năm 2017 và khả năng nhân giống hoa Hiên nhập nội bằng phương pháp chèn thân	Vũ Nguyễn Quốc Khánh	PGS.TS. Phạm Thị Minh Phượng	<p>Mục đích: lựa chọn được các tổ hợp lai/cây lai có tính trạng tốt làm cơ sở cho chọn tạo giống hoa Hiên ở Việt Nam và nhân giống các giống hoa mới nhằm tăng số lượng cây giống có chất lượng cao đảm bảo chất lượng cho sản xuất. Kết quả: 6/44 tổ hợp lai ra hoa sau khi 9 tháng gieo hạt. Các tổ hợp lai KC106, KC26 có đường kính, chiều cao hoa nhỏ phù hợp với trồng chậu, trồng viền; các tổ hợp lai KC113, KC103, KC104, KC107 có đường kính hoa lớn, ngồng hoa cao, thích hợp với trồng thảm. Dựa vào chiều cao cây, chiều cao ngồng, kích thước hoa, THL KC26 có tiềm năng trồng bụi, trồng chậu trong khi đó các THL KC107, KC104, KC103, KC113, KC106 có tiềm năng trồng thảm.</p>
259	Đánh giá sinh trưởng, phát triển của tập đoàn hoa Hiên nhập nội và ứng dụng trong cảnh quan	Nguyễn Vĩnh Cường	PGS.TS. Phạm Thị Minh Phượng	<p>Mục đích: Đánh giá sinh trưởng, phát triển của tập đoàn hoa Hiên nhập nội và sử dụng hoa Hiên trong thiết kế cảnh quan. Kết quả: Qua thời gian thực hiện đề tài trên tổng số 33 giống hoa Hiên nhập nội, nhận thấy hầu hết các giống đều sinh trưởng, phát triển và thích nghi tốt. Các giống 14, C14, 15.2, 22 có khả năng sinh trưởng chậm và chưa thích nghi được với điều kiện khí hậu. Các giống C4, C6 là các giống thường xanh, độ cao thấp từ 30- 35 cm, kích thước hoa nhỏ nhưng số lượng hoa lớn và nở trong thời gian dài. Rất phù hợp trong việc sử dụng làm cây trồng thảm, các viền cây bụi và làm cây trồng trong bồn. Giống C21, 9, 16, 13, 12, C15, C19 có kích thước hoa lớn và màu sắc hoa đa dạng, mới lạ thích hợp sử dụng làm cây trồng phối kết tiểu cảnh, cây trồng bụi, trồng thành những dải hoa hiên, dải hoa phân cách, trồng làm cây hàng rào.</p> <p>Sân vườn được thiết kế với phong cách vườn nhiệt đới (Tropical garden), với những cây trồng chính là những cây trồng bản địa và có nguồn gốc tới từ các khu rừng nhiệt đới với điểm nhấn trong khu vườn là 1 hồ cá Koi. Hoa Hiên được đưa vào trong thiết kế như cây trồng viền, cây trồng trong bồn, cây hàng rào và trồng trong các tiểu cảnh. Với thiết kế và dự trù kinh phí là 466,750,000 VNĐ. Chủ đầu tư đã đồng ý thực hiện theo phương án thiết kế này. Đây là thiết kế đầu tiên sử dụng hoa hiên trang trí cảnh quan tại Hà Nội.</p>

260	Điều tra thực trạng sản xuất hoa lan huệ tại Văn Giang Hưng Yên và đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số tổ hợp lai hoa Lan huệ năm 2014	Nguyễn Thu Hương	PGS.TS. Phạm Thị Minh Phượng	<p>Mục tiêu: Đánh giá thực trạng sản xuất hoa Lan Huệ tại Văn Giang qua đó xác định những thuận lợi, hạn chế trong sản xuất và lựa chọn các dòng lai có triển vọng để thương mại hóa trên thị trường Việt Nam, đặc biệt tại các tỉnh phía Bắc. Kết quả: 11/40 hộ điều tra tại hai xã Phụng Công và xã Xuân Quan có sản xuất hoa Lan Huệ, với các giống phổ biến như đỏ đại, cam thơ, hồng sọc hay trắng và hầu như rất ít hộ sản xuất các loại giống mới. Kỹ thuật áp dụng dựa theo kinh nghiệm. Có 1/11 hộ sử dụng biện pháp nhân giống bằng chẻ củ trong khi đó 2/11 hộ đã biết áp dụng biện pháp xử lý ra hoa dịp Tết. Mặc dù đạt được những thuận lợi về mặt tự nhiên, khí hậu nhưng những khó khăn mà những hộ sản xuất mắc phải đó chính là nguồn cây giống còn nhiều hạn chế, giá thành củ giống ngoại cao, đầu ra của sản phẩm còn gặp nhiều khó khăn. Khóa luận đã lựa chọn các dòng hoa cân đối tiến đến dạng tròn đều như TH17-3, TH19-5, TH17-2, TH44-7, TH44-1, TH28-5, TH28-29 ... một số dòng hoa kích thước nhỏ nhưng cân đối được lựa chọn là TH44-21. Bên cạnh đó, các dòng TH47-21, TH47-28, TH47-10 được lựa chọn vì cách xếp màu rất đặc biệt của cánh hoa và các dòng lai TH44-15, TH47-54, TH47-2, TH55-11, TH55-10 được lựa chọn do có dạng sóng ở viền cánh đẹp và độc đáo</p>
261	Điều tra tình hình tiêu thụ hoa Lan huệ và ứng dụng trong thiết kế cảnh quan sân vườn	Đặng Văn Quy	PGS.TS. Phạm Thị Minh Phượng	<p>Mục tiêu: Đánh giá được nhu cầu của thị trường về chủng loại hoa lan huệ và sử dụng các giống mới trong thiết kế cảnh quan sân vườn biệt thự. Kết quả: Trên các trang mạng online chủng loại lan huệ đang được buôn bán, trao đổi đa dạng về màu sắc, hình dạng hoa thuộc 3 nhóm cây nhập nội, cây lai và cây Việt Nam, trong đó số lượng cây lai đang có xu hướng tăng. Khách hàng đa dạng và ở khắp nơi trên cả nước. Tại các chợ cây xanh, lan huệ được bán cùng với các loại hoa khác và số lượng chỉ bằng 5%- 10% và chủng loại hạn chế, phổ biến là lan huệ nội và huệ nhập ngoại ít nên giá trung bình thấp hơn so với trên trang mạng. Khách hàng chủ yếu là các công ty cảnh quan và người dân trong vùng. Lên phương án thiết kế cảnh quan sân vườn tại Ecopark – Hưng Yên theo phong cách vườn nhiệt đới với các khu chức năng theo mong muốn của chủ nhà. Xây dựng bộ hồ sơ thiết kế gồm bản vẽ các loại và các hình ảnh phối cảnh. Lập bảng dự trù kinh phí với tổng chi phí 80.938.000 đồng.</p>
				<p>Mục tiêu: lựa chọn giá thể phù hợp nhất cho sự sinh trưởng, phát triển của hoa Lan huệ góp phần xây dựng quy trình trồng Lan</p>

262	Ảnh hưởng của giá thể đến sinh trưởng ra hoa của giống Lan huệ Hồng đào trồng chậu và ứng dụng Lan huệ trong cảnh quan sân vườn, biệt thự tại nhà anh Nguyễn Quang Tư, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Quang Đạo	PGS.TS. Phạm Thị Minh Phương	<p>huệ trồng chậu và sử dụng một số loại Lan huệ trong trang trí cảnh quan sân vườn biệt thự nhằm phát triển các giống mới cho thị trường Việt Nam. Kết quả: CT3 đất : trấu hun : phân chuồng tỉ lệ (2:1:0,5) phù hợp cho sinh trưởng của Lan huệ, cho chu vi lớn nhất đạt 23,6 cm , đường kính hoa lớn nhất 18,2 cm và chiều cao ngồng hoa cao nhất 56,0 cm.</p> <p>Thiết kế sân vườn theo phong cách hiện đại với vẻ đẹp thẩm mỹ, phong cách tinh tế mang đến cho chủ nhà một diện mạo mới. Thiết kế đã khéo léo vận dụng tính tương phản trong vật liệu, sử dụng cây một cách tinh tế trong vườn hiện đại. Đặc biệt thiết kế đã sử dụng hoa Lan huệ là điểm nhấn cho công trình. Lan huệ có trồng theo cụm, trồng đơn lẻ.</p>
263	Nghiên cứu ảnh hưởng của độ lớn khoanh thân và một số chế phẩm kích thích ra rễ đến khả năng nhân giống của giống Dứa Queen	Trương Hồng Đức	TS. Đoàn Văn Lư	<p>Mục đích: xác định được một công thức khoanh thân và một chế phẩm kích thích ra rễ phù hợp để cải thiện khả năng nhân giống của giống Dứa Queen. Qua phân tích số liệu tác giả đã xác định được Hom bị chế có tỷ lệ nhiễm nấm và bị chết cao. Hom có độ lớn 1/3 hom giâm có tỷ lệ nhiễm nấm cao là 60%, số chồi ngủ thấp (1,5 chồi/mẫu) nhưng chồi có chiều cao lớn (11,78 cm), số rễ nhiều hơn (3.4 rễ/mẫu)</p> <p>- Sử dụng chế phẩm N3M kích thích ra rễ dứa nhiều hơn (9,3 cm), chiều cao cây lớn hơn (21,6 cm).</p> <p>- GA3 không làm tăng số rễ so với đối chứng nhưng tăng chiều dài rễ.</p>
264	Nghiên cứu một số yếu tố kỹ thuật ảnh hưởng đến khả năng nhân giống chanh leo bằng phương pháp gieo hạt và ghép	Phạm Thị Hoàng Anh	TS. Đoàn Văn Lư	Mục đích: xác định được một công thức phù hợp để nhân giống chanh leo bằng phương pháp gieo hạt và ghép.
265	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số yếu tố đến khả năng nhân giống cây Quýt Thanh Lâm bằng phương pháp chiết cành	Dương Thị Hằng	TS. Đoàn Văn Lư	Mục đích: xác định được một công thức phù hợp để nhân giống cây Quýt Thanh Lâm bằng phương pháp chiết cành
266	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số chế phẩm phân bón lá đến khả năng ra hoa đậu quả và các yếu tố cấu thành năng suất của giống Quýt Thanh Lâm	Vũ Thuận Khuyên	TS. Đoàn Văn Lư	Mục đích: xác định được một chế phẩm phân bón lá phù hợp để nâng cao khả năng ra hoa đậu quả và các yếu tố cấu thành năng suất của giống Quýt Thanh Lâm. Qua phân tích số liệu tác giả đã xác định được phân bón lá Seaweed phun cho quýt Thanh Lâm đã giúp cây sinh trưởng của lộc vượt trội, ra hoa sớm và số quả cuối cùng đạt 3,11 quả.
267	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số chế phẩm phân bón lá đến khả năng ra hoa đậu quả của giống vải U Hồng và vải Thiều Yên Phú tại khoa	Phạm Thị Vui	TS. Đoàn Văn Lư	Mục đích: xác định được một chế phẩm phân bón lá phù hợp cho khả năng ra hoa đậu quả của giống vải U Hồng và vải Thiều Yên Phú tại khoa Nông học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Qua phân tích số liệu tác giả đã xác định được tại Gia Lâm – Hà Nội, vải U hồng ra hoa sớm hơn vải Thiều Yên Phú. Giống U Hồng có thời gian xuất hiện mầm hoa đến hoa nở 40 ngày. Thời gian từ nở hoa đến nở rộ 10 ngày và tắt hoa là 31 ngày.

	Nông học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam			Phân bón lá Botrac cho vải U Hồng và vải Thiệu Yên Phú đều có kết quả vượt trội so với đối chứng phun nước lã. Kết quả cụ thể phun Botrac trên vải U Hồng so với đối chứng phun nước lã đã làm tăng số hoa/chùm, tăng tỷ lệ đậu quả 19,6%, số quả đạt 7,7 quả/chùm, khối lượng quả 25,9 g, năng suất đạt 22,7 kg/cây.
268	Nghiên cứu ảnh hưởng của GA3 đến năng suất và chất lượng của giống nho Cự Phong	Lê Thị Bích Liên	TS. Đoàn Văn Lư	Mục đích: xác định được một công thức phù hợp của GA3 đến năng suất và chất lượng của giống nho Cự Phong. Qua phân tích số liệu tác giả đã xác định được xử lý GA3 nồng độ 30 ppm cho nho Cự Phong làm tăng kích thước, khối lượng chùm quả. - Xử lý GA3 làm giảm số hạt, tăng độ brix, trong đó phun GA3 60 ppm đạt 11,3 độ brix.
269	Khảo sát đặc điểm nông sinh học và nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp cắt tỉa đến năng suất, chất lượng Quýt Thanh Lâm tại huyện Cô Tô - Quảng Ninh	Phạm Minh Cảnh	TS. Đoàn Văn Lư	Mục đích: xác định được một công thức cắt tỉa phù hợp để nâng cao năng suất, chất lượng Quýt Thanh Lâm tại huyện Cô Tô - Quảng Ninh. Qua phân tích số liệu tác giả đã xác định được sinh trưởng và phát triển của cây cam Thanh Lâm ở độ tuổi 5-6 tuổi và 9-10 tuổi, cây nhân giống bằng chiết cành và bằng hạt. Bên cạnh đó, tác giả nghiên cứu về biện pháp cắt tỉa tán cam Thanh Lâm và cho thấy cắt tỉa tán đã kéo dài thời gian hoàn thành lộc và hạn chế một số loại sâu bệnh hại. Cắt tỉa làm tăng tỷ lệ đậu quả 4% so với đối chứng, tăng chiều cao quả 1,58 – 1,15 cm và chiều dài 2,13 – 1,71 cm.
270	Nghiên cứu và thiết kế chất liệu gỗ ứng dụng trong cảnh quan sân vườn biệt thự	Nguyễn Bích Ngọc	TS. Đoàn Văn Lư	Mục đích: Thu thập thông tin để thiết kế chất liệu gỗ ứng dụng trong cảnh quan sân vườn biệt thự.
271	Ảnh hưởng của liều lượng đạm (Ure) đến sinh trưởng, phát triển và các yếu tố cấu thành năng suất của Quýt Thanh Lâm	Vũ Thị Hiền	TS. Đoàn Văn Lư	Mục đích: xác định được một công thức phù hợp của liều lượng đạm (Ure) đến sinh trưởng, phát triển và các yếu tố cấu thành năng suất của Quýt Thanh Lâm.
272	Khảo sát tập tính ra hoa và ảnh hưởng của một số loại phân bón đến khả năng ra hoa đậu quả và năng suất của giống thanh long ruột đỏ TL5 trồng tại Gia Lâm vụ xuân - hè 2018	Lương Thị Hồng Linh	TS. Đoàn Văn Lư - ThS. Nguyễn Thị Thu Hương	Mục đích: xác định được một công thức phù hợp của loại phân bón đến khả năng ra hoa đậu quả và năng suất của giống thanh long ruột đỏ TL5 trồng tại Gia Lâm vụ xuân - hè 2018
273	Ảnh hưởng của liều lượng phân hữu cơ đến sinh trưởng và phát triển của cam Hà Giang	Dương Thị Quyên	TS. Vũ Thanh Hải	Mục đích: Xác định liều lượng phù hợp phân hữu cơ đến sinh trưởng và phát triển của cam Hà Giang. Qua phân tích số liệu tác giả đã xác định được mức bón Mức bón 15 tấn phân hữu cơ Sông Gianh kết hợp với giảm 75% lượng phân bón vô cơ nền (600 kg N+300 kg P2O5+ 600 kg K2O/ha) cho kết quả về số lộc, đường kính và chiều dài lộc vượt trội.

				<p>- Mức bón 22,5 tấn phân hữu cơ Sông Gianh kết hợp với giảm 75% lượng phân bón vô cơ nền (600 kg N+300 kg P₂O₅+ 600 kg K₂O/ha) có số hoa cao hơn đối chứng từ 2,8-10,1 hoa/cành, đồng thời đạt 2,1-5,5 quả/cành và 159,2 quả/cây.</p>
274	Ảnh hưởng của liều lượng phân hữu cơ đến sinh trưởng và phát triển của cây cam tại Cao Phong - Hòa Bình	Đinh Thị Phương	TS. Vũ Thanh Hải	<p>Mục đích: xác định liều lượng phù hợp phân hữu cơ đến sinh trưởng và phát triển của cây cam tại Cao Phong - Hòa Bình. Qua phân tích số liệu tác giả đã xác định được khi bón phân hữu cơ vi sinh Quế Lâm 01 cho cam CS1 độ tuổi 5 năm với 1 lần bón khi cây thu hoạch hết quả vào tháng 1 ở mức 22,5 tấn/ha có sự sinh trưởng chiều dài lộc xuân cao nhất, đạt 10,9cm, tỷ lệ quả đậu cao nhất là 3,8%, quả cam CS1 có chiều cao quả là 4,6 cm và đường kính quả là 4,9 cm.</p> <p>- Giảm mức độ gây hại của một số loại sâu bệnh hại trên cây cam giống CS1. Bón phân hữu cơ ở mức 15 tấn/ha mức gây hại của sâu vẽ bùa thấp nhất đạt 43,3% số cây bị hại, 3,3% số lá bị hại/cây. Mức độ gây hại của sâu cấu xanh và bệnh loét vi khuẩn ở mức thấp nhất khi bón phân hữu cơ với lượng 7,5 tấn/ha đạt 30% số cây cam/công thức và 1,2 số lá/cây bị sâu cấu hại; 3,8% số lá/cây và 2,4% số quả/cây bị bệnh loét gây hại</p>
275	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón lá và vin cành đến sinh trưởng và phát triển bưởi đỏ tại Cao Phong - Hòa Bình	Nguyễn Thị Châm	TS. Vũ Thanh Hải	<p>Mục đích: xác định công thức phù hợp của phân bón lá và vin cành đến sinh trưởng và phát triển bưởi đỏ tại Cao Phong - Hòa Bình. Qua phân tích số liệu tác giả đã xác định được sử dụng phân bón lá Siêu xanh tốt cho kích thước quả lớn nhất với đường kính quả là 10,24cm và chiều cao quả là 10,61cm. Tỷ lệ đậu quả là 4,51% và số lượng quả đạt 73 quả/cây cao hơn phun nước lã (7 quả/cây).</p> <p>- Vin cành 120° cho chiều dài lộc lớn nhất (22,27cm), số cành lộc đạt 271,3 lộc/cây và cho số quả trên cây nhiều nhất (84,2 quả).</p> <p>- Tia còn 2 quả/chùm có đường kính quả và chiều cao quả đạt 11,04cm và 11,13cm, khi để ba quả có đường kính và chiều cao quả đạt 10,67cm và chiều cao quả là 10,51cm.</p>
276	Ảnh hưởng của một số biện pháp kỹ thuật đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng thanh long tại Bình Thuận	Phạm Thị Mơ	TS. Vũ Thanh Hải	<p>Mục đích: xác định công thức phù hợp của chiếu sáng, phân bón lá, tia nư, tia chồi sinh trưởng, năng suất và chất lượng thanh long tại Bình Thuận. Qua phân tích số liệu tác giả đã xác định được tia chỉ để 1 và 2 nư/cành cho tỉ lệ đậu quả cao 84,12%, tỉ lệ quả dị hình, hư hại cũng thấp nhất 0,75 quả/trụ, khối lượng quả cao nhất là 0,81kg, tăng 26% so với đối chứng.</p> <p>- Sử dụng đèn compact 20W giảm 40% lượng điện năng tiêu thụ so với đèn tròn IL 60W, thời gian xuất hiện nư sớm hơn 3 ngày, cho gấp đôi số cành xuất hiện nư (6 cành/trụ), số quả trên cây (6,6 quả/cây) so với không chiếu sáng bổ sung.</p>

				<p>- Cắt tia cành có số lộc mới ra ít nhất là 2,66 lộc/trụ, số lộc tù đầu chỉ 0,41 lộc/trụ, tỉ lệ cành đực thấp 0,08 cành/trụ.</p> <p>- Phun phân bón lá Humic acid 30g/bình 16l cây ra cành mới ít (1,58 lộc/trụ) hạn chế bệnh thán thư và bệnh đốm nâu.</p>
277	Ảnh hưởng của công thức giá thể đến sinh trưởng và phát triển của cây dưa chuột trồng theo phương pháp tưới nhỏ giọt trong nhà nilon tại Từ Sơn - Bắc Ninh	Trần Thị Nết	TS. Vũ Thanh Hải	<p>Mục đích: xác định công thức giá thể phù hợp đến sinh trưởng và phát triển của cây dưa chuột trồng theo phương pháp tưới nhỏ giọt trong nhà nilon tại Từ Sơn - Bắc Ninh. Qua phân tích số liệu tác giả đã xác định được giá thể chứa 75% xơ dừa + 25% trấu hun là thích hợp nhất đối với sinh trưởng, phát triển của cây dưa chuột mini Khassib, năng suất cả thể đạt 2,62 kg/cây. Giá thể 100% trấu hun đạt 2,61 kg/cây.</p> <p>- Giá thể có chứa 100% trấu hun cho có hiệu quả kinh tế cao nhất, đạt 577,5 triệu đồng/ha (Chưa tính khấu hao nhà lưới và thiết bị cố định khác).</p>
278	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón lá, che mưa và cắt tia cành đến sinh trưởng, ra hoa, đậu quả bưởi Diễn tại Lục Ngạn - Bắc Giang	Nguyễn Thị Thắm	TS. Vũ Thanh Hải	<p>Mục đích: Xác định công thức phù hợp của phân bón lá, che mưa và cắt tia cành đến sinh trưởng, ra hoa, đậu quả bưởi Diễn tại Lục Ngạn - Bắc Giang. Qua phân tích số liệu tác giả đã xác định được phun phân bón lá lifemicro vào hai đợt: khi hoa tàn và lần hai các lần 1: 15 ngày cho đường kính quả là 8,38cm cao hơn so với công thức đối chứng là 1,36cm, chiều cao quả là 8,26cm cao hơn so với công thức đối chứng là 1,4cm. Làm tăng tỉ lệ đậu quả (cao hơn so với đối chứng là 0,66%). Tia cành tăm, cành sâu bệnh hại nặng, cành bắt chéo, cành vượt, cành trong tán trúc xuống và áp dụng tia 1 quả/cành cho đường kính quả là 8,86 cm cao hơn so với công thức đối chứng là 1,75cm, chiều cao quả là 8,59cm cao hơn so với công thức đối chứng là 1,49cm. Che nilon trên tán vào thời điểm hoa nở cho tỉ lệ đậu quả là 4,33%, cao hơn so với đối chứng không được che 1,09%.</p>
279	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón gốc đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng rau mồng tơi và rau cải chíp tại tỉnh Hà Nam	Nguyễn Thị Phó	TS. Vũ Thanh Hải - TS. Lê Thị Thủy	<p>Mục đích: xác định phân bón gốc phù hợp đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng rau mồng tơi và rau cải chíp tại tỉnh Hà Nam. Qua phân tích số liệu tác giả đã xác định được sử dụng 5.000 kg phân chuồng hoai mục + 1.000 kg phân bón hữu cơ vi sinh Sakura Keifun/ha cho rau cải xanh đạt năng suất 6,89 tấn/ha, lớn hơn 2,24 tấn/ha (tương đương 48,17%) so với sử dụng phân chuồng</p> <p>- Sử dụng 10.000 kg phân chuồng hoai mục/ha cho rau dền đạt năng suất 10,82 tấn/ha, cao hơn tất cả các loại phân hữu cơ khác trong nghiên cứu.</p>

280	Ảnh hưởng của một số loại giá thể đến sinh trưởng, phát triển và năng suất cà chua trồng trong nhà màng tại Từ Sơn Bắc Ninh	Phạm Thị Thoa	TS. Vũ Thanh Hải	<p>Mục đích: Xác định loại giá thể phù hợp đến sinh trưởng, phát triển và năng suất cà chua trồng trong nhà màng tại Từ Sơn Bắc Ninh. Qua phân tích số liệu tác giả đã xác định được giá thể chứa 75% xơ dừa + 25% trấu hun là thích hợp nhất đối với sinh trưởng, phát triển của cây cà chua. CT5 có thời gian sinh trưởng ngắn nhất (66 ngày), chiều cao cây lớn nhất (139,0cm) với số lá 18-19/cây lá. Giá thể này cho tỷ lệ đậu quả cao (72,3%) và năng suất cả thể đạt 4,0 kg/cây.</p> <p>Các công thức giá thể đều bị sâu vẽ bùa và sâu khoang gây hại ở mức độ như nhau, tuy nhiên bệnh héo xanh ở mức độ nhẹ (6,7 – 13,3%).</p> <p>- Giá thể có chứa 75% xơ dừa+ 25% trấu hun cho có hiệu quả kinh tế cao nhất, đạt 688 triệu đồng/ha (Chưa tính khấu hao nhà lưới và thiết bị cố định khác).</p>
281	Ảnh hưởng của nồng độ auxin, tia chùm hoa và che mưa đến năng suất và chất lượng quả vải chín sớm tại Lục Ngạn - Bắc Giang	Nguyễn Thị Phương Nga	TS. Vũ Thanh Hải	<p>Mục đích: Xác định công thức phù hợp của nồng độ auxin, tia chùm hoa và che mưa đến năng suất và chất lượng quả vải chín sớm tại Lục Ngạn - Bắc Giang. Qua phân tích số liệu tác giả đã xác định được phun α-NAA nồng độ 30 ppm vào 2 đợt: khi quả bằng hạt đậu xanh và khi quả đạt đường kính 2 cm cho năng suất đạt 49,00 kg/cây; khối lượng quả 27,50 gam/quả; độ Brix 17,03 cao.</p> <p>- Cắt bỏ đi chiều dài 2/3 theo chiều dài chùm hoa đạt tỷ lệ đậu quả 6,21%, cao hơn so với đối chứng 4,19% (Tỷ lệ đậu quả tính theo số hoa/cành theo dõi).</p> <p>các công thức còn lại.</p> <p>- Che tán cho cây vải cho năng suất đạt 13,66 kg/cây; khối lượng quả 27,66 gam/quả; độ Brix 16,76 cao hơn so với cây không được che.</p>
282	Nghiên cứu ảnh hưởng của thành phần giá thể đến sinh trưởng phát triển của nấm sò tím tại Hưng Yên	Trần Thị Quý	TS. Vũ Thanh Hải	<p>Mục đích: xác định công thức thành phần phù hợp giá thể đến sinh trưởng phát triển của nấm sò tím tại Hưng Yên. Qua phân tích số liệu tác giả đã xác định được đối với nấm sò tím, giá thể chứa 89% mùn cưa + 10% cám ngô + 1% bột nhẹ thể hiện rõ sự vượt trội về tốc độ tăng trưởng sợi nấm, thời gian phủ kín bịch nấm, đạt năng suất cao 264,44 g/bịch và lợi nhuận cao 2.918 đ/bịch.</p> <p>Cây cà chua gieo trên giá thể 50% bã nấm sò + 50% trấu hun cây giống sinh trưởng vượt trội. Còn đối với xà lách công thức phù hợp là 100% bã nấm sò.</p>

283	Ảnh hưởng của liều lượng phân bón, vin cành, bấm ngọn đến sinh trưởng và phát triển của cây ổi Đài Loan giai đoạn kiến thiết cơ bản tại Từ Sơn - Bắc Ninh	Trần Thu Thảo	ThS. Nguyễn Thị Phương	Mục tiêu chính: xác định được lượng phân bón NPK, biện pháp vin cành, và bấm ngọn phù hợp cho sinh trưởng và phát triển của cây ổi Đài Loan trong thời kỳ kiến thiết cơ bản tại Từ Sơn – Bắc Ninh. Kết quả chính: 1) Công thức bón phân ở mức 60g/cây (2 tháng bón 1 lần) trong thời kỳ kiến thiết cơ bản cho kết quả tốt nhất so với các công thức thí nghiệm còn lại về sinh trưởng phát triển của cây ổi Đài Loan; 2) Vin cành ở mức 90° và 120° đều cho những giá trị tốt nhất về sự tạo lộc của cây ổi Đài Loan thời kỳ kiến thiết cơ bản; 3) Công thức bấm ngọn để lại 4 cặp lá khiến cây bật lộc nhanh nhất (9 ngày sau khi bấm). Đồng thời, với số lượng lộc được không chế ở mức vừa đủ để chọn cành cấp 1 nên cành lộc ở CT3 phát triển khỏe, đường kính lộc cũng lớn hơn hai công thức còn lại. Vì vậy, áp dụng kỹ thuật bấm ngọn để lại 4 cặp lá là công thức mang lại hiệu quả nhất cho giai đoạn tạo tán cho cây ổi ở thời kỳ kiến thiết cơ bản.
284	Nghiên cứu ảnh hưởng của biện pháp thụ phấn bổ sung đến năng suất, chất lượng quả thanh long ruột đỏ TL5 và ĐL3 tại Gia Lâm - Hà Nội	Phạm Thị Luyến	ThS. Nguyễn Thị Phương	Mục tiêu chính: Đánh giá được ảnh hưởng của nguồn phấn thụ phấn bổ sung tới sinh trưởng, năng suất, chất lượng quả của hai giống thanh long ruột đỏ là TL4 (Viện Nghiên cứu rau quả chọn lọc từ giống thanh long ruột đỏ Đài Loan) và ĐL3 (giống thanh long ruột đỏ nhập nội từ Đài Loan). Kết quả chính: Thụ phấn bổ sung có tác dụng rõ trong việc nâng cải thiện khối lượng quả qua đó nâng cao năng suất cho thanh long; Giống thanh long TL4: Các nguồn phấn bổ sung phấn cho thanh long TL4 đều cho năng suất chất lượng quả cao; Giống thanh long ĐL3: Đây là thanh long nội nhập mới nên năng suất chất lượng quả còn thấp. Nguồn phấn giống BT2 và TL5 bổ sung cho giống thanh long ĐL3 cho năng suất chất lượng vượt trội; nhìn chung tác động gây hại của chúng đến không lớn nên không ảnh hưởng lớn đến năng suất chất lượng quả
285	Đánh giá hiệu quả của một số loại phân bón lá hữu cơ đối với rau ăn lá tại Lý Nhân - Hà Nam vụ xuân 2018	Lê Thị Lan Anh	TS. Vũ Thanh Hải - TS. Lê Thị Thủy	<p>Mục đích: xác định được một loại phân bón lá hữu cơ phù hợp đối với rau ăn lá tại Lý Nhân - Hà Nam vụ xuân 2018. Qua phân tích số liệu tác giả đã xác định được sử dụng phân bón lá hữu cơ Sea Sol (40ml/ bình 16l) kết hợp với phân bón lá Power Feed (25ml/ bình 16l) cho năng suất cải xanh cao nhất đạt 20,93 tấn/ha, cao hơn 5,23 tấn và tăng 33% so với phun nước, lợi nhuận tăng 106,639 nghìn đồng/ha so với phun nước.</p> <p>- Sử dụng phân bón lá hữu cơ To Ho (25ml/ bình 16l) trên rau mồng tơi cho năng suất cao nhất đạt 15,22 tấn/ha, cao hơn 1,96 tấn (14,49%) so với phun nước (13,53 tấn/ha). Đồng thời cho hiệu quả kinh tế cao nhất, lợi nhuận tăng 29,220 nghìn đồng/ha so với phun nước.</p>

286	<p>Nghiên cứu nhân giống một số cây họ gừng (<i>Zingiberaceae</i>) bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào</p>	Phạm Thị Thu Thủy	ThS. Trịnh Thị Mai Dung - TS. Trần Anh Tuấn	<p>Mục đích: xác định được một công thức phù hợp của nhân giống một số cây họ gừng (<i>Zingiberaceae</i>) bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào. Kết quả chính: • Tác giả đã nghiên cứu ảnh hưởng của một số yếu tố đến khả năng nhân nhanh cây nghệ và cây ngải tiên in vitro, kết quả cho thấy:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Biện pháp khử trùng kép thân củ Ngải Tiên với Presept 0,5% trong 30 phút + HgCl₂ 0,1% trong 10 phút, cho tỷ lệ mẫu tái sinh chồi sạch đạt 60,00%, chồi có hình thái mập, đậm. Khử trùng đơn thân củ Ngải Tiên bằng HgCl₂ 0,1% trong 10 phút cho tỷ lệ mẫu tái sinh chồi sạch đạt 40,00%, chồi tái sinh to, màu đậm. • Trong nhân nhanh cây ngải tiên, môi trường thích hợp nhất cho ngải tiên Sapa 2009 là MS +30g/l đường + 6,0g/l agar + 1,5ppm BAP + 0,5ppm α-NAA với hệ số nhân chồi là 1,89, chiều cao chồi 1,74cm; Môi trường thích hợp nhất cho ngải tiên Tây Tựu là MS +30g/l đường + 6,0g/l agar + 1,25ppm TDZ + 1g than hoạt tính với hệ số nhân chồi là 3,07, chiều cao chồi 6,77cm, số lá/ chồi 1,8 lá. Trong nhân nhanh cây nghệ: Môi trường MS + 30g đường/L + 6,0g agar/L 1ppm BAP + 0,2ppm α-NAA cho hệ số nhân chồi là 3, chiều cao chồi là 8,23cm và số lá/chồi là 2,93 lá. Môi trường lỏng MS + 20g đường/L + 0,5ppm BAP + 0,1ppm α-NAA+ 20ml/l nước dừa cho kết quả cao nhất: chồi có chất lượng tốt, chiều cao chồi là 7,42cm hệ số nhân là 4,93 có số lá/cây là 2,71 lá. Giá thể ra ngôi cây Nghệ hoa trắng và cây Ngải tiên phù hợp là 50% xơ dừa + 50% trấu hun cho chiều cao cây lớn và số lá trên cây ổn định từ 2-3 lá; Giá thể giai đoạn vườn ươm cây Nghệ là 50% đất + 50% xơ dừa (cây cao 10,3 cm; số lá từ 3-4 lá/cây)
287	<p>Nghiên cứu đặc điểm nông sinh học của một số loại cây họ Gừng (<i>Zingiberaceae</i>) trồng tại Gia Lâm, Hà Nội vụ xuân hè 2018</p>	Nguyễn Thị Quyên	ThS. Trịnh Thị Mai Dung	<p>Mục đích: xác định được một công thức phù hợp của một số loại cây họ Gừng (<i>Zingiberaceae</i>) trồng tại Gia Lâm, Hà Nội vụ xuân hè 2018. • Phân nhóm theo chiều cao cây: nhóm 1 >80cm (có thể dùng làm cảnh dạng bụi hay làm nền cảnh quan, cây phát triển thời gian liên tục, không có thời gian ngủ đông); Nhóm 2: ≤50 – 80 cm (dùng để trồng viền, trồng thành thảm, cây trồng chậu. Trong đó các mẫu giống MG6, MG8 có bộ lá đẹp có thể dùng trang trí làm điểm nhấn).</p> <ul style="list-style-type: none"> • 7/33 mẫu giống (N1, N3, MG1, MG4, MG6, MG8) có cụm hoa với màu sắc đẹp, có mùi thơm dịu, độ bền dài (5 – 27 ngày) thích hợp làm cây hoa, cây cảnh. Các mẫu giống khác sinh trưởng tốt nhưng chưa hay không có hoa nên cần nghiên cứu thêm.

288	Nghiên cứu ảnh hưởng của giá thể, chế độ nước tưới đến sự sinh trưởng, phát triển của cây Saphia trồng trong vườn đứng và ứng dụng vào thiết kế vườn tường	Đoàn Thị Thương	ThS. Bùi Ngọc Tấn	Nghiên cứu thực hiện đánh giá khả năng sinh trưởng và phát triển của 4 loại cây trồng trên vườn tường là Cỏ lan chi, Sóng đời, Thái lái tía và Dừa cạn với 4 công thức tưới khác nhau 2, 5 và 7 ngày so với đối chứng tưới hàng ngày bằng hệ thống tưới nhỏ giọt. Nghiên cứu có thấy, việc tưới nước 2 ngày/ lần cho sinh trưởng của các cây đều tốt tương đương so với đối chứng. Riêng có nhóm cây Thái lái tía và sóng đời có thể chịu được điều kiện tưới rất ít (7 ngày/ lần). Trong khi Cỏ lan chi và Dừa cạn ở các công thức tưới từ 5 - 7 ngày đều cho sinh trưởng rất kém trong điều kiện vườn tường. Nghiên cứu cũng đã được ứng dụng để thiết kế vườn tường cho biệt thự tại Ecopak ứng với các điều kiện nắng, nước tưới khác nhau của ngôi nhà.
289	Nghiên cứu ảnh hưởng của điều kiện chiếu sáng đến sinh trưởng của một số loại cây nội thất và ứng dụng thiết kế vườn tường	Đào Thị Tuyết Mai	ThS. Bùi Ngọc Tấn	Nghiên cứu gồm hai nội dung: Nội dung 1: Đánh giá khả năng sinh trưởng của 3 loại cây: Saphia, thái lái tía và cỏ lan chi trong điều kiện chiếu sáng nhân tạo với 4 công thức chiếu sáng là Ánh sáng tán xạ tự nhiên, ánh sáng led phối nhiều màu; Led xanh dương và led đỏ. Nghiên cứu cho thấy, trong điều kiện ánh sáng nhân tạo, cây có xu hướng tăng chiều cao nhanh hơn và tăng chỉ số diệp lục cao hơn so với đối chứng. Nghiên cứu được ứng dụng trong thiết kế không gian canh xanh nội thất quán cà phê tại Gia Lâm, Hà Nội. Trong đó, điểm mạnh của thiết kế là tận dụng tối đa ánh sáng tại các khu vực để bố trí loại cây trồng phù hợp.
290	Thiết kế trang trại sản xuất nông nghiệp theo hướng trang trại giáo dục ở Từ Sơn - Bắc Ninh	Nguyễn Quang Vĩnh	TS. Vũ Thanh Hải - ThS. Bùi Ngọc Tấn	Đề tài thực hiện thiết kế chi tiết khuôn viên trang trại theo hướng giáo dục tại Từ Sơn - Bắc - Ninh với quy mô xấp xỉ 05 ha. Trong đó, phần lớn diện tích để thực hiện trồng cây nông nghiệp; nhà màng, nhà lưới. Bố cục của thiết kế được dựa trên địa hình có sẵn và các công trình kiến trúc xây dựng từ trước. Vì vậy, thiết kế chủ yếu về cảnh quan là khu vực nhà điều hành của trang trại. Thiết kế đã đảm bảo các yêu cầu về công năng sử dụng, chủng loại cây để trồng, chăm sóc và tối đa hóa được hiện trạng sẵn có của trang trại.
291	Nghiên cứu ảnh hưởng thời gian ngâm giá thể tới sinh sự sinh trưởng của hoa súng và ứng dụng cây thủy sinh vào thiết kế cảnh quan bốn hồ - Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Bùi Thiện Tâm	ThS. Bùi Ngọc Tấn	Nghiên cứu tập trung vào việc đánh giá khả năng sinh trưởng của 2 loài hoa súng mini trắng hồng và tím trong các điều kiện đất ngâm 3, 2 và 1 tuần so với đối chứng là bùn ao. Nghiên cứu đã cho thấy, thời gian ngâm càng lâu thì chất lượng hoa và số lượng bông càng nhiều hơn. Nghiên cứu cũng được ứng dụng vào việc thiết kế không gian mặt nước tại Westbay, Ecopark. Trong đó, sinh viên đã khéo léo kết hợp các dạng cây bán thủy sinh với thủy sinh để tạo nên cảnh quan mặt nước hài hòa.

292	Điều tra, đánh giá hiện trạng và đề xuất thiết kế cải tạo không gian xanh trong khuôn viên các trường trung học cơ sở quận Hà Đông	Lê Thị Ngọc	ThS. Bùi Ngọc Tấn	Nghiên cứu đánh giá hiện trạng cây xanh tại 15 trường trung học thuộc quận Hà Đông và công tác quản lý cây xanh tại các trường này. Chủng loại cây xanh tại các trường khá đa dạng với 56 loài với 21 loài cây bóng mát; 18 loài cây bụi, 16 loài cây thảm, hoa thời vụ và 1 loài cây dây leo. Tuy nhiên, công tác quản lý còn gặp nhiều hạn chế. Mật độ và tỷ lệ phủ xanh còn thấp; chưa đạt các tiêu chuẩn về mức độ phủ xanh đối với trường học (>30% tổng diện tích). Nghiên cứu cũng đề xuất cải tạo, trồng bổ sung và trồng mới một số loại cây cần thay thế trong khuôn viên. Bên cạnh đó, việc thiết kế cải tạo lại khuôn viên 01 trường Trung học với giải pháp tập trung vào các nhóm cây vườn đứng, cây nội thất, giàn leo khá phù hợp với nhu cầu của trường học.
293	Nghiên cứu ảnh hưởng của chất kích thích sinh trưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây bóng mát giai đoạn vườn ươm và thiết kế hệ thống cây xanh khuôn viên	Phạm Quang Hiệp	ThS. Bùi Ngọc Tấn	Nghiên cứu xác định ảnh hưởng của 2 loại chất kích thích sinh trưởng N3M và IAA đến sinh trưởng của 4 loại cây bóng mát trong giai đoạn vườn ươm là Sấu, Giáng hương, Kèn hồng và kèn vàng so với việc không sử dụng chất kích thích sinh trưởng. Nghiên cứu cho thấy, sử dụng Các chất kích thích sinh trưởng cho chiều cao, bộ rễ phát triển mạnh hơn so với việc không sử dụng. Sinh viên cũng đã thiết kế 01 khuôn viên với hệ thống cây xanh bóng mát phù hợp với công năng là trường học.
294	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của cây hoa leo và ứng dụng cây dây leo trong thiết kế cảnh quan	Đặng Thị Yến	ThS. Bùi Ngọc Tấn	Nghiên cứu đánh giá 10 loài hoa leo phổ biến trồng tại Gia Lâm Hà Nội. Nghiên cứu cho thấy các loài này đều sinh trưởng tốt trong điều kiện Gia Lâm, Hà Nội. Trong đó, một số loài có khả năng sinh trưởng và ra hoa quanh năm là Mai hoàng yến, huỳnh anh và kim ngân hoa. Các loài còn lại đều cho hoa mùa hè và rụng lá vào mùa đông. Ứng dụng nghiên cứu vào thiết kế khuôn viên cảnh quan quán cà phê số 01 Trần Hữu Dực. Nghiên cứu sử dụng kết hợp giữa các loại cây hoa leo và các loại hoa lưu niên khác để tạo ra thiết kế hài hòa. Loại hoa leo được sử dụng gồm Sử quân tử, Mai hoàng yến, hoa giấy.
295	Nghiên cứu ảnh hưởng của biện pháp ủ trấu sử dụng làm giá thể đến khả năng sinh trưởng, phát triển của cây hoa Dạ yến thảo (<i>Petunia hybrida</i>) tại vụ xuân 2018, Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Hoài	ThS. Bùi Ngọc Tấn	Nghiên cứu đánh giá khả năng sử dụng trấu không hun đến khả năng sinh trưởng và phát triển của hoa Dạ Yến Thảo trong vụ Xuân 2018. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc sử dụng các biện pháp ủ trấu tươi bằng trichodema trong thời gian 3, 5 và 7 tuần đều cho kết quả tốt tương đương với giá thể sử dụng trấu hun. Trong đó, đáng chú ý việc sử dụng tỷ lệ trấu ủ 7 tuần với tỷ lệ 3:7 cho số lượng hoa nhiều nhất so với đối chứng.
296	Nghiên cứu khả năng lai tạo và ảnh hưởng của phân bón lá đến sinh trưởng và phát triển của cây dâm bụt sau nhân giống	Lương Ngọc Linh	ThS. Bùi Ngọc Tấn	Đề tài nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón lá Altonik, N3M đến sinh trưởng và phát triển của hai loài dâm bụt hồng kép và dâm bụt đơn đỏ thái. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc sử dụng phân bón lá N3M cho kết quả tốt đối với sinh trưởng và cho số lượng hoa nhiều hơn so với sử dụng Altonik và nước lã.

297	Thiết kế cảnh quan sân vườn biệt thự ECOPARK theo phong cách hiện đại	Nguyễn Thị Giang	ThS. Nguyễn Anh Đức	Đề tài thực hiện thiết kế cảnh quan sân vườn biệt thự ECOPARK theo phong cách hiện đại. Kết quả nghiên cứu đã đưa ra được phương án thiết kế phù hợp với yêu cầu đặt ra và yêu cầu của chủ đầu tư. Bản thiết kế mang tính thẩm mỹ cao, công năng sử dụng đảm bảo với nhu cầu của gia chủ
298	Thiết kế cảnh quan khuôn viên câu lạc bộ thể thao MIMOSA Thảo Nguyên tại khu đô thị ECOPARK- Văn Giang- Hưng Yên	Hoàng Thị Lan Anh	ThS. Nguyễn Anh Đức	Đề tài tiến hành thực hiện thiết kế cảnh quan khuôn viên câu lạc bộ thể thao MIMOSA Thảo Nguyên tại khu đô thị ECOPARK- Văn Giang- Hưng Yên. Kết quả đề tài đã đưa ra được phương án thiết kế cảnh quan phù hợp với yêu cầu từ chủ đầu tư, dân cư cũng như phù hợp với hiện trạng của công trình. Công trình khi được thi công sẽ có tính thẩm mỹ cao, đảm bảo các yêu cầu công năng cơ bản của một khu câu lạc bộ công cộng.
299	Thiết kế cảnh quan khu vui chơi trẻ em tại khu du lịch Tam Cốc- Ninh Bình	Nguyễn Thị Liên	ThS. Nguyễn Anh Đức	Đề tài thực hiện thiết kế cảnh quan khu vui chơi trẻ em tại khu du lịch Tam Cốc- Ninh Bình. Kết quả thực hiện đã đưa ra được bản thiết kế cảnh quan phù hợp với yêu cầu của chủ đầu tư. Góp phần cải thiện cảnh quan của khu nghỉ dưỡng và thu hút khách du lịch nhiều hơn.
300	Thiết kế cảnh quan vườn nghi dưỡng theo phong cách Nhật Bản	Phạm Ngọc Linh	ThS. Nguyễn Anh Đức	Đề tài thực hiện dựa trên việc thiết kế cảnh quan vườn nghi dưỡng theo phong cách Nhật Bản. Kết quả đã đưa ra được bản thiết kế phù hợp với yêu cầu của chủ đầu tư cũng như đáp ứng đầy đủ yêu cầu đặc trưng của một vườn kiểu Nhật truyền thống và các cây trồng sử dụng phù hợp với điều kiện sinh thái ở Việt Nam. Công trình khi được thi công sẽ là một công trình tiêu biểu của loại hình vườn Nhật tại Việt Nam
301	Thiết kế cảnh quan sân vườn biệt thự tại Hà Nam	Vũ Thị Nhật Lệ	ThS. Nguyễn Anh Đức	Đề tài được thực hiện thiết kế cảnh quan sân vườn biệt thự tại Hà Nam. Qua quá trình phân tích hiện trạng, thiết kế, đã đưa ra được phương án thiết kế hợp lý, có tính thẩm mỹ cao và phù hợp với yêu cầu của chủ đầu tư. Bản thiết kế góp phần giúp công trình trở nên hấp dẫn hơn và có giá trị hơn.
302	Đánh giá đặc điểm nông sinh học và ảnh hưởng của giá thể trồng đến sinh trưởng và phát triển của một số giống hoa Phong Vũ nhập nội (<i>Zephyranthes L.</i>) tại Gia Lâm, Hà Nội	Đỗ Thị Nga	ThS. Nguyễn Anh Đức	Qua việc đánh giá đặc điểm nông sinh học và ảnh hưởng của giá thể trồng đến sinh trưởng và phát triển của một số giống hoa Phong Vũ nhập nội (<i>Zephyranthes L.</i>) tại Gia Lâm, Hà Nội. Kết quả cho thấy công thức số 4 (Gôm xốp : Đất (1:1)) cho khả năng sinh trưởng và phát triển của phong vũ là tốt nhất, ngoài ra qua thí nghiệm cũng cho thấy hầu hết các dòng phong vũ nhập nội đều có khả năng sinh trưởng phát triển tốt trong điều kiện Hà Nội. Đây là kết quả có ý nghĩa đối với công tác chọn tạo giống phong vũ ở Việt Nam.

303	Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật nhân giống hoa Phong Vũ (<i>Zephyranthes L.</i>) tại Gia Lâm, Hà Nội	Nông Thị Hoài Thu	ThS. Nguyễn Anh Đức	Đề tài được thực hiện dựa trên việc nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật nhân giống hoa Phong Vũ (<i>Zephyranthes L.</i>) tại Gia Lâm, Hà Nội. Kết quả đã cho thấy giá thể với công thức số 1 đem lại kết quả cao nhất và việc sử dụng thuốc kích thích N3M cũng đem lại sự phát triển rễ tốt hơn. Đây là kết quả có ý nghĩa đối với việc nhân giống hoa phong vũ ở Việt Nam.
304	Nghiên cứu đặc điểm nông sinh học và ảnh hưởng của dung dịch dinh dưỡng đến khả năng sinh trưởng, phát triển của một số giống Xà lách trồng thủy canh tại Nghi Xuân, Hà Tĩnh	Hoàng Thị Vân Anh	ThS. Nguyễn Anh Đức	Đề tài được thực hiện dựa trên việc nghiên cứu đặc điểm nông sinh học và ảnh hưởng của dung dịch dinh dưỡng đến khả năng sinh trưởng, phát triển của một số giống Xà lách trồng thủy canh tại Nghi Xuân, Hà Tĩnh. Kết quả nghiên cứu đã tìm được 2 giống xà lách có sinh trưởng và phát triển tốt nhất, ngoài ra dung dịch dinh dưỡng của Hachi là cho các chỉ tiêu vượt trội hơn và năng suất cao hơn.
305	Nghiên cứu ảnh hưởng của giá thể đến sự sinh trưởng và phát triển của cây Ngọc Ngân trồng trong nội thất	Phạm Thị Liên	ThS. Nguyễn Anh Đức	Đề tài thực hiện trên nội dung nghiên cứu ảnh hưởng của giá thể đến sự sinh trưởng và phát triển của cây Ngọc Ngân trồng trong nội thất. Kết quả nghiên cứu cho thấy CT4 (60% gôm : 40% chất độn) là công thức cho cây sinh trưởng phát triển tốt nhất. Đây là kết quả có ý nghĩa đối với việc trồng và chăm sóc cây Ngọc ngân nói riêng cũng như cây nội thất nói chung trong các công trình nội thất.
306	Nghiên cứu ảnh hưởng của nồng độ phun enzyme sinh học Enchoice kết hợp với liều lượng bón N, P, K đến khả năng sinh trưởng, năng suất, chất lượng của rau xà lách trong vụ xuân hè 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Hoàng Thị Quỳnh Anh	PGS.TS. Trần Thị Minh Hằng	Đề tài đã tiến hành với nội dung nghiên cứu ảnh hưởng của nồng độ phun enzyme sinh học Enchoice kết hợp với liều lượng bón N, P, K đến khả năng sinh trưởng, năng suất, chất lượng của rau xà lách trong vụ xuân hè 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội. Kết quả đã xác định được nồng độ phun chế phẩm sinh học Enchoice 111 ppm kết hợp với 50% lượng bón NPK thông dụng cho hiệu quả tốt nhất đối với rau xà lách và rau muống.
307	So sánh một số giống cà chua lai F1 nhập nội từ Trung Quốc trong vụ Đông xuân muộn năm 2017 - 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Lê Thị Vân Anh	PGS.TS. Trần Thị Minh Hằng	Trên cơ sở so sánh một số giống cà chua lai F1 nhập nội từ Trung Quốc trong vụ Đông xuân muộn năm 2017 - 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội, kết quả đã xác định được các đặc điểm nông sinh học của 5 giống cà chua lai F1 nhập nội từ Trung Quốc, kết quả đã chọn ra được 3 giống (ký hiệu TQ1, TQ2, TQ3) sinh trưởng phát triển tốt hơn cả, cho năng suất cao và chất lượng ăn tươi tốt, tốt hơn 2 giống còn lại. Các giống này có thể giới thiệu cho sản xuất trong vụ đông xuân muộn ở vùng ĐBSH.

308	Nghiên cứu sử dụng phân hữu cơ ủ từ phụ phẩm nông nghiệp trong sản xuất rau hữu cơ tại Sóc Sơn - Hà Nội	Lê Xuân Đại	PGS.TS. Trần Thị Minh Hằng	Trên cơ sở nghiên cứu liều lượng bón phân hữu cơ ủ từ phụ phẩm trồng trọt có sử dụng chế phẩm VSV mới Bio-02 trong sản xuất rau hữu cơ tại Sóc Sơn - Hà Nội vụ xuân hè 2018, đề tài đã xác định được lượng phân hữu cơ ủ bón cho cà chua và dưa chuột có hiệu quả hơn cả là 14 tấn/ha, trong khi đó lượng bón tốt hơn cả đối với cải ngồng là 12 tấn/ha. Đây là các mức bón nhiều nhất trong các mức nghiên cứu. Điều này cho thấy việc tăng cường bón phân hữu cơ ủ càng có tác dụng đối với cây cà chua, dưa chuột và cải ngồng.
309	Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình quản lý dự án thi công cảnh quan tại Công ty Cổ phần Cảnh quan Babylon	Lê Quý Tú	PGS.TS. Trần Thị Minh Hằng	Trên cơ sở nghiên cứu, hoàn thiện quy trình quản lý dự án thi công cảnh quan tại Công ty Cổ phần Cảnh quan Babylon, kết quả đã xác định được những khó khăn bất cập, hạn chế trong qui trình quản lý cũ của công thy, trên cơ sở đó đã đề xuất hoàn thiện qui trình quản lý cho các dự án cảnh quan một cách hợp lý và hiệu quả hơn. Kết quả này rất có ý nghĩa cho việc quản lý các dự án của các công ty cảnh quan.
310	Thiết kế cảnh quan sân vườn biệt thự số 180 khu biệt thự PARKRIVER khu đô thị ECOPARK.	Nguyễn Văn Đô	PGS.TS. Trần Thị Minh Hằng	Trên cơ sở điều tra, phân tích hiện trạng khu đất thiết kế, sinh viên đã lên được ý tưởng và thiết kế được cảnh quan sân vườn cho biệt thự số 180, khu biệt thự Ecopark với các bản vẽ tổng thể và chi tiết cho từng khu chức năng cũng như hạch toán chi tiết cho việc thi công theo thiết kế.
311	Thiết kế cảnh quan sân vườn hồ cá Koi cho biệt thự tại KĐT Vinhomes Riverside, Long Biên, Hà Nội	Phạm Thị Mơ	PGS.TS. Trần Thị Minh Hằng	Trên cơ sở điều tra, phân tích hiện trạng khu đất thiết kế cùng với việc điều tra khảo sát nhu cầu của người dân và chủ đầu tư (chủ biệt thự), sinh viên đã lên được ý tưởng và thiết kế được cảnh quan sân vườn cho biệt thự tại khu Starlake cùng với các bản vẽ tổng thể và chi tiết cho từng khu chức năng cũng như hạch toán chi tiết cho việc thi công theo thiết kế.
312	Thiết kế cảnh quan sân vườn biệt thự tại Đông Anh - Hà Nội	Trần Thị Hải	PGS.TS. Trần Thị Minh Hằng	Trên cơ sở điều tra, phân tích hiện trạng khu đất thiết kế, sinh viên cũng đã lên được ý tưởng và thiết kế được cảnh quan sân vườn cho biệt thự ở Starlake với các bản vẽ tổng thể và chi tiết cho từng khu chức năng cũng như hạch toán chi tiết cho việc thi công theo thiết kế.
313	Nghiên cứu sử dụng phân hữu cơ thay thế cho phân vô cơ trong sản xuất rau an toàn vụ xuân hè năm 2018 tại xã Văn Đức	Nguyễn Như Phong	PGS.TS. Trần Thị Minh Hằng	Trên cơ sở đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển và năng suất của các một số loại rau ăn quả (dưa chuột) và ăn lá (rau cải ngọt), đã xác định được liều lượng phân hữu cơ thích hợp thay thế cho 25% phân vô cơ NPK đảm bảo sản xuất rau an toàn hiệu quả trong điều kiện canh tác tại Gia Lâm- Hà nội
314	Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng bón phân hữu cơ vi sinh đến sinh trưởng và năng suất của giống hành củ đa bội mới chọn tạo trong vụ đông xuân 2017 -2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Lê Thị Khánh Huyền	PGS.TS. Trần Thị Minh Hằng	Kết quả đề tài đã xác định được liều lượng bón phân tổng hợp hữu cơ vi sinh 2 tấn/ha thích hợp cho giống hành củ đa bội mới chọn tạo trong điều kiện vụ đông xuân. Kết quả này nhằm góp phần hoàn thiện quy trình bón phân hợp lý cho giống hành củ này tại Gia Lâm – Hà Nội.

315	Đánh giá đặc điểm nông sinh học một số dòng dưa chuột tự phối tái tổ hợp giữa nguồn gen Việt Nam và Nhật Bản trong vụ xuân hè 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nghiêm Thị Hằng	PGS.TS. Trần Thị Minh Hằng	Trên cơ sở đánh giá các đặc điểm nông sinh học của các dòng dưa chuột tự phối tái tổ hợp đời thứ nhất giữa nguồn gen Việt Nam và Nhật Bản trong vụ xuân hè 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội, chọn ra được một số dòng mang các đặc điểm có giá trị được di truyền từ bố, mẹ nhằm phục vụ cho công tác chọn tạo giống dưa chuột chất lượng cao ở Việt Nam
316	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số dòng dưa chuột tự phối tái tổ hợp giữa nguồn gen HB1 và Nhật Bản trong vụ xuân hè 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Vũ Thị Bích Ngọc	PGS.TS. Trần Thị Minh Hằng	Trên cơ sở đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, tình hình sâu bệnh hại và năng suất của các dòng dưa chuột tự phối tái tổ hợp đời thứ 2 giữa nguồn gen HB1 và một số nguồn gen nhập nội từ Ngân hàng gen Nhật Bản trong vụ xuân hè 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội, chọn ra được một số dòng tổ hợp được các tính trạng có giá trị từ dòng bố và mẹ để làm nguồn vật liệu khởi đầu cho công tác chọn tạo giống dưa chuột tại Việt Nam.
317	Xác định khả năng sinh trưởng, phát triển và năng suất của cây rau xà lách trong hệ thống Aquaponic với nồng độ dung dịch Hume	Đỗ Hà Linh	GS. TS. Phạm Tiến Dũng	Trong hệ aquaponic bổ sung Hume thích hợp cho xà lách là nồng độ 2%, với rau đay là 1,5%
318	Xác định khả năng sinh trưởng, phát triển của cây cà chua trong hệ thống Aquaponic với dinh dưỡng Hume ở các nồng độ khác nhau	Nguyễn Thị Thúy Ngoan	GS. TS. Phạm Tiến Dũng	Đối với mồng toi trong hệ Aquaponic chỉ cần bổ sung dinh dưỡng Hume với nồng độ 1 ml cho 1 lit nước là tốt nhất
319	Xác định khả năng sinh trưởng và phát triển của một số loại rau trồng trong hệ thống Aquaponics với các nồng độ dinh dưỡng Hume bổ sung khác nhau	Nguyễn Đình Tuấn	GS. TS. Phạm Tiến Dũng	Trong hệ aquaponic bổ sung Hume thích hợp cho rau muống là 1,5 ml cho 1 lit nước
320	Xác định khả năng sinh trưởng, phát triển và năng suất của rau cải bẹ trong hệ thống Aquaponics với các nồng độ dinh dưỡng bổ sung khác nhau	Bùi Quang Huy	GS. TS. Phạm Tiến Dũng	Trong hệ aquaponic bổ sung Hume thích hợp cho cải bẹ Đông dư là nồng độ 1 ml cho 1 lit nước, với rau muống là 2 ml
321	Xác định khả năng sinh trưởng, phát triển và năng suất của cây rau cải chíp trong hệ thống Aquaponic với nồng độ dung dịch Hume	Nguyễn Thị Hương Lan	GS. TS. Phạm Tiến Dũng	Trong hệ thống Aquaponic, nồng độ Hume bổ sung thích hợp với rau dền là 2%
322	Nghiên cứu ảnh hưởng của 3 loại nồng độ khác nhau của dung dịch Hume đến sinh trưởng và năng suất đối với rau cải ngọt và xà lách trong hệ thống thủy canh động trên nền giá thể trơ tại Trung tâm nông nghiệp Hữu cơ	Dương Thị Hương	GS. TS. Phạm Tiến Dũng	Với nồng độ dung dịch HUME 2% rau dền và mồng toi trong hệ thống Aquaponic luôn có ưu thế hơn về tất cả các chỉ tiêu trên đồng thời cũng đạt năng suất cao nhất

323	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số nồng độ dung dịch dinh dưỡng đến sinh trưởng và năng suất rau cải xanh và rau muống bằng phương pháp thủy canh trên nền giá thể trơ trong vụ xuân, xuân hè	Nguyễn Doãn Dũng	GS. TS. Phạm Tiến Dũng	Trong thủy canh động với giá thể trơ, nồng độ Hume thích hợp là 1% với xà lách, còn rau muống là 1,5%
324	Ảnh hưởng của các mức phân ù và giá thể khác nhau đến sinh trưởng và năng suất của cây mồng tơi trồng theo hướng hữu cơ	Trịnh Thị Nhân	GS. TS. Phạm Tiến Dũng	Trồng rau muống trong hộp xốp bằng giá thể trấu hun: Xi than:đất màu với tỷ lệ 4 2 1 cùng 3 kg phân trùn/hộp xốp kích thước 0,35 m và 0,6 m cho hiệu quả cao nhất
325	Nghiên cứu xác định năng suất và chất lượng tốt nhất theo thời gian trong sản xuất rau mầm	Đỗ Tô Uyên	GS. TS. Phạm Tiến Dũng	Thời gian thu hoạch rau mầm đậu xanh và củ cải trắng cho hàm lượng dinh dưỡng cao nhất là sau 3 ngày và 7 ngày tương ứng
326	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số loại phân bón hữu cơ đến sinh trưởng của cây xà lách giòn vụ xuân năm 2018 tại Bắc Ninh	Nguyễn Thị Thúy	TS. Đỗ Thị Hương	Mục tiêu: Xác định loại phân hữu cơ phù hợp với cây xà lách Mỹ Kết quả đạt được: Bón 15 tấn giun quế/ha đạt năng suất rau xà lách là 5,4 tấn/ha; bón 15 tấn đem lót cho năng suất là 4,9 tấn/ha; bón 10 tấn phân vi sinh Sông Gianh cho năng suất đạt 5,1 tấn/ha và mức bón 100kg Galaxy cho năng suất 5 tấn/ha.
327	Nghiên cứu phương pháp bón phân hữu cơ giun quế và số danh cây đến giống lúa tẻ đen có thời gian sinh trưởng ngắn vụ xuân năm 2018 tại Trang trại Xanh Giang Nam chi nhánh Bắc Ninh	Nguyễn Danh Thiện	TS. Đỗ Thị Hương	Mục đích: Đề tài nhằm mục đích xác định phương pháp bón phân hữu cơ giun quế và số danh cây thích hợp đối với giống lúa tẻ đen được sản xuất theo hướng hữu cơ. Kết quả đạt được: giống lúa tẻ đen nên cây ở số rãnh R3 (5 danh/ khóm) và sử dụng phương pháp bón phân giun quế bón P2 (bón 100% phân hữu cơ giun quế 1 tuần sau cấy) sẽ cho năng suất cao nhất 21,6 tạ/ha.
328	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ phối trộn giữa phân giun quế và bã nấm đến sinh trưởng và phát triển của súp lơ xanh	Nguyễn Minh Tuấn	TS. Đỗ Thị Hương	Mục đích: Tìm ra được tỷ lệ phối trộn giữa phân giun quế và bã nấm phù hợp để súp lơ xanh sinh trưởng và phát triển tốt nhất Kết quả đạt được: công thức phối trộn 15 tấn phân giun quế, 15 tấn bã nấm cho năng suất và lợi ích kinh tế cao nhất. Đạt 56,8 tấn/ha, lãi 174 triệu đồng/ha.
329	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ phối trộn giữa phân giun quế và bã nấm đến sinh trưởng và năng suất của cây cải bắp	Nguyễn Thị Thanh Huyền	TS. Đỗ Thị Hương	Mục đích: Tìm ra được tỷ lệ phối trộn giữa phân giun quế và bã nấm phù hợp đối với cây bắp cải. Kết quả đạt được: ở công thức 2 tỷ lệ phối trộn 75% giun quế, 25% bã nấm cho năng suất thực thu cao nhất (48,3 tấn/ha), thấp nhất ở công thức 4 bón 25% phân giun, 75% bã nấm (42,2 tấn/ha).
330	Ảnh hưởng của tỷ lệ phối trộn giữa phân giun quế và bã nấm đến sinh trưởng của cây su hào	Đào Thị Bích Phượng	TS. Đỗ Thị Hương	Mục đích: Tìm ra tỷ lệ phối trộn giữa phân giun quế và bã nấm phù hợp với cây su hào. Kết quả đạt được: bón 10 tấn/ha phân giun quế + 10 tấn/ha bã nấm cho tổng năng suất cao nhất (6,92 tấn/ha), thấp nhất ở công thức 4 với mức bón 5 tấn/ha phân giun quế + 10 tấn/ha bã nấm cho năng suất 4,03 tấn/ha

				Tuy nhiên hiệu quả kinh tế ở công thức 3 lại cho lợi nhuận cao nhất (với mức lãi thuần là 84.000.000 đồng/ha) nên chúng ta nên sử dụng phân giun quế để bón cho cây su hào thì mức bón phân ở công thức 3 (10 tấn/ha phân giun quế + 10 tấn/ha bã nấm) là phù hợp nhất.
331	Ảnh hưởng của giá thể và số danh cây đến cây lúa tẻ đen ngắn ngày sản xuất theo hướng hữu cơ, vụ xuân 2018 tại Bắc Ninh	Nguyễn Văn Thế	TS. Đỗ Thị Hương	Mục đích: Xác định được khoảng cách và số danh cây thích hợp nhất đến sinh trưởng và phát triển của giống lúa tẻ đen Kết quả chính: Từ những kết luận trên tôi nhận thấy giống lúa tẻ đen nên cây ở khoảng cách K2 (15 cm) và số danh cây D3(5 danh/khóm) sẽ cho năng suất cao nhất 31,0 tạ/ha.
332	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón Galaxi đến sự sinh trưởng phát triển của cà chua vụ Xuân Hè	Nguyễn Thị Lý	TS. Đỗ Thị Hương	Mục đích: Xác định được mức bón Galacy phù hợp nhất với sinh trưởng, phát triển của cây cà chua vụ xuân hè tại gia lâm Hà Nội Kết quả đạt được: Công thức bón 100, 200, 300 và 400 kg Galaxy /ha đạt năng suất tương ứng là 24,1; 26,6; 39,3 và 28,6 tấn cà chua/ha
333	Nghiên cứu thủy canh cho cây rau vụ mùa 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Phan Chí Thiện	TS. Nguyễn Thị Ái Nghĩa	0
334	Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng phân gà ủ đến sinh trưởng và năng suất của giống dưa chuột nắp lai F1	Nguyễn Văn Giang	TS. Nguyễn Thị Ái Nghĩa	Sinh viên tiến hành đánh giá ảnh hưởng của 4 mức phân gà ủ (30, 35, 40 và 45 tấn/ha) đến sinh trưởng và năng suất của dưa chuột Tina 22. Kết quả cho thấy lượng bón 30 tấn/ha cho năng suất dưa chuột đạt cao nhất 14,14 tấn/ha.
335	Nghiên cứu ảnh hưởng của các loại phân bón lá hữu cơ đến sinh trưởng, băng suất và chất lượng cây rau cải canh tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Tiến Thâm	TS. Nguyễn Thị Ái Nghĩa	Thí nghiệm được thực hiện trên cây rau cải canh với 3 loại phân bón là dung dịch hữu cơ tự sản xuất, dung dịch hữu cơ humic và phân bón lá hữu cơ Root plex và công thức đối chứng là phun nước lã. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy phân humix và Root plex cho năng suất rau cải cao hơn các công thức còn lại, đạt tương ứng là 19 và 1,7kg/m ²
336	Nghiên cứu ảnh hưởng của lượng phân bón hữu cơ đến sinh trưởng, phát triển, năng suất và chất lượng của cây su hào tại huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Thùy Dung	TS. Nguyễn Thị Ái Nghĩa	Nghiên cứu ảnh hưởng của 4 lượng phân chuồng ủ (0, 25, 30 và 35 tấn/ha) đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của cây su hào vụ đông 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội. Kết quả bón với lượng 30 tấn/ha cho năng suất su hào đạt cao nhất 29,7 tấn/ha.
337	Nghiên cứu sử dụng phân hữu cơ cho rau (cà chua, dưa chuột, cải canh) vụ xuân hè 2018 tại xã Cư Yên, huyện Lương Sơn, Hòa Bình	Nguyễn Văn Hợi	TS. Nguyễn Thị Ái Nghĩa	Thí nghiệm được thực hiện trên 4 loại cây trồng là cà chua, dưa chuột và cây cải bó xôi với 4 mức phân bón 12 tấn phân hữu cơ loại 1(CT1), 10 tấn (CT2), 12 tấn (CT3) và 14 tấn hữu cơ loại 2 (CT4). Kết quả trên cây dưa chuột cho thấy năng suất đạt cao nhất ở mức bón CT2; trên cây cà chua: phân bón không ảnh hưởng đến năng suất cây cà chua (năng suất dao động từ 19,69 tấn - 21,84 tấn/ha); trên cây cải bó xôi: năng suất thu được cao nhất ở công thức 4 đạt 11,75 tấn/ha và công thức 1 cho năng suất đạt thấp nhất 10,77 tấn/ha
338	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân gà ủ đến sinh trưởng và năng suất của giống cà chua lai F1 Montavi	Trịnh Khắc Dũng	TS. Nguyễn Thị Ái Nghĩa	Ảnh hưởng của liều lượng phân gà ủ (27; 28,5; 30; 31,5 kg/3m ²) đến sinh trưởng, năng suất của cây cà chua F1 Samovi theo hướng canh tác hữu cơ. Kết quả cho thấy công thức 3 cho năng suất thực thu cao nhất đạt 15,55kg/3m ² .

339	Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng phân bón hữu cơ đến sự sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng của cây bắp cải tại Gia Lâm, Hà Nội	Phạm Thị Hằng	TS. Nguyễn Thị Ái Nghĩa	Thí nghiệm được thực hiện trên 3 mức phân chuồng là 25 tấn, 30 tấn, 35 tấn/ha và công thức đối chứng là không bón phân chuồng. Kết quả thí nghiệm cho thấy: năng suất cải bắp cao nhất ở công thức 2 đạt 38,02 tấn/ha và công thức 1 đạt 34,02 tấn/ha, công thức 4 đạt 32,83 tấn/ha và công thức 1 đạt 28,13 tấn/ha.
340	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón hữu cơ đến cây cà chua (<i>Lycopersicon esculentum</i>)	Điền Kim Long	TS. Nguyễn Thị Ái Nghĩa	Thí nghiệm được thực hiện trên 4 loại phân bón là: Phân chuồng, phân hữu cơ vi sinh sông Gianh, phân hữu cơ SAMI-1 và phân hữu cơ vi sinh voi xanh. Năng suất đạt được tương ứng là: 115,8; 73,5; 64,4; và 78,05 tấn/ha.
341	Nghiên cứu ảnh hưởng của các loại phân hữu cơ bón gốc khác nhau đến sinh trưởng của dưa chuột	Nông Hồng Thái	TS. Nguyễn Thị Ái Nghĩa	Ảnh hưởng của 4 loại phân bón hữu cơ gốc (phân chuồng, phân Sami1, phân Sông Gianh và phân voi xanh) đến sinh trưởng, năng suất của dưa chuột F1. Kết quả cho thấy bón phân gà cho cho năng suất thực thu cao nhất 6 tấn/ha.
342	Vai trò 3 lá trên đến khả năng tích lũy chất khô ở bông của dòng lúa DCG66 vụ xuân 2018	Nguyễn Thị Minh	ThS. Nguyễn Hồng Hạnh	Nghiên cứu ảnh hưởng của 5 công thức cắt lá (C1: 0 cắt, C2: cắt lá đồng, C3: cắt lá thứ 2, C4: cắt lá thứ 3, C5: cắt cả 3 lá trên cùng) đến tích lũy chất khô ở bông của 2 dòng lúa mới IAS66, DCG66 và bố mẹ của nó IR24 và Asominori. Kết quả cho thấy cắt lá ảnh hưởng đến độ thoát cỏ bông, tỷ lệ hạt chắc ở các dòng, giống. Cắt lá giai đoạn làm đồng làm giảm khối lượng bông lớn nhất, đặc biệt ở công thức cắt cả 3 lá trên cùng. Khối lượng bông của dòng DCG66 đạt cao nhất.
343	Ảnh hưởng của một số biện pháp kỹ thuật đến sinh trưởng, phát triển, năng suất của giống lúa DCG66 vụ xuân tại Gia Lâm, Hà Nội	Đình Quốc Tăng	ThS. Nguyễn Hồng Hạnh	Đánh giá ảnh hưởng của 3 mức tổ hợp phân bón NPK (130-130-100, 110-110-85 và 90-90-75 kg/ha) và 3 mức mật độ 33, 40 và 50 khóm/m ² đến sinh trưởng, năng suất của giống lúa mới DCG66. Kết quả cho thấy mức tổ hợp phân bón NPK 110-110-85 kết hợp mật độ 40 khóm/m ² cho năng suất giống DCG66 đạt cao nhất 68,7 tạ/ha
344	Ảnh hưởng của một số biện pháp kỹ thuật đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống lúa Khang dân 18 vụ xuân tại Gia Lâm, Hà Nội	Ma Thị Lan	ThS. Nguyễn Hồng Hạnh	Đánh giá ảnh hưởng của 3 mức tổ hợp phân bón NPK (130-130-100, 110-110-85 và 90-90-75 kg/ha) và 3 mức mật độ 33, 40 và 50 khóm/m ² đến sinh trưởng, năng suất của giống lúa KD18. Kết quả cho thấy mức tổ hợp phân bón NPK 110-110-85 kết hợp mật độ 50 khóm/m ² cho năng suất giống Khang dân 18 đạt cao nhất 69,7 tạ/ha
				Mục tiêu: Xác định được một số loại phân bón lá có hiệu quả cho cây ngô sinh trưởng phát triển tốt và cho năng suất cao.

345	Ảnh hưởng của phân bón lá đến sinh trưởng, phát triển và năng suất giống ngô nếp MH8 trồng vụ xuân 2018 tại Gia Lâm-Hà Nội	Hoàng Thị Thùy Lê	PGS.TS Vũ Quang Sáng	<p>Kết quả: Sử dụng phân bón lá đã làm tăng số lá, diện tích lá, chỉ số diện tích lá và khả năng tích lũy chất khô giống ngô nếp MH8. Phun phân bón lá làm cho cây trở còi, phun râu sớm và tập trung, tạo điều kiện cho quá trình thụ phấn thụ tinh thuận lợi. Phun phân bón lá cũng làm tăng tính chống chịu với sâu bệnh hại, tăng khả năng chống đổ của cây ngô. Phun phân bón lá làm tăng các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của giống ngô nếp MH8. Trong đó, sử dụng phân bón lá Đầu Trâu có hiệu quả cao nhất, cho năng suất bắp tươi là 94,4 tạ/ha và cho lõi thuần cũng là cao nhất (91,5 triệu/ha).</p>
346	Ảnh hưởng của phân bón lá đến sinh trưởng, phát triển và năng suất đậu tương giống ĐT51 vụ xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Trần Thị Hương	PGS.TS Vũ Quang Sáng	<p>Mục tiêu: Tìm hiểu ảnh hưởng của phân bón qua lá đến sinh trưởng, phát triển, năng suất giống đậu tương trồng vụ xuân năm 2018 để xác định được loại phân bón lá hiệu quả nhất nhằm góp phần vào việc xây dựng quy trình thâm canh tăng năng suất và chất lượng đậu tương.</p> <p>Kết quả: Loại phân bón lá khác nhau có ảnh hưởng tích cực đến sự sinh trưởng, phát triển của giống đậu tương ĐT51 trong vụ xuân tại Gia Lâm – Hà Nội. Phân bón lá đều làm tăng các chỉ tiêu sinh trưởng và phát triển của cây đậu tương như tăng chiều cao thân, tăng diện tích lá cũng như tăng chỉ số diện tích lá, tăng khả năng phân cành, tăng chỉ số SPAD, tăng khả năng tích lũy chất khô. Trong đó, phân bón lá Facorv giúp cây sinh trưởng tốt nhất. Phun phân bón lá ảnh hưởng tốt đến các chỉ tiêu cấu thành năng suất như số quả/cây, tỉ lệ quả chắc, số lượng 1000 hạt cũng như năng suất cá thể... Năng suất thực thu ở các công thức đạt từ 15,2 tạ/ha – 17,5 tạ/ha, cao nhất thuộc phân bón lá Facorv (đạt 17,5 tạ/ha), cao hơn công thức đối chứng (phun nước) 2,3 tạ/ha. Việc sử dụng phân bón lá đối với cây đậu tương làm tăng hiệu quả kinh tế cho người sản xuất, cho lõi thuần tăng lên so với công thức đối chứng trong đó công thức phun phân facorv có lõi thuần cao nhất (13,64 triệu đồng/ha), cao hơn công thức đối chứng là 5,15 triệu đồng/ha.</p>
				<p>Mục đích của đề tài</p> <p>Tìm hiểu ảnh hưởng của Acid salicylic và chế phẩm EMINA đến quá trình sinh trưởng và phát triển của giống đậu tương DT 2008 trong điều kiện mẫn năm 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội</p> <p>Kết quả:</p>

347	Ảnh hưởng của si sinh vật và SA (Axit salicylic) đến cây đậu tương trong điều kiện mặn nhân tạo	Đỗ Thị Thu Thủy	TS. Phạm Tuấn Anh	Công thức được xử lí 0,5mM SA hoặc chế phẩm EMINA hoặc kết hợp hai dung dịch thì đều cho kết quả cao nhất. Nếu xét riêng về ảnh hưởng của giống đậu tương DT 2008 khi xử lí cho thấy về chỉ tiêu chiều cao thì công thức xử lí 0,5mM SA (CT 2) cho kết quả cao hơn, chỉ số SPAD cao nhất khi xử lí 0,5mM SA + EMINA 3%, còn ở chỉ tiêu động thái ra lá và khối lượng chất khô tích lũy thì công thức 7: tưới EM 2% + SA 0,5mM trên đất có NaCl cho kết quả cao nhất.
348	Ảnh hưởng của Axit salicylic (SA) lên cây đậu tương trong điều kiện mặn	Nguyễn Thị Xoan	TS. Phạm Tuấn Anh	Mục đích Đánh giá khả năng sinh trưởng và phát triển của cây đậu tương khi xử lí SA trong điều kiện mặn, nhằm tìm ra nồng độ SA thích hợp có tác dụng làm giảm tác động của mặn đối với cây đậu tương, làm cơ sở cho việc ứng dụng sản xuất các chế phẩm có chứa SA cho cây trồng. Kết quả: 2. SA xử lí bằng cách tưới vào gốc ở giai đoạn 18 ngày sau gieo (3 lá thật) đã có ảnh hưởng đến động thái tăng trưởng chiều cao thân chính và động thái tăng trưởng số lá, SPAD và khả năng tích lũy chất khô của giống đậu tương DT2008 trong điều kiện mặn nhân tạo nhưng chưa rõ rệt
349	Ảnh hưởng của chế phẩm vi sinh vật trên cây đậu tương DT2008 trong điều kiện mặn vụ xuân hè tại Gia Lâm-Hà Nội	Đinh Thu Phương	TS. Phạm Tuấn Anh	Mục đích Ảnh hưởng của chế phẩm vi sinh vật đến cây đậu tương DT2008 trong điều kiện mặn vụ Xuân Hè tại Gia Lâm – Hà Nội Kết quả: 1. Thí nghiệm này nhằm của hạt đậu tương DT2008 và trồng cây trong chậu vại ở nhà lưới trong điều kiện mặn, các công thức được xử lí chế phẩm EMINA 3% đều cho kết quả tối ưu nhất. Chiều cao cây tăng trưởng ổn định nhất, số lá/cây nhiều nhất (9,6 lá/cây), khối lượng tích lũy chất khô lớn nhất (5,47g/cây) 2. Xử lí chế phẩm EMINA có hiệu quả làm tăng chiều cao cây, số lá/cây, tăng hiệu suất quang hợp, tích lũy chất khô, hạn chế ảnh hưởng xấu đến các chỉ tiêu sinh lý khi cây gây mặn cho cây
				Mục đích - Trên cơ sở xác định được liều lượng phân lân thích hợp cho cây lạc sinh trưởng, phát triển tốt, cho năng suất cao nhằm tạo được công thức phân bón tăng năng suất cây lạc vụ Xuân tại Gia Lâm – Hà Nội. - Xác định được vai trò của Acid Salicylic (SA) đến sinh trưởng, phát triển cây lạc. - Từ kết quả nghiên cứu đưa ra công thức bón phân lân và tác động của bổ sung SA đến sinh trưởng, phát triển và năng suất cây lạc. Kết quả:

350	Ảnh hưởng liều lượng phân lân và vai trò của SA (Axit salicylic) đến sinh trưởng và phát triển của cây lạc vụ xuân tại Gia Lâm-Hà Nội	Phạm Thị Nga	TS. Phạm Tuấn Anh	<p>1. Phân lân(P2O5) với liều lượng 60-90 kg/ha P2O5 ảnh hưởng sinh trưởng phát triển và năng suất lạc. Lượng bón 90 kg/ha P2O5 phù hợp cho cây lạc trên đất Gia Lâm-Hà Nội. Ở lượng bón lân này năng suất đạt 25,68 tạ/ha cao hơn công thức đối chứng (60 kg/ha P2O5) 5,05 tạ. lãi thuần đạt 29,90 triệu đồng/ha, tăng 9,9 triệu đồng so với công thức đối chứng. Chỉ tiêu lãi suất trồng trọt (VCR trồng trọt) cũng tăng 2,39 lần.</p> <p>2. SA phun cho cây lạc vào thời kì 4 lá thật đã tác động tích cực đến sinh trưởng phát triển và năng suất lạc đó vụ Xuân trên Gia Lâm-Hà Nội. Phương pháp phun Acid Salicylic 0.5 mM SA tăng khả năng chống chịu, kháng sâu bệnh cho cây và giảm tổng thời gian sinh trưởng so đối công thức đối chứng Với cùng 1 lượng phân bón như nhau, nhưng khi bổ sung thêm SA thì năng suất đạt 23,13 tăng 2,4 tạ/ha so với công thức đối chứng, lãi thuần đạt 24,76 triệu đồng/ha, tăng 4,76 triệu đồng so với công thức đối chứng. Chỉ tiêu lãi suất trồng trọt (VCR trồng trọt) cũng tăng 2,15 lần.</p> <p>3. Khi vừa tăng lượng lân từ 60 kg/ha P2O5 lên 90 kg/ha P2O5 vừa bổ sung thêm SA giúp cây đạt chiều cao cây, số lá, diện tích lá và chỉ số LAI, hàm lượng diệp lục, chỉ tiêu sinh lý, yếu tố cấu thành năng suất cây tăng cao hơn. Năng suất thực thu đạt 27,50 tăng 6,87 tạ/ha, lãi thuần đạt 33,26 triệu đồng/ha, tăng 13,26 triệu đồng so với công thức đối chứng. Chỉ tiêu lãi suất trồng trọt (VCR trồng trọt) cũng tăng 2,53 lần.</p>
351	Nghiên cứu ảnh hưởng của chế phẩm vi sinh vật hữu hiệu EMINA đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống đậu tương ĐVN6 vụ xuân trên đất Gia Lâm-Hà Nội	Nguyễn Thị ánh	TS. Phạm Tuấn Anh	<p>Mục đích</p> <p>Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống đậu tương DT2008 khi xử lý chế phẩm EMINA. Từ các nồng độ EMINA nghiên cứu đưa ra nồng độ EMINA phù hợp cho cây đậu tương để ứng dụng trong sản xuất.</p> <p>Kết quả:</p> <p>1. Sử dụng chế phẩm EMINA với các nồng độ khác nhau đều có ảnh hưởng khá rõ rệt đến sự sinh trưởng và phát triển của giống đậu tương DT2008. Chiều cao thân chính cao nhất ở công thức EMINA 3% (104,91cm). Có số lá cao nhất ở CT EMINA 3% (23,33 lá/cây). Số cành cấp 1 lớn nhất ở công thức EMINA 3% (7cành/cây). Chỉ số diện tích lá lớn nhất ở công thức EMINA 3% (34,92 m² lá/m² đất). Chỉ số SPAD cao nhất ở công thức EMINA 3% (53,77). Tích lũy chất khô cao nhất ở Công thức EMINA 3% (159,37g). Tổng số quả trên cây nhiều nhất ở công thức EMINA 3% (111,33 quả). Số quả mẩy nhiều nhất ở công thức EMINA 3% (31,82 quả/cây). Mặt khác phun chế phẩm EMINA không có ý nghĩa đối với sự hình thành nốt sần của rễ cây.</p>

				<p>2. Phun chế phẩm EMINA ảnh hưởng tốt đến đến các chỉ tiêu cấu thành năng suất như số quả/cây, tỉ lệ quả chắc, số lượng 1000 hạt. Năng suất cá thể và năng suất thực thu cao nhất. Việc sử chế phẩm EMINA đối với cây đậu tương làm tăng hiệu quả kinh tế cho người sản xuất, cho lãi thuần tăng lên so với công thức đối chứng trong đó công thức phun chế phẩm EMINA 3% có lãi thuần cao nhất, cao hơn công thức đối chứng là 5.067.79 đồng/ha.</p>
352	<p>Nghiên cứu ảnh hưởng của hỗn hợp vi sinh vật đến sinh trưởng, phát triển và năng suất giống đậu tương ĐVN5 trồng vụ xuân năm 2018 tại Gia Lâm-Hà Nội</p>	<p>Vũ Thị Trang</p>	<p>TS. Phạm Tuấn Anh</p>	<p>Mục đích.</p>
				<p>Tìm hiểu ảnh hưởng của hỗn hợp vi sinh vật đến sinh trưởng, phát triển, năng suất giống đậu tương ĐT51 trồng vụ xuân 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội để đề xuất biện pháp sử dụng chúng cho đậu tương có hiệu quả nhất</p>
				<p>Kết quả:</p>
				<p>1. Chiều cao thân chính dao động từ 14,57 – 55,90 cm. Công thức EMINA 2% + 108 b/ml (CT IV) cho chiều cao cây lớn nhất (55,90 cm), số lá kép/cây nhiều nhất (11,20 lá kép/cây), khả năng phân cành tốt nhất (3,33 cành/cây), nốt sần tổng số cao nhất (36,89 nốt/cây), nốt sần hữu hiệu cao nhất (30,33 nốt/cây) và có chỉ số đo SPAD lớn nhất (43,33). Công thức EMINA 2% + 2x107 b/ml (CT II) cho chỉ số diện tích lá cao nhất (2,48 m² lá/m² đất).</p>
				<p>2. Các yếu tố cấu thành năng suất giữa các công thức cho thấy: Công thức xử lý EMINA 2% + 5x107 b/ml (CT III) cho số quả cao nhất (30,53 quả/cây). Công thức xử lý EMINA 2% + 108 b/ml (CT IV) cho số quả chắc/cây cao nhất (26,33 quả/cây), tỷ lệ quả 3 hạt cao nhất (26,85 %,) khối lượng 1000 hạt cao nhất (220,10 g).</p>
				<p>3. Sử dụng lượng chế phẩm khác nhau có tác dụng làm tăng năng suất giống đậu tương ĐT51. Năng suất thực thu của giống đậu tương ĐT51 dao động từ 20,23 tạ/ha đến 24,51 tạ/ha. Trong đó công thức EMINA 2% + 108 b/ml (CT IV) cho năng suất cao nhất (24,51 tạ/ha), sau đó đến công thức EMINA 2% + 5x107 b/ml (CT III) cho năng suất cao thứ 2 (23,10 tạ/ha).</p>
				<p>4. Các công thức xử lý chế phẩm đều có khả năng chống chịu với sâu bệnh hại cao hơn công thức không xử lý chế phẩm. Tuy nhiên trong điều kiện thời tiết vụ Xuân hè 2018 có ẩm độ cao nên thuận lợi cho sâu bệnh hại phát triển, do đó các công thức đều bị hại ở mức khá cao.</p>
				<p>Mục đích: Đánh giá khả năng sinh trưởng và phát triển của một số giống lạc</p>
				<p>Kết quả:</p>
				<p>- Giống lạc có tỷ lệ nảy mầm cao và thời gian mọc mầm ngắn là giống L14, lạc 8347.</p>

353	Đánh giá sự sinh trưởng và phát triển của các giống lạc vụ xuân hè năm 2018 tại huyện Gia Lâm-Hà Nội	Trần Thu Hiền	TS. Phạm Tuấn Anh	<p>- Thời gian sinh trưởng của các giống biến động từ 115 – 130 ngày , giống L14 có thời gian sinh trưởng ngắn ,giống lạc Quảng Trị và Giống lạc 8347 có thời gian sinh trưởng dài.</p> <p>- Chiều cao thân chính cuối cùng dao động trong khoảng 31.05 – 39.39 cm, giống lạc Trung Quốc có chiều cao cây thấp nhất (31,05cm), giống lạc 8347 có chiều cao cây cao nhất là 39.39cm.</p> <p>- Chỉ số diện tích lá và diện tích lá không giống nhau ở từng thời kì của cây . Giống có diện tích lá cao nhất là giống . trong đó cao nhất là giống Lạc Lý Tây Ninh (1,09 m² lá/m²đất) , thấp nhất là giống Lạc Quảng Trị (0,83 m²lá/m²đất).</p> <p>- Nhóm lạc có tổng số hạt trên cây nhiều , khối lượng 100 hạt khá, năng suất thực thu cao nhất là giống lạc 8347 (31.2 tạ/ha).</p> <p>- Giống lạc có khả năng chịu sâu bệnh tốt như giống cao nhất là giống lạc đỏ, Lý Tây Ninh và Lạc Trung Quốc.</p>
354	Đánh giá đặc tính nông sinh học, năng suất, chất lượng và tính kháng bệnh (Virus PVY, mốc sương) của các dòng khoai tây nguồn CIP	Nguyễn Thị Tuyền	Th.S Nguyễn Thị Phương Dung - GS.TS Nguyễn Quang Thạch	Đánh giá 20 dòng/giống khoai tây mới chọn tạo, kết quả đánh giá thu được 9 dòng/giống chống chịu bệnh mốc sương/virus tốt bao gồm các giống sau: 12KT6; 466-22; 505-27; Solara; Concordia; KT9; TK.2; Corinna và TK.1 dùng làm vật liệu nghiên cứu chọn tạo, so sánh đánh giá, khảo nghiệm ở các vụ tiếp theo cụ thể: 8 dòng/giống sinh trưởng và phát triển tốt, 8 dòng chống chịu tốt với bệnh virus PVY, 5 dòng kháng bệnh mốc sương cao, 4 dòng cho năng suất củ vượt trội: 460-18, 12KT6, KT4 và Corinna và 2 dòng/giống có phẩm chất củ tốt, hàm lượng chất khô cao: Atlantic và TK.1
355	Đánh giá đặc tính nông sinh học, năng suất, chất lượng và tính kháng bệnh (Virus PVY, mốc sương) của các dòng khoai tây mới chọn tạo	Nguyễn Thị Hoài Thu	Th.S Nguyễn Thị Phương Dung - GS.TS Nguyễn Quang Thạch	<p>Đã đánh giá được tình hình sinh trưởng, phát triển và năng suất của các dòng khoai tây lai lại trong vụ đông 2017:</p> <p>Các dòng BC1 không chỉ duy trì được đặc tính tốt của giống trồng mà còn vượt trội hơn so với giống “bố mẹ” ở một số chỉ tiêu theo dõi. Tổng hợp các chỉ tiêu theo dõi cho thấy dòng 1300.3 và 1305.6 có sức sinh trưởng tốt nhất trong 5 dòng BC1 khảo sát (tỷ lệ mọc cao nhất 97%, số củ nhiều 9-10 củ/khóm, khối lượng củ trung bình trên 1m² cao nhất, lần lượt đạt 3750g và 3100g</p>
356	Nghiên cứu xác định các thông số tối ưu đến xây dựng quy trình trồng cây cải bó xôi bằng phương pháp thủy canh hồi lưu vụ xuân hè	Đặng Xuân Thu	Th.S Nguyễn Thị Phương Dung - GS.TS Nguyễn Quang Thạch	Trong 3 giống cải bó xôi thí nghiệm (chịu nhiệt F1- Lucky, bó xôi F1- Việt Á, bó xôi F1 chịu nhiệt PD512- Phú Điền), giống cải bó xôi chịu nhiệt PD512- Phú Điền thích hợp nhất trồng bằng phương pháp thủy canh vụ xuân hè cho năng suất thực thu 2,3kg/m ² . Sử dụng dung dịch dinh dưỡng SH3 tại mức EC=1200µS/cm là phù hợp trong suốt thời gian sinh trưởng của cây, đạt năng suất thực thu 2,9kg/m ² . Chỉ số pH của dung dịch SH3 từ 6-6,5 là ngưỡng tốt nhất cho cây cải bó xôi. Mật độ 15cmx12cm (89 cây/m ²) thích hợp thủy canh động, năng suất thực thu đạt 2,88kg/m ² .

357	Nghiên cứu sử dụng ánh sáng đèn Led để điều khiển ra hoa của cây hoa cúc và cây mè Hàn Quốc	Dương Thị Tú Anh	Th.S Nguyễn Thị Phương Dung - GS.TS Nguyễn Quang Thạch	1/Cây hoa cúc: Tất cả các công thức sử dụng đèn LED red 660 chiếu sáng bổ sung vào ban đêm đều kích thích ra hoa ở cây hoa cúc làm cho nụ hoa phát triển chậm hơn rất nhiều so với công thức đối chứng (không chiếu sáng bổ sung), thời gian 20 phút tỏ ra hiệu quả. 2/Cây mè Hàn Quốc vụ đông: Chiếu sáng bổ sung bằng đèn LED red 660 có thể ngăn cản ra hoa của cây mè Hàn Quốc ở tất cả các khoảng thời gian chiếu sáng bổ sung khác nhau; 20, 40, 60 phút. Trong đó, công thức chiếu sáng bổ sung 60 phút hiệu quả nhất. 3/Cây mè Hàn Quốc vụ xuân hè: Chiếu sáng bổ sung bằng đèn LED red 660 có thể ngăn cản ra hoa của cây mè Hàn Quốc ở tất cả các khoảng thời gian chiếu sáng bổ sung khác nhau; 10, 20, 40 phút. Trong đó, công thức chiếu sáng bổ sung 10 phút là tối ưu.
358	Đánh giá khả năng sinh trưởng của một số giống lạc vụ xuân hè năm 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội	Nguyễn Thị Thu Huyền	Th.S Nguyễn Thị Phương Dung	Mục đích Đánh giá khả năng sinh trưởng và năng suất của các giống lạc, đề nghị giống có triển vọng phù hợp với vụ Xuân hè để tiếp tục khảo nghiệm đưa vào sản xuất. Kết quả : Đã đánh giá được khả năng sinh trưởng và năng suất của các giống lạc với thời gian sinh trưởng khoảng 120 ngày, ra hoa tập trung. Một số giống có chỉ số SPAD, tỷ lệ R/TC cao thể hiện khả năng quang hợp và vận chuyển tốt tạo tiền đề cho năng suất cao như: L14(giống đ/c), giống Chùm số 5(3780), giống Lạc Gia Lai(3775) và giống Mỡ Khánh Hòa(3771). • Những giống có những chỉ tiêu năng suất: tỷ lệ quả chắc, tỷ lệ nhân cao, số lượng quả/cây lớn dẫn tới năng suất cũng cao hơn các giống còn lại như: Chùm số 5(3780), Lạc Gia Lai(3775).
359	Đánh giá sinh trưởng và phát triển một số giống lạc trong vụ xuân 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội	Nguyễn Văn Chiến	TS. Nguyễn Văn Phú	Đánh giá sinh trưởng và phát triển một số giống lạc trong vụ xuân Đánh giá được một số đặc điểm sinh trưởng, phát triển và năng suất của 5 giống lạc trong vụ xuân 2018 từ đó chọn ra giống tốt nhất trong vụ xuân cho khu vực Hà Nội
360	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số loại phân bón lá đến giống ngô lai siêu ngọt sugar 75 tại huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.	Hồ Thị Hằng	TS. Nguyễn Văn Phú	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số loại phân bón lá đến giống ngô lai siêu ngọt sugar 75 Đánh giá được ảnh hưởng của phân bón lá đến một số chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống ngô lai sugar 75 từ đó chọn ra được loại phân bón lá tốt nhất cho giống ngô này
361	Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống cây dâu tây bằng phương pháp nuôi cấy in-vitro	Hoàng Thị Hương Nhài	TS. Nguyễn Văn Phú - TS. Vũ Ngọc Lan	Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật nhân giống cây dâu tây bằng phương pháp nuôi cấy in-vitro Xác định chất khử trùng, vật liệu nuôi cấy, giá thể và chất điều tiết sinh trưởng phù hợp để nhân invitro cây dâu tây chịu nhiệt

362	Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật nhân nhanh Lan kim tuyến bằng phương pháp nuôi cấy in-vitro	Trần Thị Ngân	TS. Nguyễn Văn Phú - TS. Vũ Ngọc Lan	Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật nhân nhanh Lan kim tuyến bằng phương pháp nuôi cấy in-vitro Xác định chất khử trùng, vật liệu nuôi cấy, giá thể và chất điều tiết sinh trưởng phù hợp để nhân invitro cây lan kim tuyến
363	Nghiên cứu quy trình nhân nhanh hoa Lan đại châu (<i>Rhynchosytilis Gigantea</i>) bằng công nghệ nuôi cấy mô tế bào	Lê Thị Hồng	TS. Nguyễn Văn Phú - TS. Vũ Ngọc Lan	Nghiên cứu quy trình nhân nhanh hoa Lan đại châu bằng công nghệ nuôi cấy mô tế bào Xác định chất khử trùng, vật liệu nuôi cấy, giá thể và chất điều tiết sinh trưởng phù hợp để nhân invitro cây lan đại châu
364	Nghiên cứu ảnh hưởng của lượng đạm bón đến giống ngô nếp lai HN90 trong vụ xuân-hè năm 2018 tại Gia Lâm-Hà Nội	Bùi Thị Phương	TS. Nguyễn Văn Phú	Nghiên cứu ảnh hưởng của lượng đạm bón đến giống ngô nếp lai HN90 trong vụ xuân-hè Đánh giá được ảnh hưởng của lượng đạm bón đến một số chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống ngô nếp lai HN90 từ đó chọn ra được lượng bón tốt nhất là 120kg/ha cho giống ngô này
365	Đánh giá sinh trưởng của một số giống đậu tương vụ xuân 2018 tại Gia Lâm-Hà Nội	Trần Thị Diễm	TS. Nguyễn Văn Phú	Đánh giá sinh trưởng của một số giống đậu tương vụ xuân Đánh giá được một số đặc điểm sinh trưởng, phát triển và năng suất của 5 giống đậu tương trong vụ xuân từ đó chọn ra được 1 giống cho năng suất cao nhất 24,5 tạ/ha
366	Ảnh hưởng của lân bón đến giống lạc L14 tại Gia Lâm-Hà Nội	Nguyễn Thị My Ly	TS. Nguyễn Văn Phú	Ảnh hưởng của lân bón đến giống lạc L14 Đánh giá được ảnh hưởng của lượng lân bón đến một số chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống lạc L14 từ đó xác định lượng bón tốt nhất là 90kg/ha cho giống lạc L14 trong điều kiện Gia Lâm, Hà Nội
367	Nghiên cứu ảnh hưởng của chế phẩm vi sinh Aqua 300LN đến sinh trưởng, phát triển và năng suất hai giống ngô nếp MAX68 và CX247 trên đất Gia Lâm, Hà Nội	Phạm Thị Thu Hiền	TS. Trần Anh Tuấn	Xác định được ảnh hưởng của chế phẩm Aqua 300LN bón cho ngô, từ đó góp phần đề xuất các biện pháp sử dụng chế phẩm Aqua 300LN hiệu quả nhất. Sử dụng chế phẩm Aqua 300LN đã làm tăng năng suất bắp tươi của 2 giống ngô nếp thí nghiệm so với đối chứng. Trong đó năng suất thực thu của 2 giống ngô HN88 và VN6 đạt cao nhất khi bón 5g/m ² , đạt lần lượt là 181,05 tạ/ha và 171,65 tạ/ha.
368	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân hữu cơ từ phân gà và giá thể đến sinh trưởng, phát triển và năng suất đậu tằm Tochiotome trong nhà lưới tại Gia Lâm, Hà Nội	Đào Thị Hồng	TS. Trần Anh Tuấn	Xác định được ảnh hưởng của phân hữu cơ từ phân gà và giá thể đến đậu tằm Tochiotome trồng chậu trong nhà lưới, từ đó góp phần đề xuất các biện pháp giữ giống đậu tằm Tochiotome qua mùa hè. 6. Mức bón phân hữu cơ và giá thể khác nhau ảnh hưởng rõ đến khả năng chống chịu sâu bệnh của cây. Nhìn chung công thức bị sâu hại ít nhất là P0G2, và công thức bị sâu hại nặng nhất P3G1 và P3G3. Khả năng kháng bệnh thối đen rễ của đậu tằm ở các công thức là khác nhau. Ở một số công thức đậu tằm có khả năng kháng bệnh thối đen rễ như P0G2, P0G3, P3G3, các công thức còn lại thì bệnh thối đen rễ ở mức nhẹ. Ở tất cả các công thức khác nhau thì đậu tằm vẫn bị nhiễm bệnh mốc xám nhưng ở mức nhẹ và rất nhẹ.

369	Nghiên cứu ảnh hưởng của hàm lượng sắt (Fe) trong dung dịch Hoagland đến sinh trưởng, phát triển và năng suất đậu tây Tochiotome trồng thủy canh tại Gia Lâm, Hà Nội	Đinh Thị Thanh	TS. Trần Anh Tuấn	<p>Xác định được ảnh hưởng của một số yếu tố của dung dịch thủy canh đến sinh trưởng, phát triển của giống đậu tây Newzealand và đậu tây Nhật bản trồng thủy canh vụ hè tại Gia Lâm, Hà Nội.</p> <p>Sử dụng dung dịch dinh dưỡng hữu cơ A2 với nồng độ 1,2ml/l và dinh dưỡng TC Mobi với nồng độ 1,2g/l đều cho hiệu quả tốt trong quá trình hình thành nõng và hình thành cây con. Sau 70 ngày trồng, ở giống đậu tây New zealand, số nõng đạt từ 3,43 – 3,53 nõng/cây, số cây con dao động từ 3,10 – 3,23. Ở giống đậu tây Nhật, sau 70 ngày trồng số nõng dao động từ 4,03 – 4,23, số cây con hình thành từ nõng: 2,66 – 2,68.</p>
370	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân hữu cơ từ phân gà và chế phẩm vi sinh Aqua 300LN đến sinh trưởng, phát triển và năng suất đậu tây Tochiotome tại Gia Lâm, Hà Nội	Phạm Ngọc Thắng	TS. Trần Anh Tuấn	<p>Nghiên cứu ảnh hưởng của một số loại phân bón lá đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống đậu tây Newzealand trồng trong nhà lưới vụ hè, từ đó đưa ra khuyến cáo một số kỹ thuật trồng cây đậu tây tại Gia Lâm, Hà nội</p> <p>Các loại phân bón lá khác nhau có ảnh hưởng khác nhau đến sự ra hoa và tạo cây con cây đậu tây Newzealand trồng trong nhà lưới. Trong đó, phân bón lá Mutimolig – M với nồng độ 1,5ml/l kích thích hình thành cây con tốt nhất, đạt 3,55 cây/cụm ; Phân bón lá Bolas đen với nồng độ 1,5g/l kích thích ra hoa tốt nhất, đạt 3,15 hoa/cây.</p>
371	Ảnh hưởng của phân bón lá Pomior P298 đến sinh trưởng, phát triển của cây ngô nếp MX4 và MX10 vụ xuân hè tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Thu Hiền	TS. Trần Anh Tuấn	<p>Đề tài nghiên cứu nhằm xác định sự ảnh hưởng của phân bón lá Lactofol đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của ngô cũng như đề xuất biện pháp kỹ thuật sử dụng phân bón lá thích hợp, góp phần làm tăng năng suất cho ngô</p> <p>Phun phân bón lá Lactofol đã làm tăng năng suất thực thu của 2 giống ngô nếp thí nghiệm so với đối chứng. Tuy nhiên, giữa các công thức phun 1 lần, 2 lần và 3 lần không có sự sai khác có ý nghĩa thống kê. Trong đó năng suất thực thu của 2 giống ngô Golden key F1 và Bạch long F1 đạt cao nhất khi phun 2 lần, đạt lần lượt là 228,27 tạ/ha và 240,38 tạ/ha</p>
372	Ảnh hưởng của phân hữu cơ từ phân gà và chế phẩm vi sinh Aqua 300LN đến sinh trưởng, phát triển và năng suất ngô nếp giống MX10 tại Gia Lâm, Hà Nội	Luu Thị Hương	TS. Trần Anh Tuấn	<p>Nghiên cứu nhằm xác định được ảnh hưởng của phân hữu cơ từ phân gà và chế phẩm vi sinh Aqua 300LN đến sinh trưởng, phát triển, năng suất và chất lượng ngô nếp HN88.</p> <p>Sử dụng phân bón hữu cơ silic làm tăng các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của ngô như: tăng chiều dài bắp, đường kính bắp, số hạt/hàng, khối lượng bắp và năng suất. Trong đó, công thức bón 5g/gốc cho hiệu quả cao nhất: khối lượng bắp có lá bi và không có lá bi đạt lần lượt là 256,59 g/bắp và 241,54 g/bắp; năng suất lý thuyết và năng suất thực thu đạt lần lượt là 115,17 tạ/ha và 121,17 tạ/ha.</p>

373	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón lá Sao vàng đến sinh trưởng, phát triển và năng suất hai giống ngô nếp MX4 và MX10 vụ xuân hè 2018 trên đất Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Hương	TS. Trần Anh Tuấn	<p>Đề tài nghiên cứu nhằm Xác định được ảnh hưởng của chế phẩm Mưa Vàng 999 bón cho ngô, từ đó góp phần đề xuất các biện pháp sử dụng chế phẩm Mưa Vàng 999 hiệu quả nhất.</p> <p>Ở tất cả các công thức có sử dụng phân bón lá Mưa Vàng 999 đều có năng suất tăng so với đối chứng không bón. Trong đó, công thức phun Mưa vàng 3 lần cho kết quả cao nhất, với năng suất lý thuyết đạt được ở giống HN88 và Fancy 111 lần lượt là 149,45 tạ/ha và 156,20 tạ/ha. Tuy nhiên, hiệu quả của phân bón lá Mưa Vàng 999 cao hơn trên giống HN88 so với giống Fancy 111, với năng suất tăng trên giống HN88 là 10,34% so năng suất tăng 5,26% trên giống Fancy 111</p>
374	Ảnh hưởng của các thời kỳ úng đến một số chỉ tiêu nông học, sinh lý cây đậu xanh (<i>Vigna radiate</i> (L.) Wilczek) vụ xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Phương	Th.S Vũ Tiến Bình	<p>Mục tiêu: Thông qua một số chỉ tiêu nông học, sinh lý để đánh giá sự sinh trưởng phát triển và năng suất cây đậu xanh ở các thời kỳ ngập úng khác nhau. Từ đó đánh giá được tác hại của ngập úng để có biện pháp canh tác phù hợp, tăng khả năng chịu úng cho cây đậu xanh.</p> <p>Kết quả: Ngập úng đã ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh lý, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất cá thể cây đậu xanh ở các thời kỳ úng khác nhau. Trong đó, gây úng ở giai đoạn 2-3 lá cho năng suất cao nhất, khả năng phục hồi tốt nhất. gây úng ở thời kỳ nảy mầm có khả năng phục hồi sau úng kém nên không thu được năng suất.</p>
375	Ảnh hưởng của ngập úng đến đặc điểm sinh lý và năng suất cây đậu xanh (<i>Vigna radiate</i> (L.) Wilczek) vụ xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Văn Thảo	Th.S Vũ Tiến Bình	<p>Mục tiêu: Thông qua một số chỉ tiêu sinh lý và năng suất để đánh giá ảnh hưởng của ngập úng ở các thời kỳ sinh trưởng, cũng như khả năng phục hồi của cây đậu xanh sau úng, Từ đó đánh giá tác hại của ngập úng để có biện pháp canh tác thích hợp, tăng khả năng chịu úng cho cây đậu xanh.</p> <p>Kết quả: Ngập úng đã làm giảm các chỉ tiêu sinh trưởng phát triển và sinh lý cây đậu xanh. Ngập úng cũng làm giảm các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất cá thể cây đậu xanh. Trong đó, gây ngập úng ở giai đoạn 5 lá cho năng suất cá thể cao nhất, cũng như khả năng chịu úng tốt nhất, thấp nhất là giai đoạn quả non.</p>
376	Ảnh hưởng của phân bón lá đến sinh trưởng, phát triển và năng suất đậu tương giống ĐVN5 vụ xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Triệu Thị Hòa	Th.S Vũ Tiến Bình	<p>Mục tiêu: Tìm hiểu ảnh hưởng của một số phân bón lá đến sinh trưởng, phát triển, năng suất giống đậu tương ĐT51 trồng vụ xuân năm 2018 để xác định được loại phân bón lá hiệu quả nhất nhằm góp phần vào việc xây dựng quy trình thâm canh tăng năng suất và chất lượng đậu tương.</p> <p>Kết quả: Phun phân bón lá có ảnh hưởng tích cực, đều làm tăng các chỉ tiêu sinh trưởng phát triển, các chỉ tiêu sinh lý, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất cây đậu tương ĐT5. Trong đó, phun phân bón lá SOLINURE cho hiệu quả cao nhất, cho năng suất và lãi thuần cao nhất (đạt 39,47 tạ/ha và 28,676 triệu đồng/ha).</p>

377	Ảnh hưởng của Photpho đến sinh trưởng, phát triển và năng suất giống lạc L14 vụ xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Đoàn Thị Trang	Th.S Vũ Tiến Bình	<p>Mục tiêu: Xác định được lượng photpho hiệu quả cho sự sinh trưởng phát triển, năng suất đậu tương giống D140 vụ Xuân 2018 nhằm góp phần vào việc xây dựng quy trình thâm canh tăng năng suất đậu tương tại Gia Lâm – Hà Nội.</p> <p>Kết quả: Photpho có ảnh hưởng tốt đến sự sinh trưởng phát triển và sinh lý cây lạc giống L14, làm tăng chiều cao cây, số lá, diện tích lá, số lượng và khối lượng nốt sần, tích lũy chất khô... Bón Photpho cũng làm tăng các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất lạc giống L14. Công thức bón P2O5 là tốt nhất, cho năng suất lý thuyết và thực thu, cũng như lãi thuần cao nhất. Thấp nhất là công thức bón 30kg P2O5.</p>
378	Nghiên cứu đặc điểm sinh trưởng, phát triển và năng suất của một số giống lạc vụ xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Tổng Thị Vy	Th.S Vũ Tiến Bình	<p>Mục tiêu: Nghiên cứu nhằm xác định giống lạc cho năng suất cao, cũng như biện pháp kỹ thuật sử dụng phân bón thích hợp cho cây lạc sinh trưởng phát triển tốt và cho năng suất cao.</p> <p>Kết quả: Tỷ lệ mọc mầm của các giống lạc dao động trong khoảng 85-97%, giống lạc Cumga Đắc Lắc có tỷ lệ mọc mầm khác cao. Thời gian ra hoa đa động từ 25-30 ngày. Một số dòng, giống có tổng số quả/cây, khối lượng 100 quả khá, năng suất lý thuyết và thực thu cao ở dòng Cumga Đắc Lắc và Sẻ Quảng Ngãi.</p>
379	Khảo sát một số dòng, giống đậu tương Việt Nam mới lai tạo trong điều kiện vụ xuân năm 2018 trên đất Gia Lâm - Hà Nội	Nguyễn Thị Thùy Linh	TS. Vũ Đình Chính	Thí nghiệm được bố trí theo phương pháp tập đoàn không nhắc lại. Đánh giá STPT, chiều cao, số cành, diện tích lá, nốt sần, số quả trên cây, chống chịu và năng suất của các dòng giống nhập nội. Thí nghiệm cho thấy các dòng giống có khả năng sinh trưởng khác nhau. Kết quả nghiên cứu đã đề xuất dòng triển vọng là AU26, AU6.
380	Đánh giá sinh trưởng phát triển một số dòng, giống đậu tương nhập nội trong điều kiện vụ xuân 2018 tại Gia Lâm Hà nội	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	TS. Vũ Đình Chính	Bố trí thí nghiệm theo phương pháp tập đoàn không nhắc lại. Đánh giá STPT, chiều cao, diện tích lá, tích lũy chất khô, nốt sần, chống chịu và năng suất của các dòng giống ĐT Việt Nam. Kết quả cho thấy các dòng giống có khả năng sinh trưởng khác nhau. Đã xác định dòng triển vọng là D821, D826.
381	So sánh một số dòng, giống đậu tương trong điều kiện vụ xuân năm 2018 trên đất Gia Lâm Hà Nội	Nguyễn Thị Thu Hiền	TS. Vũ Đình Chính	Thí nghiệm bố trí theo phương pháp khối ngẫu nhiên đầy đủ có ba lần nhắc lại. So sánh STPT, chống chịu và năng suất của các dòng giống. Kết quả cho thấy các dòng giống có khả năng sinh trưởng khác nhau. Đã xác định giống thích hợp năng suất cao tại Gia Lâm Hà Nội là ĐT26, D140
382	Khảo sát một số dòng, giống lạc trong điều kiện vụ xuân năm 2018 trên đất gia Lâm Hà nội	Nguyễn Thị Nga	TS. Vũ Đình Chính	Bố trí thí nghiệm theo phương pháp tập đoàn không nhắc lại. Đánh giá STPT, chiều cao cây, số cành, diện tích lá, tích lũy chất khô, chống chịu và năng suất của các dòng giống lạc. Kết quả cho thấy các dòng giống có khả năng sinh trưởng khác nhau. Đề xuất dòng triển vọng năng suất cao là you 17, D43.

383	Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng bón kali đến khả năng sinh trưởng, phát triển và năng suất của đậu tương vụ xuân 2018 trên đất Gia Lâm Hà nội	Vũ Hoàng Long	TS. Vũ Đình Chính	Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng bón kali đến STPT và năng suất ĐT. Thí nghiệm bố trí theo phương pháp khối ngẫu nhiên đầy đủ có ba lần nhắc lại. Kết quả cho thấy liều lượng kali bón có ảnh hưởng sinh trưởng phát triển. Xác định công thức bón 60kg K ₂ O là hợp lý nhất, cho năng suất và hiệu quả KT cao.
384	Ảnh hưởng một số liều lượng lân bón đến sinh trưởng phát triển và năng suất lạc vụ xuân năm 2018 trên đất Gia Lâm Hà Nội	Triệu Thị Mai	TS. Vũ Đình Chính	NC. ảnh hưởng một số liều lượng lân bón đến STPT và năng suất lạc vụ xuân năm 2018 trên đất Gia Lâm Hà Nội. Thí nghiệm bố trí theo phương pháp khối ngẫu nhiên đầy đủ có ba lần nhắc lại. Xác định liều lượng bón 90 kgP ₂ O ₅ là thích hợp nhất cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao nhất.
385	So sánh một số dòng, giống lạc trong điều kiện vụ xuân 2018 trên đất Gia Lâm - Hà Nội	Dương Thị Thúy Hương	TS. Vũ Đình Chính	Thí nghiệm được bố trí theo khối ngẫu nhiên đầy đủ không nhắc lại. So sánh sinh trưởng phát triển chiều cao, số cành, diện tích lá, số lượng nốt sần, chống chịu và năng suất của các dòng giống. Kết quả cho thấy các dòng giống có khả năng sinh trưởng khác nhau. Trong đó đã đề xuất giống thích hợp năng suất cao là giống lạc Cẩm Xuyên, L18.
386	Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng lân đến sinh trưởng, phát triển và năng suất cho đậu tương vụ xuân 2018 trên đất Gia Lâm Hà Nội	Trần Thị Phụng	TS. Vũ Đình Chính	Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng lân đến STPT và năng suất ĐT. Thí nghiệm bố trí theo phương pháp khối ngẫu nhiên đầy đủ có ba lần nhắc lại. Thí nghiệm bố trí theo phương pháp khối ngẫu nhiên đầy đủ có ba lần nhắc lại. Kết quả nghiên cứu đã xác định được công thức bón 90kg P ₂ O ₅ là hợp lý nhất, cho năng suất và hiệu quả KT cao.
387	Nghiên cứu ảnh hưởng của mật độ đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của đậu tương vụ xuân 2018 trên đất Gia Lâm Hà Nội	Nguyễn Thu Thùy	TS. Vũ Đình Chính	Nghiên cứu ảnh hưởng của mật độ đến STPT và năng suất ĐT. Thí nghiệm bố trí theo phương pháp khối ngẫu nhiên đầy đủ có ba lần nhắc lại. Kết quả nghiên cứu đã xác định mật độ có ảnh hưởng rõ đến sinh trưởng phát triển, trong đó mật độ 40 cây/m ² là hợp lý nhất, cho năng suất và hiệu quả KT cao.
388	Nghiên cứu đặc điểm nông sinh học và khả năng nhân giống của cây đinh lăng tại Gia Lâm - Hà Nội	Phạm Ngọc Linh Hương	PGS.TS. Ninh Thị Phíp	Khả năng sinh trưởng của cây đinh lăng tùy thuộc vào mẫu giống. Mẫu giống đinh lăng mặt nguyệt (CT6) và đinh lăng lá chè (CT7) có sự tăng trưởng lớn nhất về chiều cao cây. Cụ thể sau 15 tháng trồng, CT6 có chiều cao trung bình đạt 113,53cm và CT7 cao trung bình đạt 132,88cm. CT1 (đinh lăng lá kim miền Nam) có chiều cao trung bình thấp nhất đạt 55,61cm. Các mẫu giống khác có chiều cao dao động từ 85,20 - 97,16cm.
389	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón đến sinh trưởng, phát triển của cây đinh lăng lá nhỏ (<i>Polyscias fruticosa</i> L) nhân giống bằng phương pháp invitro và phương pháp giâm cành tại Hà Nội	Phạm Hồng Đông	PGS.TS. Ninh Thị Phíp	Cành giâm có chiều dài cành khác nhau (15cm; 20cm và 25cm) có ảnh hưởng tới khả năng nhân giống của cây, tốc độ sinh trưởng cành giâm có sự chênh lệch: cành giâm 15cm (CT1) sinh trưởng yếu hơn hẳn cành giâm có chiều dài từ 20 và 25 cm (CT2 và CT3).

390	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón và kỹ thuật nhân giống giào cổ lam 5 lá (<i>Gynostemma pentaphyllum</i>) bằng biện pháp giâm cành tại huyện Vân Hồ	Ngô Trung Sơn	PGS.TS. Ninh Thị Phíp	Mật độ có ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng của cây Giào cổ lam. Cụ thể, M2 cho năng suất và chất lượng tốt nhất. Như vậy, tại thời điểm 70 ngày sau trồng với mật độ 10 cây/m ² , cây cho năng suất và chất lượng tốt nhất. Phân bón có ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng của cây Giào cổ lam. CT P3 cho năng suất (7,21 tấn/ha/lúa) và chất lượng cao nhất. Như vậy, tại thời điểm 80 ngày sau trồng với tỉ lệ N-P-K: 200- 200- 120 (kg/ha/lúa) cây có năng suất và chất lượng tốt nhất.
391	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón đến sinh trưởng, phát triển của cây chè vàng tại Gia Lâm, Hà Nội	Giáp Xuân Thắng	PGS.TS. Ninh Thị Phíp	Bón phân N:P:K có ảnh hưởng đến thời gian sinh trưởng của cây chè vàng. CT T1L2 có thời gian sinh trưởng sớm nhất (2 tấn vì sinh + 45 kg N + 90kg P2O5 + 45 kg K2O /ha) sẽ phù hợp nhất cho cây chè vàng. Phun phân bón lá cũng ảnh hưởng đến thời gian sinh trưởng của cây chè vàng. Và CT2 (nền + phân đầu trâu) cho thời gian phân cành và xuất hiện tua sớm nhất nên sẽ phù hợp nhất cho sự phát triển của cây chè.
392	Nghiên cứu ảnh hưởng của mật độ và công thức phân bón đến năng suất của cây giào cổ lam bảy lá (<i>Gynostemma pubescens</i>) tại sapa	Mai Dương Phi	PGS.TS. Ninh Thị Phíp	Các mẫu giống có sự khác nhau về đặc điểm hình thái, đây là chỉ tiêu quan trọng để phân biệt các mẫu giống. Mẫu giống Sapa 2 có sự khác biệt hẳn về hình thái cuống lá có màu xanh đến xanh đậm, số răng cưa nhiều nhất (125,61 răng cưa/lá chết), độ sâu răng cưa rất sâu. Khối lượng khô của các mẫu giống là khác nhau. Mẫu giống hà giang có khối lượng khô thân lá cao nhất 45,28 g/cây, mẫu Sapa 1 có khối lượng khô rễ củ cao nhất 29,26 (g rễ củ/cây) và năng suất hạt/ha đạt cao nhất 128,40 tạ/ha. Các công thức phân bón khác nhau có ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây, công thức PB4 (20 tấn PC, 120 kgN, 120kg P2O5, 200kg K2O), chiều cao cây, chiều dài lá, chiều rộng lá, số lá/cây cao nhất (39,70 cm; 35,77 cm; 36,66 cm; 8,80 lá/cây)
393	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón đến sinh trưởng và phát triển của cây ba kích (<i>Morinda officinalis</i> How) tại xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	Trần Văn Tùng	PGS.TS. Ninh Thị Phíp	Phương pháp nhân giống ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây ba kích. Sau khi theo dõi thí nghiệm trồng mới hay thí nghiệm kế thừa năm trước, chúng tôi nhận thấy rằng giống BK11 trồng bằng phương thức nhân giống invitro tăng trưởng các chỉ tiêu hơn hẳn giống BK11 trồng bằng phương thức nhân giống giâm cành. Vì vậy nên sử dụng phương pháp invitro trong việc đưa vào trồng đại trà cây Ba kích. Liều lượng phân bón khác nhau có ảnh hưởng rõ rệt đến các chỉ tiêu sinh trưởng phát triển của cây BK11

394	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số mẫu giống và ảnh hưởng của phân bón đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của cây chề dây (<i>Ampelopsis cantoniensis</i>) vụ xuân - hè tại sapa - Lào Cai	Trần Thị Lệ Giang	PGS.TS. Ninh Thị Phíp	Các mẫu giống khác nhau khả năng tích lũy chất khô và năng suất là khác nhau. Qua so sánh 5 mẫu giống, mẫu giống G5 (Chè dây Sơn La) đạt năng suất cao nhất, năng suất thấp nhất là giống G2 (chè dây Lai Châu thân xanh). Bón phân làm tăng sinh trưởng của cây dẫn đến tăng năng suất, năng suất thực thu cao nhất ở CT3 (2 tấn phân vi sinh + 60kg N : 90kg P2O5 : 60kg K2O + phun bổ sung phân bón lá đầu trâu 502) đạt 3,47 tấn/ha.
395		Phan Tuấn Minh	GS.TS. Vũ Văn Liết	#N/A
396	nghiên cứu ảnh hưởng của công thức phân bón đến sinh trưởng, phát triển, năng suất của cây giáo cổ lam 5 lá (<i>Gynostemma pentaphyllum</i>) tại Hòa Bình	Đỗ Thị Thùy Linh	PGS.TS. Ninh Thị Phíp	Công thức phân bón ảnh hưởng rõ rệt đến năng suất thực thu của cây Giáo cổ lam 5 lá, công thức công thức 6 (20 tấn phân chuồng, 120 kg N, 90 kg P2O5, 60 kg K2O) tốt nhất năng suất thực thu được đạt 6 1,39 tấn/ha. Các công thức phân bón lá khác nhau ảnh hưởng đến tích lũy chất khô trong cây. Công thức 4 (phun thêm phân đầu trâu 502) có chỉ số diện tích lá (LAI) cao nhất 4,19 m2lá/m2đất, công thức 3(phun thêm chế phẩm Komic) tích lũy chất khô cao nhất đạt 3,26g/cây. Công thức phân bón lá ảnh hưởng rõ rệt đến năng suất thực thu của cây Giáo cổ lam, công thức công thức 4 có năng suất cao nhất đạt 1,34 tấn/ha.
397	Nghiên cứu đặc điểm nông sinh học và khả năng nhâ giống của các mẫu giống cây giáo cổ lam 5 lá (<i>Gynostemma pentaphyllum</i>) tại Hòa Bình	Bùi Thị Mỹ	PGS.TS. Ninh Thị Phíp	Các mẫu giống khác nhau thì có hình thái lá khác biệt nhất so với các chỉ tiêu còn lại. Dựa vào mắt thường quan sát ta có thể phân biệt được các mẫu giống. Các mẫu giống đều có lá màu xanh đậm ở thời kì theo dõi 2 tháng sau trồng. nhưng riêng mẫu G4 (Nghệ An) là mẫu giống ở thời kì trưởng thành bề mặt lá có phủ một lớp màu xanh trắng khác biệt so với các mẫu còn lại. Khả năng bật mầm sau giâm của các mẫu giống thí nghiệm đạt tỉ lệ khá cao đạt 83%-93%. cao nhất ở mẫu giống G2 (Mai Châu). tỉ lệ bật mầm thấp nhất là mẫu G4 (Nghệ An). Khả năng tái sinh cây mới bằng phương pháp giâm cành ở mẫu giống G3(Đà Bắc) 94%; G2(Mai Châu) 88% là 2 mẫu giống có tỉ lệ xuất vườn cao hơn các mẫu giống còn lại. Khả năng tái sinh của mẫu giống G4 (Nghệ An) 79% là kém nhất.

398	Nghiên cứu kỹ thuật nhân giống cây rau đắng đất (<i>Glinus oppositifolius</i>) bằng phương pháp vô tính (invitro và giảm cành)	Hoàng Thị Thủy	PGS.TS. Ninh Thị Phip	Giai đoạn tạo vật liệu ban đầu: Khử trùng với Javen ở thời gian 7 phút có hiệu quả tốt nhất với tỷ lệ mẫu sống 73,33 %. Khử trùng bằng viên Jonhson với thời gian 10 phút cho hiệu quả cao nhất với tỷ lệ mẫu sống 76,67 %.Giai đoạn phát sinh hình thái, BA có ảnh hưởng đến phát sinh hình thái chồi, ở môi trường MS có bổ sung BA nồng độ 0,5 mg/l có hệ số nhân cao nhất là 5,45 chồi/mẫu. Nhân nhanh chồi, tổ hợp BA và α -NAA tốt nhất ở môi trường MS có bổ sung 0,5 mg/l BA và 0,5 mg/l α -NAA với số chồi là 8,57 (chồi/mẫu), số lá TB 4,97 (lá/mẫu), chiều cao chồi 2,02(cm). Tổ hợp BA và IAA tốt nhất cho nhân nhanh chồi là 0,5 mg/l BA và 0,75 mg/l IAA với số chồi là 8,5(chồi/mẫu), số lá TB 4,97(lá/mẫu), chiều cao chồi 2,24 (cm).Giai đoạn thích ứng ngoài tự nhiên sử dụng giá thể mụn dừa cho tỷ lệ sống cao nhất và cây phát triển có phẩm chất tốt, với tỷ lệ xuất vườn đạt 86,67%, số lượng cành cấp 1 đạt 3,2 cành cấp 1/cây, số lá trên cây 45,9 lá/cây, đạt 14,27 rễ/cây và chiều dài rễ 4,58cm.
399	Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của một số mẫu giống cây ba kích (<i>Morinda officinalis how</i>) tạ Xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	Hoàng Văn Nông	PGS.TS. Ninh Thị Phip	Tốc độ ra lá của BK11 đạt cao nhất vì BK11 có chiều cao lớn nhất trong các mẫu giống nên khả năng phân cành và số cành cấp 1 nhiều hơn. Cụ thể, năm 4 BK11 đạt chiều cao 308,5 cm; 251,3 lá/cây; đường kính thân đạt 2,01 cm. Từ những đặc điểm sinh trưởng trên tạo cho BK11 có bộ rễ phát triển mạnh hơn các mẫu giống khác, tạo tiền đề cho năng suất củ cao. Các giống BK1,BK3, BK4, BK5 có khối lượng rễ tươi và khô thấp chỉ đạt từ 507,1-623,4 g/cây khối lượng rễ tươi, 256,7-277,2 g/cây khối lượng rễ khô;BK11 và BK9 có khối lượng tươi của củ và khối lượng khô của củ cao cụ thể năm 4 khối lượng tươi của rễ BK11 và BK9 đạt 1552,3 g/cây và 1482,1 g/cây tỉ lệ khối lượng rễ tươi; 688,6 g/cây và 642,9 g/cây khối lượng rễ khô
401	Đánh giá ảnh hưởng của lượng Silic bón đến khả năng sinh trưởng và phát triển của cây mạch môn (<i>ophiopogon japonicus wall</i>) trong điều kiện không tưới tại Hà Hòa - Phú Thọ	Trần Văn Thương	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Trên cơ sở nghiên cứu ảnh hưởng lượng phân silic bón (0-60kg SiO ₂ /ha) đến khả năng sinh trưởng, phát triển cây mạch môn trong điều kiện không tưới để xác định lượng phân silic thích hợp giúp cây sinh trưởng, phát triển thuận lợi. Kết quả cho thấy, cây mạch môn được bón bổ sung silic sinh trưởng và có yếu tố cấu thành năng suất tốt hơn công thức không được bón. Bón bổ sung 40kg SiO ₂ /ha giúp cây tăng chiều cao, số lá, số nhánh, độ dày lá, chỉ số SPAD, hàm lượng nước liên kết. Tại mức bón bổ sung 30kg SiO ₂ /ha cây mạch môn có số củ, khối lượng rễ và củ cao hơn các công thức còn lại.

402	Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng chế phẩm nấm rễ mycorrhiza đến khả năng sinh trưởng phát triển của cây mạch môn (<i>ophiopogon japonicus wall</i>) trong điều kiện không tưới tại Hà Hòa - Phú Thọ	Nguyễn Văn Mạnh	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Trên cơ sở nghiên cứu ảnh hưởng lượng phân chế phẩm nấm rễ AMF bón (0-10g/bụi) đến khả năng sinh trưởng, phát triển cây mạch môn trong điều kiện không tưới để xác định lượng bón AMF thích hợp giúp cây sinh trưởng, phát triển thuận lợi. Kết quả cho thấy, cây mạch môn được bón bổ sung AMF sinh trưởng và có yếu tố cấu thành năng suất tốt hơn công thức không được bón. Tại mức bón 10g/bụi giúp cây mạch môn sinh trưởng tốt, thích nghi với điều kiện không tưới và cho các yếu tố cấu thành năng suất cao hơn các công thức còn lại qua các chỉ tiêu: Số lá, chiều dài, chiều rộng lá, chỉ số SPAD, hàm lượng nước liên kết, số rễ cấp 1, rễ cấp 2, số củ, khối lượng củ
403	Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng và tỷ lệ N:P:K đến khả năng sinh trưởng và phát triển của cây mần tưới (<i>Eupatorium fortunei turcz</i>) tại Gia Lâm - Hà Nội	Đặng Văn Quang	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Xác định được ảnh hưởng của các công thức bón phân đến khả năng sinh trưởng và phát triển của cây mần tưới nhằm nâng cao năng suất, từ đó góp phần vào xây dựng quy trình trồng cây mần tưới. Kết quả cho thấy, tại mức bón 135 Kg N + 180 Kg P ₂ O ₅ + 135 Kg K ₂ O/ha, cây mần tưới sinh trưởng tốt (chiều cao cây, diện tích lá, số cành cấp 1, cấp 2, khả năng tích lũy chất khô) và cho khả năng chống chịu sâu bệnh và năng suất cao hơn các công thức khác (năng suất đạt 51 tấn/ha)
404	Nghiên cứu ảnh hưởng giai đoạn bón phân đến sinh trưởng và năng suất của 2 giống bim bim IP1 và IP3 tại Gia Lâm Hà Nội	Chúc Thị Thân	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Đánh giá ảnh hưởng của các giai đoạn bón phân đến sinh trưởng và năng suất hai giống bim bim biéc IP1, IP3. Kết quả thí nghiệm cho thấy thời điểm bón phân không ảnh hưởng tới thời gian sinh trưởng của các giống bim bim nhưng có tác động rõ rệt tới khả năng sinh trưởng và năng suất hạt. Tại công thức bón P5 (Lót 30%N, 30%K ₂ O; Thúc sau 1 tháng 50%N + 50% K ₂ O; Thúc sau 2 tháng 20%N + 20%K ₂ O) cho cây sinh trưởng tốt và có năng suất cao hơn các thời điểm bón còn lại.

405	Đánh giá ảnh hưởng của lượng kali bón đến khả năng sinh trưởng và phát triển của cây mạch môn (<i>Ophiopogon japonicus</i> wall) trong điều kiện không tưới tại Hà Hòa - Phú Thọ	Hà Ngọc Hùng	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Trên cơ sở nghiên cứu ảnh hưởng lượng kali bón (0-120kg K ₂ O/ha) đến khả năng sinh trưởng, phát triển cây mạch môn trong điều kiện không tưới để xác định kali thích hợp giúp cây sinh trưởng, phát triển thuận lợi. Kết quả cho thấy, cây mạch môn được bón bổ sung Kali sinh trưởng và có yếu tố cấu thành năng suất tốt hơn công thức không được bón. Tại mức bón 60kg K ₂ O/ha giúp cây mạch môn sinh trưởng tốt, thích nghi với điều kiện không tưới cao hơn mức bón khác: số lá, số nhánh, chiều cao. Tại mức bón 60kg K ₂ O và 90kg K ₂ O cây mạch môn có các yếu tố cấu thành năng suất cao hơn các công thức còn lại qua các chỉ tiêu: số rễ cấp 1, rễ cấp 2, số củ, khối lượng củ.
406	nghiên cứu ảnh hưởng của kỹ thuật nhân giống đến sinh trưởng, phát triển của cây mần tưới tại Gia Lâm - Hà Nội	Dương Anh Tuấn	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Trên cơ sở đánh giá ảnh hưởng của kỹ thuật nhân giống đến sinh trưởng, phát triển của cây mần tưới. Từ đó xác định được kỹ thuật nhân giống thích hợp giúp cây sinh trưởng, phát triển tốt góp phần xây dựng quy trình trồng cây mần tưới. Thí nghiệm về nhân giống được bố trí 3 thí nghiệm: chiều dài hom giâm (3-9cm), vị trí hom giâm (non, bánh tẻ, già) và chiều dài thân ngầm (2-6cm). Kết quả cho thấy: nhân giống cho cây mần tưới sử dụng hom thân cây sinh trưởng tốt hơn thân ngầm. Sử dụng hom giâm có chiều dài 6-9cm giúp hom giống sinh trưởng tốt (số lá, chiều cao, số cành cấp 1,2, chỉ số SPAD, tích lũy chất khô...). Chiều dài thân ngầm 4-6cm phù hợp hơn so với thân ngầm 2cm.
407	Khảo sát sinh trưởng và phát triển của một số dòng, giống lạc trong điều kiện vụ xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Thanh Ngân	ThS. Bùi Thế Khuynh	#N/A
408	Đánh giá sinh trưởng, phát triển của một số giống thuốc lá trong vụ xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Lưu Đức Nam	ThS. Bùi Thế Khuynh	#N/A
409	Đánh giá ảnh hưởng của điều kiện ngập úng đến sinh trưởng của giống đậu xanh	Hoàng Thị Mơ	ThS. Bùi Thế Khuynh	#N/A
410	Đánh giá ảnh hưởng của một số loại phân bón lá đến sinh trưởng của giống chè LDP1 tại Đại Từ, Thái Nguyên	Đỗ Văn Dũng	ThS. Bùi Thế Khuynh	#N/A
411	So sánh một số dòng giống lạc triển vọng trong vụ xuân 2018 trên đất Gia Lâm - Hà Nội	Phạm Thu Nga	ThS. Bùi Thế Khuynh	#N/A
412	Đánh giá ảnh hưởng của K đến sinh trưởng của mía trong điều kiện hạn	Nguyễn Thị Mai	ThS. Bùi Thế Khuynh	#N/A

413	Ảnh hưởng của sự ngập úng tới sinh trưởng, sinh lý và năng suất của hai giống đậu xanh ĐX14 và ĐX17 trong điều kiện nhà lưới	Vương Thị Nam	TS. Vũ Ngọc Thắng	Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá ảnh hưởng của sự ngập úng và không ngập úng tới sinh trưởng, sinh lý và năng suất của hai giống đậu xanh ĐX14 và ĐX17 trong điều kiện nhà lưới. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng trong điều kiện ngập úng các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý và năng suất của 2 giống đậu xanh đều suy giảm so với không ngập úng. Bên cạnh đó kéo dài thời gian gây úng cũng làm suy giảm các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý và năng suất của 2 giống đậu xanh. So sánh 2 giống đậu xanh kết quả cho thấy giống đậu xanh ĐX11 bị ảnh hưởng nhiều hơn so với giống ĐX14 trong điều kiện úng
414	Ảnh hưởng của sự ngập úng tới sinh trưởng, sinh lý và năng suất của hai giống đậu tương DT84 và DT26	Nguyễn Thị Kim Chi	TS. Vũ Ngọc Thắng	Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá ảnh hưởng của sự ngập úng và không ngập úng tới sinh trưởng, sinh lý và năng suất của hai giống đậu tương DT84 và DT26 trong điều kiện nhà lưới. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng trong điều kiện ngập úng các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý và năng suất của 2 giống đậu tương đều suy giảm so với không ngập úng. Bên cạnh đó kéo dài thời gian gây úng cũng làm suy giảm các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý và năng suất của 2 giống đậu tương. So sánh 2 giống đậu tương kết quả cho thấy giống đậu tương DT84 ít bị ảnh hưởng hơn so với giống DT26 trong điều kiện úng
415	Ảnh hưởng của liều lượng lân bón đến sinh trưởng và phát triển của giống lạc L14 trong các điều kiện che phủ khác nhau trong vụ xuân 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Nguyễn Thị Vân Huệ	TS. Vũ Ngọc Thắng	Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá ảnh hưởng của 3 mức lân bón 60, 90, 120 kg/ha đến sinh trưởng và phát triển của giống lạc L14 trong các điều kiện che phủ nilon và không che phủ trong vụ xuân 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội. Kết quả cho thấy trong điều kiện được che phủ thời gian sinh trưởng của giống lạc L14 ngắn hơn so với điều kiện không được che phủ. Trong khi đó các chỉ tiêu sinh trưởng, các chỉ tiêu sinh lý và năng suất trong điều kiện được che phủ lại cao hơn rất nhiều so với điều kiện không được che phủ. Bên cạnh đó khi tăng mức lân bón cũng làm tăng sinh trưởng, sinh lý và năng suất của giống lạc L14

416	Ảnh hưởng của liều lượng bón biochar đến sinh trưởng, sinh lý và năng suất của một số giống đậu tương trong điều kiện mặn	Nguyễn Thị ánh Nguyệt	TS. Vũ Ngọc Thắng	<p>Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá ảnh hưởng của 5 mức bón Biochar (0 tấn/ha, 5 tấn/ha, 10 tấn/ha, 15 tấn/ha, 20 tấn/ha) tương ứng với 19 g; 38 g; 58 g; 76 g biochar/chậu (mỗi chậu có diện tích bề mặt chậu là 0,038 m²) đến sinh trưởng, sinh lý và năng suất của một số giống đậu tương trong điều kiện gây mặn và không gây mặn. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng gây mặn làm giảm các chỉ tiêu sinh trưởng như: chiều cao thân chính, số lá/thân chính, diện tích lá, chiều dài rễ, khả năng tích lũy chất tươi, khô và khả năng hình thành nốt sần của giống đậu tương DT84. Bên cạnh đó ở các mức bón biochar các chỉ tiêu sinh trưởng đều tăng so với mức không bón. Gây mặn làm giảm một số chỉ tiêu sinh lý như chỉ số SPAD, hiệu suất huỳnh quang diệp lục so với công thức không gây mặn. Tuy nhiên bón biochar lại không làm thay đổi đáng kể đến chỉ số SPAD và hiệu suất huỳnh quang diệp lục. Một số chỉ tiêu như độ thiếu hụt bão hòa nước, độ rò rỉ ion lại có xu hướng tăng cao hơn ở công thức gây mặn so với công thức đối chứng, đồng thời biochar cũng làm hạn chế ảnh hưởng xấu của mặn đến các chỉ tiêu trên. Bón Biochar làm tăng các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của giống đậu tương DT84. Tổng số quả/cây, quả chắc/cây, khối lượng 100 hạt, năng suất cả thể đều tăng khi bón thêm biochar cả trong công thức gây mặn và không gây mặn. Bên cạnh đó gây mặn nhân tạo cũng làm giảm năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất trên giống DT84. So sánh giữa các mức bón biochar với nhau kết quả cho thấy mức bón 10 tấn biochar/ha là mức bón có tác dụng lớn nhất và hiệu quả nhất đến cả sinh trưởng, sinh lý và năng suất của giống đậu tương DT84 trong cả hai điều kiện gây mặn và không gây mặn.</p>
417	Ảnh hưởng của liều lượng bón biochar đến sinh trưởng, sinh lý và năng suất của giống lạc L14 trong điều kiện mặn	Nguyễn Thị Loan	TS. Vũ Ngọc Thắng	<p>Nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của 5 mức bón biochar (0 (Đ/C), 5, 10, 15, 20 tấn/ha) đến sinh trưởng, sinh lý và năng suất của giống lạc L14 trong điều kiện gây mặn 100 mM. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng gây mặn làm giảm các chỉ tiêu sinh trưởng, các chỉ tiêu sinh lý. Tuy nhiên trong điều kiện có bón biochar thì các chỉ tiêu sinh trưởng và sinh lý cũng như năng suất cả thể có xu hướng cao hơn so với không bón. So sánh giữa các mức bón kết quả cho thấy bón mức 10 tấn/ha cho các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý và năng suất đạt giá trị cao trong cả hai điều kiện mặn và không gây mặn</p>

418	Nghiên cứu ảnh hưởng của các mức lân bón đến sinh trưởng và sinh lý của cà phê chè trong điều kiện hạn nhân tạo	Đào Ngọc Sơn	TS. Vũ Ngọc Thắng	Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá ảnh hưởng của các mức lân bón (120, 140, 160, 180, 200 kg P ₂ O ₅ /ha) đến sinh trưởng và sinh lý của cà phê chè trong điều kiện gây hạn và không gây hạn. Kết quả nghiên cứu cho thấy trong điều kiện gây hạn trong cùng một mức bón lân các chỉ tiêu sinh trưởng, chỉ tiêu sinh lý của cây cà phê đều thấp hơn so với điều kiện không gây hạn. So sánh giữa các mức lân bón kết quả cho thấy ở mức bón 160 kg P ₂ O ₅ /ha các chỉ tiêu sinh trưởng và sinh lý trong điều kiện hạn bị suy giảm ít hơn so với các mức khác trong khi đó khả năng phục hồi cao hơn.
419	Nghiên cứu ảnh hưởng của các mức kali bón đến sinh trưởng và sinh lý của cà phê chè trong điều kiện hạn nhân tạo	Lê Thị Thảo	TS. Vũ Ngọc Thắng	Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá ảnh hưởng của 5 mức Kali bón (bao gồm: 100; 150; 200; 250, 300 kg/ha K ₂ O) đến sinh trưởng và sinh lý của cà phê chè trong điều kiện gây hạn nhân tạo và không gây hạn. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng Trong điều kiện gây hạn và không gây hạn khi tăng mức bón Kali từ 0 kg đến 200 kg K ₂ O/ha thì các chỉ tiêu sinh trưởng như: chiều dài lá, chiều rộng lá, chiều dài đoạn cành non có xu hướng tăng dần, tuy nhiên khi tăng mức bón lên 250 kg và 300 kg K ₂ O/ha thì các chỉ tiêu sinh trưởng bắt đầu có xu hướng suy giảm. So sánh giữa hai công thức gây hạn và không gây hạn các chỉ tiêu sinh trưởng như: chiều dài lá, chiều rộng lá, chiều dài đoạn cành non ở công thức gây hạn thấp hơn công thức gây hạn. Bón Kali trong điều kiện hạn sẽ giúp cây cà phê chè tăng khả năng chống chịu và có khả năng phục hồi cao hơn. Tuy nhiên, trong các mức bón 0 kg K ₂ O/ha, 100 kg K ₂ O/ha, 150 kg K ₂ O/ha, 200 kg K ₂ O/ha, 250 kg K ₂ O/ha và 300 kg K ₂ O/ha, công thức bón 200 kg K ₂ O/ha cho thấy cây có khả năng hồi phục cao nhất sau khi tưới nước trở lại. So với công thức gây hạn thì các công thức không gây hạn có chỉ tiêu cao hơn về các chỉ tiêu sinh lý như : chỉ số SPAD, hiệu suất huỳnh quang diệp lục, độ rò rỉ ion, hàm lượng nước tương đối, tỷ lệ héo. Đề nghị áp dụng kỹ thuật bón Kali mức 200 kg K ₂ O/ha giúp tăng khả năng chống chịu hạn đồng thời giúp cây cà phê có khả năng phục hồi nhanh hơn
420	Khảo sát tập đoàn giống đậu xanh trong điều kiện vụ xuân 2018 trên đất Gia Lâm - Hà Nội	Nguyễn Hữu Thụy	TS. Vũ Ngọc Thắng	Đánh giá sinh trưởng, phát triển chiều cao cây, số lá/thân chính, diện tích lá, chỉ số diện tích lá, khả năng tích lũy chất tươi, chất khô, khả năng hình thành nốt sần, chỉ số SPAD, hiệu suất huỳnh quang diệp lục, năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của 12 dòng, giống đậu xanh trong điều kiện vụ xuân 2018 trên đất Gia Lâm Hà Nội. Kết quả nghiên cứu đã đề xuất được giống HL10 và ĐX208 là những giống triển vọng là cho năng suất cao, có khả năng chống chịu với một số loại sâu bệnh tốt nên có thể đưa vào sản xuất tại Gia Lâm

421	So sánh một số dòng, giống lạc trong điều kiện vụ xuân 2018 trên đất Gia Lâm - Hà Nội	Lê Thị Thùy Linh	TS. Vũ Ngọc Thắng	Thí nghiệm được tiến hành nhằm đánh giá sinh trưởng, phát triển bao gồm chiều cao cây, số lá/thân chính, diện tích lá, chỉ số diện tích lá, khả năng tích lũy chất tươi, chất khô, khả năng hình thành nốt sần, chỉ số SPAD, hiệu suất huỳnh quang diệp lục, năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của 10 dòng, giống lạc trong điều kiện vụ xuân 2018 trên đất Gia Lâm Hà Nội. Kết quả nghiên cứu đã đề xuất được giống là những giống triển vọng là cho năng suất cao nên có thể đưa vào sản xuất tại Gia Lâm
422	Đánh giá một số biện pháp kỹ thuật nâng cao hiệu quả canh tác cây ăn quả có múi ở giai đoạn kiến thiết cơ bản	Nguyễn Lâm Sơn	TS. Đoàn Thu Thủy	<p>Mục đích: - Xác định ảnh hưởng của phân bón đến thời kỳ kiến thiết một số giống cây có múi</p> <p>- Xác định loại cây che phủ đất tốt nhất cho vườn cây có múi</p> <p>- Nâng cao hiệu quả canh tác cây có múi ở thời kỳ kiến thiết cơ bản</p> <p>Kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón và biện pháp trồng xen che phủ khác nhau trên đối tượng là 7 giống cây có múi thời kỳ kiến thiết đúc rút ra một số kết luận sơ bộ như sau:</p> <p>Ba công thức phân bón đều có tác động đến quá trình sinh trưởng của 7 giống cây có múi và mỗi công thức có một tác động khác nhau trên mỗi giống cây. Trong đó công thức 3: 15 kg phân chuồng hoai mục + 10 kg phân hữu cơ vi sinh sông Gianh+ 0,3kg phân lân + 0,2kg kali có tác động mạnh nhất đến tăng trưởng chiều cao cây cũng như khả năng ra lộc của các dòng cây có múi trong thời kỳ kiến thiết cơ bản.</p> <p>Đối với các giống cây, ảnh hưởng của phân bón đều có tác dụng khác nhau. Đối với các giống cây thí nghiệm, giống cam Xã Đoài và cam Vân Du cho thấy có sự phát triển tốt nhất, giống bưởi Da xanh phát triển kém hơn các giống còn lại.</p> <p>Giống bưởi Đào Đường có các chỉ tiêu sinh trưởng và phát triển tốt hơn so với các giống còn lại.</p> <p>Việc sử dụng ba loại cây trồng che phủ đều có tác động đến mật độ cỏ dại tại vườn cây có múi và mỗi loại cây đều đem lại hiệu quả khác nhau. Trong đó, cây khoai lang có khả năng che phủ tốt nhất, lan tỏa nhanh nên số lượng cây cỏ dại trên đơn vị diện tích là thấp hơn so với hai công thức còn lại là lạc và đậu tương.</p>
				<p>Mục đích: + Đánh giá một số đặc điểm nông sinh học của cây Hồng Yên Thôn</p> <p>+ Đánh giá các phương pháp để sử dụng nhân giống Hồng Yên Thôn</p>

423	Đánh giá một số chỉ tiêu nông sinh học và các biện pháp nhân giống cây hồng Yên Thôn	Trần Xuân Hải	TS. Đoàn Thu Thủy	<p>1. Qua điều tra khảo sát ở một số xã Thạch Xá, Bình Yên, Lại Thượng, Cần Kiệm thuộc huyện Thạch Thất đã thu thập được số liệu của 53 cây hồng các loại như: hồng Yên Thôn, hồng Lục Ngạn và hồng trứng. Theo danh sách điều tra cho thấy ở hai xã Thạch Xá và Cần Kiệm còn trồng đều giống hồng Yên Thôn có tuổi khá cao (trung bình khoảng 40 năm), sinh trưởng khỏe; năng suất quả/cây thuộc loại khá. Hiện nay cây hồng được nhân giống theo 2 phương pháp là giâm rễ và ghép. Kết quả điều tra đánh giá đặc điểm hình thái cây hồng Yên Thôn cho thấy giống hồng Yên Thôn có tán hình tròn, phân cành xiên. Qua nghiên cứu đánh giá đặc điểm hình thái lá hồng Yên Thôn cho thấy rõ những nét đặc trưng phân biệt so với giống hồng khác ở các chỉ tiêu sau: Khi còn non lá có màu xanh hơi vàng. Lá trưởng thành lớn hình bầu dục, màu xanh đậm, mặt trên lá bóng, phản quang, mặt dưới có lông tơ màu nâu vàng. Phiến lá cong lòng mo, cuống lá dài, đầu lá nhọn hơi dài, mép lá thẳng. Giống hồng Yên Thôn ra hoa vào cuối tháng 3 và kết thúc ra hoa vào giữa tháng 4. Thời gian bắt đầu nở và kết thúc nở hoa chênh lệch nhau không đáng kể. Quả bắt đầu chín từ 25/10 đến 15/11. Thời gian thu hoạch quả từ khoảng cuối tháng 10 đến giữa tháng 11 là thời điểm quả chín rộ. Vỏ quả khi chín có màu đỏ cam nhẵn bóng.</p>
				<p>2. Chiều cao trung bình của cây tại vườn lưu giữ là 6,35m, đường kính thân cách gốc 10cm là 14,26cm. Đường kính tán Đông- Tây lớn 6,16m lớn hơn đường kính tán theo hướng Bắc- Nam 5,83m. Đường kính tán trung bình của các cây là xấp xỉ 6m. Sự tăng trưởng về chiều cao, chu vi gốc của cây hồng nói chung chậm hơn so với một số loại cây ăn quả khác cùng độ tuổi. Thời gian nảy lộc của hồng phụ thuộc vào nhiệt độ, nhiệt độ càng cao sự phát triển càng nhanh. Hoa cái chỉ có nụ phát triển, nhị đực bị thoái hóa, mọc ở nách lá thứ 3- 8 tính từ chân cành quả lên. Hoa lưỡng tính có khả năng tự thụ phấn được. Tỷ lệ hạt phấn hữu dụng đạt xấp xỉ 100% tại các hoa đực ngẫu nhiên. Điều này giúp cây tăng khả năng đậu quả khi hoa cái được thụ phấn nhờ ong, bướm, ruồi.</p>
				<p>3. Phương pháp ghép mắt không hiệu quả bằng phương pháp ghép cành. Số lượng cây ghép cành có tỷ lệ thành công là 79.6% còn phương pháp ghép mắt chỉ đạt 4,2%. Chiều dài mầm sau khi ghép tăng mạnh nhất trong giai đoạn từ 27-41 ngày sau khi ghép. Sự ra lá phát triển mạnh nhất trong khoảng thời gian từ 20-27 ngày sau khi ghép.</p>

				4. Phân bón Komix khi phun sẽ đem lại tỉ lệ tạo chồi tốt hơn so với phân bón NPK 20-20-15 TE. Tuy nhiên khi phun phân NPK 20-20-15 TE lại giúp cây phát triển về chiều dài mầm cũng như tăng số lượng lá trên một cây tốt hơn so với phân bón lá Komix.
424	Đánh giá khả năng sinh trưởng và phát triển của một số giống lúa tại Văn Yên, Yên Bái	Dương Minh Nguyệt	TS. Đoàn Thu Thủy	Mục đích: Trên cơ sở theo dõi, đánh giá giá trị canh tác và sử dụng của các giống lúa được tiến hành khảo nghiệm từ đó cung cấp những thông tin cho công tác công nhận giống mới, nghiên cứu chọn tạo và sản xuất giống lúa phục vụ cho địa phương.
				Qua theo dõi, đánh giá các giống lúa trong điều kiện vụ Xuân 2018 tại Văn Yên, Yên Bái đã rút ra được một số kết luận sau:
				1. Các giống lúa theo dõi có thời gian sinh trưởng từ 124 đến 131 ngày, thuộc nhóm ngắn ngày, phù hợp với vụ lúa Xuân ở các tỉnh phía Bắc Việt Nam. Giống đối chứng Hương Thơm 1 có thời gian sinh trưởng là 125 ngày. Các giống còn lại đều có thời gian sinh trưởng từ 124 đến 125 ngày trừ giống Gia Lộc 35 có thời gian sinh trưởng dài nhất và dài hơn giống đối chứng là 6 ngày.
				2. Các giống theo dõi có chiều cao cây cuối cùng từ 99,1 đến 125,7cm đạt ở mức cao.
				3. Đa số các giống bị nhiễm sâu bệnh hại ở mức nhẹ, không có giống nào bị nhiễm sâu bệnh hại ở mức cao.
				4. Các giống có năng suất khô (kg/ô) trong khoảng từ 6,33 đến 7,75 kg/ô. Giống đối chứng có năng suất khô là 7,04, các giống VS18, Đài thơm 8, HANA 6, HANA 7, Hải Dương 36 có năng suất khô lớn hơn giống đối chứng.
				5. Qua việc đánh giá các chỉ tiêu ngoài đồng ruộng, chỉ tiêu trong phòng và năng suất hạt có thể chọn lọc ra được 5 giống có triển vọng đó là VS18, Đài Thơm 8, HANA 6, HANA 7, Hải Dương 36 có nhiều ưu điểm và có năng suất hơn giống đối chứng nên có thể sử dụng các dòng này làm giống thuần chất lượng cao.
				Mục đích: Đánh giá khả năng sinh trưởng từ hạt của một số dòng lai và phương pháp tạo callus in vitro từ phôi tâm trên cây có múi.
				1. Qua các thí nghiệm đánh giá tỷ lệ nảy mầm của các THL cho thấy: Tỷ lệ nảy mầm đạt trung bình ở mức 44%, dòng THLT14/5 có tỷ lệ nảy mầm cao nhất lên tới 80 %, dòng THL T14/10 có số hạt nảy thấp nhất 4 %.
				2. Công thức giá thể gồm: 30 % Đất phù sa+ 35% phân chuồng + 35 %Trấu hun + NPK 100g/kg cho kết quả sinh trưởng của cây là tốt nhất, phù hợp với việc ra ngôi cây con.

425	Đánh giá ảnh hưởng của giá thể và phân bón lá đến một số giống và dòng lai cây có múi	Nguyễn Hải Cường	TS. Đoàn Thu Thủy	<p>3. Trong phương pháp khử trùng vào mẫu từ hạt, tiến hành khử trùng bằng NaClO ở nồng độ 10% trong thời gian 15 phút mang lại hiệu quả khử trùng mẫu tốt nhất.</p> <p>4. Đối với các chất điều tiết sinh trưởng TDZ- BAP- 2,4D được thử thì TDZ ở nồng độ 1,5 – mg/l mang lại hiệu quả tốt nhất cho việc hình thành callus từ phôi tâm của quả bưởi Diễn.</p> <p>5. α- NAA là chất được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu tạo rễ, kết hợp với BAP và TDZ trong việc tạo rễ. BAP mang lại khả năng hình thành rễ tốt nhất và trong cùng một chất thì với nồng độ 1,5 cho kết quả hình thành rễ tốt hơn so với mức 2 mg/l.</p>
426	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân vi sinh và biện pháp tỉa cành đến sinh trưởng và phát triển cây bưởi Diễn tại Gia Lâm, Hà Nội	Ngô Thành Đạt	TS. Đoàn Thu Thủy	<p>Mục đích: Trên cơ sở xác định liều lượng phân vi sinh bón thay thế phân NPK và mức độ tỉa cành phù hợp cho cây bưởi Diễn. So sánh với năng suất trung bình trong vùng rồi từ đó đề xuất một số quy trình, kỹ thuật canh tác hợp lý nhằm nâng cao năng suất và phẩm chất bưởi Diễn tại Gia Lâm- Hà Nội. Bước đầu hướng tới sản xuất bưởi Diễn hữu cơ.</p> <p>1. Qua điều tra tình hình sản xuất cây có múi nói chung và cây bưởi Diễn nói riêng nhận thấy cây bưởi Diễn là 1 trong những loại cây quan trọng đang được phát triển diện tích trên địa bàn huyện theo định hướng cơ cấu cây trồng của huyện đến năm 2020. Nông dân có tay nghề và đầu tư hệ thống canh tác một cách khoa học cho năng suất và chất lượng sản phẩm tốt. Tuy nhiên còn một số mặt hạn chế như đầu ra sản phẩm còn khó khăn, bấp bênh. Nông dân còn sử dụng một số loại thuốc cấm, độc hại.</p> <p>2. Các công thức T3P4 (Cắt tỉa hạ độ cao 3m+Bón 0,375 kg đạm + 0,375 kg lân+ 0,2 kg kali + 10,35 kg phân vi sinh sông Gianh/gốc) ,T3P5 (Cắt tỉa hạ độ cao 3m+ Bón toàn bộ bằng 13,8 kg phân vi sinh sông Gianh/gốc) tốt nhất cho sự phát triển lộc, cây có số lộc tương đối nhiều và thời gian phát triển nhanh hơn hẳn. Các công thức đốn tỉa T2 (Cắt tỉa hạ độ cao 2,5m),T3 (Cắt tỉa hạ độ cao 3m) tuy có tốc độ tăng trưởng lộc thấp hơn nhưng số lộc vượt trội hơn hẳn</p>

				<p>3. Các công thức phân bón P2 (Bón 1,125kg đạm + 1,125 kg lân+ 0,6 kg kali+ 3,45 kg phân vi sinh sông Gianh/gốc) và công thức cắt tía T2 (Cắt tía hạ độ cao 2,5m) sẽ làm cây có số hoa nhiều nhưng công thức đốn tía T1(Cắt tía hạ độ cao 2m) lại là công thức cho tỷ lệ đậu quả cao hơn hẳn hai công thức còn lại. Công thức phân bón P2 cũng cho tỷ lệ đậu quả cao hơn các công thức còn lại.</p> <p>4. Về sự phát triển quả các công thức T2P1(Cắt tía hạ độ cao 2,5m+Bón 1,5kg đạm + 1,5 kg lân + 0,8 kg kali /gốc), T2P2(Cắt tía hạ độ cao 2,5m+Bón 1,125kg đạm + 1,125 kg lân+ 0,6 kg kali+ 3,45 kg phân vi sinh sông Gianh/gốc) ,T3P1(Cắt tía hạ độ cao 3m+Bón 1,5kg đạm + 1,5 kg lân + 0,8 kg kali /gốc) ,T3P2 (Cắt tía hạ độ cao 3m+ cho tốc độ và kích cỡ quả tốt hơn các công thức còn lại nhưng sự chênh lệch không quá nhiều.</p> <p>5. Các công thức T1P4 (Cắt tía hạ độ cao 2m+ Bón 0,375 kg đạm + 0,375 kg lân+ 0,2 kg kali + 10,35 kg phân vi sinh sông Gianh/gốc) ,T1P5 (Cắt tía hạ độ cao 2m+ Bón toàn bộ bằng 13,8 kg phân vi sinh sông Gianh/gốc) là các công thức tốt nhất cho việc hạn chế sâu bệnh hại cho cây.</p>
427	Đánh giá đặc điểm nông sinh học, tính kháng bệnh sương mai và bệnh xoắn vàng lá (Tomato yellow leaf curl virus-TYLCV) của các tổ hợp cà chua lai mới	Ông Ngọc Minh	TS. Trần Ngọc Hùng - TS. Đoàn Thu Thủy	<p>Đánh giá đặc điểm nông sinh học, tính kháng bệnh sương mai và bệnh xoắn vàng lá (Tomato Yellow Leaf Curl Virus-TYLCV) của các tổ hợp cà chua lai mới để xác định được tổ hợp cà chua lai tốt phục vụ sản xuất.</p> <p>Từ các kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi rút ra được một số kết luận sau:</p> <p>1. Tiến hành đánh giá đặc điểm nông sinh học của tổ hợp lai cà chua mới chọn ra được những giống có đặc điểm nông sinh học tốt kháng bệnh sương mai và xoắn vàng lá là các giống 17-TE-04, 17-TE-05, 17-TE-07, 17-TE-08 17-TE-09</p> <p>2. Đa số các mẫu giống có khả năng sinh trưởng phát triển tốt, có tỷ lệ đậu quả cao trong đông xuân và xuân hè 2017-2018.</p> <p>3. Nhiều mẫu giống có chất lượng quả tốt, màu quả đỏ đẹp.</p>
				<p>Mục đích: Đánh giá được khả năng sinh trưởng, phát triển của 3 dòng thanh long (TL5, TL25, BT2) và 6 dòng thanh long lai (TL25 x BT2; BT2 x TL25; TL5 x TL25; TL25 x TL5; BT2 x TL5 và TL5 x BT2) từ đó tìm ra được dòng có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt nhất, phục vụ cho công tác chọn tạo giống.</p> <p>1.Về khả năng sinh trưởng của các dòng thanh long</p> <p>+ Các dòng lai được trồng để nghiên cứu tại Gia Lâm-Hà Nội đều có khả năng sinh trưởng phát triển tốt.</p>

428	Nghiên cứu khả năng sinh trưởng phát triển của các dòng thanh long lai tại Gia Lâm, Hà Nội	Đỗ Thị Nga	TS. Đoàn Thu Thủy	<p>+ Dòng lai TL5 x BT2 và BT2 x TL5 có nhiều ưu điểm vượt trội so với các dòng khác như: độ đồng đều giống cao hơn, cây sinh trưởng mạnh hơn, cành to khỏe, thời gian vươn tới đỉnh trụ ngắn.</p> <p>2. Về đặc điểm hoa, quả</p> <p>+ Các dòng thanh long lai (TL5x BT2, BT2 x TL5, TL25 x BT2, BT2 x TL25, TL5 x TL25 và TL25 x TL5) được trồng nghiên cứu tại khu vực Gia Lâm- Hà Nội đều ra hoa và đậu quả sau 2 năm trồng.</p> <p>+ Dòng lai BT2 x TL25 và BT2x TL5 có khả năng đậu hoa và quả tốt hơn so với các dòng khác, dòng lai TL5 x TL25 có khả năng thích ứng với điều kiện vùng Gia Lâm- Hà Nội kém hơn.</p> <p>+ Dòng lai BT2 x TL25 có nhiều ưu điểm về quả vượt trội hơn so với dòng khác: chất lượng quả tốt hơn, tỷ lệ đậu hoa và quả tốt hơn là các yếu tố quan trọng cấu thành năng suất chất lượng của cây.</p> <p>3. Về khả năng chống chịu sâu bệnh hại</p> <p>Điều kiện khí hậu vùng Gia Lâm – Hà Nội có mùa đông lạnh, mùa xuân mưa phùn, độ ẩm cao đã ảnh hưởng đến tốc độ sinh trưởng , phát triển của cây thanh long, là nguyên nhân chính phát sinh các ra các loại sâu bệnh hại, đặc biệt là đối tượng ốc sên phá hoại trong mùa xuân (lúc cây bật mầm) ở tất cả các dòng lai. Khi được trồng tại Gia Lâm- Hà Nội các dòng lai đều có sức đề kháng cao, ít bị sâu bệnh gây hại, có hại thì cũng chỉ ở mức nhẹ.</p>
470	Phân tích di truyền các tính trạng đậu tương ở	Nguyễn Thị Hương	TS. Lê Thị Tuyết Châm	<p>Mục đích: Phân tích sự di truyền và biến động di truyền của các tính trạng trong quần thể phân ly đậu tương ở thế hệ F3 của 4 tổ hợp lai; Xác định hệ số di truyền và các thành phần cấu thành năng suất của quần thể đậu tương thế hệ F3. Kết quả đạt được: Đánh giá sự biểu hiện và di truyền dựa trên các tính trạng hình thái tuy đơn giản hơn nhưng có nhiều nhược điểm như biểu hiện kiểu hình bị chi phối bởi môi trường: nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, kỹ thuật canh tác, phân bón...các giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây và kỹ năng của người quan sát nên tính chính xác có thể bị ảnh hưởng và mức độ phân nhóm giữa các cá thể không rõ ràng.</p> <p>Trong thí nghiệm này, các quần thể đều có sự phân ly ở các tính trạng chất lượng liên quan đến màu sắc, đặc điểm hình thái và các đặc điểm ở quả, hạt. Kiểm nghiệm Chi square cho thấy một số tính trạng có thể do 1 gen kiểm soát như tính trạng màu sắc thân mầm, màu sắc hoa, màu rốn, mật độ lông, tính trạng màu sắc thân, màu sắc vỏ hạt. Các đặc điểm từ bố mẹ vẫn được quan sát ở các cá thể trong quần thể F3.</p>

727	thế hệ F3	Nguyễn Thị Hương	TS. Lê Thị Tuyết Châm	<p>Bốn quần thể đều có sự phân ly ở các tính trạng số lượng liên quan đến thời gian sinh trưởng phát triển, sự sinh trưởng phát triển và các yếu tố liên quan đến năng suất. Mỗi quần thể đều có một số ít cá thể có biểu hiện vượt ra ngoài khoảng biến thiên của bố mẹ, với giá trị có thể nhỏ hơn hoặc lớn hơn giá trị của bố mẹ. Hệ số di truyền nghĩa rộng cũng có sự biến động lớn và khác nhau giữa bốn quần thể.</p> <p>Hệ số di truyền nghĩa rộng cho đặc điểm về thời gian sinh trưởng và phát triển dao động từ 0,3-97,5%, cho năng suất từ 15,2 - 79,8%. Hệ số di truyền nghĩa rộng cũng nằm trong khoảng đã được các nghiên cứu khác xác định ở đậu tương.</p> <p>Về thời gian sinh trưởng các quần thể có thời gian sinh trưởng trung bình 85,5 -101,6 ngày. Chiều cao cây lúc thu hoạch trung bình biến động trong khoảng 34,1 - 59,1 cm.</p> <p>Năng suất cá thể trung bình 4,6 - 9,6 g/cây. Đặc biệt, có một số cá thể vượt trội ở quần thể LSB28. Như vậy, những các thể đó có thể là có tiềm năng về năng suất cần được nghiên cứu tiếp ở thế hệ sau.</p>
430	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của các dòng đậu xanh trong vụ xuân 2108	Đỗ Thị Hoa	TS. Lê Thị Tuyết Châm	<p>Mục đích: Phân tích sự di truyền và biến động di truyền của các tính trạng trong quần thể phân ly đậu xanh ở thế hệ F4 của tổ hợp lai giữa ĐX92-1 x Berken. Xác định hệ số di truyền, các thành phần cấu thành năng suất của quần thể F4.. Kết luận: Trong thí nghiệm này, quần thể lai ĐX92-1 x Berken ở thế hệ F4 có sự phân ly ở các tính trạng chất lượng liên quan đến màu sắc, đặc điểm hình thái và các đặc điểm ở quả, hạt. Kiểm nghiệm Chi square cho thấy một số tính trạng có thể do 1 gen kiểm soát như tính trạng màu sắc thân mầm, màu sắc hoa, tính trạng màu sắc thân, màu sắc vỏ hạt, độ bóng của hạt.</p> <p>Đối với các tính trạng số lượng, biểu đồ tần suất thể hiện sự phân phối liên tục của các cá thể trong quần thể F4. Điều đó chứng tỏ các tính trạng số lượng do nhiều gen kiểm soát và các gen có ảnh hưởng cộng tính. Ngoài ra, đối với mỗi tính trạng đều có những cá thể có biểu hiện vượt ngoài bố mẹ.</p> <p>Về thời gian sinh trưởng, quần thể có thời gian sinh trưởng trung bình là 71,1 ngày với biến động từ 66-72 ngày, thuộc sinh trưởng ngắn ngày.</p> <p>Chiều cao cây trung bình biến động vào khoảng 29,7- 67,7 cm. Năng suất cá thể trung bình là 4,0- 12,9 g/cây.</p> <p>Hệ số di truyền nghĩa rộng cho đặc điểm sinh trưởng và phát triển biến động từ 11,0- 56,4%, cho các yếu tố cấu thành năng suất từ 7,5- 59,8%. Hệ số di truyền nghĩa rộng cũng nằm trong khoảng đã được nghiên cứu khác xác định ở đậu xanh.</p>

				Như vậy, dựa trên năng suất cá thể và thời gian sinh trưởng, một số cá thể ngắn ngày hoặc có năng suất vượt trội có thể được lựa chọn để nhân thể hệ, đánh giá và làm vật liệu chọn tạo giống.
431	Ảnh hưởng của liều lượng phân bón Biorchar đến sinh trưởng, sinh lý và năng suất của một số giống đậu tương trong điều kiện mặn	Nguyễn Thị Nga	TS. Lê Thị Tuyết Châm	<p>Mục đích: Đánh giá ảnh hưởng của các mức bón biorchar đến sinh trưởng, sinh lý và năng suất của giống đậu tương ĐT26 trong điều kiện mặn từ đó làm cơ sở khoa học xây dựng quy trình trồng đậu tương trong điều kiện mặn. Kết quả đạt được: 1.Biochar làm giảm tác động của mặn đến các chỉ tiêu sinh trưởng của giống đậu tương ĐT26. Gây mặn không làm ảnh hưởng đến chiều cao thân, số lá nhưng làm giảm tổng số hoa của giống đậu tương ĐT26. Các chỉ tiêu về sinh trưởng giữa các mức bón biochar không có sự sai khác.</p> <p>2.Gây mặn làm giảm các chỉ tiêu về diện tích lá, chiều dài rễ, khả năng tích lũy chất khô cũng như khả năng hình thành nốt sần.</p> <p>Biochar có tác dụng tích cực lên các chỉ tiêu về diện tích lá , khối lượng tươi khô cũng như khả năng hình thành nốt sần của giống đậu tương ĐT26 trong điều kiện mặn. Gây mặn làm ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu sinh lý của giống đậu tương ĐT26 như hiệu suất huỳnh quang diệp lục, độ rò rỉ ion và độ thiếu hụt bão hòa nước nhưng không ảnh hưởng đến chỉ số SPAD.</p> <p>Biorchar không ảnh hưởng đến các chỉ tiêu như hiệu suất huỳnh quang diệp lục, chỉ số SPAD và độ thiếu hụt bão hòa nước nhưng làm giảm độ rò rỉ ion trong điều kiện mặn.</p> <p>4.Gây mặn ảnh hưởng đến các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của giống đậu tương ĐT26. Tổng số quả/cây, khối lượng 100 hạt, năng suất các cá thể đều giảm khi gây mặn.</p> <p>Biochar có ảnh hưởng tích cực đến năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của giống đậu tương ĐT26.</p>
432	Đánh giá khả năng chịu úng của hai giống đậu xanh	Nguyễn Thị Thìn	TS. Lê Thị Tuyết Châm	<p>Đánh giá ảnh hưởng của sự ngập úng đến sinh trưởng, sinh lý và năng suất của hai giống đậu xanh ĐXVN5 và ĐXVN7 trong điều kiện nhà lưới từ đó là cơ sở khoa học cho công tác chọn lọc giống đậu xanh có khả năng chịu úng. Kết quả đạt được: Ngập úng ở các giai đoạn làm suy giảm chiều cao cây, số lá, diện tích lá, nốt sần, khối lượng tươi và khô của rễ và thân lá, chỉ số SPAD, hiệu suất huỳnh quang diệp lục, năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất. Gây úng ở giai đoạn cây con làm suy giảm lớn nhất đến các chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất của tất cả các giống đậu xanh trong khi đó gây úng ở giai đoạn thu quả lần 1 mức độ ảnh hưởng ít hơn so với các giai đoạn còn lại.</p>

				<p>Các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý và năng suất của 2 giống đậu xanh có xu hướng suy giảm khi tăng thời gian gây úng ở giai đoạn cây ra hoa. Thời gian gây úng 5 ngày ảnh hưởng ít nhất đến các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý và năng suất của các giống. Trong khi đó thời gian gây úng 15 ngày ở cùng giai đoạn ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh trưởng, sinh lý và năng suất của các giống đậu xanh tham gia thí nghiệm.</p>
433	<p>Khảo sát một số dòng, giống đậu tương trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội</p>	<p>Đoàn Thị Vân Anh</p>	<p>TS. Lê Thị Tuyết Châm</p>	<p>Mục đích: Đánh giá các đặc điểm hình thái, khả năng sinh trưởng và khả năng chống chịu sâu bệnh, năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của các dòng, giống đậu tương, từ đó đề xuất ra một số dòng, giống có tiềm năng làm vật liệu cho chọn tạo giống đậu tương mới. Kết quả đạt được: Tổng thời gian sinh trưởng của các mẫu giống đậu tương biến động trong khoảng 88 – 110 ngày. Giống đối chứng DT96 thuộc nhóm cây trung ngày (thời gian sinh trưởng từ 90 – 99 ngày). Tất cả các mẫu giống còn lại đều thuộc nhóm cây dài ngày (thời gian sinh trưởng từ 100 – 110 ngày).</p> <p>Các mẫu giống có chiều cao cây cuối cùng biến động trong khoảng 32,3 – 67,5 cm, chiều cao đóng quả đạt từ 5,73 – 11,08 cm. Số đốt hữu hiệu của các mẫu giống đạt 8,1 – 11,1 đốt với số cành cấp 1 đạt 1,3 – 3,4 cành.</p> <p>2) Mức độ nhiễm sâu bệnh hại của các dòng, giống đậu tương tham gia thí nghiệm tương đối thấp. Trong điều kiện vụ Xuân 2018, tất cả các mẫu giống đậu tương đều không bị đổ và không bị tách vỏ quả khi chín.</p> <p>3) Tổng số quả/cây biến động trong khoảng khoảng 24,5 – 43,9 quả/cây, với tỷ lệ quả chắc biến động trong khoảng 91,29 – 98,86%. Khối lượng 1000 hạt đạt từ 93,7g – 203,9g . Năng suất cá thể của các mẫu giống đạt 3,6g – 11,2 g/cây. Giống D16 (7,96 tạ/ha) có năng suất thực thu thấp. Giống có năng suất thực thu cao nhất là D23 (22,81 tạ/ha).</p> <p>4) Ba dòng có năng suất thực thu cao vượt trội so với giống đối chứng DT96 là D23 đạt (22,81 tạ/ha), D6 đạt (21,55 tạ/ha), 4930 đạt (22,16 tạ/ha) ngoài ra còn có một số giống cũng có năng suất cá thể và năng suất thực thu cao bằng hoặc xấp xỉ giống đối chứng DT96 như : D3, G7,13527. Bên cạnh đó có thể thấy năng suất thực thu của các mẫu giống trong thí nghiệm không có chênh lệch quá lớn so với năng suất lý thuyết của chúng (12,6 – 39,2 tạ/ha). Như vậy, nếu có điều kiện ngoại cảnh và chăm sóc tốt ta hoàn toàn có thể thu được năng suất thực thu bằng với năng suất lý thuyết.</p>

				Dựa vào các chỉ tiêu theo dõi và kết quả đạt được (Năng suất, khả năng sinh trưởng và phát triển, khả năng chống chịu) trên đã xác định được các mẫu giống triển vọng sau: D23, D6, 4930, D3, G7, 13527 và giống đối chứng DT96.
434	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số dòng, giống đậu tương trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Xuân Tú	TS. Lê Thị Tuyết Châm	Mục đích: Đánh giá được các chỉ tiêu về hình thái, đặc điểm nông sinh học của tập đoàn các mẫu giống đậu tương thu thập. Từ đó, xác định và lập nhóm được các vật liệu tốt phục vụ cho công tác chọn tạo giống tiếp theo. Kết quả đạt được: Các mẫu giống nghiên cứu có mức độ đa dạng cao về hình thái cây, hoa, quả và hạt. Mỗi mẫu giống khác nhau sẽ có màu sắc hoa, quả, hạt và hình thái cây khác nhau. Hoa có màu trắng, tím. Hạt thì có nhiều màu sắc rón hạt: đen, nâu, nâu nhạt, nâu đậm.
				(2) Tổng thời gian sinh trưởng của các dòng, giống đậu tương biến động trong khoảng 88 – 106 ngày. Có 2 mẫu giống R36 và R13 thuộc nhóm cây ngắn ngày (dưới 90 ngày). Các mẫu giống gồm D19+, DT51, D8, D2 và 4962 thuộc nhóm cây dài ngày (100 ngày trở lên). Các mẫu giống còn lại thuộc nhóm cây trung ngày (từ 90 – 95 ngày). Mẫu giống đối chứng DT96 có thời gian sinh trưởng là 98 ngày.
				(3) Các mẫu giống có chiều cao cây cuối cùng biến động trong khoảng 32,9 – 62,8 cm. Mẫu giống đối chứng có chiều cao cây cuối cùng đạt 55,5 cm. Chiều cao đóng quả dao động 4,3 – 9,4 cm, mẫu giống đối chứng có chiều cao đóng quả là 8,4 cm. Số cành cấp 1 và số đốt hữu hiệu của các mẫu giống dao động trong khoảng lần lượt (2,4 – 4,7 cành) và (7,5 – 11,0 đốt), mẫu giống đối chứng là 3,3 cành và 9,3 đốt.
				(4) Khả năng chống sâu, bệnh hại: Các mẫu giống không bị sâu đục quả hại như các mẫu giống DT51, D7, D5, D2, 6790. Các mẫu giống tham gia thí nghiệm bị sâu đục thân từ 15 – 25%. Bị sâu cuốn lá hại từ 65 – 75%. Tất cả các mẫu giống đều bị nhiễm nhẹ phấn trắng trừ mẫu giống D2.
				Khả năng chống đổ của các mẫu giống đậu tương trong vụ Xuân 2018: nhìn chung các giống đều không bị đổ và không có quả bị tách vỏ.

			<p>(5) Tổng số quả/cây biên động trong khoảng khoảng 19,8 – 50,1 quả/cây, mẫu giống đối chứng DT96 là 34,1 quả/cây. Tỷ lệ quả chắc biên động trong khoảng 87,2% - 96,3%. Tỷ lệ quả 3 hạt của các dòng trong thí nghiệm dao động trong khoảng từ 0,0 – 45,1% quả/cây. Các mẫu giống cho tỷ lệ quả 3 hạt cao như: D7 (45,1%), D2 (40,2%), 13523 (35,5%), D19+ (33,0%) và 6790 (32,7%). Có 2 mẫu giống R13 và G21 không thu được quả 3 hạt. Nhìn chung tất cả các mẫu giống đều có tỷ lệ quả 2 hạt ở mức cao nhất so với quả 1 hạt và 3 hạt.</p> <p>(6) Năng suất thực thu của các mẫu giống đạt từ 10,2 (G21) - 22,3 (D2) tạ/ha. Một số mẫu giống cho năng suất thực thu cao như D7 (21,4 tạ/ha), D5 (20,3 tạ/ha), 6790 (21,9 tạ/ha). Mẫu giống đối chứng DT96 cho năng suất thực thu khá cao với 21,0 tạ/ha.</p> <p>Dựa vào các chỉ tiêu theo dõi và kết quả đạt được (Năng suất, khả năng sinh trưởng và phát triển khả năng chống chịu) trên đã xác định được các mẫu giống triển vọng sau: D7, D5, D19+, D2, 6790 và mẫu giống đối chứng DT96.</p>	
435	Đánh giá đặc điểm nông sinh học, tiềm năng năng suất và mức độ chống chịu sâu bệnh hại của một số giống lúa Japonica vụ xuân 2018 tại Văn Lâm Hưng Yên	Nguyễn Thị Cẩm Tú	TS. Ngô Thị Hồng Tươi	<p>1 Mục đích đề tài</p> <p>Đánh giá đặc điểm nông sinh học, tiềm năng năng suất và mức độ chống chịu sâu bệnh của một số giống lúa Japonica tại Văn Lâm – Hưng Yên.</p> <p>2 Yêu cầu</p> <p>Đánh giá một số đặc điểm hình thái của các giống lúa Japonica trong vụ Xuân 2018 tại Văn Lâm- Hưng Yên.</p> <p>Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của các giống lúa Japonica trên đất Văn lâm – Hưng Yên.</p> <p>Xác định các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của các giống lúa Japonica.</p> <p>3. kết quả</p> <p>Qua theo dõi chúng tôi đã chọn ra 4 giống có triển vọng là J15, J16, J18, SKH2.1.</p>
				<p>1.2. Mục tiêu của đề tài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được các chỉ tiêu về hình thái, đặc điểm nông sinh học của 1 số giống lúa thuần ngăn ngừa chất lượng. - Đánh giá tiềm năng năng suất và mức độ nhiễm sâu bệnh hại của một số giống lúa thuần ngăn ngừa chất lượng. <p>1.3. Yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá một số đặc điểm hình thái của các giống lúa thuần ngăn ngừa chất lượng trong vụ Xuân 2018 tại Văn Lâm – Hưng Yên.

436	Đánh giá đặc điểm nông sinh học, tiềm năng năng suất và mức độ chống chịu sâu bệnh hại của một số giống lúa thuần ngắn ngày chất lượng trong vụ xuân 2018 tại Văn Lâm – Hưng Yên	Trương Thị Thắm	TS. Ngô Thị Hồng Tươi	<p>- Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của các giống lúa thuần ngắn ngày chất lượng trên đất Văn Lâm – Hưng Yên.</p> <p>- Xác định các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của các giống lúa thuần ngắn ngày chất lượng.</p> <p>- Đánh giá mức độ nhiễm sâu bệnh của 1 số giống lúa thuần ngắn ngày chất lượng.</p> <p>3. kết quả</p> <p>- Các giống có năng suất thực thu ở mức khá biến động từ 57,34-75,36 tạ/ha. Trong đó Khang Lâm 786 có năng suất thực thu cao nhất, hầu hết các giống khảo nghiệm đều có năng suất thực thu cao hơn giống đối chứng.</p> <p>- Qua theo dõi các giống khảo nghiệm chúng tôi nhận thấy các giống có triển vọng: Khang Lâm 786, Smart 68, TBTH, Tân Ưu 98, Nam Dương 502.</p>
437	Ảnh hưởng của một số đánh cây/khóm và phương thức cây cải tiến đến sinh trưởng phát triển năng suất hai dòng tẻ cấy mới TC3 và TC5 ở vụ xuân 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội	Nguyễn Văn Trường	TS. Ngô Thị Hồng Tươi	<p>1. Mục đích</p> <p>Nghiên cứu ảnh hưởng, và xác định số đánh cây/khóm và phương thức cây cải tiến đến sinh trưởng, phát triển, năng suất hai dòng tẻ cấy mới TC3 và TC5 tại Gia Lâm – Hà Nội.</p> <p>2. Yêu cầu</p> <p>- Đánh giá ảnh hưởng của số đánh cây/khóm đến sinh trưởng phát triển và năng suất.</p> <p>- Đánh giá việc ứng dụng phương pháp cây cải tiến vào sản xuất.</p> <p>- Nghiên cứu các đặc điểm hình thái, nông – sinh học của các dòng lúa tẻ cấy tham gia thí nghiệm.</p> <p>- Đánh giá năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất, chất lượng của hai dòng tẻ cấy tham gia thí nghiệm.</p> <p>- Đánh giá khả năng chống chịu sâu bệnh hại tự nhiên trên đồng ruộng của hai dòng tẻ cấy thí nghiệm</p> <p>3. kết quả</p> <p>Năng suất lí thuyết của các công thức trung bình từ 68,27 – 109,02 tạ/ha Năng suất thực thu từ 68,27 – 85,33 tạ/ha, ta thấy NSTT, NSLT tăng nhẹ khi ta tăng số đánh/khóm lên nhưng NSTT, NSLT cao nhất ở mức cấy 3 đánh/khóm.</p> <p>Tổng hợp các chỉ tiêu trên ta thấy dòng TC3 và TC5 và cấy với mức cấy 2 ,3 đánh/khóm là có tiềm năng và có, với năng suất thực thu cao nhất.</p>
				<p>1. Mục đích</p> <p>- Đánh giá được các chỉ tiêu về hình thái, đặc điểm nông sinh học của một số mẫu giống tẻ cấy.</p>

438	Khảo sát một số mẫu giống lúa tẻ cấy vụ xuân năm 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Phan Thị Thu Thương	TS. Ngô Thị Hồng Tươi	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tiềm năng năng suất và mức độ nhiễm sâu bệnh hại của một số mẫu giống tẻ cấy. - Đánh giá các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của các mẫu giống thí nghiệm. - Chọn ra các mẫu giống tẻ cấy cho năng suất cao và chất lượng tốt. <p>2. Yêu cầu của đề tài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố trí thí nghiệm khảo sát, theo dõi các chỉ tiêu nông sinh học của các mẫu giống lúa tẻ cấy. - Đánh giá khả năng sinh trưởng phát triển, năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của các mẫu giống lúa. - Đánh giá chất lượng gạo của các mẫu giống lúa. - Đánh giá khả năng chống chịu sâu bệnh hại của các mẫu giống lúa thí nghiệm. <p>3. kết quả</p> <p>Qua theo dõi các mẫu giống lúa tẻ cấy trên đồng ruộng đã chọn ra được các mẫu giống có triển vọng như: ĐT128, TDVH2, Bách Hợp, TDVH1, GS55B</p>
439	So sánh một số dòng tẻ cấy vụ xuân 2108 tại Gia Lâm Hà Nội	Nguyễn Thúy Nga	TS. Ngô Thị Hồng Tươi	<p>1. Mục đích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá các đặc điểm nông sinh học của các dòng tẻ cấy nghiên cứu. -Đánh giá các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của các dòng tẻ cấy. - Đánh giá mức độ nhiễm sâu bệnh của các dòng lúa thí nghiệm. - Đưa ra được dòng triển vọng, có năng suất cao, phẩm chất tốt phục vụ cho công tác chọn tạo giống mới. <p>2 Yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh, đánh giá được các đặc điểm cơ bản về sinh trưởng phát triển, và khả năng thích ứng của dòng tẻ cấy mới. - Đánh giá khả năng chống chịu một số sâu bệnh hại chính của các dòng lúa tẻ cấy mới. - Chọn lọc được dòng tẻ cấy có đặc điểm nông sinh học tốt, năng suất cao để đưa ra sản xuất. <p>3. kết quả</p> <p>Thông qua đánh giá năng suất, chất lượng các dòng, giống đã chọn được 3 dòng TC1, TC3 và TC5 có triển vọng cao về năng suất, chất lượng khá.</p>
				1. Mục đích:

440	Ảnh hưởng của một số danh cây/khóm đến sinh trưởng phát triển và năng suất của dòng tẻ cầm TC2 và TC4 vụ xuân 2018 tại Gia Lâm – Gia Lâm	Nguyễn Thị Lan Anh	TS. Ngô Thị Hồng Tươi	<p>Từ việc nghiên cứu ảnh hưởng của của số danh cây/khóm đến sinh trưởng phát triển và năng suất của 2 dòng lúa TC2 và TC4, từ đó tìm ra được số danh phù hợp cho 2 dòng lúa.</p> <p>2 Yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá đặc điểm sinh trưởng và phát triển của các dòng lúa cầm thí nghiệm. - Đánh giá được các chỉ tiêu nông sinh học của các dòng lúa thí nghiệm. - Đánh giá được các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của các dòng lúa thí nghiệm. - Đánh giá khả năng chống chịu sâu bệnh hại trên đồng ruộng của các dòng tẻ cầm <p>3. kết quả</p> <p>Thông qua đánh giá đã lựa chọn được số danh cây cho năng suất cao nhất là 33 danh/m².</p>
441	Khảo sát một số mẫu giống lúa nếp cầm địa phương vụ xuân 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Phạm Thị Hà Phương	TS. Ngô Thị Hồng Tươi	<p>1. Mục đích</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đánh giá được các chỉ tiêu về hình thái, đặc điểm nông sinh học của một số mẫu giống lúa nếp cầm địa phương. -Đánh giá tiềm năng năng suất và mức độ nhiễm sâu bệnh hại của một số mẫu giống nếp cầm địa phương. <p>2. Yêu cầu của đề tài</p> <ul style="list-style-type: none"> -Xác định được đặc điểm cơ bản về sinh trưởng phát triển, khả năng chống chịu của các giống tham gia thí nghiệm -So sánh được đặc điểm sinh trưởng phát triển, đặc điểm nông sinh học, đặc điểm hình thái, năng suất và chất lượng của giống lúa nếp cầm. <p>3. Kết quả</p> <p>Kết quả chọn được một số mẫu giống có triển vọng như N6, N8, N10, N18, N26, N27, NCĐB.</p>
				<p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá các đặc điểm nông sinh học của các tổ hợp lai cà chua vụ Xuân Hè muộn. - Tuyển chọn được ra các tổ hợp lai cà chua triển vọng thích hợp trồng ở vụ Xuân Hè muộn 2018. <p>* Kết quả:</p>

442	Khảo sát khả năng kết hợp và chọn lọc các tổ hợp lai cà chua triển vọng chịu nóng vụ xuân hè muộn 2018	Trịnh Thăng Khánh	PGS.TS. Nguyễn Hồng Minh	<p>1. Ở vụ xuân hè muộn các tổ hợp lai cà chua thí nghiệm có thời gian từ trồng đến chín ngắn dao động trong khoảng (57 - 68 ngày), chiều cao cuối cùng dao động trong khoảng (91.3 – 132.7 cm), số lá cuối cùng dao động trong khoảng (19.2 – 23.2 lá).</p> <p>2. Trong vụ Xuân Hè muộn, tỷ lệ đậu quả là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá khả năng chịu nóng và quyết định năng suất của các tổ hợp lai. Nhiều số tổ hợp lai có tỷ lệ đậu quả cao từ 60% trở lên như: S12, F35, S35, S19, H19, S19, N12.</p> <p>3. Nhìn chung vụ xuân hè muộn 2018 có nhiệt độ cao, nên các tổ hợp lai cho năng suất thấp. Các tổ hợp lai nhóm 4, 6 có năng suất cá thể đều thấp hơn đối chứng. Trong số 28 tổ hợp lai nhóm 35, 11, 19, 12 đã quan sát thấy: 6 tổ hợp lai có năng suất cá thể thấp hơn đối chứng, 11 tổ hợp lai tương đương đối chứng, 11 tổ hợp lai cao hơn đối chứng. Nổi bật có 10 tổ hợp lai cho năng suất cá thể cao (từ 1000g trên cây trở lên) như: E35, K35, H35, S35, K19, H19, O19, F19, F12, S12.</p> <p>4. Ở điều kiện nhiệt độ cao như vụ Xuân Hè muộn đa số các tổ hợp lai có mẫu quả chín đỏ loang vàng. Các tổ hợp lai có chất lượng quả cao được thể hiện ở màu sắc quả khi chín, độ đều, độ Brix, khẩu vị, hương vị: H35, F19, S35, O19, E35, O4, N35, F12.</p> <p>5. Kết quả đánh giá tập hợp các chỉ tiêu đã chọn lọc ra được một số tổ hợp lai cà chua triển vọng vụ Xuân Hè muộn như: H35, F19, S35, O19.</p>
	Đánh giá các tổ hợp lai cà chua nhóm trung ngày			<p>* Mục tiêu: Đánh giá đặc điểm sinh trưởng, năng suất, chất lượng và khả năng chịu nóng của các tổ hợp lai cà chua vụ Xuân Hè 1 - 2018 nhằm tuyển chọn ra các tổ hợp lai triển vọng thích hợp trồng trong vụ Xuân Hè 1</p> <p>* Kết quả:</p> <p>1. Ở vụ xuân hè 1-2018 các tổ hợp lai cà chua thí nghiệm có thời gian từ trồng đến quả chín ngắn dao động trong khoảng (66-74 ngày) cả 2 loại hình sinh trưởng. Chiều cao cuối cùng nhóm sinh trưởng hữu hạn dao động trong khoảng 93.2-121.2 cm; nhóm sinh trưởng vô hạn dao động trong khoảng 126.3-158.7 cm. Số lá cuối cùng dao động trong khoảng 16.3-24 lá (nhóm 1), và 20.3-28.8 lá (nhóm 2).</p> <p>2. Trong vụ xuân hè 1-2018, tỷ lệ đậu quả là chỉ tiêu quan trọng quyết định năng suất của các tổ hợp lai. Tất cả các tổ hợp lai thí nghiệm có tỷ lệ đậu quả cao ở vụ xuân hè sớm từ 79% trở lên.</p>

443	Đánh giá các tổ hợp lai cà chua muộn trong vụ xuân hè 1 - 2018	Trần Hữu Trí	PGS.TS. Nguyễn Hồng Minh	<p>3. Nhìn chung vụ xuân hè 1-2018 có nhiệt độ cao, (các tổ hợp lai đều cho năng suất khá. Các tổ hợp lai cho năng suất cá thể cao như: L1(3119.0 g/cây), L3(3102.3 g/cây), G26(3223.2 g/cây), I13(2942.7 g/cây), E3(2735.3 g/cây) (nhóm sinh trưởng hữu hạn), và các tổ hợp lai A84(2420.3 g/cây), B842523.3 g/cây, H44(2222.0 g/cây), X44(2541.2 g/cây), A17(1988.0 g/cây), (nhóm sinh trưởng vô hạn)</p> <p>4. Các tổ hợp lai có chất lượng quả cao được thể hiện ở màu sắc quả khi chín, khẩu vị, hương vị: G26, H17, CN14,...(nhóm 1), T24, T25,T8, T33...(nhóm 2). Các tổ hợp lai có độ brix cao là I13 bằng với đ/c HT160 (4.7), H17 (4.6), G26 (4.2),... (nhóm sinh trưởng hữu hạn); I84 (5.6), T20 (5.3) T25 và T46 (5.1)... (nhóm sinh trưởng vô hạn).</p> <p>5. Kết quả đánh giá tập hợp các chỉ tiêu đã chọn lọc ra được một số tổ hợp lai cà chua triển vọng vụ Xuân Hè 1-2018 như: G26, L1, L3, A1, I13,(nhóm sinh trưởng hữu hạn), và các tổ hợp lai B84, X44, A84, H44, A17,(nhóm sinh trưởng vô hạn)</p>
444	Đánh giá năng suất, chất lượng của các tổ hợp lai cà chua quả nhỏ dạng dài vụ xuân hè 1 năm 2018	Nguyễn Thị Minh Phương	PGS.TS. Nguyễn Hồng Minh	0
445	Nghiên cứu sinh trưởng, năng suất mức độ nhiễm bệnh virus đồng ruộng của các tổ hợp lai cà chua vụ xuân hè muộn 2018	Đinh Thu Hương	PGS.TS. Nguyễn Hồng Minh	<p>* Mục tiêu: Đánh giá đặc điểm nông sinh học, sinh trưởng, năng suất, mức độ nhiễm bệnh virus đồng ruộng, tuyển chọn ra các tổ hợp lai triển vọng phù hợp với điều kiện thời tiết vụ xuân hè muộn.</p> <p>* Kết quả:</p> <p>1. Ở vụ xuân hè muộn các tổ hợp lai cà chua thí nghiệm có thời gian từ trồng đến khi quả chín ngắn dao động trong khoảng 57- 68(ngày), chiều cao cuối cùng dao động trong khoảng 60-119,7(cm), số lá cuối cùng dao động trong khoảng 17-21,5(lá).</p> <p>2. Trong vụ xuân hè muộn, tỷ lệ đậu quả là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá khả năng chịu nóng và quyết định năng suất của các tổ hợp lai. Đa số tổ hợp lai có tỷ lệ đậu quả cao từ 50% trở lên. Một số tổ hợp lai có tỉ lệ đậu quả trên 70% như H21; H22; K2; E19; C10; C13.</p> <p>3. Nhìn chung vụ xuân hè muộn 2018 có nhiệt độ cao, nên các tổ hợp lai cho năng suất thấp. Các tổ hợp lai cho năng suất cá thể cao hơn đối chứng như: C25 (965g); C5 (917g); A11(846g). Qua quan sát thấy 12 tổ hợp lai có năng suất cá thể tương đương đối chứng, số còn lại thấp hơn đối chứng.</p> <p>4. Các tổ hợp lai vụ xuân hè muộn có màu sắc quả chín đỏ cò và đolơang vàng, đa số chúng có hương vị , khẩu vị đáp ứng người tiêu dùng.</p>

				5. Kết quả đánh giá tập hợp các chỉ tiêu đã chọn lọc ra được một số tổ hợp lai cà chua triển vọng vụ Xuân Hè Muộn như: C25; C5; G19; G11; K2; A11
446	Đánh giá các tổ hợp lai cà chua màu quả nhỏ vụ xuân hè 1- 2018	Chu Thị Huyền	PGS.TS. Nguyễn Hồng Minh	* Mục tiêu:
				- Đánh giá đặc điểm nông sinh học, của các tổ hợp lai cà chua màu quả nhỏ triển vọng
				- Tuyển chọn ra các tổ hợp lai cà chua ưu tú thích hợp trồng ở điều kiện bất thuận trong vụ Xuân Hè.
				* Kết quả:
				1. Các THL cà chua màu quả nhỏ vụ Xuân Hè 1 năm 2018 nghiên cứu đa số chúng thuộc nhóm nhanh chín. Các THL chín sớm nhất là: R1 (63 ngày sau trồng), R3 (63 ngày sau trồng), tiếp đến là R2 (64 ngày sau trồng) và U6 (64 ngày sau trồng). THL chín muộn nhất là: U2 (71 ngày) và D25 (72 ngày), số còn lại dao động trong khoảng 66 – 70 ngày.
				2. Các THL cà chua màu quả nhỏ vụ Xuân Hè 1 năm 2018 sinh trưởng vô hạn có dạng cây cao dao động từ 163 – 208 cm, tán rộng. Các THL có màu sắc lá xanh bình thường và xanh đậm, dạng chùm hoa của các tổ hợp lai nghiên cứu đều có dạng chùm hoa xương cá - đơn giản. Đặc điểm nở hoa của tất cả các THL nghiên cứu đều là nở rải rác.
3. Tỷ lệ đậu quả trung bình theo dõi trên 5 chùm quả của các THL cà chua màu quả nhỏ vụ Xuân Hè 1 năm 2018 cho thấy: THL có tỷ lệ đậu quả cao nhất là U3 (87,6%), THL có tỷ lệ đậu quả thấp nhất : D25 (61,7%). Hầu hết các THL đều có tỷ lệ đậu quả trên 70%. Điều đó cho thấy, các THL nghiên cứu phù hợp để trồng trong vụ Xuân Hè 1.				
4. Qua năng suất cá thể của các THL cà chua màu quả nhỏ vụ Xuân hè 1 năm 2018 cho thấy THL R6 có năng suất cao nhất là THL R6 (50,1 tấn/ha), một số THL có năng suất cao khác như: R1 (31,0 tấn/ha), R2 (36,4 tấn/ha), R4 (35,6 tấn/ha). Các THL cà chua màu quả nhỏ nhóm U có năng suất thấp hơn nhóm R. D25 có năng suất thấp nhất là (7,8 tấn/ha). Từ đó ta thấy, nhóm cà chua vàng kém thích hợp để trồng trong vụ Xuân Hè.				
5. Các THL gồm có dạng quả tròn và dạng dài. Màu sắc vai quả của các THL chủ yếu là màu nâu sẫm-tím, riêng THL D25 là màu xanh nhạt. Màu sắc quả khi chín của các THL cà chua chủ yếu đều là màu đỏ chocolate, D25 có màu vàng. Màu sắc quả ưa nhìn, đồng đều, đẹp mắt. Các THL nghiên cứu có thịt quả chắc mịn, ướt nhẹ, có hương rõ, chất lượng quả đáp ứng được nhu cầu người dùng. Độ Brix trung bình dao động trong khoảng từ 4,1 đến 6,4. Trong đó THL có độ Brix cao nhất là U4 (6,4), thấp nhất là R6 (4,1).				

				6. Qua kết quả đánh giá các THL cà chua màu quả nhỏ vụ Xuân Hè 1 năm 2018 chúng tôi chọn lọc được các tổ hợp lai triển vọng là: R1, R2, R4, R6, R8, U3.
447	So sánh một số tổ hợp lai cà chua triển vọng vụ xuân hè 1 - 2018	Nông Văn Cường	PGS.TS. Nguyễn Hồng Minh	* Mục tiêu:
				- Đánh giá đặc điểm nông, sinh học của các tổ hợp lai cà chua mới.
				- Tuyển chọn ra các tổ hợp có triển vọng thích hợp trồng ở vụ xuân hè.
				* Kết quả:
				1. Các tổ hợp lai có thời gian từ trồng đến chín dao động trong khoảng từ 69 đến 76 ngày. Các tổ hợp lai chín sớm nhất là: A12, K5, (69 – 70 ngày sau trồng) tương đương với giống đối chứng HT160 là 70 ngày sau trồng. Các tổ hợp lai có thời gian chín trung bình là: E5, H5, K41, L7, L13, H41, L41, E41, (74 – 75 ngày sau trồng. Các tổ hợp lai chín muộn nhất là: A5 và L5 (76 ngày sau trồng).
				2. Chiều cao cây cuối cùng của các tổ hợp lai cà chua nghiên cứu có chiều cao từ 100,9 cm đến 132,2 cm. Các tổ hợp lai nghiên cứu đều có chiều cao cao hơn giống đối chứng HT160. Các tổ hợp lai thuộc dạng sinh trưởng bán hữu hạn.
				3. Nhận thấy hầu hết các tổ hợp lai đều có tỉ lệ đậu quả cao, tổ hợp lai có tỉ lệ đậu quả trung bình trên năm chùm cao nhất là L7 với 79,5% so với giống đối chứng HT160 là 72,9%. Các tổ hợp lai nghiên cứu có mức đậu quả đạt trên 65% trong đó có chín tổ hợp lai đạt mức bằng và cao hơn giống đối chứng.
4. Các tổ hợp lai cà chua nghiên cứu ở vụ xuân hè nhiễm bệnh virus khá nhẹ. Tổ hợp lai bị nhiễm cao nhất là K5 với tỉ lệ nhiễm là 5% ở các lần theo dõi. Có 2 tổ hợp lai không bị nhiễm bệnh virus là L7 và L41. Các tổ hợp lai còn lại với nhiễm bệnh nhẹ với tỷ lệ nhiễm dao động từ 1,7-5% ở các lần theo dõi.				
5. Năng suất cả thể của các tổ hợp lai nghiên cứu dao động từ 2420,1g đến 3476,7g. Về năng suất (tấn/ha) đã thu được bảy tổ hợp lai có năng suất (tấn/ha) tương đương giống đối chứng là: A5, H5, K5, L5, K41, H41 và E41, 5 tổ hợp lai cho năng suất cao hơn đối chứng có ý nghĩa là: E5, A12, L7, L13 và L41. Trong số năm tổ hợp lai này có ba tổ hợp lai năng suất cao vượt trội là: E5 (67,8 tấn/ha), L7 (60,7 tấn/ha), L13 (58,8 tấn/ha).				

				<p>6. Các tổ hợp lai cà chua thí nghiệm có dạng quả tròn, có hương nhẹ, thịt quả dày, chất lượng quả đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. Độ Brix trung bình của các tổ hợp lai cà chua thí nghiệm dao động trong khoảng từ 3,7 đến 4,8. Tổ hợp lai có độ Brix cao nhất là L41 (4,8). Có ba tổ hợp lai có độ Brix tương đương giống đối chứng HT160(4,6) là: E41(4,7), H41(4,4) và K41(4,3).</p> <p>7. Kết quả đánh giá tập hợp các chỉ tiêu đã chọn ra các tổ hợp lai ưu tú là E5, L7 và L13.</p>
448	Đánh giá các THL cà chua nhóm sinh trưởng vô hạn vụ xuân hè 1 năm 2018	Trần Thị Liên	PGS.TS. Nguyễn Hồng Minh	<p>* Mục tiêu: Đánh giá đặc điểm nông sinh học, chất lượng của các tổ hợp lai cà chua tuyển chọn ra các tổ hợp lai cà chua triển vọng phù hợp trồng ở vụ Xuân Hè II.</p> <p>* Kết quả:</p> <p>1. Ở vụ xuân hè các tổ hợp lai cà chua thí nghiệm có thời gian từ trồng đến quả chín ngắn dao động trong khoảng (65 - 72 ngày), chiều cao cuối cùng dao động trong khoảng (91,17 – 108 cm), số lá cuối cùng dao động trong khoảng (16,83 – 20,83 lá).</p> <p>2. Trong vụ xuân hè, tỷ lệ đậu quả là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá khả năng chịu nóng, quyết định năng suất của các tổ hợp lai. Các tổ hợp lai đều có tỷ lệ đậu quả cao từ 66,97 - 90,21%. Tổ hợp lai có tỷ lệ đậu quả cao nhất là K16.</p> <p>3. Vụ xuân hè 2018 các tổ hợp lai thí nghiệm cho năng suất đa dạng. 5 tổ hợp lai cho năng suất cá thể cao hơn đối chứng: K31 (2337,5g), K16 (2267,33g), L5 (2198,17g), I2 (2156,50g), I5 (2060,58g); 5 tổ hợp lai có năng suất cá thể tương đương đối chứng, số còn lại thấp hơn đối chứng.</p> <p>4. Ở vụ nóng xuân hè các tổ hợp lai có quả chín đỏ đều và đỏ loang vàng. Một số tổ hợp lai có chất lượng tốt, chín đỏ, độ brix, khâu vị, hương vị tốt như: K31; K16; I21; H12; K5.</p> <p>5. Kết quả đánh giá tập hợp các chỉ tiêu đã chọn lọc ra được một số tổ hợp lai cà chua triển vọng vụ Xuân Hè như: K31; K16; L5; I2; I5; K5; H12; L1; I21.</p>
449	Nghiên cứu sinh trưởng năng suất, chất lượng của các tổ hợp lai cà chua nhóm ngắn ngày vụ xuân hè 2108	Bùi Thị Nhung	PGS.TS. Nguyễn Hồng Minh	0
				<p>* Mục tiêu: Đánh giá đặc điểm sinh trưởng, năng suất và khả năng chịu nóng của các tổ hợp lai cà chua vụ Xuân Hè Mùa nhằm tuyển chọn ra các tổ hợp lai triển vọng thích hợp trồng trong điều kiện trái vụ.</p> <p>* Kết quả:</p>

450	Đánh giá khả năng chịu nóng, chất lượng quả của các tổ hợp lai cà chua đồng màu vụ xuân hè muộn 2018	Nguyễn Hoàng Anh	PGS.TS. Nguyễn Hồng Minh	<p>1. Ở vụ xuân hè muộn các tổ hợp lai cà chua thí nghiệm có thời gian từ trồng đến chín ngắn dao động trong khoảng (55 - 67 ngày), chiều cao cuối cùng dao động trong khoảng (74-102 cm), số lá cuối cùng dao động trong khoảng (19 - 23 lá).</p> <p>2. Tỷ lệ đậu quả là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá khả năng chịu nóng của các tổ hợp lai cà chua ở vụ xuân hè và quyết định năng suất của chúng. Đa số các tổ hợp lai có tỷ lệ đậu quả cao từ 50% trở lên , nhiều tổ hợp lai do khả năng đậu quả kém ở các chùm 4,5 không đậu quả như: X27, X23, L4, TL79, G20, K16, P4 và E26.</p> <p>3. Nhìn chung vụ xuân hè muộn 2018 có nhiệt độ cao, nên các tổ hợp lai cho năng suất thấp, thí nghiệm đã thu được 12 tổ hợp lai có năng suất cá thể cao hơn đối chứng, nổi bật là K20 (1000g), H12 (1481,3g), I25 (1090,8g), CK17 (1040g), X28 (1070,3). 9 tổ hợp lai tương đương đối chứng, số còn lại thấp hơn đối chứng.</p> <p>4. Màu sắc quả chín của các tổ hợp lai cà chua vụ Xuân Hè muộn luôn đa dạng: đỏ đều, đỏ loang vàng. Các tổ hợp lai có độ chín đỏ tốt, độ brix, khẩu vị hương vị khá là: H12, I25, X28, K20, C12, I23.</p> <p>5. Kết quả đánh giá tập hợp các chỉ tiêu đã chọn lọc ra được một số tổ hợp lai cà chua triển vọng vụ Xuân Hè Muộn như: H12, I25, X28, CK17, K20, C12, CK79, I23, I21, E26.</p>
451	So sánh sinh trưởng và năng suất một số dòng, giống đậu xanh trong vụ xuân năm 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Trần Thị Lê	TS. Nguyễn Thanh Tuấn	Đánh giá các giống đậu xanh nhằm tìm ra các giống đậu xanh có khả năng sinh trưởng phát triển tốt và năng suất cao phục vụ cho sản xuất thực tiễn và chương trình chọn tạo giống phù hợp với các vùng khí hậu Việt Nam. Đã xác định được một số dòng triển vọng AON, MY1, MY2, Pagasa19 đạt năng suất thực thu cao nhất tương ứng với giá trị 2,4, 2,2, 2,2 và 2,5 tạ/ha
452	Đánh giá sinh trưởng phát triển và năng suất một số mẫu giống đậu COWPEA (<i>Vigna unguiculata</i> L.) trong vụ xuân 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Đông Phúc Luật	TS. Nguyễn Thanh Tuấn	Đánh giá sinh trưởng, phát triển, một số đặc điểm nông sinh học và năng suất của các mẫu giống đậu cowpea nhằm phân lập và chọn lọc nguồn vật liệu phục vụ công tác chọn tạo giống đậu này. đã chọn được giống có năng suất cao gồm C27, C28, C35 cùng đạt 2,0 tấn/ha, C2 – 2,21 tấn/ha và IT610 – 3,3 tấn/ha
453	Khảo sát sinh trưởng, phát triển và năng suất các dòng đậu tương thế hệ F6 trong vụ xuân năm 2018 tại Gia Lâm HN	Lê Văn Tăng	TS. Nguyễn Thanh Tuấn	Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, đặc điểm nông sinh học, khả năng chống chịu sâu bệnh và năng suất của các dòng đậu tương thế hệ F6 nhằm xác định được một số dòng đậu tương mới lai tạo có năng suất và chất lượng cao để đưa ra sản xuất. DDax xasc dđinhj dduowej xác định được 5 dòng có tiềm năng cho năng suất cao là: K33, K21, K23, K6, K3.

454	Đánh giá, sinh trưởng, phát triển và năng suất các mẫu giống đậu xanh trong vụ xuân 2018 tại Gia Lâm HN	Lê Thị Hồng Vân	TS. Nguyễn Thanh Tuấn	Đánh giá các giống đậu xanh nhập nội nhằm tìm ra các giống đậu xanh có khả năng sinh trưởng phát triển tốt và năng suất cao phục vụ cho sản xuất thực tiễn và chương trình chọn tạo giống phù hợp với các vùng khí hậu Việt Nam. Đã xác định được 4 mẫu giống có năng suất thực thu đạt cao là X17; X20; Xanh TQ và X30, tương ứng các giá trị 2,6; 2,2; 2,3 và 2,7 tấn/ha
455	Đánh giá tiềm năng chống chịu mặn ở một số giống lúa địa phương và nhập nội	Lê Trọng Đức	TS. Hoàng Thị Giang - TS. Nguyễn Thanh Tuấn	Đánh giá mức độ chịu mặn của một số giống lúa địa phương và nhập nội tiềm năng nhằm xác định những giống có khả năng chịu mặn phục vụ cho công tác lai tạo giống lúa thích ứng với biến đổi khí hậu. Sau 7 ngày xử lý mặn, 9 giống nhập nội Nga cho tỷ lệ sống sót đạt 100% ở các độ mặn, và thể hiện mức chống chịu từ tốt đến trung bình khi độ mặn tăng. Sau 14 ngày, tỷ lệ sống ở các độ mặn suy giảm từ 100 - 80% qua các độ mặn từ 100 - 250 mM. Ghi nhận 8 giống (trừ R4) có mức chịu mặn khá ở độ mặn 100mM, 3 giống (R2, R5 và R8) có mức chống chịu trung bình ở độ mặn 150 mM. Không giống nào chịu được độ mặn 200 mM và 250 mM. Hầu hết các giống vẫn duy trì được mức sinh trưởng trong các độ mặn thí nghiệm
456	Khảo sát tập đoàn TGMS trong điều kiện vụ xuân 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội	Trần Thị Thúy	TS. Nguyễn Thanh Tuấn - TS. Nguyễn Văn Mười	Đánh giá và tuyển chọn các dòng TGMS có thời gian sinh trưởng ngắn, có đặc điểm nông sinh học, khả năng chống chịu sâu bệnh hại tự nhiên và khả năng chịu lạnh tốt trong điều kiện vụ Xuân ở miền Bắc Việt Nam. Trong 108 dòng, đã chọn được 3 dòng TGMS mới có nhiều đặc điểm nông sinh học tốt, kiểu hình đẹp, khả năng tự phục hồi hữu dục tốt, năng suất nhân dòng cao. Các dòng đó là T-9; T-28 và T-53
457	Đánh giá đặc điểm sinh trưởng, tính dục và năng suất duy trì 14A/B ở các thể hệ G1 vụ xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Đỗ Thị Tươi	TS. Nguyễn Thanh Tuấn - TS. Nguyễn Văn Mười	Đánh giá đặc điểm nông sinh học, các yêu tố cấu thành năng suất, năng suất duy trì của các cặp dòng 14-A/B và tính dục của dòng 14-A ở các thể hệ G1 trong điều kiện vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm-Hà Nội. Các dòng được chọn gồm dòng có thời gian sinh trưởng của dòng A là 129-135 ngày, dòng B là 118-135 ngày. Tỷ lệ cây đứng dạng đạt 100%, độ thuần dòng ruộng tốt. Dòng B duy trì bất dục dục cho dòng A tốt. Năng suất cả thể dòng 14A từ 7,8 đến 15 gam/khóm
458	Ảnh hưởng của tỷ lệ hàng bố mẹ và mức phân bón đến sản xuất hạt lai F1 giống ngô lai lá đứng VNUA153	Đào Thị Thúy Hằng	PGS.TS. Nguyễn Văn Cường	#N/A
459	Ảnh hưởng của mật độ phân bón đến năng suất và chất lượng hạt giống bồ công anh Việt Nam (<i>Lactuca indica</i> L.) var. BCA-1.	Bùi Thị Hương	PGS.TS. Nguyễn Văn Cường - TS. Nguyễn Văn Khiêm	#N/A
460	Đánh giá khả năng kết hợp của các dòng ngô nếp tím vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Lê Thị Thu Huyền	PGS.TS. Nguyễn Văn Cường	#N/A

461	Đánh giá các dòng ngô nếp được tạo ra từ các nguồn vật liệu nhập nội trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Trần Thị Xuân	PGS.TS. Nguyễn Văn Cương	#N/A
462	Xác định mật độ và phân bón thích hợp cho giống ngô lá đứng VNUA153 tại Gia Lâm – Hà Nội	Nguyễn Thúy Ngọc	PGS.TS. Nguyễn Văn Cương	#N/A
463	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số tổ hợp lai ngô tẻ triển vọng tại Đan Phượng Hà Nội	Trần Thị Thu Trang	PGS.TS. Nguyễn Văn Cương - TS. Đặng Ngọc Hạ	#N/A
464	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số tổ hợp lai ngô đường triển vọng	Nguyễn Thị Ngọc	PGS.TS. Nguyễn Văn Cương - TS. Đặng Ngọc Hạ	#N/A
465	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số tổ hợp lai ngô nếp triển vọng tại Đan Phượng Hà Nội	Phạm Thị Hồng Thuần	PGS.TS. Nguyễn Văn Cương - TS. Đặng Ngọc Hạ	#N/A
466	Đánh giá các dòng mang gen đột biến FEA* nhằm cải tiến năng suất giống ngô LVN10	Nguyễn Thị Trà My	PGS.TS. Nguyễn Văn Cương - TS. Khuất Hữu Trung	#N/A
467	Đánh giá đặc điểm nông sinh học các dòng ngưng tất (<i>Achyranthes bidentata</i> Blume) đột biến thể hệ M2 tại Thanh Trì, Hà Nội	Lê Thị Yến	PGS.TS. Nguyễn Văn Cương - TS. Nguyễn Văn Khiêm	#N/A
468	Ảnh hưởng một số biện pháp kỹ thuật đến khả năng nhân giống hữu tính ở cây xạ can (<i>Belamcanda chinensis</i> (L) DC.)	Phạm Thị Ngọc Bích	PGS.TS. Nguyễn Văn Cương - ThS. Trần Thị Lan	#N/A
				<p>Mục đích, yêu cầu của đề tài:</p> <p>Nắm được đặc điểm hình thái và đặc tính nông sinh học của các dòng đậu cô ve mới chọn tạo.</p> <p>Chọn lọc được một số dòng triển vọng, có khả năng chịu nóng để đánh giá ở thế hệ tiếp theo.</p> <p>Theo dõi, đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của các dòng đậu cô ve mới chọn tạo.</p> <p>Chăm sóc và theo dõi tình hình sâu bệnh trên đồng ruộng.</p> <p>Kết quả nghiên cứu: Từ kết quả đánh giá các mẫu giống đậu cô ve thí nghiệm trong vụ Xuân Hè 2018, tôi rút ra một số kết luận như sau:</p> <p>1. Thời gian sinh trưởng của các dòng đậu cô ve từ khi gieo đến khi cây nảy mầm là 7 ngày, ra hoa sau 34 ngày, đậu quả đầu tiên sau 44 ngày, thu quả tươi đầu tiên sau 51 ngày và thu quả chín sinh lý sau 76 ngày. Tất cả các dòng đều có thời gian thu sớm vượt trội hơn trong đó có một số dòng vượt trội như : BH1, BH2, BH3, BH4</p>
	Đánh giá khả năng chịu nóng của một số dòng			

469	đậu cô ve mới lai tạo trong vụ Xuân Hè 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Trịnh Thị Thảo Phuong	TS. Phạm Thị Ngọc	<p>2. Chiều cao cây và số lá của các dòng đậu cô ve tăng dần trong suốt quá trình sinh trưởng, tăng nhanh nhất trong giai đoạn cây 30-35 ngày tuổi và giảm dần ở giai đoạn sau. Tốc độ ra nhánh của các dòng đậu cô ve leo diễn ra sau khi cây đã tăng trưởng chiều cao và số lá.</p> <p>3. Trong suốt quá trình sinh trưởng đậu cô ve luôn bị các loại sâu hại tấn công bao gồm: dòi đục thân, sâu đục quả, bệnh lở cổ rễ nên cần phải có các biện pháp phòng trừ kịp thời để không ảnh hưởng đến năng suất của các giống.</p> <p>4. Các dòng đậu cô ve trong thí nghiệm hầu hết đã đạt độ đồng nhất khá cao về các đặc điểm hình thái .</p> <p>5. Qua toàn bộ quá trình theo dõi thí nghiệm chúng tôi đã rút ra một số dòng có khả năng sinh trưởng khỏe, năng suất cao, mẫu mã quả đẹp, nhiễm sâu bệnh ít, thích ứng trong vụ Xuân Hè 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội là: BH1, BH2, BH3, BH4, BH16.</p> <p>6. Sử dụng các dòng đậu cô ve chịu nóng mới chọn tạo đã chọn được 5 dòng đậu cô ve BH1, BH2, BH3, BH4, BH16 có năng suất cao và chịu nóng, thích hợp với vụ Xuân Hè ở miền Bắc.</p>
470	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số dòng đậu tương trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Đỗ Thị Linh	TS. Phạm Thị Ngọc	<p>Mục đích và yêu cầu đề tài:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nắm được đặc điểm hình thái và đặc tính nông sinh học của một số dòng đậu cô ve trong vụ Xuân 2018. -Tìm ra các dòng ưu việt, cho năng suất chất lượng tốt. - Xác định mật độ trồng thích hợp cho các dòng đậu cô ve đạt năng suất chất lượng cao nhất <p>Từ đó chọn lọc được một số dòng triển vọng để tiếp tục đánh giá ở thế hệ tiếp</p> <p>Nghiên cứu động thái tăng trưởng của các công thức thí nghiệm đậu cô ve</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nghiên cứu ảnh hưởng của mật độ đến sinh trưởng và phát triển của đậu cô ve trong vụ Xuân 2018. -Nghiên cứu các yếu tố cấu thành năng suất, đánh giá phẩm chất của các dòng, giống đậu cô ve. <p>Kết quả nghiên cứu:</p> <p>I. Thời gian sinh trưởng của các dòng đậu cô ve từ khi gieo đến nảy mầm giao động 6-9 ngày. Ra hoa đầu tiên sau 28 ngày, đậu quả đầu tiên sau 37 ngày, thu quả tươi đầu tiên sau 48 ngày và chín sinh lý đầu tiên sau 76 ngày. Tất cả các dòng đều có thời gian thu hoạch ngắn, đặc biệt là các dòng BH1 và BH11. Mật độ trồng 15cm cây đậu có thời gian sinh trưởng dài hơn các mật độ 20,25 và 30cm.</p>

				<p>2. Chiều cao cây và số lá của các giống tăng dần trong suốt quá trình sinh trưởng, tăng mạnh nhất vào thời kì 23-28 ngày sau gieo. Trồng ở mật độ 15cm và 25cm có chiều cao cây lớn nhất. Các giống có chiều cao cây triển vọng là BH1, BH5 và BH11. Tốc độ ra nhánh của các giống đậu cô ve leo diễn ra sau khi cây đã tăng trưởng về chiều cao và số lá. Mật độ trồng càng dày thì tốc độ ra nhánh càng chậm.</p> <p>3. Trong suốt quá trình sinh trưởng đậu cô ve luôn bị các loại sâu hại tấn công bao gồm: dòi đục thân, sâu đục quả, sâu cuốn lá, bệnh lở cổ rễ nên cần phải có các biện pháp phòng trừ kịp thời để không ảnh hưởng đến năng suất của các giống. Trồng ở mật độ 15 và 20cm cây đậu dễ bị sâu bệnh tấn công hơn, mức độ lan nhanh hơn các mật độ 25, 30cm.</p> <p>4. Các dòng đậu cô ve trong thí nghiệm hầu hết đã đạt độ đồng nhất khá cao về các đặc điểm hình thái .</p> <p>5. Qua toàn bộ quá trình theo dõi thí nghiệm chúng tôi đã rút ra một số dòng có khả năng sinh trưởng khỏe, năng suất cao, mẫu mã quả đẹp, nhiễm sâu bệnh ít, thích ứng trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội là: BH5, BH11. Mật độ trồng thích hợp để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất là 20cm.</p>
471	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số giống đậu cô ve thân bụi trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Lê Thị Thảo	TS. Phạm Thị Ngọc	<p>Mục đích và yêu cầu đề tài</p> <p>1.2.1 Mục đích</p> <p>Nắm được đặc điểm hình thái và đặc tính nông sinh học của các dòng đậu cô ve ăn quả mới lai tạo.</p> <p>Đưa ra được lượng phân bón thích hợp nhất cho sự sinh trưởng và phát triển của các dòng đậu cô ve.</p> <p>1.2.2 Yêu cầu</p> <p>Theo dõi, đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, mức độ nhiễm sâu bệnh hại , các yếu tố cấu thành năng suất ở các dòng cô ve ở các công thức phân bón khác nhau.</p> <p>Kết quả nghiên cứu:</p> <p>Thời gian sinh trưởng của các dòng đậu cô ve từ khi gieo đến khi cây nảy mầm là 6.75 ngày, ra hoa sau 33.5 ngày, đậu quả đầu tiên sau 39.25 ngày, thu quả tươi đầu tiên sau 51.25 ngày và thu quả chín sinh lý sau 72 ngày. Tất cả các dòng đều có thời gian thu sớm hơn giống đối chứng trong đó có một số dòng vượt trội như : BH1,BH2 đều là 70 ngày.</p>

				<p>Ở các mức đạ khác nhau chiều cao cây và số lá của các đòng đậ cô ve tăng dần trong suốt quá trình sinh trưởng, tăng nhanh nhất trong giai đoạn cây 22 – 32 ngày tuổi . Tốc độ ra nhánh của các đòng đậ cô ve leo diễn ra sau khi cây đã tăng trưởng chiều cao và số lá. Trong suốt quá trình sinh trưởng đậ cô ve luôn bị các loại sâu hại tấn công bao gồm: dòi đục thân, sâu đục quả, bệnh lở cổ rễ , Sâu cuốn lá nên cần phải có các biện pháp phòng trừ kịp thời để không ảnh hưởng đến năng suất của các giống. Qua toàn bộ quá trình theo dõi thí nghiệm chúng tôi đã rút ra phân bón có ảnh hưởng đến sinh trưởng , phát triển và năng suất của các đòng, tuy nhiên không có sự chênh lệch nhiều giữa các giống. Một số đòng vượt trội :đòng đối chứng ở mức đạ 18(g)(khối lượng trung bình quả tươi), BH2 ở mức đạ 15(g)(năng suất cá thể quả tươi).</p>
472	<p>Đánh giá khả năng sinh trưởng phát triển của một số đòng đậ cô ve trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội</p>	Trần Thị Nga	TS. Phạm Thị Ngọc	<p>Mục đích và yêu cầu</p> <p>1.2.1. Mục đích</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nắm đượ các đặc điểm hình thái, các đặc điểm về sinh trưởng phát triển của đậ cô ve trong vụ xuân 2018. -Chọn lọc một số đòng triển vọng để tiếp tục đánh giá ở các thế hệ tiếp theo. <p>1.2.2 Yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> -Theo dõi, giá đặc điểm sinh trưởng phát triển của một số mẫu giống cô ve trong vụ xuân 2018. -Đánh giá đặc điểm hình thái của một số đòng đậ cô ve. -Đánh giá đượ khả năng chống chịu và mức độ nhiễm sâu bệnh hại của các đòng. <p>Kết qyar nghiên cứu:</p> <p>Thời gian sinh trưởng của các giống đậ cô ve leo kể từ khi gieo đến khi cây nảy mầm là 5,5 ngày, ra hoa đầu tiên là 41,70 ngày, ra quả đầu tiên là 48,20 ngày, thu quả tươi lần đầu tiên là 59,40 ngày, quả chín sinh lý là 77,50 ngày. Những giống có thời gian thu sớm như CV05, CV41, CV42.</p> <p>Chiều cao cây và số lá của các mẫu giống đậ cô ve leo tăng dần trong suốt quá trình sinh trưởng. Tốc độ ra nhánh của các mẫu giống đậ cô ve leo diễn ra sau khi cây đã tăng trưởng chiều cao và số lá.</p> <p>Về năng suất các giống đậ cô ve trong nghiệm cứu có năng suất thực thu rất đa dạng, một số có năng suất như các giống CV05, CV22, CV89, CV104 là các giống cho năng suất cao nhất (192.33-336.19) tấn/ha.</p>

				<p>Trong suốt quá trình sinh trưởng đậu cô ve luôn bị các loại sâu hại tấn công từ khi bắt đầu nảy mầm tới khi ra hoa đậu quả bao gồm: dòi đục thân, dòi đục lá, sâu đục quả. Điển hình là giai đoạn cây con, cây nhạy cảm với dòi đục thân; giai đoạn ra hoa với dòi đục lá và giai đoạn ra quả với dòi đục lá, sâu đục quả.</p> <p>Qua toàn bộ quá trình theo dõi thí nghiệm chúng tôi đã rút ra một số giống có khả năng sinh trưởng khỏe, năng suất cao, mẫu mã quả đẹp, nhiễm sâu bệnh ít, thích ứng trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội là: CV05, CV07, CV22, CV67, DL022.</p>
473	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số dòng đậu cô ve thế hệ F7 trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Hoàng Văn Trường	TS. Phạm Thị Ngọc	<p>Mục đích và yêu cầu đề tài</p> <p>1.2.1 Mục đích</p> <p>Nắm được đặc điểm hình thái và đặc tính nông sinh học của các dòng đậu cô ve.</p> <p>Chọn lọc được một số dòng triển vọng để đánh giá ở thế hệ tiếp theo.</p> <p>1.2.2 Yêu cầu</p> <p>Theo dõi, đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của các dòng đậu cô ve thế hệ F7.</p> <p>Chăm sóc và theo dõi tình hình sâu bệnh trên đồng ruộng.</p> <p>Kết quả nghiên cứu:</p> <p>Thời gian sinh trưởng của các dòng đậu cô ve thế hệ F7 từ khi gieo đến khi cây nảy mầm là 5,85 ngày, ra hoa sau 35,21 ngày, đậu quả đầu tiên sau 40,9 ngày, thu quả tươi đầu tiên sau 53,2 ngày và thu quả chín sinh lý sau 73,50 ngày. Có một số dòng đều có thời gian thu sớm vượt trội hơn giống đối chứng như : BH1, BH2, BH11 và BH22 đều là 72 ngày, BH3(71 ngày).</p> <p>Chiều cao cây và số lá của các dòng đậu cô ve tăng dần trong suốt quá trình sinh trưởng, tăng nhanh nhất trong giai đoạn cây 32 – 52 ngày tuổi và giảm dần ở giai đoạn sau. Tốc độ ra nhánh của các dòng đậu cô ve leo diễn ra sau khi cây đã tăng trưởng chiều cao và số lá.</p> <p>Năng suất cả thể quả tươi trung bình là 404,91g, năng suất cả thể hạt khô trung bình là 31,44g.</p> <p>Trong suốt quá trình sinh trưởng đậu cô ve luôn bị các loại sâu hại tấn công bao gồm: dòi đục thân, sâu đục quả, bệnh lở cổ rễ, Sâu cuốn lá nên cần phải có các biện pháp phòng trừ kịp thời để không ảnh hưởng đến năng suất của các giống.</p> <p>Đặc điểm hình thái của các dòng đậu cô ve thế hệ F7, hầu hết các dòng đã đạt đến độ đồng nhất . không phân ly tính trạng màu sắc nào cả.</p>

				<p>Qua toàn bộ quá trình theo dõi thí nghiệm chúng tôi đã rút ra một số dòng có khả năng sinh trưởng khỏe, năng suất cao, mẫu mã quả đẹp, nhiễm sâu bệnh ít, thích ứng trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội là : BH1, BH2, BH3, BH11, BH17, BH18, BH22, BH23.</p>
474	<p>Khảo sát các quần thể cà chua F2 vụ xuân hè 2 năm 2018</p>	<p>Trịnh Thị Lại</p>	<p>ThS. Trần Thiện Long</p>	<p>* Mục tiêu: Đề tài được thực hiện với mục đích đánh giá đặc điểm di truyền của các gen đột biến mục tiêu, đánh giá khả năng ứng dụng các gen này trong chọn giống, và tạo lập được quần thể phân ly phục vụ cho các bước chọn giống tiếp theo.</p> <p>* Kết quả: Nhìn chung, cả 3 quần thể đều thể hiện mức độ đa dạng cao về biểu hiện kiểu hình, trên các tính trạng hình thái: cấu trúc cây, kiểu lá, kích thước lá,... và các tính trạng liên quan đến hình thái và chất lượng quả. Sự phân ly đa dạng ở quần thể F2 đúng theo kỳ vọng ban đầu vì 2 dạng bố mẹ ban đầu rất sai khác nhau về kiểu hình. Một số kết quả cụ thể đạt được như sau:</p> <p>1. Quần thể 1 và quần thể 2 trong thí nghiệm đều có thời gian từ trồng đến chín từ ngắn ngày đến chín muộn, dao động trong khoảng 53 - 67 ngày. Đa số các cây trên 2 quần thể đều thuộc nhóm cây có chiều cao cây thấp từ 20-50 cm.</p> <p>2. Quần thể 3 trong thí nghiệm có thời gian trồng đến chín từ ngắn ngày đến chín muộn, dao động từ 55-72 ngày, thời gian chín kéo dài hơn so với 2 quần thể trên.</p> <p>3. Kết quả cho thấy ở 3 quần thể, chỉ tiêu về hình thái cây phân ly rất đa dạng và mạnh thể hiện rõ nhất là chiều cao cây. Các quần thể đa số đều thuộc nhóm cây có chiều cao cây thấp từ 20 đến 50cm.</p> <p>4. Màu sắc lá chủ yếu ở 3 quần thể là màu xanh đậm và màu xanh nhạt, hình dạng lá phân thùy rộng chiếm phần lớn trên các quần thể, trong đó có xuất hiện hình dạng lá khoai tây – hình dạng lá đặc biệt mang đột biến iaa9.</p> <p>5. Tỷ lệ đậu quả trên 3 quần thể tương đối cao và cao nhất là ở quần thể 3 dao động từ 50-80% tỉ lệ đậu quả</p> <p>6. Quả ở 3 quần thể thuộc dạng quả nhỏ là chủ yếu, đường kính quả dao động từ 3 đến 4 cm ở quả nhỏ (nhỏ) chiếm tỉ lệ cao nhất, độ dày thịt quả dao động ở mức 0,3 đến 0,4 chiếm phần lớn. Độ brix cao dao động từ 3 đến 4, cho vị quả ngọt cao.</p> <p>7. Ngoài ra, nhiều dạng kiểu hình độc đáo cũng được quan sát và phân lập từ các quần thể phân ly F2 nghiên cứu, các dạng này được kỳ vọng sẽ là các vật liệu tạo giống hữu ích trong tương lai.</p>

475	Đánh giá các mẫu giống cà chua mới nhập nội vụ đông xuân 2018	Nguyễn Thị Hoa	ThS. Trần Thiện Long	<p>* Mục tiêu: Đánh giá đặc điểm nông sinh học, chất lượng của các mẫu giống cà chua mới nhập nội vụ đông xuân 2018. Đánh giá khả năng thích ứng của các mẫu giống cà chua mới nhập nội đối với điều kiện thời tiết vụ đông xuân ở miền bắc Việt Nam nói riêng và thời tiết Việt Nam nói chung, từ đó bổ sung thêm những mẫu giống cà chua có màu sắc, có hình dạng đặc biệt để chọn lọc với mục đích làm cảnh.</p> <p>* Kết quả: Qua kết quả theo dõi các mẫu giống cà chua có sự khác nhau rõ rệt về từng tính trạng sinh trưởng, phát triển, tỷ lệ đậu quả các yếu tố cấu thành năng suất, chất lượng quả và hình thái quả. Qua thí nghiệm này ta đã thu thập được một số mẫu giống có hình dạng và màu sắc đặc biệt để phục vụ cho mục tiêu làm cảnh AU66, AU67, AU79 và phục vụ cho quá trình chọn tạo mẫu giống. Qua theo dõi ta thấy các mẫu giống AU66, AU83 là hai mẫu giống triển vọng, có các đặc điểm về sinh trưởng và năng suất tốt nhất trong 24 mẫu giống làm thí nghiệm.</p>
476	Nghiên cứu kỹ thuật trồng cà chua trong chậu phục vụ làm cảnh và ăn tươi trong điều kiện vụ Xuân Hè sớm 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Vũ Bích Ngọc	ThS. Trần Thiện Long	<p>* Mục tiêu: Mục tiêu chính của đề tài là đánh giá ảnh hưởng của giá thể đến đặc điểm nông sinh học, chất lượng, năng suất quả cà chua để từ đó lựa chọn được giá thể trồng cà chua trong chậu trong điều kiện vụ Xuân Hè đạt hiệu quả.</p> <p>* Kết quả: Qua đánh giá ảnh hưởng của các công thức giá thể, công thức bón phân đến sinh trưởng, phát triển, năng suất và chất lượng cây cà chua trồng chậu, thí nghiệm đã chỉ ra 2 công thức giá thể phù hợp nhất cho cà chua trồng chậu: Công thức 1.3: 50% sơ dừa- 50% đất và công thức 2.3: 75% sơ dừa – 25% đất.</p>
477	Đánh giá đặc điểm sinh trưởng phát triển của các dòng bố lúa lai hai dòng trong điều kiện vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Chung Ngọc Châm	PGS.TS. Trần Văn Quang	Đã đánh giá được thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng, đặc điểm nông sinh học, đặc điểm hình thái, mức độ nhiễm sâu bệnh, năng suất, chất lượng của các dòng bố lúa lai hai dòng; Thông qua đánh giá đã chọn được 12 dòng của triển vọng để làm dòng bố lúa lai hai dòng là các dòng số: 115, 117, 143, 150, 159, 161, 193, R3, R16, R16 KR, R94 và R527
478	Khảo sát một số dòng lúa thuần chất lượng cao trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Trần Văn Nhất	PGS.TS. Trần Văn Quang	Thông qua đánh giá đã chọn được 7 dòng lúa thuần chất lượng có triển vọng để gửi khảo nghiệm và phát triển sản xuất: VN20-125; VN20-159; VN20-169; VN20-177; VN20-182; 116; 126
479	Đánh giá sinh trưởng phát triển của các dòng TGMS qua các thời vụ khác nhau trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Phương Anh	PGS.TS. Trần Văn Quang	Đã đánh giá được ảnh hưởng của thời vụ đến thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng, đặc điểm nông sinh học, đặc điểm hình thái, đặc điểm tính dục, ngưỡng chuyển đổi tính dục, mức độ nhiễm sâu bệnh, năng suất của các dòng TGMS; Thông qua đánh giá đã xác định được thời vụ gieo từ 20-30/12 là phù hợp cho nhân dòng TGMS ở điều kiện đồng bằng sông Hồng

480	Đánh giá đặc điểm sinh trưởng, độ thuần và năng suất một số dòng lúa mới chọn tạo thông qua đột biến phóng xạ ở thế hệ M3 trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Thúy	PGS.TS. Trần Văn Quang	Đã đánh giá được thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng, đặc điểm nông sinh học, đặc điểm hình thái, độ thuần, mức độ nhiễm sâu bệnh, năng suất và chất lượng của các dòng lúa đột biến thế hệ M3; Thông qua đánh giá đã chọn được 06 dòng có triển vọng ở thế hệ M3 để sử dụng cho chọn dòng ở các thế hệ tiếp theo là: M3-7, M3-14, M3-15, M3-30, M3-31, M3-56
481	Đánh giá đặc điểm nông sinh học, năng suất và mức độ chống chịu sâu bệnh hại của một số tổ hợp lúa lai 3 dòng tại Văn Lâm, Hưng Yên, vụ Xuân 2018	Vương Văn Khả	PGS.TS. Trần Văn Quang	Đã đánh giá được thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng, đặc điểm nông sinh học, đặc điểm hình thái, mức độ nhiễm sâu bệnh, năng suất, chất lượng của các giống lúa lai ba dòng mới trong mạng lưới khảo nghiệm cơ bản; Thông qua đánh giá đã xác định được 05 tổ hợp lai có triển vọng là: SynND 17230-BLB, SynND 17508-BLB, LH8117, Nghi hương 168, KH7C09.
482	Đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của một số tổ hợp lúa lai 3 dòng trong vụ Xuân 2018 tại Văn Lâm, Hưng Yên	Đỗ Văn Thành	PGS.TS. Trần Văn Quang	Đã đánh giá được đặc điểm tính trạng về lá, thân, hoa lúa, hạt thóc, hạt gạo; tính trạng về sinh trưởng, tính trạng về bông từ đó có các kết luận về tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của 9 giống lúa lai tham gia khảo nghiệm DUS
483	So sánh một số tổ hợp lúa lai hai dòng mới trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Trần Xuân Anh	PGS.TS. Trần Văn Quang	Đã đánh giá được thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng, đặc điểm nông sinh học, đặc điểm hình thái, mức độ nhiễm sâu bệnh, năng suất, chất lượng của các tổ hợp lúa lai hai dòng mới chọn tạo; Thông qua đánh giá đã chọn được 05 tổ hợp lai có triển vọng để gửi khảo nghiệm và phát triển sản xuất: S2, S4, S5, S7, S1
484	Đánh giá ảnh hưởng của lượng phân bón, mật độ cây đến sinh trưởng và năng suất của giống lúa lai ba dòng SYNND5820 trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Dương Thị Hương	PGS.TS. Trần Văn Quang	Thông qua đánh giá đã chọn được công thức: cây với mật độ 30 khóm/m ² và bón phân với lượng 140kg N + 105kg P ₂ O ₅ + 105kg K ₂ O/ha giống Syn ND5820 đạt năng suất cao và hiệu quả kinh tế nhất
485	So sánh một số giống lúa thuần năng suất, chất lượng cao, chống chịu bệnh bạc lá ở vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Trần Thị Linh	PGS.TS. Trần Văn Quang TS. Nguyễn Văn Mười	Đã đánh giá được thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng, đặc điểm nông sinh học, đặc điểm hình thái, mức độ nhiễm sâu bệnh, năng suất, chất lượng của các dòng, giống lúa thuần; Thông qua đánh giá đã chọn được 03 dòng lúa thuần có triển vọng để gửi khảo nghiệm và phát triển sản xuất: VNC135, VNC216, VNC234.
486	So sánh một số dòng, giống lúa thuần mới chọn tạo trong điều kiện vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Đặng Như Quỳnh	PGS.TS. Trần Văn Quang	Đã đánh giá được thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng, đặc điểm nông sinh học, đặc điểm hình thái, mức độ nhiễm sâu bệnh, năng suất, chất lượng của các dòng, giống lúa thuần; Thông qua đánh giá đã chọn được 6 dòng lúa thuần có triển vọng để gửi khảo nghiệm và phát triển sản xuất: G8, G12, G15, G16, G17 và G18.
487	Khảo sát một số dòng, giống lúa nếp mới chọn tạo trong điều kiện vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Hoa	PGS.TS. Trần Văn Quang	Thông qua đánh giá đã chọn được 6 dòng lúa nếp có triển vọng để gửi khảo nghiệm và phát triển sản xuất: N7, N48, N108, C36, C37 và C38

488	Đánh giá ảnh hưởng của mật độ đến sinh trưởng phát triển của các dòng, giống đậu tương trong vụ xuân 2018	Nguyễn Văn Anh	PGS.TS. Vũ Đình Hòa	<p>Mục đích: Đánh giá ảnh hưởng của 3 mật độ đến các đặc điểm hình thái, thời gian sinh trưởng và đặc điểm nông học của các dòng đậu tương, từ đó chọn ra mật độ phù hợp và các dòng có những tính trạng tốt, có tiềm năng làm vật liệu cho chọn tạo giống. Kết quả: Mật độ có ảnh hưởng đến các đặc điểm sinh trưởng, phát triển, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của 3 dòng LSB5-8-1, LSB10-12-2 và HSB0059-D2; Chiều cao giữa các dòng nghiên cứu có sự chênh lệch khá lớn, cao nhất là dòng HSB0059-D2 (80,2 cm – mật độ 2), thấp nhất là dòng LSB5-8-1 (65,8 cm - mật độ 3). Các dòng có năng suất cá thể biến động trong khoảng 4,4 g/cây - 16,3 g/cây. HSB0059-D2 là dòng có năng suất cá thể cao nhất ở cả 3 mật độ với 16,3 g/cây ở mật độ 1; HSB0059-D2 có năng suất trung bình là cao nhất với 11,8 tạ/ha; Trong 3 mật độ đánh giá, mật độ 30 cây/ m2 cho năng suất cũng như sinh trưởng phát triển tốt ở các dòng, giống nghiên cứu.</p>
489	Đánh giá sự sinh trưởng và phát triển của một số dòng, giống đậu tương trong vụ xuân 2018	Nguyễn Hữu Nhân	PGS.TS. Vũ Đình Hòa	<p>Mục đích: Đánh giá 20 dòng đậu tương ở các đặc điểm hình thái, thời gian sinh trưởng, đặc điểm sinh trưởng và phát triển cũng như năng suất so với các giống đối chứng để lựa chọn các dòng đậu tương trong vụ xuân năm 2018. Kết quả: Các dòng có thời gian sinh trưởng thuộc nhóm ngắn ngày, trung bình và dài ngày, dao động từ 82 -104 ngày; Hầu hết các dòng nghiên cứu đều bị nhiễm một số sâu bệnh hại phổ biến như sâu cuốn lá, bệnh gỉ sắt và bệnh phấn trắng nhưng mức độ hại không nặng, không ảnh hưởng nhiều đến năng suất; Các dòng có năng suất cá thể dao động từ 7,1 g – 13,7 g; Năng suất thực thu cũng dao động khá lớn, từ 6 tạ/ha – 13,5 tạ/ha; HSB0058-D4, LSB10-4, LSB10-12-2, LSB36-65-2, HSB0058-D4, HSB0059-D2 và HSB0059-D8 là các dòng có tiềm năng.</p>

490	Đánh giá sinh trưởng phát triển của một số dòng, giống lúa trong vụ Xuân 2018, tại Gia Lâm – Hà Nội	Lô Đức Việt	PGS.TS. Vũ Thị Thu Hiền	<p>Mục đích: So sánh, đánh giá, đặc điểm sinh trưởng phát triển, đặc điểm nông sinh học, đặc điểm hình thái, mức độ nhiễm bệnh của các dòng, giống lúa trong điều kiện vụ Xuân tại Gia Lâm, Hà Nội. Từ đó tuyển chọn được những dòng giống lúa thuần mới có triển vọng để khảo nghiệm, phát triển sản xuất.</p> <p>Kết quả: Thời gian sinh trưởng của các dòng, giống lúa thuần biến động từ 131 - 144 ngày, thuộc nhóm trung ngày. Các dòng, giống có chiều cao cây cuối cùng từ 88,1-116,5cm, số lá từ 14-16 lá, số nhánh tối đa đạt 5,6- 11,1 nhánh/khóm, số nhánh hữu hiệu dao động từ 4,6 – 7,2 nhánh/ khóm; Năng suất cá thể các dòng, giống biến động từ 16,1 – 25,7 gam. Năng suất thực thu dao động từ 53,0 – 72,3 tạ/ha. Tất cả các dòng đều có năng suất thực thu cao hơn đối chứng BT7 và có 5 dòng có năng suất tương đương hoặc cao hơn đối chứng KD18; Chiều dài hạt gạo của các dòng, giống dao động từ 5,5 - 7,5 mm, mùi thơm trên nội nhũ chỉ xuất hiện ở một số ít dòng. Qua đánh giá thấy có dòng 66-4 và 66-8 có các tính trạng chất lượng tốt có thể chọn để làm giống lúa chất lượng cao; Qua đánh giá tổng hợp về năng suất và chất lượng đã chọn ra được 4 dòng lúa triển vọng trong vụ Xuân tại Gia Lâm, Hà Nội là 66-4, 66-8, 70-2 và 81-5.</p>
491	Đánh giá sinh trưởng phát triển của một số dòng, giống lúa thuần mới chọn tạo trong điều kiện vụ Xuân 2018, tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Ngọc ánh	PGS.TS. Vũ Thị Thu Hiền	<p>Mục đích: Đánh giá đặc điểm sinh trưởng phát triển, đặc điểm nông sinh học, đặc điểm hình thái, mức độ nhiễm bệnh của các dòng, giống lúa thuần mới được chọn tạo trong điều kiện vụ Xuân tại Gia Lâm, Hà Nội. Từ đó tuyển chọn được những dòng giống lúa thuần mới có triển vọng để khảo nghiệm, phát triển sản xuất.</p> <p>Kết quả: Các dòng có tuổi mạ là 32 ngày (22/1 – 24/2). Sau khi cấy khoảng 8-10 ngày cây bén rễ hồi xanh và 19 – 24 ngày sau khi cấy bắt đầu đẻ nhánh. TGST của các giống đều là giống ngắn ngày từ 115 – 145 ngày, phù hợp với vụ Xuân muộn và Mùa sớm ở vùng Gia Lâm – Hà Nội; Các dòng có chiều cao trung bình từ 93,26 – 102,25cm; Hầu hết các dòng đều nhiễm sâu, bệnh hại ở mức độ nhẹ hoặc không bị nhiễm, chứng tỏ các giống có khả năng chống chịu sâu bệnh hại rất tốt. Chỉ có một số ít giống bị sâu đục thân ở mức độ 11-20%; Tổng số hạt/ bông khá cao (139,8 – 214,9) nhưng tỷ lệ hạt chắc chỉ đạt ở mức độ trung bình (54,96% - 89,63%). Năng suất cũng chỉ đạt ở mức trung bình, năng suất thực thu đạt 1,85 đến 2,85(kg/ô); năng suất cá thể đạt 17,24 đến 20,99 (g/khóm); năng suất tích lũy đạt từ 12,41 đến 24,46 (g/khóm); năng suất lý thuyết đạt từ 63,2 đến 90,66(tạ/ha). Qua theo dõi trên đồng ruộng kết hợp đánh giá chất lượng, chúng tôi đã chọn ra các dòng có triển vọng sau: 45/8/3, 45/8/8, 20/4/9 và 20/4/10.</p>

492	Đánh giá sinh trưởng phát triển của một số dòng lúa thế hệ F5 trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Hữu Toàn	PGS.TS. Vũ Thị Thu Hiền	<p>Mục đích: Đánh giá đặc điểm sinh trưởng phát triển, đặc điểm nông sinh học, đặc điểm hình thái, mức độ nhiễm bệnh của các dòng, giống lúa mới được chọn tạo trong điều kiện vụ Xuân tại Gia Lâm, Hà Nội. Từ đó tuyển chọn được những dòng giống lúa mới có triển vọng để khảo nghiệm, phát triển sản xuất. Kết quả: Kết quả: 1) Thời gian sinh trưởng: Các dòng có thời gian sinh trưởng từ 135-156 ngày, thuộc nhóm trung ngày.</p> <p>2) Đặc điểm nông sinh học: Chiều cao cây của các dòng chủ yếu ở mức trung bình, số nhánh/ khóm của các dòng ở mức trung bình, góc lá đồng là góc lá đứng; trổ thoát; chiều dài bông và chiều dài cổ bông chủ yếu phù hợp với ngưỡng quy định, mật độ hạt chủ yếu ở mức cao.</p> <p>3) Mức độ nhiễm sâu bệnh: Mức độ nhiễm sâu bệnh của các giống ở mức nhẹ, hầu như không ảnh hưởng tới năng suất.</p> <p>4) Về các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất:</p> <p>Số bông của các dòng theo dõi đều đạt trên 5 bông/khóm. Số hạt của các dòng dao động từ 117,5-265,9 hạt. Tỷ lệ hạt chắc của các dòng cao trên 78%. Khối lượng 1000 hạt của các dòng trên 20g. Năng suất cá thể của các dòng trên 16g.</p> <p>Kết quả chọn được một số dòng có tiềm năng năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất, khả năng chống chịu tốt: 25-03, 25-06, 25-10, 36-03, 29-07, 29-09, 32-01 và 16-04 là những dòng triển vọng</p>
493	Điều tra và nghiên cứu đặc điểm nông sinh học cây ổi	Nguyễn Quý Thuán	PGS.TS. Vũ Thị Thu Hiền	<p>Mục đích: - Điều tra được tình hình sản xuất, đặc điểm sinh trưởng phát triển cây ổi của từng vùng trồng ổi đang phát triển.</p> <p>- Đánh giá sinh trưởng và phát triển của một số giống ổi một năm tuổi</p> <p>Kết quả: 1) Tình hình sản xuất và tiêu thụ ổi tại xã đông dư là khá tốt và ổn định. Ruộng trồng ổi quy mô lớn, tập chung. Người nông dân làm tốt kỹ thuật trồng và chăm sóc ổi.</p> <p>2) Trong quá trình nghiên cứu tôi nhận thấy rằng giống ổi ruột đỏ, dài loan, đông dư là phát triển nhanh và tốt nhất, giống ổi nữ hoàng, không hạt ở mức trung bình, phát triển chậm nhất là giống ổi tím. Phương pháp nhân giống và nguồn gốc giống đã có tác động lớn đến đặc điểm sinh trưởng phát triển của các giống ổi.</p>
494	Nghiên cứu đa dạng nguồn gen lúa ở khu vực miền bắc Việt Nam	Lê Thị Duyên	PGS.TS. Vũ Thị Thu Hiền - TS. Vũ Đăng Toàn	<p>Mục đích: Xác định được sự đa dạng di truyền nguồn giống lúa có nguồn gốc thu thập ở khu vực miền Bắc Việt Nam dựa vào các tính trạng hình thái, nông sinh học</p>

495	Điều tra phân bố nguồn tài nguyên di truyền thực vật tại lưu vực thủy điện Lai Châu	Nguyễn Thị Liên	PGS.TS. Vũ Thị Thu Hiền - TS. Vũ Đăng Toàn	Mục đích: Điều tra phân bố nguồn tài nguyên di truyền thực vật phục vụ mục tiêu lương thực và nông nghiệp tại huyện Nậm Nhùn, thuộc lưu vực thủy điện Lai Châu. Kết quả: Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến mức độ đa dạng và khả năng phát triển của các giống cây trồng bản địa tại các địa điểm nghiên cứu, Trong đó yếu tố “giống cây trồng mới Có năng suất và chất lượng cao” là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến sự xuất hiện, mức độ đa dạng của giống cây trồng bản địa Trong sản xuất.
496	So sánh một số dòng lúa chất lượng cao ở vụ xuân 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Trần Thị Lan Anh	PGS.TS. Vũ Thị Thu Hiền - TS. Vũ Hồng Quảng	<p>Mục đích: - Xác định dòng lúa thuần phù hợp cho vùng Gia Lâm – Hà Nội.</p> <p>- Từ những dòng lúa thuần triển vọng, tìm ra được những dòng lúa mới có chất lượng tốt và năng suất cao, ổn định để giới thiệu cho nông dân sản xuất.</p> <p>Kết quả: Các dòng lúa thuần triển vọng có thời gian sinh trưởng từ 134 – 135 ngày, thuộc nhóm ngắn, phù hợp với các trà lúa Xuân muộn và Mùa sớm ở vùng Gia Lâm – Hà Nội. Có chiều cao trung bình từ 108,2 – 109,7cm. Đẻ nhánh ở mức trung bình. Chiều dài bông biến động ở mức 30,1 – 30,2cm, trổ thoát; Mức độ nhiễm sâu bệnh của các dòng lúa thuần triển vọng ở mức nhẹ, nhiễm nhẹ đạo ôn và khô vằn, bị sâu cuốn lá và sau đực thân hại nhẹ ở điểm; Các dòng tham gia thí nghiệm đạt NSTT ở mức khá dao động từ 67,7 – 68,8 tạ/ha. Trong đó có dòng L7 có NSTT lớn nhất 68,8 tạ/ha và đa số các dòng còn lại đều có NSTT lớn hơn hai giống đối chứng HV3 và BT7-KBL; Đánh giá khách quan về thử nếm cơm thì có 2 dòng là L7, L8 có cơm ngon ngang tương đương hai giống đối chứng, các dòng còn lại thì cơm ngon kém hơn so với cả hai giống đối chứng; Qua kết quả theo dõi ngoài đồng ruộng kết hợp với đánh giá thử nếm cơm, chúng tôi đưa ra được 2 dòng triển vọng là L7 và L8.</p>
				<p>Mục đích: Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, đặc điểm nông sinh học của các giống lúa thuần chất lượng.</p> <p>Tìm ra được những dòng lúa mới có chất lượng tốt và năng suất cao, ổn định để giới thiệu cho nông dân sản xuất.</p>

497	So sánh một số dòng lúa thuần chất lượng cao cho sản xuất ở vụ xuân 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Phạm Thị Thu Hương	PGS.TS. Vũ Thị Thu Hiền - TS. Vũ Hồng Quảng	<p>Kết quả: (1) Các giống triển vọng có chiều cao cây trung bình 81,54-90,3cm. Đẻ nhánh ở mức trung bình. Chiều dài bông biến động từ 23,33-29,12cm, trổ thoát. Mức độ nhiễm sâu bệnh của các giống ở mức nhẹ, hầu như không ảnh hưởng tới năng suất; (2) Do ảnh hưởng của ngoại cảnh thời tiết, ốc brou vàng phá hoại nên các giống chỉ đạt được năng suất thực thu ở mức khá dao động từ 52,2-71,4 tạ/ha. Trong đó có giống HQ3 có NSTT lớn nhất là 71,4 tạ/ha và đa số các giống còn lại đều có NSTT lớn hơn đối chứng BT7-KBL, nhưng thấp hơn đối chứng HV3. (3) Các giống tham gia thí nghiệm có chất lượng trung bình đến khá. Trong đó các giống HQ3, HQ19, HQ35, HQ52, HQ60 có chất lượng khá. (4) Qua theo dõi trên đồng ruộng kết hợp đánh giá chất lượng, chúng tôi đã chọn ra 04 có triển vọng: HQ3, HQ19, HQ35, HQ60.</p>
498	Đa dạng di truyền các dòng, giống đậu tương bằng chỉ thị SSR	Trịnh Thị Thủy	TS. Vũ Thị Thúy Hằng	<p>Mục đích: Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển và năng suất của 31 dòng, giống đậu tương; Xác định mối quan hệ di truyền giữa các dòng, giống đậu tương bằng đặc điểm hình thái và chỉ thị phân tử SSR. Kết quả: 9 chỉ thị SSR sử dụng đã phân nhóm 31 mẫu giống thành 5 nhóm. Như vậy, các chỉ thị này có thể được sử dụng cho các mẫu giống khác để đánh giá sự đa dạng di truyền ở đậu tương; Các dòng, giống đậu tương có sự khác biệt rõ ràng về các tính trạng số lượng và các yếu tố cấu thành năng suất; Phần lớn các dòng, giống đậu tương có thời gian sinh trưởng dài ngày (> 100 ngày); Trong số các dòng, giống đánh giá trong thí nghiệm có 5 mẫu giống có tiềm năng tốt có thể được sử dụng làm vật liệu trong chọn tạo giống gồm HSB0037, HSB0239-2, HSB0240, HSB0259 và HSB0261.</p>
499	Đánh giá một số dòng, giống đậu tương tại Gia Lâm, Hà Nội trong vụ Xuân 2018	Hà Thị Thanh Tuyền	TS. Vũ Thị Thúy Hằng	<p>Mục đích: Đánh giá đặc điểm nông sinh học, khả năng sinh trưởng phát triển, khả năng chống chịu sâu bệnh và năng suất của 135 dòng, giống đậu tương tổ hợp lai LSB17 nhằm góp phần làm đa dạng bộ giống đậu tương ở nước ta, đồng thời tạo nguồn vật liệu phục vụ công tác chọn tạo giống đậu tương mới trong vụ xuân 2018. Kết quả: Các dòng đậu tương LSB17 biểu hiện khác nhau về màu sắc lông, màu sắc vỏ hạt, đặc điểm hạt và có sự biến động ở các tính trạng số lượng; Các dòng đậu tương LSB17 là giống dài ngày, có thời gian sinh trưởng dài (>100 ngày); Các dòng LSB17 sinh trưởng và phát triển tốt trong vụ Xuân, thuộc loại sinh trưởng hữu hạn, có khả năng chống chịu sâu bệnh và chống đổ khá tốt; trong 35 dòng chọn, năng suất cá thể biến động từ 15,2 – 39,7 g/cây; Có 5 dòng LSB17 có tiềm năng về năng suất gồm LSB17-1-2, LSB17-1-3, LSB17-10-3, LSB17-21-2, LSB17-22-3.</p>

500	Đánh giá khả năng kết hợp của các dòng thuần ngô theo định hướng làm thức ăn ủ chua	Dương Minh Vương	TS. Vũ Thị Thúy Hằng - TS. Đào Ngọc Ánh	Mục tiêu: Đánh giá khả năng kết hợp của một số dòng ngô thuần, từ đó tạo tổ hợp lai có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, chống chịu khá với một số sâu bệnh hại chính, chịu hạn, chịu rét tốt, cho năng suất sinh khối và năng suất hạt cao phục vụ chọn tạo giống ngô theo định hướng làm thức ăn ủ chua. Kết quả: Các THL có thời gian sinh trưởng từ 121 – 127 ngày, thuộc nhóm cây trung bình và trung bình muộn. THL TA6 (121 ngày) có thời gian sinh trưởng ngắn nhất; TA11, TA12 có thời gian sinh trưởng dài nhất (127 ngày). Các yếu tố cấu thành năng suất cho thấy TA5, TA7, TA9 có đặc điểm hình thái bắp, yếu tố cấu thành năng suất tốt. Dòng T1 và dòng T5 có KNKHC cao nhất về năng suất hạt và năng suất sinh khối; 3 THL triển vọng là TA3, TA4, TA7 và 2 dòng có khả năng kết hợp chung tốt là T1, T5.
501	Đánh giá khả năng kết hợp của các dòng ngô lá đứng	Nguyễn Mai Ly	GS.TS. Vũ Văn Liết	#N/A
502	Đánh giá chọn lọc dòng thuần đơn bội kép ngô nếp tím vụ xuân 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Đậu Thị Huệ	GS.TS. Vũ Văn Liết	#N/A
503	Sử dụng dòng thuần MO17 và B73 nâng cao nguồn gen ngô Việt Nam	Kim Thị Thu	GS.TS. Vũ Văn Liết	#N/A
504	Chọn lọc các dòng ngô ngọt cho phát triển các dòng ngô ngọt ưu thế lai	Vũ Thị Lữ	GS.TS. Vũ Văn Liết	#N/A
505	Nghiên cứu tỷ lệ hàng bố mẹ phù hợp cho sản xuất hạt lai F1 tổ hợp ngô lai lá đứng VNUA36	Hoàng Thị Loan	GS.TS. Vũ Văn Liết	#N/A
506	So sánh giống ngô lai mới trồng mật độ cao tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Văn Hải	GS.TS. Vũ Văn Liết	#N/A
507	Đánh giá con lai trở lại của MO17 và B73 với một số dòng ngô lá đứng	Nguyễn Đức Tài	GS.TS. Vũ Văn Liết	#N/A
508	Đánh giá và phát triển các dòng dưa lưới vụ xuân 2018	Nguyễn Như Quỳnh	GS.TS. Vũ Văn Liết - ThS. Phạm Quang Tuấn	#N/A
509	Đánh giá khả năng kết hợp chung của một số dòng ngô nếp chất lượng trong vụ xuân 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Nguyễn Thị Thu Thảo	GS.TS. Vũ Văn Liết - ThS. Phạm Quang Tuấn	#N/A
510	Đánh giá và duy trì các dòng ngô nếp lai ngô đường	Ngô Thị Hồng Vân	GS.TS. Vũ Văn Liết - ThS. Phạm Quang Tuấn	#N/A
511	Evaluation some bio-agro characteristics of some maize's cultivars (<i>Zea mays</i> L.) in Tu Liem Ha Noi, 2018	Lê Quý Tùng	TS. Nguyễn Văn Phú	Evaluation some bio-agro characteristics of some maize's cultivars Evaluation some bio-agro, growth and yield characteristics of some maize's cultivars in spring season giving out the best cultivars
				Improvement quality seedlings of potato cultivar Thuong Tin according to micropropagation

512	Research on micropropagation of potato (<i>Solanum tuberosum</i> L.) cv. Thuong Tin	Nguyễn Tô Quyên	TS. Trần Anh Tuấn	2. GA3 strongly influenced the regeneration and growth of regenerated shoots such as leaf number, shoot length and morphology of shoots. In addition, agar concentration can also affect the regeneration rates and the growth of regenerated shoots from isolated meristems, however, the effect was not profound compared to GA3. Based on the results of evaluation of GA3 and agar concentration, it is concluded that the most suitable medium for meristem culture to have high regeneration rate and good growth was MS + 2.5% sucrose + 6.0g/l agar + 0,01ppm kinetin + 3 ppm GA3.
513	Nghiên cứu bệnh đốm vòng cà chua (<i>Alternaria solani</i>) ở Gia Lâm vụ xuân hè năm 2018	Mai Thị Ngọc Ánh	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
514	Nghiên cứu bệnh đạo ôn hại lúa ở Đông Hưng - Thái Bình vụ xuân 2018	Cao Minh Dương	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
515	Nghiên cứu bệnh đốm nâu cà chua (<i>Stemphylium solani</i>) ở Gia Lâm vụ xuân hè năm 2018	Chu Thị Huệ	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
516	Nghiên cứu bệnh virus trên cây họ bầu bí	Uông Thị Lan Anh	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
517	Nghiên cứu phòng chống sinh nấm gây bệnh hại vùng rễ cây trồng bằng nấm và vi khuẩn đối kháng	Nguyễn Ngọc Duy	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
518	Nghiên cứu bệnh héo vàng chuối (<i>Fusarium oxysporum</i> f.sp. cubense) tại một số tỉnh trung du và đồng bằng Sông Hồng	Bạch Thị Thu Thủy	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
519	Nghiên cứu bệnh lở cổ rễ (<i>Rhizoctonia solani</i>) trên cây dưa hấu tại Nam Định và các vùng phụ cận	Vũ Văn Kiên	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
520	Nghiên cứu bệnh đốm vòng hại cà chua do nấm <i>Corynesspora cassiicola</i> tại Gia Lâm - Hà Nội và vùng phụ cận	Hoàng Thị Trang	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A
521	Nghiên cứu bệnh đốm xám hại ớt (<i>Stemphylium</i> sp.) tại Gia Lâm và một số huyện trồng ớt tại Hà Nội	Nguyễn Thị Ngọc	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A
522		Nguyễn Thị Thu Hằng	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A
523	Nghiên cứu bệnh héo rũ gốc mốc trắng (<i>Sclerotium rolfsii</i>) hại một số cây trồng cạn vụ xuân hè năm 2018 vùng Hà Nội	Lưu Thị Thu	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A

524	Nghiên cứu bệnh nấm hại cây họ đậu đỗ năm 2018 tại Hà Nội và phụ cận	Đặng Thị Ngọc Anh	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A
525	Nghiên cứu hiệu lực của nấm đối kháng <i>Trichoderma viride</i> phòng trừ bệnh héo rũ gốc mốc trắng hại trên một số cây trồng cạn	Vũ Thị Lan Anh	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A
526	Nghiên cứu bệnh thán thư hại cây ớt và cà chua tại Hà Nội và các vùng phụ cận năm 2018	Trần Thị Huyền Trang	TS. Đỗ Trung Kiên	#N/A
527	Thành phần bệnh hại và nghiên cứu bệnh chảy gôm trên cây có mùi tại Hà Nội và phụ cận	Nguyễn Văn Thành	PGS.TS. Hà Viết Cường	#N/A
528	Xác định thành phần bệnh hại và nghiên cứu <i>Pythium</i> hại cây nghệ tại Hà Nội và phụ cận năm 2018	Trần Đăng Nguyên	PGS.TS. Hà Viết Cường	#N/A
529	Nghiên cứu bệnh <i>Phytoplasma</i> trên cây mía tại Thường Xuân - Thanh Hóa	Hoàng Huy Hải	PGS.TS. Hà Viết Cường	#N/A
530	Ảnh hưởng của thời vụ và lượng đạm bón đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của Diêm mạch đỏ vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Đỗ Thị Việt Chinh	PGS. TS. Nguyễn Ích Tân	Mục đích xác định thời vụ và lượng đạm bón thích hợp cho diêm mạch đỏ vụ Xuân tại Gia Lâm, Hà Nội. lượng đạm bón và thời vụ gieo khác nhau đều làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý dẫn đến ảnh hưởng đến các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất cây diêm mạch. Bón lượng đạm 120 N/ha cho năng suất thực thu cao nhất ở cả 3 thời vụ.
531	Ảnh hưởng của mật độ và lượng đạm bón đến sinh trưởng và năng suất của Diêm mạch xanh vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Phan Mai Phương	PGS. TS. Nguyễn Ích Tân	Mục đích xác định thời vụ và lượng đạm bón thích hợp cho diêm mạch xanh vụ Xuân tại Gia Lâm. mật độ trồng và lượng đạm bón khác nhau đều làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý dẫn đến ảnh hưởng đến các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất cây diêm mạch. Bón lượng đạm 120 N/ha kết hợp với trồng ở mật độ 150 000 cây/ha cho năng suất thực thu cao nhất (147,24 g/ô).
532	Ảnh hưởng của một số loại phân hữu cơ tới khả năng hồi phục của cây bưởi sau trồng trên đất gò đồi tại Chương Mỹ	Đỗ Mạnh Hải	TS. Chu Anh Tiệp	Xác định ảnh hưởng của một số loại phân hữu cơ tới quá trình phục hồi cây bưởi sau khi trồng và biện pháp bổ sung dinh dưỡng nhằm tăng khả năng phục hồi và phát triển của cây bưởi.
533	Ảnh hưởng một số loại phân bón qua lá đến sinh trưởng của cây giống xoài tím HVN55	Phetlormeexay Soul	TS. Nguyễn Mai Thơm	tìm hiểu và nghiên cứu được ảnh hưởng của các loại phân qua lá cho cây giống xoài tím HVN55 tại Gia Lâm, Hà Nội
534	Nghiên cứu ảnh hưởng sự thay thế lượng đạm bón thay bằng phân hữu cơ đến sinh trưởng và năng suất của giống dưa chuột nếp lai tại xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Nguyễn Duy Toàn	TS. Trần Thị Thiêm	Mục đích: xác định lượng phân hữu cơ vi sinh thay thế lượng vô cơ phù hợp cho sự sinh trưởng và năng suất giống Dưa chuột lai FIVINO 67 ở vụ xuân hè tại thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Kết quả thí nghiệm cho thấy: lượng phân hữu cơ vi sinh thay thế lượng phân vô cơ bón khác nhau có ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý và năng suất quả. NSTT quả cao nhất (23,7 tấn/ha) ở công thức phân hữu cơ vi sinh thay thế 50% lượng phân vô cơ bón.

535	Ảnh hưởng của liều lượng bón phân hữu cơ vi sinh đến sinh trưởng, phát triển và năng suất đậu tương vụ xuân 2018 trên đất Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Linh	TS. Vũ Đình Chính	Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng bón phân hữu cơ vi sinh đến sinh trưởng, phát triển, chiều cao, diện tích lá, số quả và năng suất đậu tương vụ xuân 2018 trên đất Gia Lâm, Hà Nội. Thí nghiệm bố trí theo khối ngẫu nhiên đầy đủ có 3 lần nhắc lại. Kết quả cho thấy bón phân hữu cơ có ảnh hưởng đến chiều cao, diện tích lá, số quả và năng suất đậu tương. Đã xác định bón 1, 5 tấn hữu cơ vi sinh/ha cho hiệu quả cao nhất.
536	Đánh giá sinh trưởng phát triển và năng suất một số dòng, giống lạc trong điều kiện vụ xuân trên đất gia Lâm Hà Nội	Nguyễn Thị Huệ	TS. Vũ Đình Chính	So sánh sinh trưởng phát triển, số cành, diện tích lá, nốt sần, số quả, khối lượng 100 quả và năng suất. Thí nghiệm được bố trí theo phương pháp tập đoàn không nhắc lại. Kết quả cho thấy các dòng giống có khả năng sinh trưởng phát triển, số cành, diện tích lá, nốt sần, số quả, khối lượng 100 quả và năng suất khác nhau. Trong đó đã xác định một số dòng, giống lạc triển vọng năng suất cao you17, L12, L18.
537	Ảnh hưởng của mật độ và các mức đạm bón đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống đậu xanh ĐXVN7 trong điều kiện vụ xuân tại Gia Lâm – Hà Nội	Phạm Thị Hà	TS. Vũ Ngọc Thắng	Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá ảnh hưởng của 3 mức mật độ (20, 25, 30 cây/m ²) và 3 mức đạm bón (20, 40, 60 kg/ha) đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống đậu xanh ĐXVN7 trong điều kiện vụ xuân tại Gia Lâm – Hà Nội. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng ở mật độ 25 cây/m ² trong điều kiện bón 60 kg N/ha cho hiệu quả kinh tế đạt giá trị cao nhất.
538	So sánh một số dòng, giống đậu tương triển vọng trong điều kiện vụ xuân 2018 tại Thanh Trì – Hà Nội	Mai Văn Thành	TS. Vũ Ngọc Thắng	Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá sinh trưởng, phát triển bao gồm chiều cao cây, số lá/thân chính, diện tích lá, chỉ số diện tích lá, khả năng tích lũy chất tươi, chất khô, khả năng hình thành nốt sần, chỉ số SPAD, hiệu suất huỳnh quang diệp lục, năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất một số dòng, giống đậu tương triển vọng trong điều kiện vụ xuân 2018 tại Thanh Trì – Hà Nội. Kết quả nghiên cứu đã đề xuất được giống ĐT30 là giống triển vọng là cho năng suất cao nên có thể đưa vào sản xuất tại Thanh Trì Hà Nội
539	Đánh giá ảnh hưởng của điều kiện ngập úng đến sinh trưởng của một số giống đậu xanh trong điều kiện nhà lưới	Hà Đức Hiếu	ThS. Bùi Thế Khuynh	#N/A
540	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số biện pháp kỹ thuật nhân giống cây kim ngân (Lonicera Japonica Thunb) bằng giâm cành tại Gia Lâm – Hà Nội	Vũ Đức Cảnh	PGS.TS. Ninh Thị Phíp	Thời vụ giâm cành TV1 (26/03/2018) có ảnh hưởng đến khả năng nhân giống của 2 giống Kim ngân là tốt nhất so với các thời vụ còn lại cụ thể. Chiều dài giâm CD2 (20cm), Vị trí đoạn cành để giâm VT3 (cành bánh tẻ) có ảnh hưởng đến khả năng nhân giống của 2 giống kim ngân là tốt nhất. Loại thuốc kích thích T3 (root new) có ảnh hưởng đến khả năng nhân giống của 2 giống Kim ngân là tốt nhất so với các loại thuốc. Giống Kim ngân G1 có khả năng sinh trưởng và phát triển tốt hơn so với giống Kim ngân G2.

541	Nghiên cứu ảnh hưởng của thời điểm và nồng độ phun Ethrel trên cây bìm bìm trong vụ xuân 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội	Nguyễn Văn Hoàn	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Đánh giá ảnh hưởng của thời điểm và nồng độ phun Ethrel đến sinh trưởng, phát triển cây bìm bìm tại Gia Lâm - Hà Nội từ đó xác định được thời điểm và nồng độ phun thích hợp giúp cây sinh trưởng, phát triển tốt, chín tập trung rút ngắn thời gian thu hoạch góp phần xây dựng quy trình sản xuất cây bìm bìm. Kết quả cho thấy nồng độ và thời điểm phun ethrel có tác động đến thời gian sinh trưởng, các chỉ tiêu sinh trưởng (chiều cao cây, LAI, khả năng tích lũy chất khô, chỉ số SPAD) và các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất (tổng số quả/cây, số quả chắc, khối lượng 1000 quả). Tại nồng độ 10ppm và phun sau 60 ngày sau trồng giúp cây bìm bìm sinh trưởng và có năng suất quả cao hơn các công thức khác.
542	Đánh giá ảnh hưởng của một số hợp chất đến sinh trưởng, phát triển của bìm bìm vụ xuân năm 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội	Trần Thị Kiều Anh	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Trên cơ sở đánh giá ảnh hưởng của một số hợp chất đến sinh trưởng, phát triển của cây bìm bìm từ đó xác định hợp chất thích hợp giúp cây sinh trưởng tốt, năng suất khá góp phần hoàn thiện quy trình sản xuất cây bìm bìm biếc. Thí nghiệm bố trí trên 3 giống bìm bìm với các hợp chất (phun nước lã, flower mic, accotab và ethrel). Kết quả cho thấy giống bìm bìm G6 cho khả năng sinh trưởng và năng suất cao nhất. Các hợp chất phun đều ảnh hưởng tích cực đến sinh trưởng và năng suất cây bìm bìm. Trong đó, phun flower mic giúp cây sinh trưởng tốt, cho năng suất cao hơn các hợp chất khác.
543	Đánh giá đặc điểm nông học của các tổ hợp ngô lai triển vọng tại xã Phú Hộ, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ	Nguyễn Thanh Hải	PGS.TS. Tăng Thị Hạnh	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng 1 yếu tố theo kiểu RCB, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, phát triển, mức độ nhiễm sâu bệnh hại, năng suất của các tổ hợp ngô lai mới chọn tạo tại Viện KHKT miền núi phía Bắc, Phú Hộ, Phú Thọ nhằm chọn ra 1-2 tổ hợp triển vọng nhất
544	Đánh giá đặc điểm nông sinh học và năng suất của một số loại cây thức ăn gia súc ở các lần tái sinh trồng tại Gia Lâm, Hà Nội.	Nguyễn Văn Tiến	ThS. Phan Thị Hồng Nhung	Đánh giá đặc điểm nông sinh học và năng suất chất xanh, năng suất chất khô của 6 giống cỏ voi, 2 giống cỏ ghi nê, 1 giống cao lương và 1 giống cỏ ruzi. Các số liệu thu thập được nhằm so sánh, đánh giá được khả năng sinh trưởng, phát triển và năng suất của các giống cỏ tham gia thí nghiệm. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm giống cỏ voi có khả năng sinh trưởng phát triển mạnh, năng suất chất xanh cao, trong đó giống VA06 có tiềm năng năng suất chất xanh cao nhất.
545	Đánh giá sinh trưởng của hai giống khoai môn sọ trồng trong các điều kiện mặn khác nhau tại Gia Lâm, Hà Nội.	Trần Văn Phú	ThS. Phan Thị Hồng Nhung	Đánh giá đặc điểm nông sinh học và khả năng chịu mặn của hai giống khoai sọ là Khoai sọ Tím Tòa Chùa (Điện Biên) và Khoai sọ Trắng Pù Nhung (Điện Biên). Kết quả nghiên cứu cho thấy giống Khoai sọ trắng Pù Nhung có khả năng chịu mặn tốt hơn so với giống Tím Tòa Chùa và có thể trồng thử nghiệm ở vùng đất nhiễm mặn trung bình.
	Nghiên cứu xác định và phân tích đặc điểm của			Nội dung 1: Xác định và định danh các gen mã hóa IRT ở sắn. Nội dung 2: Phân tích đặc điểm cấu trúc và đặc tính của họ gen mã hóa IRT ở sắn.

546	họ gen mã hóa Protein vận chuyển sắt ở cây sắn (Manihot esculenta Crantz)	Lưu Thị Thu	TS.Nguyễn Văn Lộc	Nội dung 3: Xây dựng được cây phân loại thực vật của họ gen mã hóa IRT ở sắn. Nội dung 4: Phân tích mức độ biểu hiện của các gen mã hóa IRT được khai thác trong điều kiện thường tại một số mô ở sắn.
547	Tìm kiếm và phân tích cấu trúc của họ gen liên quan quá trình sinh tổng hợp tinh bột ở sắn (Manihot esculenta Crantz)	Lại Thị Uyên	TS.Nguyễn Văn Lộc	Nội dung 1: Xác định được vị trí và mã định danh của họ gen mã hóa UGPase ở sắn. Nội dung 2: Phân tích cấu trúc của họ gen UGPase ở sắn. Nội dung 3: Xây dựng được cây phân loại thực vật của họ gen mã hóa UGPase ở sắn. Nội dung 4: Phân tích cấu trúc biểu hiện mã hóa UGPase trong điều kiện bình thường.
548	So sánh tập đoàn giống khoai lang có triển vọng vụ Xuân hè 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội.	Trần Xuân Khiêm	PGS.TS.Nguyễn Thế Hùng - ThS Phạm Quang Tuấn	Xác định ảnh hưởng của lượng phân bón và thời vụ gieo hạt đến sinh trưởng, phát triển, khả năng chống chịu và năng suất của dòng ngô nếp D161 trong vụ Xuân Hè. Đã xác định mức phân bón P2 (160N), thời vụ gieo ngày 20/2/2018 phù hợp cho việc sản xuất hạt giống dòng ngô mẹ D161.
549	Xác định một số đặc tính kỹ thuật và nghiên cứu ảnh hưởng của độ dài giá thể gôm xốp đến sinh trưởng và năng suất của cây tía tô (Perilla Frutescens L) trong vụ Xuân hè 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội.	Nguyễn Thị Tú Uyên	PGS.TS.Nguyễn Thế Hùng	Đã tiến hành 2 thí nghiệm, TN1: Xác định độ dài của giá thể gôm ở các mức: 1,2,3,4,5 cm khi trồng cây trong chậu. Đã chọn được độ dài 2 cm phù hợp cho việc trồng cây. TN2: Vùi mẫu gôm vào trong chậu trồng cây, xác định thời gian tồn tại, tỉ lệ vỡ gãy của giá thể gôm. Đã có nhận xét thời gian phân hủy của gôm kéo dài, phù hợp cho việc sử dụng trognf cây và tái sử dụng giá thể gôm sau mỗi vụ trồng.

550	Nghiên cứu đặc điểm sinh vật học, sinh thái học của rệp muội bông <i>Aphis gossypii</i> Glover và loài kẻ thù tự nhiên của chúng tại Gia Lâm, Hà Nội năm 2018	Phạm Minh Quý	PGS.TS. Hồ Thị Thu Giang	<p>Đã xác định được thành phần sâu và nhện hại dưa chuột tại Gia Lâm, Hà Nội năm 2018 gồm 7 loài thuộc 7 họ và 6 bộ côn trùng. Thành phần thiên địch thu thập được gồm 8 loài thuộc 6 bộ và 7 họ côn trùng trong đó loài bọ rùa đỏ <i>Micraspis discolor</i> Fabricius, bọ cánh cộc <i>Paederus fuscipes</i> Curtis xuất hiện phổ biến hơn cả. Trên dưa chuột giống F1 PN 636 mật độ trung bình trà trồng chính vụ 3,12 (con/lá) cao hơn trà trồng muộn 2,08 (con/lá). Trong giai đoạn từ quả nhỏ - quả to là giai đoạn rệp bông hại với mật độ cao nhất. Vòng đời của rệp muội bông ở nhiệt độ 20°C trung bình $8,28 \pm 1,86$ (ngày), ở nhiệt độ 25°C là $5,33 \pm 1,3$ (ngày). Ở điều kiện nhiệt độ 20 - 22°C độ ẩm 80 - 85% rệp đẻ trung bình $377,03 \pm 1,01$ (con/cái). Sau 3 - 6 ngày vũ hóa là khoảng thời gian rệp muội bông <i>A. Gossypii</i> đẻ mạnh nhất trung bình $4,05 \pm 2,31$ (con/ngày/cái). Ong không có hoạt động ký sinh có thời gian sống lâu hơn ong có hoạt động ký sinh. Mật ong nguyên chất cho trưởng thành ong có thời gian sống lâu nhất 6 - 14 ngày trung bình $9,8 \pm 2,8$ ngày. Nước lã trưởng thành ong sống ít nhất 2 - 7 ngày với ong không có hoạt động ký sinh trung bình $4,5 \pm 2,3$ ngày. Thời gian từ 6 - 8 giờ là khoảng thời gian ong vũ hóa cao nhất 29,41 % thấp nhất là 12 - 14 giờ 3,92%</p>
551	Nghiên cứu ảnh hưởng của cây ký chủ cải hoang <i>Rorippa Indica</i> đến bọ nhảy sọc cong tại Gia Lâm - Hà Nội vụ xuân hè 2018	Nguyễn Thị Ngọc	Ths. Nguyễn Đức Khánh	<p>Điều tra tình hình phân bố của cây cải hoang <i>Rorippa indica</i> ngoài đồng ruộng tại khu vực Gia Lâm và tương quan với sự xuất hiện của bọ nhảy <i>P.striolata</i>. Thành phần sâu hại rau họ thập tự tại Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội vụ xuân hè năm 2018 ghi nhận 3 loài hại chính gồm bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng.</p> <p>Diễn biến mật độ trưởng thành bọ nhảy hại trên cải xanh tại Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội vụ xuân hè năm 2018 ghi nhận mật độ bọ tăng từ đầu vụ cho tới giai đoạn thu hoạch, cao nhất đạt 17 con/m² ngày 25/06.</p> <p>Thức ăn là Cải dại có ảnh hưởng rõ rệt tới kích thước các pha sâu non tuổi 1, sâu non tuổi 2, nhộng và trưởng thành.</p> <p>Thuốc Dupont prevathon 5EC có ảnh hưởng rút ngắn thời gian phát dục của TT cái bọ nhảy.</p> <p>Đánh giá hiệu lực của 2 thuốc BTVT bằng phương pháp xử lý hạt giống cho thấy thuốc Actara 25WP và Cruiser plus 321.5FS có hiệu lực phòng trừ tương ứng đạt 66,7% và 63,3%.</p>
552	Nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái học và khả năng nhân nuôi trong điều kiện phòng thí nghiệm ngài gạo <i>Corcyra cephalonica</i>	Lại Như Đức	Ths. Nguyễn Đức Khánh	<p>Sinh viên đã tiến hành nhân nuôi sinh học ngài gạo <i>Corcyra cephalonica</i> liên tục qua các đợt tương ứng với điều kiện PTN khác nhau, đồng thời trên các công thức hỗn hợp thức ăn khác nhau ghi nhận CT chứa cám ngô+ sữa bột xay tối ưu nhất cho sự phát triển quần thể ngài gạo.</p>

	Nghiệm ngòi gạo <i>Corcyra cephalonica</i> (Lepidoptera: Pyralidae) năm 2018			Trong điều kiện PTN với công thức thức ăn tối ưu hóa là cám ngô + sữa bột, độ thô có ảnh hưởng tới sự phát triển và tỷ suất nhân nuôi ngòi gạo, theo đó tỷ suất nhân nuôi tăng theo thứ tự thức ăn xay vừa > xay mịn > cám thô trong ứng 55, 40 và 36.4 lần.
553	Nghiên cứu ảnh hưởng của các thức ăn khác nhau đối với bọ cánh cộc <i>Paederu Sfuscipes</i>	Trần Thế Minh	Ths. Nguyễn Đức Khánh	<p>Sinh viên đã tiến hành nhân nuôi sinh học bọ cánh cộc <i>P. fuscipes</i> trên thức ăn là cám chó và rệp đậu, ghi nhận thức ăn rệp đậu cho kết quả bọ cánh cộc có kích thước trung bình lớn hơn, vòng đời dài hơn; sức đẻ trứng cao hơn (trung bình đạt 31,8 trứng/cái) với tỷ lệ sống cao hơn rõ rệt.</p> <p>Sức ăn của bọ cánh cộc đối với rệp đậu là rất cao, đặc biệt là con trưởng thành cái, góp phần giảm thiểu tác hại mà rệp gây hại đem tới cho cây đậu.</p> <p>Thử nghiệm ảnh hưởng của thuốc hóa học lên bọ cánh cộc <i>P. fuscipes</i> ghi nhận Confidor 100SL là thuốc có độ độc trung bình đối với bọ cánh cộc, gây chết hơn 50% bọ ở nồng độ khuyến cáo</p>
554	Nghiên cứu nhân nuôi ấu trùng ong và đánh giá tỷ lệ nhiễm virus ấu trùng túi (Sacbrood virus) trên ấu trùng trong điều kiện phòng thí nghiệm của một số dòng ong nội (<i>Apis cerana</i>) tại Gia Lâm, Hà Nội Năm 2018	Lê Thị Thanh Thương	PGS.TS Phạm Hồng Thái	0
555	Nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái nhện bắt mồi <i>Amblyseius</i> Sp. trên một số loài nhện hại kho	Trần Thị Ngọc Anh	TS. Nguyễn Đức Tùng	<ul style="list-style-type: none"> • Đã xác định được khả năng ăn các pha nhện kho <i>Tyrophagus putrescentiae</i> của trưởng thành cái NBM <i>Amblyseius monderensis</i> và <i>A. cucumeris</i> • Đã xác định được kích thước các pha của 2 loài NBM <i>Amblyseius monderensis</i> và <i>A. cucumeris</i> khi nuôi bằng loài nhện kho <i>Tyrophagus putrescentiae</i> • Đã nuôi sinh học loài NBM <i>Amblyseius monderensis</i> và <i>A. cucumeris</i> trong tủ định ôn ở nhiệt độ 27oC, ẩm độ 75% trên thức ăn là nhện kho <i>Tyrophagus putrescentiae</i> từ đó xác định được thời gian phát dục các pha, nhịp điệu sinh sản, sức sinh sản, tỷ lệ đực cái ở thế hệ thứ 2, • Từ kết quả nuôi sinh học trong điều kiện nhiệt độ ổn định, thức ăn đầy đủ đã lập được bảng sống và tính toán được các chỉ tiêu sinh học (tỷ lệ tăng tự nhiên, thời gian một thế hệ, tỷ lệ sinh sản ròng) của NBM <i>Amblyseius monderensis</i> và <i>A. cucumeris</i> khi nuôi bằng loài nhện kho <i>Tyrophagus putrescentiae</i> • Đã điều tra thành phần NBM họ Phytoseiidae ăn bọ trĩ trên cây bầu bí, dưa chuột tại 4 xã thuộc huyện Gia Lâm Hà Nội

556	Nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái của nhện bắt mồi <i>Amblyseius Largoensis</i> ăn bọ trĩ trên rau họ bầu bí tại Hà Nội	Đỗ Thu Trang	TS. Nguyễn Đức Tùng	<ul style="list-style-type: none"> • Đã điều tra diễn biến mật độ nhện bắt mồi <i>Amblyseius largoensis</i> và trĩ trên cây dưa chuột tại xã Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội • Đã xác định được khả năng ăn bọ trĩ non của trưởng thành cái NBM <i>Amblyseius largoensis</i> và <i>A. cucumeris</i> • Đã xác định được kích thước các pha của 2 loài NBM <i>Amblyseius largoensis</i> và <i>A. cucumeris</i> khi nuôi bằng bọ trĩ hại dưa chuột • Đã nuôi sinh học loài NBM <i>Amblyseius largoensis</i> và <i>A. cucumeris</i> trong tủ định ôn ở nhiệt độ 27oC, ẩm độ 75% trên thức ăn là bọ trĩ hại dưa chuột, từ đó xác định được thời gian phát dục các pha, nhịp điệu sinh sản, sức sinh sản, tỷ lệ đực cái ở thế hệ thứ 2, • Từ kết quả nuôi sinh học trong điều kiện nhiệt độ ổn định, thức ăn đầy đủ đã lập được bảng sống và tính toán được các chỉ tiêu sinh học (tỷ lệ tăng tự nhiên, thời gian một thế hệ, tỷ lệ sinh sản ròng) của NBM <i>Amblyseius largoensis</i> và <i>A. cucumeris</i> khi nuôi bằng bọ trĩ hại dưa chuột
557	Nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái nhện bắt mồi <i>Amblyseius Sp.</i> trên một số loài vật mồi tự nhiên	Bùi Thị Phương	TS. Nguyễn Đức Tùng	<ul style="list-style-type: none"> • Đã xác định được khả năng ăn bọ trĩ non của trưởng thành cái NBM <i>Amblyseius montdorensis</i> và <i>A. cucumeris</i> • Đã xác định được kích thước các pha của 2 loài NBM <i>Amblyseius montdorensis</i> và <i>A. cucumeris</i> khi nuôi bằng bọ trĩ hại dưa chuột • Đã nuôi sinh học loài NBM <i>Amblyseius montdorensis</i> và <i>A. cucumeris</i> trong tủ định ôn ở nhiệt độ 27oC, ẩm độ 75% trên thức ăn là bọ trĩ hại dưa chuột, từ đó xác định được thời gian phát dục các pha, nhịp điệu sinh sản, sức sinh sản, tỷ lệ đực cái ở thế hệ thứ 2, • Từ kết quả nuôi sinh học trong điều kiện nhiệt độ ổn định, thức ăn đầy đủ đã lập được bảng sống và tính toán được các chỉ tiêu sinh học (tỷ lệ tăng tự nhiên, thời gian một thế hệ, tỷ lệ sinh sản ròng) của NBM <i>Amblyseius montdorensis</i> và <i>A. cucumeris</i> khi nuôi bằng bọ trĩ hại dưa chuột
558	Thành phần sâu mọt hại nông sản tại một số chợ ở Hà Nội, đặc điểm sinh học của loài mọt phổ biến 2018	Vũ Mai Phương	PGS. TS. Lê Ngọc Anh	<ul style="list-style-type: none"> Đã thu được 7 loài côn trùng hại nông sản tại cửa hàng xay sứt và chợ ở 2 quận Đông Anh, Từ Liêm, Hà Nội. Đã xác định được kích thước, mô tả hình thái các pha của loài mọt thóc Thái Lan <i>Lophocateles pusillus</i> Đã nuôi sinh học loài mọt thóc Thái Lan <i>Lophocateles pusillus</i> ở nhiệt độ 25oC và 29,7°C trên 2 thức ăn bột gạo và bột mì từ đó xác định được thời gian phát dục các pha, nhịp điệu sinh sản, sức đẻ trứng, tỷ lệ đực cái, tỷ lệ trứng nở, thời gian đẻ trứng trong ngày Đã đánh giá tỷ lệ hao hụt nông sản và khả năng tăng quần thể mọt thóc Thái Lan <i>Lophocateles pusillus</i> sau 30,60,90 ngày thí nghiệm

559	Đánh giá đa dạng di truyền đậu tương	Lê Văn Vinh	TS. Vũ Thị Thúy Hằng	Mục đích: Xác định được sự khác biệt giữa dòng đậu tương dựa trên đặc điểm hình thái; Đánh giá đặc điểm và thời gian sinh trưởng phát triển của các dòng đậu tương; Sử dụng chỉ thị phân tử SSR để đánh giá đa dạng di truyền giữa các dòng, giống đậu tương. Kết quả: Trong số các dòng, giống đánh giá trong thí nghiệm có 5 mẫu giống có tiềm năng tốt có thể được sử dụng làm vật liệu trong chọn tạo giống gồm HSB0037, HSB0053, HSB0062, HSB0007 và cần giữ lại mẫu giống HSB0033 do có hạt màu đen và rất tốt trong y học; Có đến 84,8% số mẫu giống thuộc nhóm trung ngày.
560	Đánh giá chọn dòng ngô ngọt chống chịu bệnh gỉ sắt vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Nguyễn Thị Hoa	GS.TS. Vũ Văn Liết	#N/A
561	Đánh giá khả năng chịu hạn của một số tổ hợp ngô lai lá đứng	Nguyễn Văn Thiệu	GS.TS. Vũ Văn Liết	#N/A
562	Đánh giá ảnh hưởng của lượng phân bón, mật độ cây đến sinh trưởng và năng suất của giống lúa ĐH12 trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Thu Hương	PGS.TS. Trần Văn Quang	Đã đánh giá được thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng, đặc điểm nông sinh học, đặc điểm hình thái, mức độ nhiễm sâu bệnh, năng suất của giống lúa thuần ĐH12. Thông qua đánh giá đã xác định được công thức cây với mật độ 45 khóm/m ² , mức phân bón P2 (100 kg N + 100 kg P205 + 75 kg K20/ha) phù hợp để giống ĐH12 đạt năng suất và hiệu quả kinh tế cao nhất.
563	Nghiên cứu tỷ lệ hàng bố mẹ, lượng phân bón phù hợp sản xuất hạt lai F1 giống ngô nếp lai MH8 vụ Xuân 2018	Đặng Quốc Tín	PGS.TS. Nguyễn Văn Cương	#N/A
564	Đánh giá các dòng lúa "Tả Cù" được chọn lọc tại Phong Thổ, Lai Châu	Bé Văn Đoàn	PGS.TS. Nguyễn Văn Cương	#N/A
565	Đánh giá các tổ hợp lai cà chua chịu nóng vụ Xuân Hè 2018 tại vùng ven biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Phạm Thị Nhung	PGS.TS. Nguyễn Hồng Minh	#N/A
	Đánh giá các mẫu giống dưa chuột, bầu,			* Mục tiêu: Đánh giá đặc điểm nông sinh học, chất lượng của mẫu giống cây dưa chuột mới vụ xuân hè sớm 2018. Đánh giá khả năng thích ứng của mẫu giống cây dưa chuột mới đối với điều kiện thời tiết vụ xuân hè sớm ở miền bắc Việt Nam nói riêng và thời tiết Việt Nam nói chung. Đa dạng hóa nguồn vật liệu, bổ sung những tính trạng quý của mẫu giống cây dưa chuột, phục vụ cho chọn giống dưa chuột ở Việt Nam.

566	mướp đắng mới vụ Xuân Hè sớm 2018	Vương Thị Duyên	ThS. Trần Thiện Long	* Kết quả: Thí nghiệm đã đánh giá tập đoàn 20 mẫu giống dưa chuột mới trong vụ Xuân hè 2018 trên tập hợp các chỉ tiêu về sinh trưởng, cấu trúc cây, năng suất và chất lượng. Kết quả đánh giá đa dạng di truyền dựa trên tính trạng hình thái cho thấy 20 mẫu giống dưa chuột mới có sự khác biệt khá rõ nét về kiểu hình. Cụ thể, ở mức độ tương đồng 40%, 20 mẫu giống được chia thành 3 nhóm với 3 đặc điểm đặc trưng riêng biệt. Như vậy, các mẫu giống này là nguồn vật liệu tốt cho chương trình chọn giống dưa chuột tiếp theo.
567	Nghiên cứu khả năng thích nghi của giống dưa lê nhập nội từ Hàn Quốc tại miền Bắc Việt Nam	Dương Đức Tú	PGS.TS. Vũ Đình Hòa	#N/A
568	Đánh giá sinh trưởng, phát triển và năng suất các dòng đậu tương mới chọn tạo trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Bùi Công Phúc	TS. Nguyễn Thanh Tuấn	Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, đặc điểm nông sinh học, khả năng chống chịu sâu bệnh và năng suất của các giống đậu tương nhằm xác định được một số dòng đậu tương mới lai tạo có năng suất và chất lượng cao để đưa ra sản xuất. Kết quả đã chọn được 05 dòng đậu tương triển vọng có tiềm năng năng suất cao S30; S9; S8; S46 và P8.
569	Khảo sát sinh trưởng, phát triển và năng suất một số mẫu giống đậu đen (<i>Vigna cylindrica</i> L. Skeels) trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Nguyễn Xuân Thắng	TS. Nguyễn Thanh Tuấn	Đánh giá được đặc điểm nông sinh học, khả năng sinh trưởng phát triển, mức độ nhiễm sâu bệnh và năng suất một số dòng, giống đậu đen nhằm phân lập và chọn lọc nguồn vật liệu phục vụ công tác chọn tạo giống. Các giống có năng suất cao được chọn gồm L2 (1,95 tấn/ha), L4(1,94 tấn/ha) và L30 (1,90 tấn/ha)
				1.2. Mục đích và yêu cầu của đề tài
				1.2.1. Mục đích của đề tài
				Đánh giá đặc điểm sinh trưởng phát triển, đặc điểm nông sinh học, đặc điểm hình thái, mức độ nhiễm sâu bệnh, độ thuần, năng suất một số dòng lúa mới chọn tạo thông qua đột biến phóng xạ ở thể hệ M3.
				Tuyển chọn được những dòng lúa thuần mới có năng suất cao, khả năng chống chịu sâu bệnh hại khá và chất lượng tốt để khảo nghiệm, phát triển ra sản xuất.
				1.2.2. Yêu cầu của đề tài
				Theo dõi sinh trưởng và phát triển, đặc điểm nông sinh học, đặc điểm hình thái, mức độ nhiễm sâu bệnh, độ thuần và năng suất của các dòng lúa đột biến.
				Xác định được năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của các dòng lúa đột biến thể hệ M3.
				Chọn ra những dòng lúa đột biến có năng suất, chất lượng tốt.
				Kết quả nghiên cứu:

570	<p>Đánh giá đặc điểm sinh trưởng, độ thuần và năng suất một số dòng lúa mới chọn tạo thông qua đột biến phóng xạ ở thể hệ M3 trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội</p>	<p>Manhica Valter Vasco .</p>	<p>TS. Phạm Thị Ngọc</p>	<p>1. Đặc điểm nông sinh học: Đánh giá cho thấy các dòng có chiều cao cây dao động từ 81,3 – 117,0 cm; thuộc nhóm thấp cây đến cao cây trung bình, số lá biến động trong khoảng từ 14,6 – 16,0 lá. Chiều dài lá đòng của dao động từ 34,2-50,7 cm, chiều rộng lá đòng từ 1,8-2,3 cm. Tất cả các dòng lúa tham gia thí nghiệm đều trở thoát bông, không nghẹn đòng, chiều dài cổ bông từ 0,2-5,3 cm.</p> <p>2. Thời gian sinh trưởng: Các dòng lúa thí nghiệm có thời gian sinh trưởng dao động từ 121 – 138 ngày, ở vụ xuân 2018, có 12 dòng thuộc nhóm trung ngày và 14 dòng thuộc nhóm dài ngày.</p> <p>3. Khả năng chống chịu sâu bệnh hại đòng ruộng và khả năng chống đổ: Đa số dòng lúa đều bị nhiễm sâu bệnh hại, trong đó chủ yếu là nhiễm sâu đục thân (điểm 1-5), sâu cuốn lá (điểm 1-5). Khả năng chống đổ của các dòng khá tốt, trong điều kiện vụ Xuân tại Gia Lâm – Hà Nội các dòng lúa nghiên cứu không bị đổ gãy.</p> <p>4. Đánh giá chất lượng cho thây cơm của các lúa thí nghiệm không thơm, không có mùi com (điểm 1) cho đến hơi thơm, kém đặc trưng (điểm 2), độ mềm đạt ở mức hơi mềm (điểm 3) đến rất mềm (điểm 5), độ dính từ điểm 3-5. Độ bóng các dòng đạt ở mức điểm 3 (hơi bóng) đến điểm 5 (rất bóng), vị ngon đạt mức hơi ngon (điểm 2) đến ngon vừa (điểm 3). Về chỉ tiêu độ bóng và độ trắng của các dòng lúa đột biến đánh giá cho thấy, độ trắng của các dòng chủ yếu có màu trắng (điểm 5), một số dòng có màu trắng ngà (điểm 4). Độ bóng của các dòng được đánh giá từ điểm 3 (hơi bóng) đến điểm 5 (rất bóng).</p> <p>5. Các dòng lúa đột biến được phân loại là lúa chất lượng tốt có chiều dài hạt gạo biến động khá lớn từ 5,63mm đến 7,60mm. Các dòng lúa có tỷ lệ D/R biến động từ 2,11 đến 3,01, 25/26 dòng có tỷ lệ D/R nhỏ hơn 3,0. Tỷ lệ gạo xay của các dòng biến động từ 73,1% đến 81,5% và tỷ lệ gạo xát biến động khá lớn từ 54,9% đến 76,1%. Các dòng có tỷ lệ gạo nguyên thuộc loại khá cao, biến động từ 70,1% đến 86,5%.</p>
-----	---	-------------------------------	--------------------------	--

				<p>6. Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất: Các dòng lúa tham gia thí nghiệm có chiều dài bông từ 21,7 – 29,3 cm, số gié cấp 1 từ 9,8 – 18,1 gié, số bông/khóm biến động trong khoảng 4,0 -7,8 bông, khối lượng 1000 hạt từ 24,0 – 32,3 gam, năng suất cá thể từ 22,1 – 39,4 gam/cây tương ứng với năng suất hạt khô từ 43,5 – 82,3 tạ/ha. Đánh giá toàn diện 26 dòng đột biến về các đặc điểm nông sinh học, khả năng chống chịu đồng ruộng, năng suất và yếu tố cấu thành năng suất cho thấy các dòng lúa nghiên cứu tương đối đồng đều về các tính trạng, hệ số biến động quần thể (CV%) thấp, nghiên cứu đã chọn được 7 dòng là M3-128, M3-142, M3-145, M3-146, M3-147, M3-150 và M3-151 có giá trị sử dụng cho chương trình chọn giống lúa năng suất và chất lượng cao.</p>
571	Đánh giá các tổ hợp ngô lai F1 phục vụ công tác chọn tạo giống ngô sinh khối lớn trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Thái Thị Hiền	TS. Ngô Thị Hồng Tươi	<p>1. Mục đích của đề tài</p> <p>Đánh giá và chọn lọc một số tổ hợp ngô lai F1 có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt cho năng suất sinh khối cao để chọn tạo các giống ngô làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi.</p> <p>2. Yêu cầu của đề tài</p> <p>Đánh giá khả năng sinh trưởng và phát triển, hình thái của các tổ hợp ngô lai F1 trên địa bàn Gia Lâm – Hà Nội trong điều kiện vụ Xuân 2018.</p> <p>Đánh giá các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của các tổ hợp ngô lai F1.</p> <p>Đánh giá khả năng chống chịu một số loại sâu bệnh hại chính trên đồng ruộng của các tổ hợp ngô lai F1</p> <p>3. Kết quả</p> <p>Về năng suất sinh vật học so với ĐC còn thấp, một số THL có năng suất sinh vật học cao như THL14, THL19, THL28, THL29, THL30.</p> <p>Về Xét Về các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của các THL, so với ĐC thì có THL có năng suất cao hơn là THL11, THL12, THL18, THL21, THL23, THL28, THL29 và THL30.</p> <p>Mục đích: Đánh giá đặc điểm nông sinh học của các giống cà chua nhập nội vụ hè thu năm 2018. Tuyển chọn giống cà chua triển vọng thích hợp trồng vụ hè thu trong môi trường nhà kính năm 2018.</p>

572	Đánh giá khả năng sinh trưởng phát triển của một số giống cà chua nhập nội	Lương Xuân Mười	TS. Đoàn Thu Thủy	<p>Kết quả cho thấy tất cả 5 giống trong thí nghiệm là giống vô hạn , chiều cao cây ở mức trung bình rất cao từ 307,1-344,55cm thuộc nhóm chín trung bình từ 72-82 ngày(sớm nhất là Cherry negro,muộn nhất là Laila).</p> <p>2. Tỷ lệ đậu quả trung bình của các giống rất thấp (chỉ từ 44,04 - 67,24%),không giống nào đạt trên 70%, cao nhất là Cherry negro với 67,24%.</p> <p>3. Hầu hết các giống cà chua nghiên cứu có năng suất cá thể khá thấp, nổi bật hơn có giống Cherry negro(2107,12g), 2 giống có năng suất cá thể rất thấp là Laila(968,65g) và Monaco(999,45g) nhỏ hơn 1000g.</p> <p>4. Các giống nghiên cứu đều có dạng quả tròn và dài. Độ brix cao, đạt từ 5,92 - 6,68. Các giống có độ dày thịt quả lớn hơn 5mm, thịt quả chắc mịn, ngọt dịu và có hương vị của cà chua rất rõ.</p> <p>5. Tỷ lệ nhiễm bệnh virus, vi khuẩn của các giống nghiên cứu trong nhà kính là không có,xuất hiện côn trùng hại cây nhưng với tỷ lệ thấp và xuất hiện một số triệu chứng đặc trưng do nhiệt độ cao gây ra.</p> <p>6. Hiệu quả về kinh tế chưa cao,trung bình chỉ đạt 1,172,000/tháng,vẫn rất thấp so với các cây trồng khác</p> <p>7. Trong 5 giống nghiên cứu, chọn được giống Cherry negro có nhiều ưu điểm hơn cả trong vụ Hè Thu 2018.</p>
573	<p>Đánh giá sinh trưởng và phát triển của</p> <p>một số mẫu giống đậu tương hạt vàng và hạt đen trong vụ Xuân 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội</p>	Dương Lê Đạt	TS. Lê Thị Tuyết Châm	<p>Mục đích: Khảo sát một số dòng, giống đậu tương hạt vàng và hạt đen trong vụ Xuân năm 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội. Kết quả đạt được: Các mẫu giống nghiên cứu có mức độ đa dạng cao về hình thái cây, hoa, quả và hạt. Hoa thì có màu trắng, tím. Hạt thì có màu xanh, đen, màu vàng. Màu rốn hạt cũng có nhiều màu như: đen, nâu, nâu đen, nâu nhạt, trắng sữa.</p> <p>- Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, thời gian sinh trưởng của các giống đậu tương thí nghiệm kéo dài nhất là 105 ngày (các giống 8088, G1 và D19), một số dòng khác cũng có thời gian sinh trưởng 103 ngày như: R13, R6 và 13537. Giống có thời gian sinh trưởng ngắn nhất là T14037 với 91 ngày. Các dòng, giống còn lại có thời gian sinh trưởng phát triển kéo dài từ 93 đến 101 ngày. Đa số các dòng có thời gian sinh trưởng dao động từ 101 – 105 ngày thuộc nhóm dài ngày.Chiều cao cây của các mẫu giống biến động dao động trong khoảng 42,4 – 51 cm, thấp nhất là mẫu giống G2, cao nhất là mẫu giống 8524.</p>

				<p>- Các giống đậu tương thí nghiệm trong vụ Xuân năm 2018 có tỷ lệ nhiễm sâu bệnh hại khá cao, đặc biệt là sâu cuốn lá với tỷ lệ nhiễm bệnh ở hầu hết các mẫu giống đều cao hơn 60%. Sâu đục thân phát hiện khá ít với khoảng 10 – 20% diện tích ruộng bị nhiễm bệnh, sâu đục quả chỉ xuất hiện với tỷ lệ thấp với 0 – 3% diện tích nhiễm bệnh.</p> <p>- Nhìn chung, năng suất của các mẫu giống đậu tương vàng vượt trội hơn so với các mẫu giống đậu tương đen với năng suất thực thu đạt tới 33,87 tạ/ha (G1), một số giống khác đạt 28,82 tạ/ha (D19); 30,10 tạ/ha (DT26) còn đậu tương hạt đen cao nhất chỉ đạt 20,00 tạ/ha (4324). Khối lượng 1000 hạt của các mẫu giống đậu tương hạt vàng cũng cao hơn hẳn so với các mẫu giống đậu tương hạt đen. P1000 của các giống đậu tương vàng hầu hết đều lớn hơn 200g, có giống đạt tới 240g còn đậu tương đen chủ yếu đều có P1000 thấp hơn 200g, thấp nhất là mẫu giống 18975 đạt 164,8g.</p>
574	Điều tra và nghiên cứu đặc điểm nông sinh học cây Mã đề vụ Xuân 2018	Hán Lương Duệ	PSG.TS. Vũ Thị Thu Hiền	<p>Mục đích: - Điều tra tình hình sản xuất cây Mã đề ở Nghĩa Trai (Hưng Yên).</p> <p>- Đánh giá sinh trưởng và phát triển của một số mẫu Mã đề ở các tỉnh trong vụ xuân 2018 tại Gia Lâm (Hà Nội).</p>
575	Ảnh hưởng của tỷ lệ phối trộn giữa giun quế và bã nấm đến sinh trưởng và phát triển của cây cà chua	Nông Thành Luân	TS. Đỗ Thị Hương	<p>Mục đích: Xác định tỉ lệ phối trộn phân giun quế, bã nấm và phun EM thích hợp đối với sự sinh trưởng, phát triển và năng suất của cây cà chua HT108</p> <p>Kết quả đạt được: Phun dung dịch EM kết hợp với bón 100% phân giun quế cho năng suất cao nhất tại công thức P1D1(75.1 tấn/ha)</p>
576	Nghiên cứu phân bón hữu cơ cho một số loại rau	Trần Văn Tuấn	TS Nguyễn Thị Ái Nghĩa	0
577	Nghiên cứu phân bón hữu cơ cho cây đậu đũa	Lê Thị Hoa	TS Nguyễn Thị Ái Nghĩa	0
578	Nghiên cứu các mức phân bón phân chuồng ủ cho cải bó xôi tại trang trại hữu cơ Đông Dư – Hà Nội	Nguyễn Văn Tùng	GS. TS Phạm Tiến Dũng	0
579	Ảnh hưởng của liều lượng phân bón lá đến sinh trưởng và năng suất cây đậu tương vụ hè tại Gia Lâm – Hà Nội	Lục Chính Tài	GS. TS Phạm Tiến Dũng	Việc phun phân bón lá đã làm tăng năng suất thực thu của đậu tương cùng với đó là làm tăng thu nhập đậu tương một cách đáng kể cho người trồng. Làm tăng thu nhập cao nhất là ở công thức 4 với mức phun 2% đã làm tăng thu nhập từ 7 triệu đồng/ha lên đến 11 triệu đồng/ha

580	Ảnh hưởng của sử dụng phân hữu cơ thay thế phân vô cơ đến năng suất và chất lượng rau an toàn vụ Xuân hè năm 2018 tại Hòa Bình	Đào Thảo Ly	ThS. Bùi Ngọc Tấn	Nghiên cứu đánh giá sinh trưởng và phát triển của 2 loại rau ăn quả là cà chua và dưa chuột ở các mức sử dụng 25, 50 và 75% phân hữu cơ vi sinh thay thế phân vô cơ trong điều kiện vụ xuân hè 2018 tại Hòa Bình. Kết quả cho thấy, việc sử dụng 25 - 50% phân hữu cơ vi sinh không làm giảm năng suất cà chua, dưa chuột so với đối chứng sử dụng 100% phân vô cơ. Mặt khác, sử dụng phân hữu cơ còn làm giảm tỷ lệ sâu bệnh hại trên hai loại cây này nhiều hơn so với đối chứng.
581	Ảnh hưởng của sử dụng phân hữu cơ thay thế phân vô cơ đến năng suất và chất lượng rau an toàn vụ Hè thu năm 2018 tại Hòa Bình	Lê Công Tùng	ThS. Bùi Ngọc Tấn	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của việc thay thế 25, 50 và 75% lượng phân vô cơ bằng phân vô cơ đối với hai loại cây cải canh và đậu rau tại Hòa Bình. Nghiên cứu cho thấy, việc giảm 25% phân vô cơ và thay thế bằng phân hữu cơ vi sinh làm tăng năng suất trên cả hai loại cây này.
582	Nghiên cứu đặc điểm nông sinh học của một số giống nhãn triển vọng mới tuyển chọn trồng tại Gia Lâm – Hà Nội.	Nhữ Như Quỳnh	TS. Đoàn Văn Lư - ThS. Nguyễn Thị Phụng	Mục đích: xác định được một công thức phù hợp để chọn lọc được giống nhãn triển vọng trồng tại Gia Lâm – Hà Nội.
583	Nghiên cứu đặc điểm cấu tạo và tập tính nở hoa, sự phát triển quả của giống nhãn muộn PHM99-1.1 (Dimocarpus longan Lour.) trồng tại Gia Lâm- Hà Nội	Đào Quốc Huân	ThS. Nguyễn Thị Phụng	Mục đích chính: Nghiên cứu xác định đặc điểm tập tính nở hoa của hạt phấn và sự phát triển quả của giống nhãn muộn PHM99-1.1 (Dimocarpus longan Lour.) tại Viện Nghiên cứu Rau quả - Gia Lâm, nhằm góp phần chọn lựa đặc tính tốt của giống và năng suất quả cao cho mùa vụ. Nghiên cứu góp phần phục vụ công tác lai tạo giống mới. Kết quả chính: Thời gian bao phấn bắt đầu mở trong ngày là từ khoảng 10 giờ đến 11 giờ. Khoảng thời gian bao phấn tung nhiều nhất là trong khoảng từ 12 giờ đến 13 giờ trong ngày. Tỷ lệ hữu dục của hạt phấn theo thời gian tung phấn cho kết quả tốt nhất trong khoảng 10 giờ và 12 giờ. Nồng độ Axit Boric 0ppm trong môi trường nuôi cấy cho tỷ lệ nảy mầm tốt nhất (78,98%) và nồng độ Axit Boric trong môi trường nuôi cấy cho tỷ lệ nảy mầm kém nhất là nồng độ 20ppm (53.93%). Ảnh hưởng của môi trường bảo quản đến sức sống của hạt phấn thể hiện khá rõ. Môi trường nhiệt độ phòng lạnh 4°C ứot thể hiện tốt nhất và cho kết quả tỷ lệ nảy mầm cao nhất sau 2 ngày bảo quản. Môi trường thể hiện tỷ lệ nảy mầm của hạt phấn kém nhất là môi trường nhiệt độ phòng khô cũng sau 5 ngày bảo quản. Tỷ lệ đậu quả của giống PHM99-1-1 thụ phấn với HTM1 cho tỷ lệ đậu quả tốt hơn so với giống PHM99-1-1 thụ phấn với Nhan01 và giống PHM99-1-1 thụ phấn với HC.
584	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số tổ hợp lai và khả năng nhân giống cây hoa Ngải tiên bằng phương pháp giâm cành	Đình Mạnh Trường	PGS.TS. Phạm Thị Minh Phụng - ThS. Trịnh Thị Mai Dung	0

585	Nghiên cứu đặc điểm nông sinh học của một số giống thanh long trồng tại Gia Lâm – Hà Nội	Chu Thị Thanh Thảo	ThS. Nguyễn Thị Phương	Mục tiêu chính: Đánh giá đặc điểm hình thái, sinh trưởng và phát triển của năm giống thanh long trồng tại Gia Lâm - Hà Nội nhằm xác định được giống có sinh trưởng khỏe, cho năng suất và chất lượng quả tốt làm vật liệu phục vụ cho công tác chọn giống và sản xuất. Kết quả chính: Về đặc điểm nông sinh học của 05 giống thanh long: Trong đó giống TL4 có chiều dài lộc (48,5 cm/ 50 ngày) ngắn hơn so với 04 giống còn lại, và cao nhất là giống T-TQ (73,9 cm/ 50 ngày). Các giống thanh long (T-TQ, Đ-TQ, Đ-ĐL, TL4, LD1) được trồng để nghiên cứu tại Gia Lâm, Hà Nội đều có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt. Giống T-TQ khả năng ra nụ cao (73,1 nụ/ 3 đợt) nhưng khả năng hoa nở thấp (27,4 hoa/ 3 đợt), và khả năng cho quả thu hoạch cũng thấp (5,3 quả/ 3 đợt). Giống LD1, TL4 có số lượng nụ thấp nhất lần lượt là 20,6 nụ/ 3 đợt; 21,3 nụ/ 3 đợt nhưng số lượng hoa nở là cao nhất lần lượt là 16,6 hoa/ 3 đợt; 20,3 hoa/ 3 đợt và khả năng cho quả thu hoạch cũng cao lần lượt là 14,6 quả/ 3 đợt; 15 quả/ 3 đợt. Khả năng ra hoa, quả tăng dần sau đó lại giảm dần theo từng đợt. Khả năng ra hoa đậu quả còn phụ thuộc nhiều vào thời tiết.
586	Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật để sản xuất cà chua trái vụ tại Tuyên Quang	Đỗ Khắc Chức	TS. Vũ Thanh Hải	Mục Đích: Xác định biện pháp kỹ thuật phù hợp để sản xuất cà chua trái vụ tại Bắc Quang - Hà Giang. Qua phân tích số liệu tác giả đã xác định được: + Xã Việt Vinh có điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội khá thuận lợi cho việc trồng và tiềm năng mở rộng diện tích cây cà chua vào chính vụ (tháng 11 – 2), sử dụng giống cà chua địa phương và của Trung Quốc trồng vào chính vụ. + Năng suất cá thể của cà chua Savior đạt 1.043,4 gam với khối lượng quả tương ứng 109,8 g/quả và độ brix biến động từ 4,81 trong vụ hè tại xã Việt Vinh - Bắc Quang - Hà Giang.
587	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của hoa huệ và các giống hoa dây leo tại Gia Lâm – Hà Nội	Phạm Minh Thịnh	PGS.TS. Phạm Thị Minh Phương	0
588	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số giống dưa chuột Trung Quốc tại Gia Lâm – Hà Nội	Lê Phú Thắng	PGS. TS. Trần Thị Minh Hằng	Trên cơ sở đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số giống dưa chuột Trung Quốc tại Gia Lâm – Hà Nội, đề tài đã xác định được các đặc điểm nông sinh học của 5 giống dưa chuột lai F1 nhập nội từ Trung Quốc, kết quả cho thấy cả 5 giống nhập nội đều sinh trưởng phát triển tốt, cho năng suất cao và chất lượng ăn tươi tốt, trong đó giống TQ3 cho năng suất cao nhất đạt 116,1 tấn thực thu/ha, giống TQ2 cho chất lượng ăn tươi ngon, ăn giòn và ngọt. Các giống này có thể giới thiệu cho sản xuất trong vụ đông xuân ở vùng ĐBSH.
				Mục đích

589	Ảnh hưởng của axit salicylic và chế phẩm EMINA đến giống đậu đen	Nguyễn Lê Hoàng	Th.s Nguyễn Thị Phương Dung - TS. Vũ Ngọc Lan	<p>Đánh giá khả năng sinh trưởng và phát triển của cây đậu đen khi xử lí SA và EMINA, nhằm tìm ra nồng độ thích hợp có tác dụng làm giảm tác động của môi trường đối với cây đậu đen làm cơ sở cho việc ứng dụng sản xuất của chế phẩm có chứa SA và EMINA cho cây trồng</p> <p>Kết quả:</p> <p>1. Xử lý riêng rẽ chế phẩm EMINA 2% có sự tăng trưởng nhanh về chiều cao thân chính nhất là ở thời kì ra hoa rộ, phân cành ở thời kì quả non , số lá, số cành, số nốt sần. Khi xử lý kết hợp giữa axit salicylic 0,25mM và EMINA 2% các chỉ tiêu sinh trưởng cũng tăng cao,...tăng nhanh hơn so với công thức đối chứng, tăng so với công thức đối chứng có ý nghĩa thống kê sinh học ở độ tin cậy 95%.</p> <p>2. Về yếu tố cấu thành năng suất và năng suất việc xử lý riêng rẽ chế phẩm EMINA 2% và SA cũng cho năng suất cao hơn so với công thức đối chứng.. Năng suất ở các công thức xử lý kết hợp giữa axit salicylic và chế phẩm EMINA có sự sai khác có ý nghĩa so với công thức đối chứng ở độ tin cậy 95%.</p>
590	Ảnh hưởng của phân hữu cơ từ phân gà và chế phẩm vi sinh vật AQUA 300LN đến sinh trưởng, phát triển và năng suất đậu xanh giống ĐXVN7 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Nho Năm	TS. Trần Anh Tuấn	<p>Đề tài nghiên cứu nhằm tăng năng suất cho cây đậu xanh ĐXVN7 bằng các biện pháp sử dụng phân bón và chế phẩm sinh học thích hợp</p> <p>1. Sử dụng các phân bón hữu cơ từ phân gà và chế phẩm vi sinh Aqua 300LN đã có tác dụng tốt đến các chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển và chỉ tiêu sinh lý của đậu xanh ĐXVN7 trồng vụ Xuân-Hè năm 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội. Trong đó, bón 300g phân hữu cơ + 5 g chế phẩm vi sinh Aqua 300LN/m² cho sự phát triển chiều cao, số lá, chỉ số diện tích lá, khả năng hình thành nốt sần, khả năng tích lũy chất khô cao nhất.</p> <p>2. Bón phân hữu cơ từ phân gà ảnh hưởng tốt đến các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất đậu xanh; Trong đó, năng suất lý thuyết đạt cao nhất là 14,4 tạ/ha khi bón 300g phân hữu cơ + 5 g chế phẩm vi sinh Aqua 300LN/m².</p>
591	Nghiên cứu nhân giống hoa đồng tiền lùn (Gerbera Jamesonii) bằng phương pháp in vitro	Lê Thị Hiền	TS. Trần Anh Tuấn - TS. Vũ Ngọc Lan	<p>1. Sự phối hợp giữa BA ,Kinetin trong môi trường nuôi cấy có tác dụng cải thiện chất lượng chồi, cho hệ số nhân chồi cao. Môi trường nhân nhanh tối ưu là MS + 1 mg/l BA + 0,4 mg/l Kinetin + 30 g/l saccarose + 5 g/l agar, pH = 5,8.</p> <p>2. Môi trường ra rễ thích hợp là MS + 30 g/l saccarose + 5g/l agar + 0.3g than hoạt tính , pH = 5,8.</p>
	So sánh một số giống ngô lai mới trong vụ hè			So sánh 5 giống ngô lai mới trong vụ hè thu tại Gia Lâm – Thành phố Hà Nội

592	Sưu tầm một số giống ngô lai mới trong vụ thu tại Gia Lâm – Thành phố Hà Nội	Phạm Anh Tuấn	TS. Nguyễn Văn Phú	Đánh giá được một số đặc điểm sinh trưởng, phát triển và năng suất của 5 giống ngô lai từ đó chọn ra được 1 giống cho năng suất cao nhất trong vụ xuân hè tại Hà Nội
593	Ảnh hưởng của mật độ đến sinh trưởng phát triển, năng suất của đậu đen	Nguyễn Hoàng Dũng	TS. Phạm Tuấn Anh - TS. Vũ Ngọc Lan	Mục đích : Nghiên cứu tìm ra mật độ trồng thích hợp cho giống đậu đen tại địa phương đạt năng suất, chất lượng cao Kết quả: - Mật độ trồng có ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng và phát triển, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của đậu đen - Khi tăng mật độ trồng từ 25-40 cây/m ² thì ở từng mật độ đều có số lượng khác nhau nhưng trong 4 mật độ thì đạt cao nhất ở công thức 30 cây/ m ² . Khi trồng với mật độ trên tất cả các chỉ tiêu từ khả năng tích lũy chất khô, thời gian sinh trưởng, đặc điểm hình thái, quá trình sinh trưởng đều cao hơn các công thức khác có ý nghĩa thống kê.
594	Ảnh hưởng của Kali đến sinh trưởng, phát triển và năng suất cây đậu xanh vụ xuân năm 2018 tại Gia Lâm-Hà Nội	Hà Hoàng Anh	Th.s Vũ Tiến Bình	Mục tiêu: Nghiên cứu đề tài nhằm xác định ảnh hưởng của kali đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của đậu xanh, cũng như biện pháp kỹ thuật sử dụng phân kali nhằm nâng cao năng suất và chất lượng đậu xanh Kết quả: Bón phân kali đã làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng phát triển và sinh lý của cây đậu xanh, làm tăng các chỉ tiêu về chiều cao cây, số lá, chỉ số spad... Bón kali làm tăng các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của cây đậu xanh. Trong đó, công thức 4 (90 kg K ₂ O) cho giá trị cao nhất (năng suất thực thu là 21,03 tạ/ha), với lãi thuần đạt 16,81 triệu đồng/ha. Thấp nhất là công thức 1 (đối chứng) và hiệu quả kinh tế kém nhất với lãi thuần chỉ đạt 10,79 triệu đồng/ha.
595	Ảnh hưởng của phân bón đến sinh trưởng, phát triển của cây Lan Hương Cát cát trong điều kiện vụ Xuân – Hè 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội	Hoàng Đình Thế Vũ	ThS. Nguyễn Hữu Cường	Tìm hiểu ảnh hưởng của phân bón đến sinh trưởng, phát triển của cây Lan Hương Cát cát trong điều kiện vụ Xuân – Hè 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội Xác định được loại phân bón phù hợp cho cây địa lan Hương cát cát
596	Nghiên cứu nhân giống cây Huệ mưa bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào	Vũ Thị Thắm	TS. Phùng Thị Thu Hà	Mục đích: Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật nhằm góp phần xây dựng được quy trình nhân giống cây Huệ mưa bằng phương pháp in vitro có hệ số nhân giống cao, chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu về giống hiện nay. KQ chính: đã thiết lập được quy trình nhân giống in vitro cây Huệ mưa vàng kép ở giai đoạn vào mẫu từ nguồn vật liệu ban đầu (hạt và thân hành) và giai đoạn nhân nhanh chồi in vitro với sự tác động riêng lẻ và kết hợp của các chất kích thích sinh trưởng.
				Mục đích: Quá trình nghiên cứu sự sinh trưởng và phát triển của một số giống hồng nhập ngoại nhằm đánh giá khả năng thích nghi của các giống này tại Nam Trực – Nam Định.

597	Ảnh hưởng của phân lân tới sự sinh trưởng và phát triển của cây Phong huệ	Nguyễn Văn Giang	TS. Phùng Thị Thu Hà	KQ chính: Khóa luận đã đưa ra một số đặc điểm thực vật học của 3 giống Hồng ngoại nghiên cứu làm cơ sở phân biệt giống cho người chơi và trồng hoa. Khóa luận cũng cho thấy một số điểm sinh trưởng của 3 giống Hồng ngoại so với giống Hồng nội Hồng cổ Bạch Ho thông qua một số chỉ tiêu sinh trưởng và phát triển như động thái tăng trưởng chiều cao cây, số lá, kích thước lá, các đặc điểm chất lượng hoa. Từ đó làm căn cứ để xác định khả năng thích ứng của giống tại Nam Trực, Nam Định.
598	Ảnh hưởng của một số loại phân bón đến một số đặc điểm nông sinh học cây Tờ đặng vụ Xuân – Hè 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Lê Thị Nhung	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	<p>Tìm hiểu sự ảnh hưởng của mật độ đến quá trình sinh trưởng, phát triển của cây Đậu bắp trồng vụ Xuân - Hè tại Thủy Nguyên-Hải Phòng. Qua đó, xác định được mật độ phù hợp nhất để trồng Đậu bắp đạt năng suất cao.</p> <p>CT4 là công thức có mật độ phù hợp để cây có sự sinh trưởng tốt sau 6 tuần với chiều cao đạt 36.47cm, đường kính thân 1.83cm, chiều dài lá 26.13cm, số nhánh ra mới 0.86 nhánh/cây, số lá ra mới 4.4 lá/cây. CT2 là công thức có năng suất cá thể lớn nhất đạt 96.66gr/cây, tuy nhiên năng suất lý thuyết và năng suất thực thu cao nhất là CT1 đạt lần lượt là 720.0gr/m² và 410.0gr/m².</p>
599	Sự phát triển tính kháng thuốc của rầy lưng trắng <i>Sogatella furcifera</i> Horvath mẫn cảm đối với một số hoạt chất năm 2018	Vũ Hải Nam	PGS.TS Lê Ngọc Anh	<p>Đã đánh giá sự phát triển tính kháng thuốc của rầy lưng trắng mẫn cảm đối với 4 hoạt chất trên cho thấy hiệu lực thuốc giảm theo nồng độ và tăng qua các ngày xử lý cụ thể đối với từng hoạt chất như sau:</p> <p>Giá trị LC50 của hoạt chất Nitenpyram ở thể hệ rầy lưng trắng G1 là 0,343 với chỉ số kháng RR là 1, ở thể hệ G17, G21 có giá trị LC50 lần lượt là 0,450; 0,482 mg/l. Chỉ số kháng RR tăng từ 1,31 ở thể hệ G17 lên 1,41 ở thể hệ G21, thể hiện chưa xuất hiện tính kháng.</p> <p>Giá trị LC50 của hoạt chất Imidacloprid ở thể hệ rầy lưng trắng G1 là 1,660 với chỉ số kháng RR là 1. Ở thể hệ G32, G33 giá trị LC50 lần lượt là 61.040; 68,4. Thể hệ G32 lên thể hệ G33 chỉ số kháng RR tăng từ 36,77 lên 41,2, thể hiện đã xuất hiện tính kháng</p> <p>Giá trị LC50 của hoạt chất Buprofezin ở thể hệ rầy lưng trắng G1 là 11,382 chỉ số kháng RR là 1. Ở thể hệ G43, G44 giá trị LC50 lần lượt là 102,654; 103,282 mg/l. Chỉ số kháng RR tăng từ 9,02 lên 9,07 ở thể hệ G43 đến G44, Xuất hiện tính kháng thấp.</p> <p>Giá trị LC50 của hoạt chất Chlopyrifos - ethyl ở thể hệ rầy lưng trắng G1 là 3,373 với chỉ số kháng RR là 1. Ở thể hệ G30, G31 có giá trị LC50 lần lượt là 6,399; 7,006 mg/l. Chỉ số kháng RR tăng từ 1,9 lên 2,08 ở thể hệ G30 và G31, chưa xuất hiện tính kháng.</p>

				<p>Đã đánh giá tính kháng thuốc chéo của nõi rầy lưng trắng mẫn cảm đã kháng với hoạt chất Buprofezin cho thấy nõi rầy lưng trắng mẫn cảm đã kháng với hoạt chất Buprofezin không kháng với các hoạt chất và xuất hiện kháng nhẹ đối với hoạt chất Imidacloprid.</p> <p>Hoạt chất Chlorpyrifos - ethyl có ảnh hưởng đến vòng đời của rầy lưng trắng mẫn cảm. Vòng đời rầy lưng trắng khi tiếp xúc với hoạt chất Chlorpyrifos – ethyl vòng đời trung bình là 24,46 ngày dài hơn so với quần thể rầy lưng trắng mẫn cảm khi chưa tiếp xúc thuốc vòng đời là 22,77 ngày (độ tin cậy 95%). Sức sinh sản và tỷ lệ sống sót đến trưởng thành của rầy lưng trắng mẫn cảm sau khi tiếp xúc với Chlorpyrifos - ethyl giảm so với khi chưa tiếp xúc với hoạt chất. Tỷ lệ giới tính và sự hình thành dạng hình trưởng thành chịu ảnh hưởng bởi hoạt chất Chlorpyrifos - ethyl. Thế hệ con của rầy lưng trắng sau khi tiếp xúc với hoạt chất có tỷ lệ rầy trưởng thành cái cánh ngắn tăng so với khi chưa tiếp xúc thuốc.G558</p>
600	Thành phần sâu mọt hai kho thức ăn gia súc; Đặc điểm sinh học, sinh thái loại mọt phổ biến tại Gia Lâm - Hà Nội năm 2018	Hoàng Thị Thu Hà	PGS.TS Lê Ngọc Anh	<p>Đã thu được 9 loài côn trùng hại nông sản tại một số kho thức ăn gia súc tại Hà Nội đều thuộc Bộ cánh cứng Coleoptera, 6 họ côn trùng.Đã xác định được kích thước, mô tả hình thái các pha của loài mọt <i>Bruchidius dorsalis</i> trên hạt bồ kết</p> <p>Đã nuôi sinh học loài mọt <i>Bruchidius dorsalis</i> ở nhiệt độ 20oC, 25°C và 28,3°C trên thức ăn hạt bồ kết từ đó xác định được thời gian phát dục các pha, nhịp điệu sinh sản, sức đẻ trứng, tỷ lệ dục cái, tỷ lệ trứng nở, thời gian đẻ trứng trong ngày. Đã đánh giá khả năng nảy mầm của hạt bồ kết khi có sự gây hại và không gây hại của loài mọt <i>Bruchidius dorsalis</i>.</p> <p>Đã đánh giá tỷ lệ hao hụt nông sản và khả năng tăng quần thể mọt <i>Bruchidius dorsalis</i> sau 30,60,90 ngày thí nghiệm</p>
601	Thành phần sâu hại trên dưa chuột Hà Nội và phụ cận năm 2018 . Đặc điểm sinh vật học, sinh thái học của rệp bông <i>Aphis Gossypii</i> Glover	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	PGS.TS Hồ Thị Thu Giang	<p>Thành phần sâu hại trên dưa chuột vụ thu đông 2018 tại Văn Đức, Gia Lâm, Hà Nội , ghi nhận có 10 loài thuộc 10 họ và 6 bộ. Mật độ rệp muội bông ngoài đồng cao hơn trong nhà lưới. Đã xác định Vòng đời của rệp muội bông trên ớt và dưa chuột, ở 20°C và 25°C. Thời gian sống và sức sinh sản. Tỷ lệ tăng thực tự nhiên của rệp muội bông trên dưa chuột (rm) ở 20°C là 0,29; Hệ số nhân của một thế hệ (R0) đạt 21,93 và giới hạn tăng tự nhiên ($\lambda= 1,33$). Sau 72 giờ với phương pháp nhúng, thuốc Lutex 5.5WG có hiệu lực trừ rệp muội bông <i>Aphis gossypii</i> cao nhất là 96,30%, tiếp đó là Oshin 20WP là 91,07% , thuốc Radiant 60SC có hiệu lực kém hơn so với hai thuốc trên với hiệu lực là 81,67%.</p>

602	Thành phần sâu mọt hại trên đậu xanh nhập khẩu qua cửa khẩu Hữu Nghị, Lạng Sơn năm 2018; Đặc điểm sinh vật học, sinh thái học loài mọt đậu xanh <i>Callosobruchus Chinensis</i> Linnaeus	Nguyễn Thị Bích An	PGS.TS Hồ Thị Thu Giang	<p>Tại cửa khẩu Hữu Nghị, Lạng Sơn từ tháng tháng 06/2018 đến tháng 10/2018 trên mặt hàng đậu xanh nhập khẩu ghi nhận gồm 8 loài sâu mọt thuộc 7 họ khác nhau. Trong đó họ Bruchidae có loài mọt đậu đỏ <i>Callosobruchus maculatus</i> F và mọt đậu xanh <i>Callosobruchus chinensis</i> L. xuất hiện ở mức độ trung bình và nhiều. Ở nhiệt độ 20oC và 25oC với độ ẩm trung bình 80% vòng đời trung bình của mọt đậu xanh tương ứng là $26,61 \pm 0,37$ và $22,54 \pm 0,42$ ngày. Sức sinh sản của mọt đậu xanh là trung bình là 61,0 quả/cái ở 20oC và 87,2 quả/cái ở nhiệt độ 25oC. Trưởng thành đẻ trứng cao điểm vào ngày thứ 5-6 sau vũ hóa. Khi có sự hiện diện của đậu xanh thời gian sống trung bình của trưởng thành đực và cái tương ứng là 8,97 và 5,6 ngày, khi không có thức ăn thời gian sống trung bình của trưởng thành đực và cái trung bình là 8,73 ngày và 8,43 ngày. Thời gian sống của trưởng thành đực kéo dài hơn trưởng thành cái. Số lượng trứng đẻ trên đậu xanh là nhiều hơn so với trên đậu đỏ. Sau 2 tháng bảo quản đậu xanh mật độ mọt 1- 3 cặp/kg hao hụt trọng lượng trung bình cao hơn so với đối chứng không có mọt. Trong điều kiện sống cạnh tranh với mọt đậu đỏ (<i>C.maculatus</i>) thì mọt đậu xanh (<i>C.chinensis</i>) số trưởng thành mọt đậu xanh mới vũ hóa trên 1 con cái cao hơn nhiều so với mọt đậu đỏ. Sau 30 ngày bảo quản sử dụng lá khô thuốc lá có hiệu quả phòng trừ mọt đậu xanh <i>C. Chinensis</i> đạt 76,88% còn với lá xoan hiệu lực phòng trừ 57,03%. Hiệu quả phòng trừ mọt đậu xanh đạt 100% sau 72 giờ xử lý khi sử dụng liều lượng 1g PH3/m³ và 2g PH3/m³.</p>
603	Mức độ mẫn cảm của quần thể rầy nâu <i>Nilaparvata Lugens</i> Stal Hưng Yên vụ xuân năm 2018 đối với một số hoạt chất thuốc BVTV	Trần Thị Quỳnh Như	PGS.TS Hồ Thị Thu Giang	<p>Áp lực chọn lọc của hoạt chất Pymetrozin đối với rầy nâu Hưng Yên qua 42 thế hệ với liều lượng 0,3-0,6kg/ha đã tăng từ 8,035-13,988μg/g. Chỉ số Ri cũng tăng từ 12,36-21,52 lần so với rầy mẫn cảm. Giá trị LD50 của hoạt chất Imidacloprid qua 41 thế hệ với liều lượng 0,02-0,04l/ha đã tăng từ 0.678-0,886μg/g. Chỉ số Ri cũng tăng từ 21,87-28,58 lần so với rầy mẫn cảm. Giá trị LD50 của quần thể Buprofzin qua 42 thế hệ với liều lượng 0,3-0,6kg/ha đã tăng từ 168,360- 223,465μg/g. Chỉ số Ri cũng tăng từ 6,32-8,37 lần so với rầy mẫn cảm. Hiệu lực của thuốc Oshin 20WP đối với rầy nâu tuổi 1-2 và tuổi 3-4 cao hơn so với tuổi 5 và trưởng thành. Đối với thuốc Vibasa 50EC rầy nâu các tuổi 1-2; tuổi 3-4; tuổi 5 và trưởng thành hiệu lực đạt lần lượt là 49,12; 52,63; 66,67 và 77,19%. Hệ số tái phát của rầy nâu Hưng Yên sau khi phun 2 thuốc Oshin 20WP (Dinotefuran) và Vibasa 50EC (Fenobucarb) trên cây lúa 1- 3 lần/vụ thì thời gian phát dục của pha rầy non không sai khác. Khi số lần phun thuốc tăng thì hệ số tái phát cũng tăng nhanh hơn.</p>

604	Thành phần sauhại và thiên địch trên cây họ cà tại Gia Lâm, Hà Nội năm 2018; Đặc điểm sinh vật học, sinh thái học của loài bọ trĩ gây hại quan trọng	Nguyễn Thị Linh	PGS.TS Hồ Thị Thu Giang	<p>Từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2018 thành phần bọ trĩ hại trên cây ớt, cà chua gồm 5 loài trong đó, Frankliniella intonsa Trybom là loài gây hại chính vào tất cả các giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây ớt. Mật độ bọ trĩ trong nhà lưới thấp hơn ngoài đồng ruộng. Ở nhiệt độ 25oC vòng đời trung bình của bọ trĩ trên lá cà chua là 16,07 ngày, tiếp theo trên cây cà tím vòng đời trung bình của bọ trĩ là 17,35 ngày và trên cây ớt là 16,50 ngày. Tỷ lệ chết trước trưởng thành của bọ trĩ trên cây ớt là cao nhất chiếm tỷ lệ 50% sau đó đến cây cà tím tỷ lệ chết là 46,67% và thấp nhất là trên cây cà chua 36,67%. Xác định được ảnh hưởng ở các mức nhiệt độ 20oC, 25oC và ,70C đến vòng đời bọ trĩ. Ở nhiệt độ 25°C, ẩm độ 60-70%, các chỉ tiêu sinh học cơ bản của bọ trĩ Frankliniella intosa Trybom: hệ số nhân của một thế hệ (Ro), giới hạn tăng tự nhiên, tỷ lệ tăng tự nhiên (rm) trên cà chua lần lượt là: 19,35; 1,64; 0,49. Sau 72h xử lý thuốc, hiệu lực của thuốc đối với bọ trĩ non tuổi 1 đạt cao hơn so với tuổi 2 và trưởng thành. Ở giai đoạn bọ trĩ non tuổi 1, hiệu lực của thuốc hóa học OSHIN 20WP đạt cao nhất là 96,3%. Hiệu lực của 2 loại thuốc sinh học RADIANT 60SC, EMABEN 3.6WG thấp hơn, lần lượt là 92,13% và 83,8 %.</p>
605	Sự phát triển tính kháng thuốc của quần thể rầy nâu mẫn cảm đối với một số hoạt chất thuốc BVTV năm 2018	Lê Thị Trang	PGS.TS Hồ Thị Thu Giang	<p>- Chỉ số kháng Ri của hoạt chất Imidacloprid ở thế hệ G30 tăng 6,55 lần so với thế hệ đầu (G1). Hoạt chất Pymetrozine ở thế hệ G20 giá trị Ri tăng 1,35 lần. Chỉ số kháng Ri của hoạt chất Fenobucarb tăng 6,62 lần (G30) và của hoạt chất Sulfoxaflor ở G37 tăng lên 4,7 lần. Hoạt chất Dinotefuran ở thế hệ G21 giá trị Ri tăng 1,34 lần. Trưởng thành rầy nâu cái qua tiếp xúc với hoạt chất Sulfoxaflor có vòng đời kéo dài hơn so với đối chứng, sức sinh sản và tỷ lệ trứng nở của rầy mẫn cảm sau khi trưởng thành tiếp xúc với hoạt chất Sulfoxaflor giảm đáng kể so với quần thể rầy không tiếp xúc thuốc. Dòng rầy nâu mẫn cảm đã kháng hoạt chất Imidacloprid nhưng chưa xuất hiện tính kháng chéo đối với các hoạt chất Sulfoxaflor, Pymetrozine, Fenobucarb và <u>Dinotefuran</u></p>
606	Diễn biến mật độ sâu khoang <i>Spodoptera litura</i> Fabricius hại rau vụ đông xuân năm 2018-2019 tại các vùng lân cận Hà Nội và ảnh hưởng của các thức ăn lên một số đặc điểm sinh học của	Nguyễn Thu Thảo	ThS. Nguyễn Đức Khánh	<p>Sinh viên đã điều tra diễn biến gây hại của sâu khoang trên cây bắp cải trên đồng ruộng Văn Đức, Gia Lâm, ghi nhận sâu khoang xuất hiện ở giữa vụ, mật độ cao nhất lên tới 1,2con/m².</p> <p>Đánh giá được ảnh hưởng của thức ăn tới các chỉ số sinh học của sâu khoang, vòng đời của sâu khoang ngắn nhất khi nuôi trên lá thầu dầu, tuy nhiên các chỉ tiêu sinh học thu được tương ứng đều cao khi nuôi trên rau muống. Thức ăn nhân tạo có khả năng duy trì sự tồn tại của sâu khoang trong điều kiện PTN.</p>

	chúng.			Thử nghiệm biện pháp hóa học phòng trừ sâu khoang bằng các hoạt chất cũng như thuốc thương phẩm khác nhau ghi nhận Chlorpyrifos có hiệu quả trừ sâu cao ở nồng độ 2ppm; Maxfos 50EC cho hiệu quả tuyệt đối trừ sâu. Thuốc trừ sâu có ảnh hưởng nhất định tới đặc điểm sinh học của sâu khoang như làm kéo dài vòng đời...
607	Nghiên cứu đặc điểm hình thái , sinh vật học của loài bọ xít bắt mồi Orius sauteri trên bọ trĩ hại dưa chuột năm 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội.	Trần Trung Hiếu	ThS. Nguyễn Đức Khánh	<p>Sinh viên đã điều tra được thành phần thiên địch của bọ trĩ trên dưa chuột vụ xuân 2018 gồm bọ xít bắt mồi Orius sauteri, Bọ trĩ bắt mồi và Bọ rùa đỏ, ghi nhận tương quan diễn biến mật độ bọ xít bắt mồi O. sauterivà bọ trĩ trong thời gian điều tra.</p> <p>Tiến hành nghiên cứu ảnh hưởng của các thức ăn khác nhau lên một số đặc điểm sinh học của bọ xít bắt mồi O. sauteri, theo đó bọ trĩ là thức ăn thích hợp để nhân nuôi bọ xít, tuy nhiên sử dụng thức ăn từ trứng ngải gạo cũng có khả năng duy trì sự tồn tại và phát triển của chúng.</p>
608	Nghiên cứu đặc điểm hình thái, sinh học, sinh thái và biện pháp phòng trừ loài bọ cánh cứng họ Chrysomelidae ăn lá trên đậu tương tại Gia Lâm-Hà Nội	Nguyễn Trung Hương	ThS. Nguyễn Đức Khánh	<p>Sinh viên tiến hành điều tra sự xuất hiện và phân bố của loài bọ cánh cứng M. suturalis trên đồng ruộng tại Cổ Bi, Gia Lâm, ghi nhận cây đậu tương là ký chủ ưa thích nhất của chúng.</p> <p>Theo dõi các đặc điểm hình thái của loài Medythia suturalis, bước đầu mô tả chi tiết các pha phát dục của loài này.</p> <p>Sinh viên đã tiến hành theo dõi đặc điểm sinh học của loài bọ cánh cứng này, bước đầu xác định vòng đời của loài kéo dài 36-48 ngày ở các mức nhiệt độ nuôi khác nhau, xác định được một số chỉ tiêu sinh học khác như sức đẻ trứng, nhịp điệu đẻ trứng, tỷ lệ chết các pha trước trưởng thành, tỷ lệ vũ hóa, tỷ lệ đực cái...</p> <p>Hoàn thành việc đánh giá ảnh hưởng của nhiệt độ môi trường nuôi tới sự sinh trưởng và phát triển của bọ cánh cứng ăn lá, ảnh hưởng của yếu tố ký chủ tới tập tính chọn lọc đẻ trứng của trưởng thành cái, cũng như tập tính gây hại của sâu non và trưởng thành gây ra trên cây họ đậu.</p> <p>Tiến hành thử nghiệm biện pháp hóa học phòng trừ loài bọ cánh cứng này ghi nhận kết quả hiệu lực trừ trên 80% của Dupont Prevathon 5SC và Angun 5WG.</p>
609	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số hoạt chất thuốc BVTV đến đặc điểm sinh học của bọ xít mù xanh (<i>Cyrtorhinus lividipennis</i> Reuter) trên vụ lúa mùa năm 2018 tại Gia Lâm-Hà Nội.	Phan Duy Hiền	ThS. Nguyễn Đức Khánh	<p>Sinh viên đã hoàn thành điều tra thành phần rầy hại thân trên lúa vụ mùa năm 2018 tại Kiên Thành, Gia Lâm, Hà Nội, ghi nhận sự xuất hiện gây hại của rầy nâu và rầy lưng trắng và tương ứng thiên địch chính của chúng là Bọ xít mù xanh.</p> <p>Đánh giá mức độ độc tính của hoạt chất Imidacloprid, Fenobucarb và Profenofos tới bọ xít mù xanh với giá trị LD50/LC50 thu được tương ứng là 57,3 (mg/g), 34,1 (mg/g) và 24,9 (mg/g). Hoạt chất Imidacloprid làm giảm sức sinh sản và tỷ lệ trứng nở của bọ xít mù xanh khá mạnh.</p>

				Sinh viên cũng tiến hành đánh giá khả năng tiêu thụ vật môi là rầy nâu của Bọ xít mù xanh các tuổi, ghi nhận Trưởng thành cái có khả năng tiêu thụ số lượng rầy nâu lớn nhất.	
610	Nghiên cứu một số đặc điểm hình thái, sinh học, sinh thái học của ong <i>Apis mellifera caucasia</i>	Nguyễn Thị Thanh Huyền	PGS.TS Phạm Hồng Thái		0
611	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học và năng xuất sữa ong chúa qua một số thế hệ chọn lọc	Vũ Thị Tuyền	PGS.TS Phạm Hồng Thái		0
612	Nghiên cứu, đánh giá mức nhiễm ve ký sinh của ong <i>Apis mellifera</i>	Hà Thị Mỹ Linh	PGS.TS Phạm Hồng Thái		0
613	Nghiên cứu một số đặc điểm hình thái, sinh học Nosema SPP trên ong mật <i>Apis mellifera</i>	Trương Thị Mai	PGS.TS Phạm Hồng Thái		0
614	Đánh giá khả năng trừ nhện đỏ của nhện bắt mồi <i>Phytoseiulus persimilis</i> tại Đà Lạt Hasfarm	Đặng Thị Nhân	TS. Nguyễn Đức Tùng	• Đề tài đã tiến hành nghiên cứu đặc điểm hình thái, thời gian phát dục, sức sinh sản và sức tăng quần thể của nhện bắt mồi <i>Phytoseiulus persimilis</i> trên nhện đỏ hai chấm <i>T.urticae</i> . Đồng thời xác định khả năng ăn nhện đỏ hai chấm của nhện bắt mồi <i>P. persimilis</i> trong phòng thí nghiệm.	
				• Sinh viên đã xác định được tỷ lệ thả thích hợp giữa nhện bắt mồi <i>P. persimilis</i> và nhện đỏ hai chấm trên một số loại cây trồng trong nhà kính. Đồng thời tiến hành đánh giá tác động của một số loại thuốc BVTV tới nhện bắt mồi <i>P. persimilis</i> .	
615	Đánh giá hiệu quả phòng trừ côn trùng , nhện nhỏ hại rau và hoa của nhện bắt mồi <i>Amblyseius montdorensis</i> tại Đà Lạt Hasfarm.	Lê Thị Mai	TS. Nguyễn Đức Tùng	• Đề tài đã xác định được khả năng ăn nhện đỏ, bọ trĩ và bọ phấn của NBM <i>A. cucumeris</i> , <i>A. montdorensis</i> , <i>A. swirskii</i> . Xác định loại thức ăn ưa thích nhất của ba loài NBM trên. Đồng thời xác định được tỷ lệ thả phù hợp giữa NBM <i>A. cucumeris</i> , <i>A. montdorensis</i> và <i>A. swirskii</i> và vật môi là nhện đỏ và bọ trĩ	
				• Sinh viên đã đánh giá sự tác động của một số loại thuốc BVTV đối với NBM <i>A. cucumeris</i> , <i>A. montdorensis</i> , <i>A. swirskii</i> trong phòng thí nghiệm.	
616	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số loại thức ăn thay thế đến nhện bắt mồi <i>Amblyseius swirskii</i> (Acari phytoseiidae) tại Hà Nội	Phạm Khắc Phương	TS. Nguyễn Đức Tùng	• Đề tài đã nghiên cứu được đặc điểm hình thái, thời gian phát dục, sức sinh sản và sức tăng quần thể của của nhện bắt mồi <i>A. swirskii</i> trên thức ăn nhân tạo, phần hoa typha, <i>Artemia</i> không vỏ và <i>Artemia</i> nguyên vỏ.	
				• Đã đánh giá ảnh hưởng của các loại thức ăn thay thế đến quần thể nhện bắt mồi <i>A. swirskii</i> và <i>A. cucumeris</i> trên cây đậu cô ve trong điều kiện không có vật môi.	

617	Điều tra thành phần và khả năng khống chế quần thể bọ trĩ của bọ xít bắt mồi họ Anthocoridae trên rau vùng HÀ NỘI	Trần Tiến Long	TS. Nguyễn Đức Tùng	<ul style="list-style-type: none"> • Đề tài đã điều tra được hai loài bọ xít bắt mồi Orius và điều tra diễn biến mật độ bọ xít bắt mồi Orius sp1 và bọ trĩ trên cây ớt chỉ thiên tại Gia Lâm, Hà Nội. • Sinh viên đã tiến hành thử sức ăn Orius sp1 trên 2 vật mồi là trứng ngài gạo Corcyra cephalonica và bọ trĩ Frankliniella occidentalis. Đồng thời tiến hành nghiên cứu đặc điểm hình thái, sinh học, sức tăng quần thể của bọ xít bắt mồi Orius sp1 trên hai loại thức ăn trứng ngài gạo và bọ trĩ.
618	Nghiên cứu ảnh hưởng của các loại thức ăn tới đặc điểm sinh học của bọ xít bắt mồi <i>Orius sauteri</i> (Hemiptera: Anthocoridae)	Trương Thị Tuyết Mai	TS. Nguyễn Đức Tùng	<ul style="list-style-type: none"> • Đề tài đã điều tra được hai loài bọ xít bắt mồi Orius và điều tra diễn biến mật độ bọ xít bắt mồi O. sauteri và bọ trĩ trên cây cà pháo tại Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội. • Sinh viên đã tiến hành thử sức ăn O. sauteri trên 2 vật mồi là trứng ngài gạo Corcyra cephalonica và bọ trĩ Frankliniella occidentalis. Đồng thời tiến hành nghiên cứu đặc điểm hình thái, sinh học, sức tăng quần thể của bọ xít bắt mồi O. sauteri trên hai loại thức ăn trứng ngài gạo và bọ trĩ.
619	Effects of alternative food sources on development and reproduction of predatory mite amblyseius cucumeris (Acari: Phytoseiidae)	Trần Thị Mai Anh	TS. Nguyễn Đức Tùng	<p>The effects of different alternative food sources (Typha Pollen, Artificial diet, Artemia) on the rate of development and the life table parameters of <i>Amblyseius cucumeris</i> (Acari: Phytoseiidae).</p> <p>The survival rates of <i>Amblyseius cucumeris</i> (Acari: Phytoseiidae) in crops without natural prey.</p>
620	Effect different insecticides on <i>Helicoverpa armigera</i> (Hübner) (Lepidoptera: Noctuidae) at Gia Lam, Ha Noi 2018	Đỗ Nguyễn Hạnh	PGS.TS Ho Thi Thu Giang	Emamectin had extreme toxicity against <i>Helicoverpa armigera</i> when compared with imidacloprid. Post-exposure effects of larval were observed in the adult about wingspan. Imidacloprid and emamectin at sublethal doses caused delay larval development and suppress weight gain of larvae. The oviposition period longest was recorded in the unexposed individuals. The life indices of H. armigera varied significantly in both the exposed and unexposed individuals
621	Đánh giá khả năng sinh trưởng và năng suất của một số dòng lúa thơm chất lượng trong vụ mùa 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Vũ Thị Ngọc Thúy	TS. Chu Anh Tiệp	Đánh giá khả năng sinh trưởng, năng suất của 8 dòng lúa chất lượng trong điều kiện vụ mùa tại Gia Lâm - Hà Nội
622	Khảo sát và đánh giá khả năng sinh trưởng của một số dòng lúa chất lượng cao có mùi thơm trong vụ Mùa 2018 tại Hà Nội	Nguyễn Thị Như Quỳnh	TS. Chu Anh Tiệp	Đánh giá khả năng sinh trưởng, năng suất của 50 dòng lúa thơm trong điều kiện vụ mùa tại Gia Lâm - Hà Nội

623	Biostatistical analysis and gwas study in a panel of Vietnamese rice landraces reveals new QTLs controlling yield under drought condition	Lê Hà Minh	TS. Trần Thị Thiêm	The thesis aimed to identify GWAS-derived QTLs controlling yield under drought condition from Vietnamese local rice varieties to support breeding program in Vietnam. The result shown that coefficients of variation clearly confirmed a moderate variation of traits in both trials. The phenotypic correlations among traits showed similar trend in the IR and D trials, except P_yield, LeafW. Strong correlations were observed between FT and FT50, PlantH and StemL, and Til_nb and Etil_nb. Among the investigated traits, P_yield was more correlated with Til_nb and Etil_nb, then with PanicleL. However, the correlation levels between P_yield and other traits (PanicleL, LeafW, PlantH, StemL) varied depending on the trials.
624	The effect of the propotion of soil and sandy and salinity level on the growth and yiel ò salicornia in Gia Lam-Ha Noi	Lê Thị Hà	TS. Trần Thị Thiêm	The thesis aimed to examine whether the growth and yield of Salicornia would be effected by the salinity levels and the proportion of soil and sandy and determine the most suitable salinity levels and medium on the growth and yield of Salicornia in Gia Lam-Hanoi. The result showed that the germination and survival of Sanicornia seed was the highest at the proportion of 100% soil. In addition, there was significant different in the growth and fresh/dry matter production among salinity levels and the proportion of soil and sandy, which led the sifnificant effect of the interaction of the medium and salinity levels on the above traits. The fresh and dry weight of Salicornia was highest at S4 (250 mM NaCl) and 100% soil (P1).
625	Ảnh hưởng của mật độ và lượng phân bón đến sinh trưởng và năng suất giống Hương thuần 8 vụ mùa 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Thúy	PGS.TS. Nguyễn Ích Tân - TS. Chu Anh Tiệp	Xác định các mức phân đạm (90; 120 và 150 kg/ha) và mật độ cây (25; 35 và 45 khóm/m ²) đến sinh trưởng và năng suất giống lúa Hương thuần 8 trong vụ m 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội
626	Ảnh hưởng của mật độ và lượng đạm bón đến sinh trưởng và năng suất diêm mạch đỏ vụ Thu Đông 2018 tại Thạch Thành, Thanh Hóa	Tống Thị Loan	PGS.TS. Nguyễn Ích Tân	Mục đích xác định mật độ, lượng đạm bón thích hợp cho diêm mạch đỏ vụ Thu Đông 2018 tại Thạch Thành, Thanh Hóa. Kết quả bước đầu thời vụ gieo trồng 20-10-2018, maati độ 250 000 cây/ha; lượng đạm bón 150kgN/ha, trên nền 60kgP ₂ O ₅ + 60kg K ₂ O là thích hợp và cho năng suất thực thu cao nhất 23,22 tạ/ha
627	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân hữu cơ vi sinh thay thế phân vô cơ bón đến một số loại rau vụ Hè Thu tại Thành phố Hưng yên, tỉnh Hưng Yên	Trần Trọng Chung	PGS.TS. Nguyễn Ích Tân - TS. Trần Thị Thiêm	Mục đích của đề tài đánh giá ảnh hưởng của lượng phân hữu cơ vi sinh thay thế lượng vô cơ bón đến ảnh hưởng và năng suất một số loại rau trồng vụ hè tại thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Kết quả thí nghiệm cho thấy: lượng phân hữu cơ Quế Lâm thay thế lượng phân vô cơ bón có ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý của cả 3 cây mồng tơi, rau muống, đậu đũa dẫn đến ảnh hưởng năng suất của 3 loại rau trên. Mức thay thế 50% phân vô cơ bón bằng phân hữu cơ vi sinh là thích hợp cho sự sinh trưởng và năng suất của cây rau muống, mồng tơi và đậu đũa.

628	Ảnh hưởng của mật độ và lượng đạm bón đến sinh trưởng và năng suất diêm mạch đỏ tại Gia Lâm, Hà Nội	Lê Thị Phương Thảo	PGS.TS. Nguyễn Ích Tân	Mục đích xác định mật độ và lượng đạm bón thích hợp đối với diêm mạch đỏ tại Gia Lâm, Hà Nội. Kết quả đã chỉ ra rằng khi gieo trồng ngày 19-11-2018, với mật độ trồng 250 000 cây/ha, lượng đạm bón 150kgN/ha, trên nền 90kg P2O5+90kgK2O cho năng suất cao nhất 16,87 tạ/ha
629	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số biện pháp kỹ thuật đến sự sinh trưởng, phát triển và năng suất của cây rau đắng đất (<i>Glinus oppositifolius</i> L.) tại Gia Lâm, Hà Nội	Lê Thị Quỳnh	TS. Nguyễn Mai Thơm	Xác định biện pháp kỹ thuật trồng (mật độ, phân bón, chế độ che sáng) rau đắng đất góp phần hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng rau đắng đất
630	Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật ghép cải tạo và liều lượng phân bón đạm đến sinh trưởng của cây ghép bưởi ngọt HVN53 tại Gia Lâm-Hà Nội	Lê Văn Quyền	TS. Nguyễn Mai Thơm	- Xác định được biện pháp ghép cải tạo và liều lượng phân bón Đạm đến sinh trưởng của cây bưởi ngọt cây bưởi ngọt HVN53 nhà góp phần xây dựng quy trình kỹ thuật phục vụ sản xuất
631	Nghiên cứu đặc điểm nông sinh học của một số mẫu giống và kỹ thuật tạo tán cây chề dây (<i>Ampelopsis cantoniensis</i>) tại Gia Lâm, Hà Nội	Trần Thị Anh	TS. Nguyễn Mai Thơm	Đánh giá đặc điểm hình thái, sinh trưởng, phát triển và năng suất một số mẫu Chè dây làm cơ sở tuyển chọn giống Chè dây tại Gia Lâm, Hà Nội. Đánh giá ảnh hưởng của thời vụ giâm cành, vị trí cành giâm, đường kính cành giâm, chất kích thích sinh trưởng đến khả năng sinh trưởng phát triển của Chè dây để góp phần xác định được biện pháp giâm cành phù hợp đối với cây Chè dây
632	Nghiên cứu ảnh hưởng của mật độ và lượng bón phân chậm tan đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của cây ngô	Ngô Đình Diệm	PGS.TS. Nguyễn Tất Cảnh	0
633	Study on the effect on organic fertilization on grow, yield and quality of quinoa plants in winter season 2018 in Moc Chau	An Hải Linh	PGS.TS. Nguyễn Tất Cảnh	0
634	So sánh một số tổ hợp lai ngô nếp tím đường triển vọng trong vụ Thu - Đông tại huyện Gia Lâm-Hà Nội	Phan Thị Lan Anh	PGS.TS. Nguyễn Thế Hùng ThS Phạm Quang Tuấn	So sánh tập đoàn 25 THL ngô nếp tím có triển vọng trong điều kiện vụ Xuân vùng Gia Lâm Hà Nội, Chọn được 3 THL ưu tú có phẩm chất tốt, hạt màu tím làm nguồn vật liệu chọn tạo giống ngô nếp tím mới.
635	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón hữu cơ đến sinh trưởng và phát triển của cây rau	Nguyễn Phương Hoa	PGS.TS. Nguyễn Thế Hùng	Đã bố trí thí nghiệm sử dụng 6 loại phân hữu cơ có nguồn gốc khác nhau cho 2 loại cây rau húng bạc hà và cà chua bi bằng phương pháp phun qua lá. Đã xác định và lựa chọn loại phân cá Drammatic và EA300 phù hợp cho 2 loại cây thí nghiệm.
636	Ảnh hưởng của các loại giá thể và độ chặt đến sinh trưởng phát triển của cây ngô và cây đậu tương trong giai đoạn bầu.	Lê Thị Linh	PGS.TS. Nguyễn Thế Hùng	Xác định ảnh hưởng của 3 loại bầu hữu cơ trồng cây được nén ở 5 mức nén khác nhau đến khả năng sống của cây ngô và cây đậu tương trong giai đoạn cây con. Đã lựa chọn được loại bầu và độ nén thích hợp để gieo 2 loại cây trong giai đoạn sống trong bầu.
637	Ảnh hưởng của loại giá thể và độ chặt đến sinh trưởng phát triển của cây hoa cúc và cây keo lai trong giai đoạn bầu	Nguyễn Thị Hà	PGS.TS. Nguyễn Thế Hùng	Xác định ảnh hưởng của 3 loại bầu hữu cơ trồng cây được nén ở 5 mức nén khác nhau đến khả năng sống của cây hoa Cúc và cây Keo lai trong giai đoạn ươm. Đã lựa chọn được loại bầu và độ nén thích hợp để ươm 2 loại cây thí nghiệm.

638	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân hữu cơ và phân vô cơ đến sinh trưởng và năng suất của một số loại rau tại huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam vụ hè thu 2018	Đoàn Thanh Nam	PGS.TS. Phạm Văn Cường	Bố trí các thí nghiệm đồng ruộng, mỗi thí nghiệm cho 1 đối tượng cây rau (cà chua, dưa chuột, cải bắp), thí nghiệm 1 yếu tố, theo kiểu RCB, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, mức độ nhiễm sâu bệnh hại và năng suất và chất lượng của cây rau trên các công thức phân bón (hữu cơ kết hợp với vô cơ) trong vụ Hè Thu tại Lý Nhân, Hà Nam nhằm lựa chọn công thức phù hợp nhất
639	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón đến sinh trưởng và năng suất của cây cam tại huyện Quỳnh Hợp Tỉnh Nghệ An	Trần Thị Hằng	PGS.TS. Phạm Văn Cường	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng trên vườn cam 5 năm tuổi, thí nghiệm 1 yếu tố, theo kiểu RCB, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, mức độ nhiễm sâu bệnh hại và năng suất và chất lượng của cây cam trên các công thức phân bón (hữu cơ kết hợp với vô cơ) trong 6 tháng cuối năm 2018 tại Quỳnh Hợp, Nghệ An nhằm lựa chọn công thức phù hợp nhất
640	Nghiên cứu ảnh hưởng của mật độ trồng đến hai giống diêm mạch triển vọng	Phạm Thị Liên	PGS.TS. Nguyễn Việt Long	Bố trí thí nghiệm theo Split Plot, với 3 lần nhắc lại trồng trên 2 giống diêm mạch Nghiên cứu xác định mức đạm N= 90kg/ha phù hợp cho 02 giống diêm mạch sinh trưởng. Nghiên cứu xác định tăng đạm làm tăng năng suất diêm mạch, hai giống Atlas và Moradas cho năng suất cao 2,5 - 2,8 tấn/ha là triển vọng để phát triển
641	Nghiên cứu ảnh hưởng của lượng đạm đến sinh trưởng và năng suất của diêm mạch vụ đông 2018 tại Gia Lâm Hà Nội.	Lò Thị Luyến	PGS.TS. Nguyễn Việt Long	Bố trí thí nghiệm theo Split Plot, với 3 lần nhắc lại trồng trên 2 giống diêm mạch Nghiên cứu xác định mức đạm N= 90kg/ha phù hợp cho 02 giống diêm mạch sinh trưởng. Nghiên cứu xác định tăng đạm làm tăng năng suất diêm mạch, hai giống 2 want và Atlas cho năng suất cao 2,6 - 2,8 tấn/ha là triển vọng để phát triển
642	Ảnh hưởng của lượng phân bón và phương pháp bón đến sinh trưởng và năng suất của giống lúa DCG72 tại Tỉnh Nghệ An	Nguyễn Văn Khiêm	PGS.TS. Tăng Thị Hạnh	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng, 2 yếu tố theo kiểu split-plot, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, phát triển, mức độ nhiễm sâu bệnh hại, năng suất của giống lúa DCG72 trên các công thức lượng phân bón và cách bón khác nhau trong vụ Hè thu tại huyện Hưng Nguyên và Nam Đàn, tỉnh Nghệ An nhằm lựa chọn mức bón và cách bón phù hợp nhất
643	Ảnh hưởng của mức phân bón và mật độ cấy đến sinh trưởng và năng suất giống lúa DCG72 vụ mùa 2018 tại Gia Lâm-Hà Nội.	Lê Văn Tuyền	PGS.TS. Tăng Thị Hạnh	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng, 2 yếu tố theo kiểu split-plot, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, phát triển, mức độ nhiễm sâu bệnh hại, năng suất của giống lúa DCG72 trên các công thức lượng phân bón và mật độ cấy khác nhau trong vụ mùa tại Học viện NNVN nhằm lựa chọn mức bón và mật độ cấy phù hợp nhất
644	Ảnh hưởng của các nồng độ mặn khác nhau đến sinh trưởng và năng suất của một số giống khoai sọ tại Gia Lâm-Hà Nội.	Lê Thị Nhung	ThS. Phan Thị Hồng Nhung PGS.TS. Tăng Thị Hạnh	Bố trí thí nghiệm trong chậu, theo kiểu RCD, theo dõi và đánh giá khả năng sinh trưởng và năng suất chất khô của một số giống khoai sọ trên các công thức xử lý mặn nhân tạo khác nhau nhằm lựa chọn giống có khả năng chịu
				Đánh giá các giai đoạn sinh trưởng, phát triển của ngô trong điều kiện ngập úng.

645	Ảnh hưởng của dư thừa độ ẩm đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng ngô nếp.	Hoàng Thị Khánh Huyền	TS. Nguyễn Văn Lộc	<p>Nghiên cứu đặc điểm hình thái, các chỉ tiêu sinh trưởng phát triển của các giống ngô nếp trong điều kiện dư thừa độ ẩm</p> <p>Đánh giá khả năng chịu ngập úng của các giống ngô nếp thông qua các chỉ tiêu sinh trưởng và phát triển của các giống ngô</p> <p>Đánh giá các yếu tố năng suất và chất lượng bắp của các giống ngô nếp trong điều kiện dư thừa độ ẩm.</p>
646	Nghiên cứu ảnh hưởng của dư thừa độ ẩm đến sinh trưởng phát triển của một số giống khoai lang trong vụ hè thu ở Gia Lâm-Hà Nội.	Vũ Thị Thoa	TS. Nguyễn Văn Lộc	<p>Đánh giá về khả năng sinh trưởng, phát triển của 4 giống khoai lang trong điều kiện ngập úng, khả năng tích lũy chất xanh chất khô thân lá, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất củ, tình hình sâu bệnh hại của khoai lang.</p>
647	Đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của một số dòng lúa thuần trong vụ mùa 2018 tại Văn Lâm Hưng Yên	Nguyễn Thị Thanh Huyền	TS. Nguyễn Văn Lộc	<p>Theo dõi, nghiên cứu đặc điểm nông sinh học của một số giống lúa thuần ngắn ngày chất lượng gồm: các tính trạng đặc trưng để đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của 16 giống khảo nghiệm và giống đối chứng thông qua bảng 1 gồm 65 tính trạng đặc trưng của giống lúa</p>
648	Khảo sát sinh trưởng, phát triển của cây Lan Huệ ở một số tổ hợp lai vụ Hè – Thu năm 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội	Trần Văn Trường	ThS. Nguyễn Hữu Cường	<p>Đánh giá sinh trưởng, phát triển của một số dòng Lan Huệ tạo được do lai hữu tính trong điều kiện vụ Hè thu năm 2018</p> <p>Tìm được một số dòng Lan Huệ có các đặc tính tốt cho bộ giống Lan Huệ của VN</p>
649	So sánh sinh trưởng, phát triển của một số dòng lan Huệ và ảnh hưởng của biện pháp hong củ đến khả năng ra hoa trái vụ hè thu năm 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Đỗ Thị Hằng	ThS. Nguyễn Hữu Cường	<p>Đánh giá sinh trưởng, phát triển của một số dòng Lan Huệ trong điều kiện vụ Hè thu năm 2018.</p> <p>Xác định được biện pháp và thời gian hong củ phù hợp với một số dòng Lan Huệ phục vụ mục đích có hoa trái vụ</p>
650	Đánh giá sinh trưởng, phát triển của tập đoàn Huệ Mưa vụ Hè – Thu năm 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội	Nguyễn Văn Sáng	ThS. Phạm Thị Huyền Trang - TS. Phùng Thị Thu Hà	<p>Mục đích: Đánh giá đặc điểm sinh trưởng, phát triển của từng giống Huệ mưa trong tập đoàn nghiên cứu.- và đặc điểm hình thái của từng giống Huệ mưa trong tập đoàn nghiên cứu.</p> <p>KQ chính: Kết quả đã đánh giá được đặc điểm sinh trưởng và phát triển của 22 giống Huệ mưa trong vụ hè thu 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội thông qua các chỉ tiêu sinh trưởng của thân, lá, chất lượng hoa. Khóa luận cũng đánh giá được đặc điểm hình thái lá, hoa, của 22 mẫu giống làm cơ sở cho việc phân biệt giống và trang trí cảnh quan.</p>
	Ảnh hưởng của nồng độ phun Ethrel đến đặc		ThS. Phạm Thị Huyền	<p>Tìm hiểu sự ảnh hưởng của liều lượng phun ethrel đến đặc điểm sinh trưởng và khả năng ra hoa của cây Lan Huệ lai, từ đó xác định được nồng độ phun ethrel phù hợp để thay đổi thời gian ra hoa của cây Lan Huệ lai.</p>

651	Ảnh hưởng của nồng độ phun Ethrel đến đặc điểm sinh trưởng và phát triển của một số dòng Lan Huệ lai vụ Thu – Đông năm 2018	Quản Thị Thùy Dương	TS. Phạm Thị Huyền Trang - TS. Phùng Thị Thu Hà	Khi phun Ethrel cho 2 dòng Lan Huệ lai ở các nồng độ 100ppm kích thích cây ra nhánh và ở nồng độ 200 ppm có tác động tăng kích thước đường kính củ, tuy nhiên tỷ lệ mắc sâu bệnh hại ở 2 công thức này là cao nhất. Nồng độ phun Ethrel 200ppm ở 2 dòng độ bền hoa và cụm hoa cũng được kéo dài hơn. Đặc biệt kích thích cây Lan Huệ phát triển chiều dài ngòong tối đa, tăng số hoa/ngòong.
652	Đánh giá đặc điểm nông sinh học và ảnh hưởng của biện pháp chế củ đến sự sinh trưởng của cây Bì ngạn vụ Hè - Thu năm 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Nguyễn Thị Lân	TS. Phùng Thị Thu Hà	Mục đích: Đánh giá đặc điểm thực vật học, đặc điểm sinh trưởng và phát triển của cây Bì ngạn. Đánh giá được ảnh hưởng của chế củ đến sự sinh trưởng của cây Bì ngạn KQ chính: Khóa luận đã cho thấy một số đặc điểm sinh trưởng của 3 giống Bì ngạn từ đó làm căn cứ để xác định khả năng thích ứng của giống tại Gia Lâm – Hà Nội. Khóa luận cũng đánh giá ảnh hưởng của biện pháp nhân giống vô tính bằng chế củ đến sự sinh trưởng của cây Bì ngạn hoa đỏ và tình hình sâu bệnh hại chính trên cây Bì ngạn.
653	Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển và năng suất của một số giống khoai tây nhập nội từ Hàn Quốc vụ Đông tại Vụ Bản – Nam Định	Nguyễn Lê Quang	TS. Phùng Thị Thu Hà - TS. Nguyễn Xuân Trường (viện sinh học nông nghiệp - HVNNTN)	Mục đích: Đánh giá khả năng sinh trưởng và năng suất của một số giống khoai tây nhập nội từ Hàn Quốc vụ Đông tại Vụ Bản – Nam Định KQ chính: Kết quả đã đánh giá được thời gian sinh trưởng và đặc điểm sinh trưởng, năng suất, tình hình sâu bệnh hại của 25 giống khoai tây nhập nội và 2 giống đối chứng trong vụ đông tại Vụ Bản – Nam Định. Từ đó chọn lựa được các dòng nhập nội triển vọng cho công tác phát triển nguồn giống tiếp theo Khóa luận cũng đánh giá được một số đặc điểm hình thái của các giống khoai tây làm căn cứ để phân biệt giống.
654	Ảnh hưởng của chất phụ gia phân bón lá đến khả năng sinh trưởng, phát triển của Lan Vũ nữ vụ Thu – Đông năm 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Phạm Thị Thanh Nhân	TS. Nguyễn Thị Hòa	Nghiên cứu ảnh hưởng của hạn đối với sinh trưởng và phát triển của cây Lan vũ nữ. Kết quả bước đầu cho thấy Lan vũ nữ nhạy cảm với hạn, thể hiện rõ nhất qua khác biệt về diện tích lá và kích thước giả hành giữa các nghiệm thức.
655	Effects of plant density on agronomic traits of soybean varieties in the summer season 2018	Vũ Thị Diễm	PGS.TS. Vũ Đình Hòa	Objectives: - Evaluate morphological traits of some soybean varieties; Evaluate effects of 5 plant densities on phenological traits, agronomical traits, yield and yield component traits of soybean varieties. Results: The soybean varieties had short and medium growth duration, ranging from 79 -98 days; The plant densities had significant effects on vegetative growth and yield related traits of 3 soybean varieties; 3 Soybean varieties had the individual yields ranging from 16.2– 18.7 g/plant; Yield of soybean varieties ranged from 2.0-3.3 tons/ha. The yield of LSB10-12-2 was superior to the other varieties with 3.3 tons/ha at the densities of 45 plants/m ² ; Among five densities, at the density of 45 plants/m ² gave the higher yield and better plant growth and development.

656	Evaluation and selection of the sweet maize inbred lines for hybrid breeding with high yield and quality	Đinh Thị Núi	GS. Vũ Văn Liết	#N/A
657	Evaluation of agrocharacteristics of rice accessions generation F6 in autumn 2018 in Gia Lam Ha Noi	Tamela Jeremias Clemente .	PGS.TS. Vũ Thị Thu Hiền	<p>Kết quả:• Tình hình sản xuất và tiêu thụ mã đề tại thôn Nghĩa Trai là khá tốt và ổn định. Ruộng trồng tập chung, người dân có kinh nghiệm và thuật trồng cây thuốc.</p> <p>• Trong quá trình nghiên cứu tôi nhận thấy rằng về sinh trưởng sinh dưỡng giống mã đề ở các tỉnh Lào Cai, Tuyên Quang, Phú Thọ là phát triển nhanh và tốt nhất về các chỉ tiêu sinh trưởng lá. Các giống còn lại phát triển ở mức trung bình. nhưng nhìn chung tất cả các giống đã thích nghi và phát triển được tại ruộng thí nghiệm. Về sinh trưởng sinh thực, các giống ở Phú Thọ, Lào Cai, Tuyên Quang luôn sự phát triển nhanh và đồng đều về chỉ tiêu bông và năng suất, các giống còn lại phát triển bông ở mức trung bình.</p>
658	Plan density effects on growth, yield and yield components of soybean varieties in the summer season 2018	Bùi Phương Anh	TS. Vũ Thị Thúy Hằng	<p>Objectives: Evaluating effects of various plant densities on agronomic traits including yield and yield component traits of soybean varieties to determine optimum density in summer season 2018. Results: Plant densities had influence on growth and development characteristics, yield related traits and yields of 3 lines HSB0058-D4, LSB10-12-2, HSB0059-D2; The lines had medium growth duration ranging from 86 -101 days; Lines had the individual yields ranging from 15.7– 20.2 g/plant; The yields ranged from 2.09 – 3.40 tons/ha; The plant individual yields and the yields at density of 40 plants/m2 were superior to the other densities.</p>
	Evaluation of F3 generation of some mutants in			<p>* Objective: This study is conducted to evaluate the expression of targeted genes on the F3 populations and to isolate the elite lines for the next breeding steps.</p> <p>* Results: Generally, the individuals in each line as well as lines among the third filial population show the diversity in phenotypes.</p> <p>1. Individuals in the population have time from sowing to ripening fruit day vary from early ripening to late ripening, ranging from 84 to 117 days. Most plants have maturity is about 90-100 days because the weather is cold and less sunny. Line I50 is the shortest-ripening day, the next is line I116, I118, I123. Line I47 is the latest.</p> <p>2. The method emasculating combine with cutting the tip of stigma shown good result. In this experiment can find the individuals which have high parthenocarpic fruit set close 70% similar to original mother line such as plant I123-3 (72%), I123-18 (68.2%).</p>

659	Evaluation of F3 generation of some mutants in tomatoes at Gialam Hanoi	Trần Thị Diệu Thùy	ThS. Trần Thiện Long	<p>3. The morphological measurement indicated the strong segregation in many important breeding traits such as plant height, number of leaf per plant, leaf color and shape, fruit size and shape, etc.</p> <p>4. The natural fruit set in the F3 population is relatively high, most of all is higher than 80%. The parthenocarpic fruit set is different among lines. Especially, many individuals had been recorded the high parthenocarpic fruit set of over 60% (belong I123, I144, and I129 lines). These plants are very potential for creating the next filial to conduct more deeply experiments.</p> <p>5. Most of experimental lines create small fruit category, the pericarp thickness and total soluble solid (brix) need to be improved in the future selection phases.</p> <p>6. Based on statistical data, we selected some potential individuals for next studies, including I129-19, I 129-18, I123-18, I123-15, I123-7, I123-5, I123-3, I114-12, I114-7, I114-4, I114-3.</p>
660	Effect of parent's row ratio on production of three hybrid rice seed MV2 in summer 2018 at GiaLam Hanoi	Nget Vet .	TS. Lê Thị Tuyết Châm	<p>Aims: To determine the some general technicals includes: time for sowing parental lines, parental line ratio, and spraying dosage of GA3 to establish F1 hybrid rice production of three line hybrid rice combination MV2 in summer 2018 at Gia lam, Ha Noi. Results: 1. In the germination stage, all parental line varieties in the two season had a good growing, plant height when transplanting was ranging from 33.8 to 35.5 for TV1 and ranging from 28.9 to 32.5 for TV2.</p> <p>2. All parental lines in the hybrid rice production of both season had a growing duration from 118days to 130 days, the number of leaves on the main stem of the lines were ranging from 5.4 to 5.7 leaves/plant. The last plant height of plants were ranging from 118.5 to 158.4 cm for the TV1 and ranging from 111.7 to 144.3cm for the TV2.</p> <p>3. Parental lines had a compact branching, hard short plants, and medium panicle type, green or darker green leaves. A line had narrow leaf, R line has broad leaf, yellow brown lemma and white tip lemma, more than this, R had a longer seed type than A line. When observed pollens under the microscope was showed that lines 14A had more pollen, round, aborted pollen and partly staining when staining with KI-1%. This is male sterility of type D due to mutation.</p> <p>4. Most of R lines didn't have the disease, and A had a slightly stem borers (0-3 point). In the summer 2018, all lines had a sheath blight disease on score (0-3).</p> <p>5. In TV1 individual yield of 2:12, 2:14 and 2:16 was 11.3, 12.1, & 8.8</p>

				<p>gram/culm, respectively, while for TV2 individual yield of 2:12, 2:14 & 2:16 was 9.2, 9.0, 7.6 gram/culm. And Actual yield: hybrid seeds of combinations with low productivity from 23.1 t/ha to 26.8 t/ha for the TV2, but higher yield from 27.5 to 36.9 t/ha for TV1. Rate 2:14 in the TV1 got the highest actual yield.</p> <p>6. When hybrid F1 production, have to manage a suitable season seed sow, sow R1 first, sow R2 after R1 5 day, sow A line after R1 6day. Application of GA3 had significant influence on various traits of hybrid rice. Before spraying GA3 the plant height of all lines were just ranging from 87cm to 117.1 cm for TV1 and TV2 from 88.2cm to 117cm. But after spraying, the plant height was higher from 118.5 cm to 158.5cm for TV1 and TV2 from 111.4cm to 147.3cm. And internode 1 2, 3 of R2 in TV2, TV1 was the highest length and all the internode of A line had the similar length.</p>
661	Avanluation of agricultural characters of sticky maize lines in Gia Lam Ha Noi	Nguyễn Hồng Dương	PGS.TS. Nguyễn Văn Cường	#N/A
662	Đánh giá khả năng kết hợp của các dòng tự phối ngô lá đứng phục vụ tạo giống ngô lai trồng mật độ cao	Trần Thị Hằng	GS. Vũ Văn Liết	#N/A
663	Đánh giá sinh trưởng, phát triển của một số giống ổi ở vụ mùa 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Bùi Thị Thủy	PGS.TS. Vũ Thị Thu Hiền	<p>Mục đích: Đánh giá 6 giống ổi thí nghiệm để từ đó chọn lọc ra những giống tốt nhất, phù hợp nhất với điều kiện tại miền Bắc. Xác định khả năng sinh trưởng và phát triển của các giống 1 năm tuổi, từ đó chọn lọc những dòng có tiềm năng năng suất để đánh giá tiếp và làm vật liệu chọn tạo giống ổi. Kết quả: Qua nghiên cứu tôi nhận thấy các giống ổi đều thích nghi và phát triển được trên ruộng thí nghiệm. Tuy nhiên các giống ổi Ruột Đỏ, Đài Loan, Đồng Dư là có xu hướng thích nghi và phát triển tốt hơn. Các giống ổi Không Hạt và Nữ Hoàng phát triển trung bình. Giống ổi tím là sinh trưởng kém nhất, khả năng chống chịu cũng như các chỉ tiêu đều thấp (điển hình mưa bão ở tuần 10 làm chết 2 cây ổi tím).</p> <p>Các giống ổi có sự sai khác rõ rệt giữa thời gian sinh trưởng cũng như đặc điểm sinh trưởng và phát triển giữa các giống.</p> <p>Các giống ổi Đài Loan, Nữ Hoàng phát triển đều đặn theo các tuần. Tạo lên sự đồng nhất, phù hợp cho công tác lai tạo giống.</p>
664	So sánh sinh trưởng phát triển của một số dòng lúa trong vụ mùa 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Đỗ Thị Hải	PGS.TS. Vũ Thị Thu Hiền	Mục đích: Tiến hành so sánh, đánh giá các đặc trưng, đặc tính về sinh trưởng, phát triển, năng suất, khả năng chống chịu bệnh các điều kiện bất thuận một số giống lúa trong vụ mùa năm 2018 nhằm chọn ra những giống tiêu biểu có
665	Đánh giá các tổ hợp lai cà chua nhóm sinh trưởng vô hạn vụ thu đông 2018	Hà Thị Trang	PGS.TS. Nguyễn Hồng Minh	#N/A

666	Khảo sát các tổ hợp lai cà chua mới vụ thu đông năm 2018	Hoàng Thị Thủy	PGS.TS. Nguyễn Hồng Minh	<p>* Mục tiêu: Đánh giá đặc điểm nông sinh học của các tổ hợp lai cà chua mới vụ thu đông và tuyển chọn ra được các tổ hợp lai cà chua triển vọng sinh trưởng tốt, có năng suất tốt ở vụ thu đông năm 2018</p> <p>* Kết quả:</p> <p>1. Ở vụ Thu Đông năm 2018 các THL cà chua thí nghiệm có thời gian từ trồng đến quả chín thuộc nhóm trung bình và dài ngày dao động trong khoảng 75 – 88 ngày, số đốt từ gốc đến chùy hoa thứ nhất dao động trong khoảng 8,3 – 13,0 đốt, chiều cao từ gốc đến chùy hoa thứ nhất dao động trong khoảng 35,0 – 54,8 cm, chiều cao cuối cùng dao động trong khoảng 98,7 – 206,7 cm.</p> <p>2. Trong vụ Thu Đông năm 2018, các THL nghiên cứu có tỷ lệ đậu quả dao động trong khoảng 65,2 – 86,0%. Nhiều THL có tỷ lệ đậu quả cao từ 80% trở lên như: G6, L4, Y4, G4, M8, K8, G8, I12, CK77.</p> <p>3. Đa số các THL thí nghiệm đạt năng suất cao ở vụ Thu Đông 2018. Đã thu được 25 THL chua có năng suất cả thể cao hơn đối chứng. Có 10 THL có năng suất cả thể đạt mức cao từ 3500g/cây, trong đó các THL có năng suất cao nổi trội như: Q6 (4470,2g), G4 (4764,0g), E8 (3980,5g), L8 (3872,6g), H16 (3939,2g).</p> <p>4. Các THL có chất lượng quả cao được thể hiện ở màu sắc quả khi chín, độ Brix, khẩu vị, hương vị đáp ứng chất lượng tiêu dùng: G4, Q6, E8, H16, L8, B6, A4, L4, CL4, H8.</p> <p>5. Kết quả đánh giá tập hợp các chỉ tiêu đã chọn lọc ra được một số tổ hợp lai cà chua nhóm vô hạn triển vọng vụ Thu Đông năm 2018: Q6, H16, E8, L8, B6, H8, G4, L4, CL4, A4.</p>
				<p>* Mục tiêu: Đánh giá đặc điểm nông sinh học, chất lượng của các tổ hợp lai cà chua triển vọng và tuyển chọn ra các tổ hợp lai cà chua thích hợp trồng ở vụ Thu Đông.</p> <p>* Kết quả:</p> <p>1. Ở vụ Thu Đông các tổ hợp lai cà chua thí nghiệm có thời gian từ trồng đến quả chín dao động trong khoảng (72 - 85 ngày). Như vậy, các tổ hợp lai nghiên cứu thuộc nhóm trung bình, trung bình - dài ngày. Chiều cao cuối cùng dao động trong khoảng (113,57 – 148,83 cm), số lá cuối cùng dao động trong khoảng (18,61 – 23,72 lá).</p> <p>2. Ở vụ Thu Đông cây cà chua ra hoa đậu quả vào thời gian có điều kiện tự nhiên phù hợp nên tỷ lệ đậu quả của các THL đều cao, dao động trong khoảng 70,10 – 82,10%.</p>

667	So sánh các tổ hợp lai cà chua có triển vọng ở vụ thu đông 2018	Điền Khánh Huyền	PGS.TS. Nguyễn Hồng Minh	<p>3. Năng suất cá thể của các tổ hợp lai đạt mức cao. Đặc biệt có tổ hợp lai A5 đạt năng suất 3906,72 g/cây, sau đó là E5 (3819,22g/cây) và L5 (3827,44 g/cây), H17 (3731,60g), L41 (4179,06 g/cây); năng suất của nhóm tổ hợp lai là A5 (85,95 tấn/ha), E5 (84,02 tấn/ha), L5 (84,20 tấn/ha), H17 (82,10 tấn/ha), L41(91,94 tấn/ha), L18 (82,78 tấn/ha), L18 (3762,78g).</p> <p>4. Một số tổ hợp lai có chất lượng tốt, chín đỏ, độ brix, khẩu vị, hương vị tốt như : H17, L18. Các tổ hợp lai thí nghiệm có dạng quả tròn và hơi thuôn dài, màu chín đỏ đẹp, phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.</p> <p>5. Hầu hết các tổ hợp lai có hương vị đặc trưng, thịt quả chắc mịn, độ ướt thịt quả khô nhẹ, rất phù hợp với thị hiếu cũng như khẩu vị của người tiêu dùng. Độ brix của các tổ hợp lai dao động trong khoảng 2,83 – 3,58.</p> <p>6. Qua kết quả đánh giá tập hợp các chỉ tiêu, chúng tôi chọn lọc được 5 tổ hợp lai có triển vọng là: A5, E5, L5, L41, H17, L18.</p>
668	Khảo sát một số dòng, giống đậu xanh vụ hè 2018 tại Gia Lâm -Hà Nội	Nguyễn Thị Linh	TS. Lê Thị Tuyết Châm	<p>Mục đích: Đánh giá ảnh hưởng của mặn đến khả năng sinh trưởng, sinh lý và năng suất của ba dòng, giống đậu tương Đ8, D140 và TĐ18 từ đó góp phần làm cơ sở khoa học cho việc đánh giá khả năng chịu mặn của đậu tương. Kết quả đạt được: Nồng độ muối 100 mM NaCl ảnh hưởng đáng kể đến sự sinh trưởng, phát triển và năng suất của ba dòng, giống đậu tương thí nghiệm.</p> <p>Các chỉ tiêu sinh trưởng như chiều cao cây, đường kính thân, tốc độ ra lá, diện tích lá, chiều dài rễ, khả năng tích lũy chất tươi, chất khô và khả năng hình thành nốt sần của ba dòng, giống đậu tương Đ8, D140 và TĐ18 giảm đáng kể trong điều kiện mặn so với công thức đối chứng.</p> <p>Điều kiện mặn còn ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu sinh lý như làm giảm chỉ số SPAD và chỉ số hiệu suất huỳnh quang diệp lục, đồng thời làm tăng độ thiếu hụt bão hòa nước và mức độ rò rỉ ion so với công thức đối chứng.</p> <p>Nồng độ gây mặn 100mM NaCl còn ảnh hưởng đến năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của ba dòng, giống đậu tương Đ8, D140 và TĐ18: khả năng ra hoa, khả năng tạo quả, tỉ lệ đậu quả, tỉ lệ quả 3 hạt, khối lượng 100 hạt và năng suất cá thể đều có xu hướng giảm so với công thức đối chứng.</p>

				So sánh ba dòng, giống đậu tương tham gia thí nghiệm có thể thấy: Trong điều kiện gây mặn nồng độ 100 mM NaCl, Đ8 là giống mẫn cảm nhất, biểu hiện ở các chỉ tiêu sinh trưởng và chỉ số SPAD, chỉ số hiệu suất huỳnh quang diệp lục thấp, đồng thời độ thiếu hụt bão hòa nước, độ rò rỉ ion, mức độ cháy lá và số cây xử lý mặn chết cao hơn so với hai giống đậu tương còn lại. Tương tự, giống D140 là giống chịu mặn tốt hơn so với giống đậu tương Đ8 và dòng TĐ18 ở cùng nồng độ 100 mM NaCl.
669	So sánh một số tổ hợp ngô lai sinh khối	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	TS. Ngô Thị Hồng Tươi	1. Mục đích
	triển vọng tại Đan Phượng Hà Nội		Nguyễn Văn Trường	Lựa chọn những tổ hợp lai ưu tú có năng suất sinh khối và chất lượng cao phục vụ công tác chọn tạo giống ngô làm thức ăn xanh.
				2. Yêu cầu
				- Đánh giá được các đặc điểm sinh trưởng, phát triển và khả năng chống chịu của các tổ hợp ngô lai.
				- Đánh giá được các chỉ tiêu sinh khối và năng suất sinh khối của các tổ hợp ngô lai sử dụng trong nghiên cứu để lựa chọn các tổ hợp lai ưu tú có sinh khối lớn.
				- Đánh giá các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất hạt của các tổ hợp lai nhằm lựa chọn được các giống vừa có sinh khối lớn vừa có năng suất hạt cao sử dụng cho cả 2 mục đích làm thức ăn xanh và lấy hạt.
				3. Kết quả
				- Xác định được 4 THL cho năng suất hạt khô cao, cao hơn hẳn đối chứng LCH9 (75,1 tạ/ha), tương đương với đối chứng NK7328 (82,6 tạ/ha) là VN172 (89,0 tạ/ha), HG17-1 (83,8 tạ/ha), CN18-7 (83,5 tạ/ha), ĐH17-5 (83,4 tạ/ha). Các THL này có trạng thái bắp tốt, hạt sâu cây và màu sắc đẹp, có thể được sử dụng cho cả 2 mục đích là lấy sinh khối và lấy hạt.
	So sánh một số tổ hợp lai ngô tẻ có triển	Nguyễn Tiến Trường	TS. Ngô Thị Hồng Tươi	1. Mục đích
	vọng trong vụ thu đông năm 2018 tại Hà Nội		Nguyễn Tiến Trường	- Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, khả năng chống chịu và năng suất của một số tổ hợp lai ngô tẻ có triển vọng.
				- Lựa chọn được 1-2 tổ hợp lai ngô tẻ có năng suất cao, chống chịu tốt.
				2. Yêu cầu
				- So sánh, đánh giá một số đặc tính sinh trưởng, phát triển và năng suất của một số tổ hợp lai ngô tẻ.

670		Vũ Thị Hương Thảo		- Đánh giá khả năng chống chịu của các tổ hợp lai.
				- Chọn ra những tổ hợp lai có triển vọng tốt.
				3. kết quả
				- Kết quả nghiên cứu năng suất cho thấy: THL MRI-2 và MRI-7 có đặc điểm hình thái hấp đẹp, yếu tố cấu thành năng suất và tiềm năng năng suất cao. THL MRI-2 có năng suất lý thuyết (NSLT) là 97,10 tạ/ha, năng suất thực thu (NSTT) là 86,13 tạ/ha và THL MRI-7 có NSLT là 91,61 tạ/ha, NSTT là 84,29 tạ/ha.
				Như vậy, bước đầu kết luận được 2 THL triển vọng là MRI-2 và MRI-7.
				- Hiệu quả kinh tế của các THL đạt được cho thấy: Có 2 THL MRI-2 và MRI-7 có tiềm năng năng suất cao tương ứng hiệu quả kinh tế cao.
671	Nghiên cứu, xác định liều lượng phân	Tạ Thị Hằng	PGS.TS. Nguyễn Văn Cương	#N/A
	bón và mật độ thích hợp trong sản xuất ngô sinh khối LVN26 tại đồng bằng sông Hồng		Đào Ngọc Ánh	
672	Đánh giá ảnh hưởng của thời vụ trồng	Vũ Thị Thúy Thường	TS. Phạm Thị Ngọc	1.2.1.Mục đích
	đến khả năng sinh trưởng phát triển và năng suất của 3 dòng đậu cove mới chọn tạo			Nắm được đặc điểm hình thái và đặc tính nông sinh học của các dòng đậu cô ve mới chọn tạo.
				Đưa ra được thời vụ thích hợp nhất cho sự sinh trưởng phát triển của các dòng đậu cô ve mới chọn tạo
				1.2.2.Yêu cầu
				Theo dõi khả năng sinh trưởng, phát triển của các dòng đậu cô ve thân leo mới chọn tạo, mức độ nhiễm sâu bệnh hại, các yếu tố cấu thành năng suất của các dòng cô ve ở các thời vụ trồng khác nhau.
				Kết quả nghiên cứu:
				1.Thời gian sinh trưởng của mẫu giống đậu cô ve từ khi gieo đến khi cây này mầm từ 6-7 ngày, ra hoa sau 30 ngày, đậu quả đầu tiên sau 35 ngày, thu quả tươi đầu tiên sau 47 ngày và thu quả chín sinh lý sau 72 ngày. Tất cả các dòng đều có thời gian thu hoạch ngắn, đặc biệt là các dòng BH2. Thời vụ 1 có thời gian sinh trưởng dài hơn thời vụ 2 và thời vụ 3.
				2. Chiều cao cây và số lá của các dòng đậu cô ve tăng dần trong suốt quá trình sinh trưởng, tăng nhanh nhất trong giai đoạn cây 36-50 ngày tuổi và giảm dần ở giai đoạn sau. Trồng ở thời vụ 1 có chiều cao cây lớn nhất. Các giống có chiều cao cây triển vọng là BH2, BH3. Trồng ở thời vụ càng muộn thì chiều cao cây càng thấp.

				<p>3. khi gieo trồng ở cả 3 thời vụ thì thời vụ 2 là thời vụ trồng tốt nhất cho sự sinh trưởng phát triển và tạo năng suất của các dòng.</p> <p>Một số chỉ tiêu về năng suất ở thời vụ 2 vượt trội hơn so với 2 thời vụ còn lại như số hoa/chùm là 9,25 hoa, số quả/chùm là 6,87 quả, tỉ lệ đậu quả là 74% và năng suất cả thể quả tươi là 283,63 g/cây.</p> <p>4. Trong suốt quá trình sinh trưởng đậu cô ve luôn bị các loại sâu hại tấn công bao gồm: sâu đục thân, sâu đục quả, nên cần phải có các biện pháp phòng trừ kịp thời để không ảnh hưởng đến năng suất của các giống.</p> <p>5. Qua toàn bộ quá trình theo dõi thí nghiệm chúng tôi đã rút ra dòng có khả năng sinh trưởng khỏe, năng suất cao, mẫu mã quả đẹp, nhiễm sâu bệnh ít, thích ứng tốt là dòng BH2. Thời vụ trồng thích hợp để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất là thời vụ 2 gieo 30/9/2018.</p>
673	Đánh giá một số tổ hợp lai ngô nếp vụ thu đông 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Vũ Thị Huyền	PGS.TS. Nguyễn Văn Cương	#N/A
674	Đánh giá đặc điểm sinh trưởng, phát triển một số dòng ý dĩ (<i>Coix lachryma - Jobi L.</i>) tại Thanh Trì Hà Nội	Hoàng Thị Dung Nhi	PGS.TS. Nguyễn Văn Cương Nguyễn Văn Khiêm	#N/A
675	So sánh sinh trưởng, phát triển và năng suất các dòng đậu tương trong vụ thu đông năm 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Nguyễn Thị Lương	TS. Nguyễn Thanh Tuấn	Đánh giá được đặc điểm nông sinh học, khả năng sinh trưởng phát triển, khả năng chống chịu sâu bệnh và năng suất một số dòng, giống đậu tương triển vọng nhằm góp phần làm đa dạng bộ giống đậu tương ở nước ta, đồng thời
676	Đánh giá sinh trưởng và năng suất của một số dòng, giống đậu tương trong vụ thu đông 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Lê Thị Hằng	TS. Nguyễn Thanh Tuấn	Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, đặc điểm nông sinh học, khả năng chống chịu sâu bệnh và năng suất của các dòng đậu tương thế hệ F6 nhằm xác định được một số dòng đậu tương mới lai tạo có năng suất và chất lượng cao để đưa ra sản xuất. Kết quả đánh giá đã xác định được ba dòng có năng suất thực thu cao vượt trội so với giống đối chứng là T19 đạt (26,3 tạ/ha), T35 đạt (23,7 tạ/ha), T5 đạt (27,3 tạ/ha)
677	So sánh một số dòng, giống lúa thuần triển vọng trong vụ mùa 2018 tại Gia Lâm HN	Bùi Thị Minh Thư	PGS.TS. Trần Văn Quang	Đã đánh giá được thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng, đặc điểm nông sinh học, đặc điểm hình thái, mức độ nhiễm sâu bệnh, năng suất, chất lượng của các dòng, giống lúa thuần. Thông qua đánh giá đã chọn được 04 dòng lúa thuần có triển vọng để gửi khảo nghiệm và phát triển sản xuất: DH12, 11SS, 18SS, 22SS
678	So sánh sinh trưởng và năng suất các dòng giống đậu xanh trong vụ hè năm 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Lê Ngọc Lan	TS. Nguyễn Thanh Tuấn	Xác định được 1-2 dòng đậu xanh có khả năng sinh trưởng phát triển tốt và năng suất cao phục vụ cho sản xuất thực tiễn và chương trình chọn tạo giống phù hợp với các vùng sinh thái của Việt Nam. Đã xác định được 2 dòng có khả năng sinh trưởng phát triển tốt cho năng suất cao là D2 và D7 với năng suất thực thu đạt 14,2 và 15,2 tạ/ha.

679	Nghiên cứu ảnh hưởng của mật độ trồng lượng phân bón đến sinh trưởng và năng suất dòng đậu xanh mới chọn tạo trong vụ hè năm 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Cù Thị Nguyệt Hà	TS. Nguyễn Thanh Tuấn	Nghiên cứu đề tài nhằm xác định giống đậu tương sinh trưởng phát triển tốt, cho năng suất cao và mật độ trồng thích hợp cho các dòng đậu tương mới chọn tạo trong vụ Thu Đông năm 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội. Qua số liệu thu được đã xác định trồng đậu tương ở mật độ M2 (35 cây/m ²) cho NSCT đạt cao nhất, dòng G2 cho NSCT lớn nhất – 12,81 g/cây.
680	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất hạt lai F1 tổ hợp lúa lai hai dòng HQ21 trong vụ mùa 2018	Nguyễn Như Duy	PGS.TS. Trần Văn Quang	Đã đánh giá được thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng, đặc điểm nông sinh học, đặc điểm hình thái, đặc điểm tính dục, mức độ nhiễm sâu bệnh; ảnh hưởng của tỷ lệ hàng bố: mẹ, liều lượng GA3 đến năng suất của ruộng sản xuất thử giống lúa lai hai dòng HQ21. Thông qua đánh giá đã sơ bộ giới thiệu qui trình sản xuất F1: gieo dòng bố sau dòng mẹ từ 2-3 ngày, dòng bố gieo làm 3 đợt cách nhau 5-7 ngày, cây tỷ lệ hàng bố: mẹ là 2:4, phun GA3 với lượng 140 gam/ha
681	Khảo sát một số tổ hợp lúa lai hai dòng mới trong vụ mùa 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Vũ Thị Minh Tâm	PGS.TS. Trần Văn Quang	Đã đánh giá được thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng, đặc điểm nông sinh học, đặc điểm hình thái, mức độ nhiễm sâu bệnh, năng suất, chất lượng của các tổ hợp lúa lai hai dòng mới. Thông qua đánh giá đã chọn được 05 tổ hợp
682	Nghiên cứu kỹ thuật vi ghép cây chanh leo	Nguyễn Thị Thanh Thanh Toán	TS. Phạm Thị Ngọc	1.Mục đích
	Nghiên cứu kỹ thuật vi ghép cây chanh leo nhằm tạo ra cây chanh leo in vitro sạch bệnh			
	2.Yêu cầu			
	ũThu thập, đánh giá các đặc điểm sinh trưởng và phát triển của các giống chanh leo địa phương và nhập nội			
	ũNghiên cứu phương pháp khử trùng vào mẫu hạt và chồi			
	ũNghiên cứu ảnh hưởng của môi trường và giá thể tới sự nảy mầm của hạt chanh leo in vitro và trong nhà lưới.			
	ũNghiên cứu ảnh hưởng của môi trường tới sự ra chồi của các đoạn cành			
	ũNghiên cứu phương pháp vi ghép invitro			
	ũNghiên cứu ảnh hưởng của môi trường tới tỷ lệ sống của cây vi ghép sau ghép.			
	Kết quả nghiên cứu:			
	1.Giống Đài Nông 1 cho thấy khả năng sinh trưởng phát triển tốt nhất, phù hợp với điều kiện tại Gia Lâm, Hà Nội so với giống DDN2 và TW. Sau 56 ngày trồng, cây đạt chiều cao 99,5cm, đường kính thân 2,3cm, số chồi 44,6 chồi, 40 lá, chiều dài lá 11,2cm, chiều rộng lá 5,6cm.			
	2.Khử trùng bằng dung dịch HgCl ₂ 5% trong 2-3 phút là dung dịch khử trùng hạt tốt nhất, vì nó cho tỉ lệ nhiễm thấp 34,07%.			
3.Phá ngủ hạt bằng CT7-ngâm trong axit (98%) trong 10 phút cho kết quả tỉ lệ nhiễm thấp nhất là 16,67% so với công thức đối chứng CT1-không xử lý với tỉ lệ nhiễm 65,55%.				

			<p>4. Khử trùng bằng dung dịch HgCl₂ 5% trong 2-3 phút là dung dịch khử trùng cành giâm tốt nhất, vì nó cho tỉ lệ nhiễm thấp 33,75% và tỉ lệ bật chồi sau 2 tuần là 36%.</p> <p>5. Môi trường thích hợp để cành giâm bật mầm cao nhất 53,89% là: -CT9 khi bổ sung 1,5mg/l BAP và 0,5mg/l IBA -CT11 khi bổ sung 1,5mg/l 2ip và 0,5mg/l IBA.</p> <p>6. Giá thể ươm hạt 100% cát vàng sẽ cho tỉ lệ hạt nảy mầm cao hơn so giá thể (Đất:trấu:xo dừa)=5:3:2. Với tỉ lệ này mầm 55,66% và thời gian hạt bắt đầu nảy mầm là 9 ngày.</p>
683	Đánh giá đặc điểm sinh trưởng, phát triển và năng suất của một số mẫu giống nếp cẩm vụ mùa 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Phạm Văn Thiệp	<p>TS. Ngô Thị Hồng Tươi</p> <p>1. Mục đích Đánh giá được các chỉ tiêu về hình thái, đặc điểm nông sinh học của một số mẫu giống lúa nếp cẩm. Đánh giá tiềm năng năng suất và mức độ nhiễm sâu bệnh hại của một số mẫu giống nếp cẩm thí nghiệm.</p> <p>2. Yêu cầu - Theo dõi thời gian các giai đoạn sinh trưởng của các mẫu giống nếp cẩm vụ mùa 2018. - Theo dõi đặc điểm nông sinh học của các mẫu giống nếp cẩm vụ mùa 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội. - Theo dõi đặc điểm hình thái, tình hình sâu bệnh, năng suất và chất lượng của các mẫu giống lúa nếp cẩm vụ mùa 2018.</p> <p>3. Kết quả: - Các mẫu giống lúa nếp cẩm tham gia thí nghiệm ở vụ Mùa 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội có thời gian sinh trưởng dao động trong khoảng 123 – 136 ngày, số nhánh hữu hiệu ở khoảng 2,6 - 4,9 nhánh, chiều cao cây từ 132,6 – 158,2 cm. - Khối lượng 1000 hạt của các mẫu giống dao động từ 22,3-38,5 (g), năng suất cá thể từ 12,1 – 22,0 (g), năng suất lý thuyết từ 40,0 – 72,5 (tạ/ha). - Trong vụ Mùa năm 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội các mẫu giống lúa nếp cẩm tham gia thí nghiệm đều mắc phải sâu đục thân từ nhẹ đến trung bình, khiến năng suất của các mẫu giảm. - Kết quả chọn được 7 mẫu giống có năng suất khá là N3, N10, N18, N26, N28, N32, N33.</p> <p>Mục đích: Điều tra và đánh giá thực trạng, một số đặc điểm sinh học liên quan và khả năng nhân giống bằng phương pháp ghép của một số giống đào trồng tại huyện Sa Pa tỉnh Lào Cai.</p>

684	Điều tra hiện trạng và nghiên cứu một số biện pháp nhân giống vô tính trên cây đào sapa	Đỗ Đức Trọng	TS. Đoàn Thu Thủy	1- Kết quả điều tra đánh giá điều kiện tự nhiên cho thấy huyện Sa Pa có nhiều đặc điểm khí hậu phù hợp để phát triển cây ăn quả ôn đới. Diện tích trồng đào toàn huyện khoảng 241ha trong đó diện tích đào địa phương chiếm 151ha, còn lại khoảng 90ha là các giống đào mới. Sản lượng đạt khoảng 420 tấn, là cây có giá trị và hiệu quả kinh tế cao.
				2- Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số giống đào tại Sa Pa cho thấy: Giống đào Chín sớm có đặc điểm sinh trưởng phù hợp nhất với địa phương. Chiều cao cây trung bình là 2 - 2,5m, đường kính tán 1,9 - 2,2m thời gian ra hoa đến khi đậu quả chiếm 60 ngày, năng suất trung bình/ cây đạt 7,24 kg. Hầu hết không bị nhiễm sâu bệnh hại nào do thời gian chín sớm hơn các giống còn lại nên tránh được các loại sâu bệnh hại chủ yếu là ruồi đục quả
				3- Kết quả nghiên cứu nhân giống bằng phương pháp ghép trên 3 giống đào cho thấy: Phương pháp ghép nêm đạt hiệu quả cao hơn, tỷ lệ sống sau ghép là 62 %. Giống Chín sớm cho tỷ lệ sống cao nhất (70%) Sau 45 ngày ghép, mầm ghép đạt chiều dài trung bình 18-20cm đường kính 0,2 cm.
685	Ảnh hưởng của liều lượng dung dịch dinh dưỡng hữu cơ đến sản xuất rau cải canh trong hệ thống Aquaponics	Phạm Trung Hiếu	GS. Phạm Tiến Dũng	Trong hệ thống Aquaponic, nồng độ Hume bổ sung thích hợp với rau cải xanh là 1,5 ml cho 1 lít nước
686	Ảnh hưởng của liều lượng dung dịch dinh dưỡng hữu cơ đến sản xuất cây su hào trong hệ thống Aquaponics	Hoàng Nguyên Soái	GS. Phạm Tiến Dũng	Trồng rau trong thùng xốp có diện tích 0,12 m ² bằng giá thể là cát đen, lượng phân chuồng ủ bón cho năng suất cao nhất là 1,2 kg/thùng
687	Ảnh hưởng của liều lượng dung dịch dinh dưỡng hữu cơ đến sản xuất rau cải ngọt trong hệ thống Aquaponics	Hoàng Thị Quỳnh	GS.TS. Phạm Tiến Dũng	Dinh dưỡng Vitamino được pha loãng 700 lần để bổ sung là thích hợp nhất cho trồng cải ngọt trồng trong hệ thống aquaponic
688	Ảnh hưởng của mật độ trồng và phương pháp đốn đến sinh trưởng, năng suất cây đậu bắp	Nguyễn Thị Hạnh	ThS. Nguyễn Hồng Hạnh	Đánh giá ảnh hưởng của 4 mức mật độ trồng (4,4; 3; 2,2 và 1,8 vạn cây/ha) đến sinh trưởng, năng suất của đậu bắp. Kết quả đã chỉ ra mật độ 1,8 vạn cây/ha cho năng suất thực thu cao nhất đạt 79,2 tạ/ha.
689	So sánh một số dòng, giống lúa thuần mới chất lượng cao có triển vọng tại Gia Lộc, Hải Dương trong vụ mùa năm 2018	Đoàn Thị Phương Ngân	TS. Đỗ Thị Hương	Mục đích: Chọn được 1-2 dòng lúa triển vọng cho năng suất cao, chất lượng tốt trong điều kiện vụ mùa năm 2018 tại khu vực đồng bằng sông Hồng
				Kết quả đạt được:
				Nhóm giống lúa ngắn ngày: Dòng lúa BT7KBL -03 cho năng suất cao nhất đạt 54,4 tạ/ha, có tỷ lệ gạo lật 78,6%, gạo xát 67,6%, gạo nguyên 47,7% Nhóm giống lúa: Dòng lúa BC 15-02 cho năng suất cao nhất đạt 65 tạ/ha với tỷ lệ gạo lật 76,5%, gạo xát 64,3% và gạo nguyên 46,5%.

690	Ảnh hưởng của khoảng cách cây đến sinh trưởng phát triển của lúa tẻ đen	Nguyễn Thị Trang	TS. Đỗ Thị Hương	Mục đích: Xác định được số quả để lại trên/ chùm cho năng suất và chất lượng cao nhất đối với giống cà chua HT02 vụ đông tại Gia Lâm, Hà Nội Kết quả: Giống cà chua HT02 nên tỉa để lại 5 quả/chùm cho năng suất cao nhất đạt 46,5 tạ/ha
691	Ảnh hưởng của phân chuồng ủ và dung dịch dinh dưỡng hữu cơ đến sinh trưởng và phát triển của cây đậu bắp (<i>Abelmoschus esculentus</i> (L.) Moench).	Nguyễn Hương Thảo	TS. Nguyễn Thị Ngọc Dinh	Nghiên cứu tiến hành đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống đậu bắp bản địa Vân Nội, Đông Anh dưới ảnh hưởng của liều lượng phân chuồng ủ và một số loại dung dịch dinh dưỡng hữu cơ nhằm xác định được lượng phân chuồng ủ và loại dung dịch dinh dưỡng hữu cơ phù hợp trong sản xuất của giống đậu bắp Vân Nội trong vụ thu đông năm 2019 tại Gia Lâm, Hà Nội. Thí nghiệm đồng ruộng hai nhân tố thiết kế theo kiểu ô chính-ô phụ, với 3 lần nhắc lại. Nhân tố chính là liều lượng phân chuồng ủ: P1 – 10 tấn/ha; P2 – 20 tấn/ha; P3 – 30 tấn/ha; P4 – 40 tấn/ha; nhân tố phụ là các loại dung dịch dinh dưỡng hữu cơ khác nhau: D1 – Dung dịch dinh dưỡng hữu cơ Vegano; D2 – Dung dịch dinh dưỡng hữu cơ Super Hume; D3 – Dung dịch dinh dưỡng hữu cơ tự chiết xuất từ động, thực vật. Năng suất thực thu đạt cao nhất ở công thức bón 30 tấn phân chuồng ủ/ha kết hợp với phun bổ sung dung dịch dinh dưỡng hữu cơ Super Hume đạt 13,8 tấn/ha và cũng là công thức cho các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý, chất lượng tốt nhất so với các công thức còn lại. Khi tăng lượng phân chuồng ủ thì năng suất của đậu bắp tăng đến mức 30 tấn/ha thì năng suất không tăng nữa.
692	Effects of different mulching materials on tomato production	Đỗ Thị Thanh Loan	TS. Nguyễn Thị Ái Nghĩa	Through the experiments conducted, it was found that when using different mulching materials of tomato plants, there was an influential on the growth and development. Using peanut residue for leaf growth, plant height, yield and fruit quality is the highest.
693		Lê Thị Hồng Linh	TS. Nguyễn Thị Ái Nghĩa	The experiment is carried out with 3 treatments: Concentration 25 without microorganism (CT1); Concentration 2 % with microorganism (CT2) and Concentration 3% with microorganism. The results show that the plant height, number of leaves of treatment 3 is the best
				Aims of thesis: Improving propagation of PHS2 longan in Hanoi 2018. Main results: PHS2, Nuoc and Huong Chi longan could be used as rootstock of PHS2 scion: The survival ratio of 3 rootstocks after grafting ranged from 65.56% - 72.22%, significantly higher than the HTM 1 rootstock (61.11%). Moreover, the ratio of seedling ready for transplanting of 3 rootstocks were upto 64.44% to 70.00% while HTM 1 variety was only 52.22%.

694	Improving propagation of PHS2 longan in Hanoi 2018	Hoàng Phương Thảo	TS. Vũ Thanh Hải	<p>+ The girdled scions 10 days and 15 days before grafting indicated the survival ratio (82.22% and 84.44%) higher than control, 5, and 20 days before grafting (55.56%, 73.33% and 76.67%). However, the maximum ratio of seedling ready for transplanting reached 81.11% if the scions were girdled at 15 days before grafting.</p> <p>+ NPK Dau Trau CP29 fertilizer applied with dose of 4g /pot showed a good impact on the growth of seedlings after grafting. The length of grafted seedlings increased significantly (longer than control treatment 0.28 cm at 120 days after grafting) and improve the ratio of number of seedlings ready to transplanting (71.11%).</p>
695	Effects of foliar fertilization application on the growth and development of interior plants	Hoàng Thị Trang	ThS. Nguyễn Anh Đức	<p>The research was based on two main contents: Tracking the effect of each type of foliar fertilizer on the growth and development of Phu Quy and Ngoc Ngan plants and Comparative evaluation of selection of foliar fertilizer suitable for the growth and development of Phu Quy and Ngoc Ngan plants. The results showed that the mixing ratio of 2ml Viusid Agro: 1l water in CT4 is suitable for the growth and development of Ngoc Ngan and Phu Quy trees in net house condition. In general, the results of the study are significant for the study of interior plants in Vietnam.</p>
696	Evaluation on agro-biological characteristics of some new cucumber F1 hybrid lines in spring-summer season 2018 at Gia Lam, Hanoi	Nguyễn Duy Hoàng	PGS. TS. Trần Thị Minh Hằng	<p>The author has evaluated the growth, development characteristics, pest and disease problems, yield and quality of 9 new cucumber F1 hybrid lines in spring summer season 2018 at Gia Lam, Ha Noi. The author has identified some valuable characteristics from these cucumber lines, such as vigorous growth, good fruit quality, less damage by pests and diseases.... These characters are very precious for cucumber breeding program in order to supply a good cucumber variety to the real production. Student also produced 39 F2 individuals from 9 F1 hibrid lines in order to produce good recombination inbred lines for breeding pupose.</p>
697	Evaluation of new cucumber F3 generations from crossing between HB1 with some Japanese lines grown in spring summer season 2018 at Gia Lam - Hanoi	Trần Thị Hồng Minh	PGS. TS. Trần Thị Minh Hằng	<p>The author has evaluated the growth, development characteristics, pest and disease problems, yield and quality of 37 cucumber second generation recombinant inbred lines from crossing between HB1 with some Japanese lines in spring summer season 2018 at Gia Lam, Ha Noi. The author has identified some valuable characteristics from these cucumber lines, such as vigorous growth, good fruit quality, less damage by pests and diseases.... These characters are very precious for cucumber breeding program in order to supply a good cucumber variety to the real production. Student also produced 38 F4 individuals from 37 F3 cucumber lines in order to produce the next generation of recombination inbred lines for breeding pupose.</p>

698	Đánh giá đặc điểm sinh học và khả năng gieo hạt nhân giống của một số tổ hợp lai lan huệ năm 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Nguyễn Như Quỳnh	PGS.TS. Phạm Thị Minh Phượng	Các dòng lai Lan huệ sinh trưởng và phát triển tốt trong điều kiện trồng tại Gia Lâm – Hà Nội. Các dòng lai Lan huệ cánh kép có chiều cao cây dao động từ 69 cm đến 125,5cm, số lá trên cây mẹ từ 3 lá đến 8 lá, chu vi củ dao động từ 15,1cm đến 30,7cm, số củ con/củ mẹ từ 1củ đến 18 củ. Các dòng lai Lan huệ cánh đơn có chiều cao cây dao động từ 72 cm đến 121 cm, số lá từ trên cây mẹ từ 2 lá đến 7 lá, chu vi củ dao động từ 14,5 cm đến 28 cm, số củ con/củ mẹ từ 1 củ đến 16 củ. Các dòng THP55-15, TH42-17 và TH 47-49 có khả năng sinh trưởng tốt nhất. Thời gian từ gieo đến bắt đầu nảy mầm là 12 ngày, thời gian kết thúc nảy mầm là 25 ngày. Bước đầu có 2808 cây con đủ tiêu chuẩn ra ngôi, đây là vật liệu mới có cho công tác chọn tạo giống hoa Lan huệ Việt Nam.
699	Đánh giá khả năng sinh trưởng và khả năng gieo hạt nhân giống của một số tổ hợp lai hoa hiên năm 2018 ở Gia Lâm - Hà Nội	Phạm Thị Thu Thảo	PGS. TS. Phạm Thị Minh Phượng	Nhìn chung các tổ hợp lai sinh trưởng và phát triển tốt từ tháng 7 – 10/2018. Tổ hợp lai cao nhất là KC94 và tổ hợp lai thấp nhất là KC105. Lựa chọn các dòng KC107, KC104, KC103, KC113, KC106 cho trồng thâm và các tổ hợp lai KC96, KC97, KC113, KC112 bước đầu không có dấu hiệu bị gỉ sắt.
700	Nghiên cứu đặc điểm sinh trưởng của một số tổ hợp lai lan huệ và kỹ thuật nhân giống bằng phương pháp tách vảy củ tại Gia Lâm - Hà Nội	Lê Thị Đào	PGS. TS. Phạm Thị Minh Phượng	Các tổ hợp lai Lan huệ sinh trưởng tốt trong thời gian từ tháng 7 đến tháng 9 và giảm mạnh từ tháng 11-12. Chu vi củ tăng dần đến tháng lớn nhất là TH60-6 đạt 27,6cm. Sau 3 tháng nhân giống, giống Blossom peacock có thời gian xuất hiện lá thật sớm nhất. TH 38-2 có chiều dài lá lớn nhất đạt 21,2 cm .Hệ số nhân giống cao nhất ở dòng TH 38-2 với 26 lần. Bước đầu lựa chọn giá thể gieo hạt Lan huệ là Klasmann cho thời gian hạt nảy mầm đạt sớm 11,3 ngày, tỉ lệ nảy mầm cao đạt 85,6 % và chiều cao cây lớn nhất là 9,5 cm. Với số lá trung bình là 1,5 lá/cây.
701	Đánh giá đặc điểm sinh trưởng, phát triển và năng suất một số dòng cà chua quả nhỏ (<i>Lycopersicon esculentum</i> var. <i>cerasiforme</i>) triển vọng trong vụ Đông tại Gia Lâm - Hà Nội	Phan Thị Trang	TS. Vũ Quỳnh Hoa	Sinh viên đã thực hiện gieo trồng, đánh giá 41 dòng cà chua bị đờn lai tạo từ vụ đông xuân năm trước (2017). Các dòng cho thấy sự khác biệt về khả năng nảy mầm, sức sống của cây con, mức độ nhiễm sâu bệnh hại (đặc biệt là bệnh virus), và các đặc điểm sinh trưởng, phát triển.
702	Đánh giá sinh trưởng phát triển và năng suất một số dòng cà chua không lồ có triển vọng trong vụ thu đông tại Gia Lâm - Hà Nội	Vũ Thị Liên	TS. Vũ Quỳnh Hoa	Sinh viên đã thực hiện gieo trồng, đánh giá 47 dòng cà chua quả to được lai tạo từ vụ đông xuân năm trước (2017). Các dòng cho thấy sự khác biệt về khả năng nảy mầm, sức sống của cây con, mức độ nhiễm sâu bệnh hại (đặc biệt là bệnh virus), và các đặc điểm sinh trưởng, phát triển.

703	<p>Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật sử dụng phân bón và biện pháp phòng trừ sâu bệnh hữu cơ trên cây cam CS2 tại Tân Lạc - Hòa Bình</p>	<p>Nguyễn Đức Học</p>	<p>ThS. Nguyễn Thị Phương</p>	<p>Mục tiêu chính: Nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của biện pháp bón phân gà ủ và phòng trừ sâu bệnh hữu cơ tới sinh trưởng và phát triển của giống cam CS2 và bừa da xanh tại Tân Lạc-Hòa Bình, từ đó làm cơ sở để hoàn thiện quy trình sản xuất cam và bưởi da xanh hữu cơ áp dụng vào sản xuất thương phẩm. Kết quả chính: Chiều cao cây giống cam CS2 ở năm thứ 3 trung bình là 1m8 đến 2m. Với tần suất bón 4 tuần/một lần bón phân(loại phân gà ủ) cho chất lượng cành lộc tốt nhất số chất lượng quả tốt nhất năng suất cao hơn so với hai cách bón còn lại sinh trưởng phát triển và chống chịu sâu bệnh tốt hơn đối với giống cam CS2 cũng như giống bưởi da xanh trên vườn. Thời gian xuất hiện lộc: lộc thu xuất hiện vào cuối tháng 8, thời gian rộ vào giữa tháng 9 và kết thúc vào cuối tháng 9 - 10. Thời gian để cho lộc thu phát triển đến thành thực gần như lộc hè. Lộc thu chủ yếu được sinh ra từ cành hè và một số được sinh ra từ cành xuân cùng năm. Lộc đông xuất hiện vào trung tuần tháng 11 và kết thúc vào cuối tháng 12. số lượng lộc đông ít. Với cách bón phân 4 tuần/một lần bón sẽ cho chất lượng cành lộc tốt nhất trên bưởi cũng như trên cam. Cần cân đối tần suất bón phân hợp lý do điều kiện ngoại cảnh cũng như chất lượng giống. Công thức phun 15ml dung dịch gừng tỏi ớt với 1lit nước cho hiệu quả phòng trừ tốt nhất. Lượng sâu hại thấp hơn chỉ bằng 1/2 so với công thức đối chứng. Các cách pha 10ml/1lit nước và 20ml/1 lít nước cũng cho hiệu quả cao nhưng so thấp hơn so với công thức pha 15ml dd/1lit nước. Sâu hại giảm dần sau mỗi lần phun nhưng không triệt để một phần do yếu tố thời tiết do tập tính của sâu bệnh vì vậy cần quan sát thường xuyên để có các biện pháp phòng trừ hiệu quả.</p>
704	<p>Ảnh hưởng của sử dụng phân hữu cơ thay thế phân vô cơ đến năng suất và chất lượng rau ăn lá an toàn vụ đông năm 2018 tại Hòa Bình</p>	<p>Hoàng Thị Ánh Hồng</p>	<p>ThS. Bùi Ngọc Tấn</p>	<p>Nghiên cứu đánh giá việc thay thế 25, 50 và 75% phân vô cơ bằng phân hữu cơ vi sinh đến sinh trưởng và phát triển của 3 loại rau vụ đông là cà chua, cải bắp và củ cải tại Hòa Bình. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc giảm lượng phân vô cơ và thay thế bằng phân hữu cơ không làm giảm năng suất và chất lượng của cả ba loại rau nói trên. Mặt khác, mức giảm 25% phân vô cơ và thay thế bằng phân hữu cơ vi sinh còn làm tăng một số chỉ tiêu về năng suất thực thu, chất lượng củ Cải, cải bắp trong vụ Đông 2018.</p>

705	Nghiên cứu sinh trưởng và phát triển của một dòng, giống hoa phong vũ trong vụ thu đông năm 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Nguyễn Thị Thu Hà	ThS. Nguyễn Anh Đức	Đề tài được thực hiện dựa trên việc nghiên cứu sinh trưởng và phát triển của một dòng, giống hoa phong vũ trong vụ thu đông năm 2018 tại Gia Lâm Hà Nội. Kết quả đã cho thấy các dòng phong vũ đều sinh trưởng tốt trong điều kiện trồng tại Gia Lâm, trong đó dòng D9 có chiều cao cây lớn nhất, dòng D11 có chiều cao cây thấp nhất, dòng D6 có đường kính hoa lớn nhất, dòng D11 có đường kính hoa nhỏ nhất. Ngoài ra thời gian ra hoa của các dòng phong vũ kéo dài từ tháng 7-11. Các kết quả mặc dù còn ở mức đơn giản nhưng phần nào cũng có ý nghĩa trong việc chọn tạo giống hoa phong vũ.
706	Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật nhân giống đối với giống nho Cự Phong	Trần Thị Hà Chi	TS. Đoàn Văn Lư	Mục đích: xác định được một công thức phù hợp để nhân giống đối với giống nho Cự Phong.
707	Ảnh hưởng của kỹ thuật cắt tía, tạo hình đến sinh trưởng, phát triển, năng suất và chất lượng của cây bưởi diễn tại Gia Lâm	Sầm Minh Bắc	TS. Đoàn Văn Lư	Mục đích: xác định được một công thức phù hợp để cắt tía, tạo hình cải thiện sinh trưởng, phát triển, năng suất và chất lượng của cây bưởi diễn tại Gia Lâm
708	Ảnh hưởng của liều lượng bón phân hữu cơ kết hợp phân vô cơ đến sinh trưởng và năng suất một số loại rau trồng trong vụ hè thu năm 2018 tại Văn Đức, Gia Lâm, Hà Nội	Phan Thị Huệ	PGS. TS. Trần Thị Minh Hằng	Đề tài nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng bón phân hữu cơ vi sinh thay thế cho phân vô cơ đến sinh trưởng và năng suất một số loại rau trồng trong vụ hè thu năm 2018 tại Văn Đức, Gia Lâm, Hà Nội. Kết quả đã xác định được lượng bón phân hữu cơ vi sinh có thể thay thế cho 25% lượng phân vô cơ NPK so với mức thông dụng khi bón cho đậu đũa và rau muống đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và mang lại hiệu quả cao.
709	So sánh một số giống dưa chuột chất lượng cao nhập nội trong vụ xuân hè 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Phạm Văn Thái	PGS. TS. Trần Thị Minh Hằng	Trên cơ sở so sánh một số giống dưa chuột chất lượng cao nhập nội trong vụ xuân hè 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội, đề tài đã xác định được các đặc điểm nông sinh học của 5 giống dưa chuột lai F1 nhập nội từ Trung Quốc, kết quả cho thấy cả 5 giống nhập nội đều sinh trưởng phát triển tốt, cho năng suất cao và chất lượng ăn tươi tốt, trong đó giống TQ1 cho năng suất cao nhất đạt 128,3 tấn thực thu/ha, giống TQ1 cho chất lượng ăn tươi ngon, ăn giòn và ngọt. Giống TQ5 có khả năng sinh trưởng thân lá, ra hoa đậu quả cũng khá tốt trong vụ xuân hè. Các giống này có thể giới thiệu cho sản xuất trong vụ đông xuân ở vùng ĐBSH.
710	So sánh sinh trưởng và phát triển một số giống cà chua trồng trên giá thể tưới nhỏ giọt vụ hè thu 2018 - tại Bắc Ninh	Dương Thị Trang	TS. Vũ Thanh Hải	Mục đích: xác định giống cà chua phù hợp trồng trên giá thể tưới nhỏ giọt vụ hè thu 2018 - tại Bắc Ninh. Qua phân tích số liệu tác giả đã xác định được giống cà chua Savior cần tới 80 ngày sau trồng quả mới cho thu hoạch. Trong khi đó, giống TV-01 Savi đã đậu quả và chín sớm hơn (đậu quả sau 31 ngày và chín sau 76 ngày). - Gây hại nghiêm trọng nhất là bộ phận và bệnh mốc đen, tỷ lệ lá hại trên các giống cà chua Savior, Gendiva, Montavi là >50%. Trong đó, giống TV-01 Savi có tỷ lệ lá bị hại <50%.

				<p>- Giống TV-01 Savi có tỷ lệ đậu quả và năng suất cá thể vượt trội, đạt 30,4% và 0,57 kg/cây trong điều kiện vụ hè thu.</p> <p>- Các giống cà chua nghiên cứu đều có màu sắc đỏ khi chín, vị chua, có 2 – 3,4 ngăn hạt, độ brix đạt 3,1 – 3,4.</p>
711	So sánh một số giống dưa lưới trong vụ hè thu 2018 trồng trên giá thể tưới nhỏ giọt	Nguyễn Thùy Dung	TS. Vũ Thanh Hải	<p>Mục đích: xác định giống dưa lưới trong vụ hè thu 2018 trồng trên giá thể tưới nhỏ giọt. Qua phân tích số liệu tác giả đã xác định được trong điều kiện vụ Hè – Thu 2018, các giống dưa lưới có thời gian sinh trưởng từ gieo đến kết thúc thu hoạch quả giống có thời gian sinh trưởng ngắn nhất là Kim thiên hoàng (78 ngày). Cây sinh trưởng phát triển tốt, số lá tăng mạnh nhất vào giai đoạn 41 – 48 ngày sau gieo, khi số lá đạt từ 23 – 27 lá/cây thì tiến hành bấm ngọn.</p> <p>- Một số loại sâu hại như bọ trĩ, nhện đỏ và rệp là đối tượng chủ yếu. Về bệnh thì hầu như tất cả các giống đều bị nhiễm bệnh sương mai, bệnh phấn trắng cao, trong đó giống Ruột xanh bị nhiễm bệnh nhiều nhất ở cấp độ 3. Bệnh héo xanh vi khuẩn chỉ có giống dưa Ruột xanh bị nhiễm bệnh nhẹ.</p> <p>- Năng suất thực thu của giống dưa lưới Kim Thiên Hoàng đạt cao 27,84 tấn/ha đồng thời có độ Brix cao nhất đạt 12 độ là Kim thiên hoàng, ăn ngọt đậm, màu sắc vỏ quả có màu vàng khi chín, màu sắc thịt quả màu vàng cam và có mùi thơm.</p>

712	Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật bón phân và cắt tỉa trên cây ổi tại Từ Sơn - Bắc Ninh	Nguyễn Thị Phương	ThS. Nguyễn Thị Phương	<p>Mục tiêu chính: Nghiên cứu nhằm mục đích, xác định được loại phân bón lá, biện pháp bấm ngọn và tỉa quả phù hợp cho sinh trưởng cành lộc, tăng năng suất và chất lượng của cây ổi Đài Loan trong thời kỳ kinh doanh tại Từ Sơn – Bắc Ninh. Từ đó làm cơ sở để hoàn thiện quy trình sản xuất ổi Đài Loan thương phẩm, mở rộng áp dụng cho các vùng có khí hậu tương tự. Kết quả chính: - Bón phân bón lá (7 ngày /lần) cho cây ổi Đài Loan trong thời kỳ kinh doanh cho kết quả tốt hơn so với các công thức đối chứng (phun nước lã) về các chỉ tiêu sinh trưởng cành lộc .Trong đó, CT1 (Thực nghiệm) và CT2 (phân bón POMIOR) cho kết quả cao hơn CT3 (Đầu trâu) .Cây có đường kính cành lộc trung bình ở CT1là: 0,469cm, ở CT2 :0,466 cm; chiều dài lộc ở CT1 là: 42,10 cm, ở CT2 42,02 cm; số cành lộc trung bình CT1 đợt 1 là: 16 lộc/cây, ở CT2 là: 15 lộc/cây; số hoa trung bình ở cả CT1 và CT2 là: 10 hoa/cây. - Kỹ thuật bấm ngọn có ảnh hưởng rõ rệt đến thời gian bật lộc của cây ổi Đài Loan trong thời kỳ kinh doanh. Công thức bấm ngọn để lại 4 cặp lá (CT3) cho cây bật lộc sớm nhất (8 ngày sau khi bấm). Đồng thời, với số lượng lộc được khống chế ở mức vừa đủ để chọn cành cấp 2 nên cành lộc ở CT3 phát triển khỏe, đường kính lộc cũng lớn hơn hai công thức còn lại. Vì vậy, áp dụng kỹ thuật bấm ngọn để lại 4 cặp lá là công thức mang lại hiệu quả cao hơn cho giai đoạn tạo tán cho cây ổi ở thời kỳ kinh doanh</p>
-Biện pháp cắt tỉa trong giai đoạn quả non (sau 1 tháng tính là đậu quả) không khác biệt rõ rệt về tốc độ tăng trưởng quả.				
713	Ảnh hưởng của phân hữu cơ xử lý chế phẩm vi sinh EMINA đến đậu cove VA.009 vụ thu đông năm 2018 tại Gia Lâm-Hà Nội	Vũ Thị Huệ	TS. Phạm Tuấn Anh	<p>Mục đích</p> <p>Tìm hiểu, phân tích ảnh hưởng của phân hữu cơ đã được xử lý chế phẩm vi sinh EM đến việc sản xuất rau đậu cove an toàn có chất lượng cao.</p> <p>Kết quả:</p> <p>Các công thức phân bón khác nhau đều có ảnh hưởng khác nhau đến quá trình sinh trưởng, phát triển và hiệu quả sản xuất của cây đậu cove. Khi bổ xung EM vào các công thức phân bón khác nhau sẽ cho diện tích lá và chỉ số diện tích lá khác nhau.</p> <p>- Công thức sử dụng phân hữu cơ (phân gà) xử lý EM là công thức tối ưu nhất cho năng suất thực thu cao nhất đạt 28,72 tạ/ha. Công thức đạt năng suất thực thu thấp là công thức chỉ bón phân vô cơ NPK.</p> <p>- Ta thấy hàm lượng đường trong công thức phân hữu cơ (phân gà) kết hợp với EM là cao nhất với 5,91%. thấp nhất là công thức phân vô cơ kết hợp với 5,07 %. Giữa các công thức với nhau có sự chênh lệch không biến động lớn từ 5% đến xấp xỉ 6%. Chưa thấy được sự tác động của EM đến độ ngọt của quả đậu cove.</p>

714	Ảnh hưởng của vi sinh vật và axit salicylic đến sinh trưởng, phát triển và năng suất giống đậu tương ĐVN5 vụ thu đông năm 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội	Nguyễn Thị Toan	TS. Phạm Tuấn Anh	<p>Mục đích:</p> <p>Tìm hiểu ảnh hưởng phối hợp của EM và SA đến sự sinh trưởng, phát triển và năng suất giống đậu tương ĐT51 trồng vụ Thu Đông 2018 tại Gia Lâm –Hà Nội để đề xuất biện pháp sử dụng chúng cho đậu tương hiệu quả nhất.</p> <p>Kết quả:</p> <p>1. Khi xử lí chế phẩm EM và SA với liều lượng phù hợp sẽ giúp cho cây đậu tương ĐT51 sinh trưởng và phát triển tốt về chiều cao, số lá trên cây, khả năng phân cành , diện tích lá và tăng khả năng tích lũy chất khô và hiệu suất quang hợp.</p> <p>2. Khả năng chống chịu với sâu bệnh hại của đậu tương tăng đáng kể sau khi xử lí chế phẩm EM và SA, cây sinh trưởng tốt, ít sâu bệnh, năng suất cao.</p>
715	Ảnh hưởng của vi sinh vật và SA (Axit salicylic) đến cây đậu tương trong điều kiện mặn nhân tạo	Trịnh Thị Trang	TS. Phạm Tuấn Anh	<p>Mục đích.</p> <p>- Đánh giá được tác động của của EM và SA đối với sự nảy mầm của đậu tương trong điều kiện mặn.</p> <p>- Đánh giá được khả năng sinh trưởng của cây đậu tương khi xử lí EM và SA trong điều kiện mặn, từ đó tìm ra nồng độ thích hợp để cây sinh trưởng tốt trong điều kiện mặn, là cơ sở để sản xuất các chế phẩm cho cây trồng trong điều kiện bất thuận.</p> <p>Kết quả:</p> <p>1. Xử lí vi sinh vật và SA trong điều kiện mặn nhân tạo ở giai đoạn xử lí hạt giống có ảnh hưởng tích cực đến khả năng nảy mầm của đậu tương, làm tăng khả năng chống chịu trong điều kiện ngoại cảnh bất thuận. Trong đó, xử lí chế phẩm EM 3% cho tỉ lệ nảy mầm cao nhất.</p> <p>2. Xử lí EM có ảnh hưởng tích cực đến chiều cao cây, số lá và chỉ số SPAD. Trong điều kiện mặn, cây đậu tương bị ảnh hưởng khá nhiều. Tuy nhiên, dưới sự tác động của SA và các vi sinh vật hữu hiệu trong chế phẩm EM thì cây vẫn sinh trưởng và phát triển bình thường.</p> <p>3. Kết quả của đề tài là một minh chứng về việc sử dụng có hiệu quả chế phẩm EM và SA đối với sự sinh trưởng và phát triển của đậu tương trong điều kiện mặn.</p>
				<p>Mục tiêu: Thông qua một số chỉ tiêu nông học, sinh lý để đánh giá sự sinh trưởng phát triển và năng suất cây đậu xanh ở các thời kỳ ngập úng khác nhau. Từ đó đánh giá được tác hại của ngập úng ở từng thời kỳ sinh trưởng để có biện pháp canh tác phù hợp, tăng khả năng chịu úng cho cây đậu xanh.</p>

716	Ảnh hưởng của các thời kỳ úng đến một số chỉ tiêu nông học, sinh lý cây đậu xanh vụ hè thu 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Dương Thị Kim Oanh	Th.S Vũ Tiến Bình	<p>Kết quả: Ngập úng đã ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh lý cây đậu xanh ở cả 3 thời kỳ sinh trưởng, làm giảm tốc độ tăng trưởng, chiều dài rễ, số rễ cấp 1, khối lượng rễ khô, hàm lượng nước tương đối, diện tích lá, chỉ số SPAD, khả năng tích lũy chất khô và hiệu suất quang hợp cây đậu xanh. Xử lý úng cũng làm giảm các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất cá thể cây đậu xanh. Trong đó, giai đoạn 5 lá cho giá trị cao nhất (năng suất cá thể 3,04), thấp nhất là giai đoạn quả non (năng suất cá thể 2,45). Khả năng chịu úng cây đậu xanh ở giai đoạn 5 lá là tốt nhất (76,40%), kém nhất là giai đoạn quả non (61,77%).</p>
717	Ảnh hưởng của ngập úng đến đặc điểm sinh lý và năng suất cây đậu xanh vụ hè thu 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Trần Thị Lan Anh	Th.S Vũ Tiến Bình	<p>Mục tiêu: Thông qua một số chỉ tiêu sinh lý và năng suất để đánh giá ảnh hưởng của ngập úng ở các thời kỳ sinh trưởng. Từ đó đánh giá được tác hại của ngập úng để có biện pháp canh tác thích hợp, tăng khả năng chịu úng cho cây đậu xanh</p> <p>Kết quả: Điều kiện ngập úng đã ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh lý cây đậu xanh ở cả 3 thời kỳ sinh trưởng, làm giảm tốc độ tăng trưởng, diện tích lá, số lượng rễ cấp 1, chiều dài rễ, khối lượng rễ khô, khả năng tích lũy chất khô... Xử lý ngập úng cũng làm giảm các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất cá thể đậu xanh. Trong đó giai đoạn sau nảy mầm có giá trị cao nhất (năng suất cá thể là 3,3g/cây) và giai đoạn ra hoa là thấp nhất (năng suất cá thể là 1,5g/cây). Khả năng chịu úng của cây đậu xanh ở giai đoạn sau nảy mầm là tốt nhất (chỉ số chịu úng là 70,71%), kém nhất là giai đoạn ra hoa (chỉ số chịu úng là 45,42%).</p>
718	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số loại phân bón lá đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của một số giống đậu tây trồng trong nhà màn tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Bá Thành	TS. Trần Anh Tuấn	<p>Xác định loại phân bón lá tốt nhất cho sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống đậu tây Nhật trồng trong nhà lưới vụ Thu Đông, góp phần hoàn thiện kỹ thuật trồng cây đậu tây tại Gia Lâm, Hà nội.</p> <p>Các loại phân bón lá khác nhau có ảnh hưởng khác nhau đến sinh trưởng của cây đậu tây giống Nhật trồng vụ đông xuân tại Gia Lâm Hà Nội. Trong đó, phân bón lá Pomior P-298 kích thích chiều cao cây, số lá tốt nhất, với chiều cao cây đạt 29,82 cm/cây và số lá đạt 11,07 lá/cây ; Phân bón lá Mutimolig – M làm tăng số ngó và kích thích tạo cây con tốt nhất, với số ngó đạt 3,3 ngó/cây và số cây con đạt 4,13 cây.</p>
				Nghiên cứu ảnh hưởng của phân silicamon và 1 số loại phân bón lá đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống đậu tây Nhật Bản trồng trong nhà lưới, từ đó góp phần đề xuất các kỹ thuật sản xuất đậu tây tại miền Bắc, Việt Nam

719	Nghiên cứu sinh trưởng, phát triển và năng suất của một số giống dâu tây trồng chậu tại Gia Lâm, Hà Nội	Dương Công Ngọc	TS. Trần Anh Tuấn	Sử dụng phân Silicamon kết hợp với phân bón lá có ảnh tốt đến sinh trưởng phát triển của cây dâu tây so với đối chứng không sử dụng. Hầu hết các liều lượng phối hợp phân silicamon và phân bón lá khác nhau cho hiệu quả khác nhau đến sinh trưởng và phát triển của cây dâu tây, tuy nhiên sự sai khác về một số chỉ tiêu sinh trưởng của cây dâu tây là không có ý nghĩa thống kê khi sử dụng phân bón lá Pmior P -298 2ml/l hoặc phân bón lá Komix BFC 201 5ml/l/m ² kết hợp với phân silicamon 50g/m ² .
720	Nghiên cứu ảnh hưởng của ánh sáng đèn LED đến sinh trưởng và năng suất rau xà lách trồng thủy canh	Trần Song Hồng Lam	Th.S Nguyễn Thị Phương Dung - GS.TS Nguyễn Quang Thạch	1/Trong 3 loại ánh sáng (trắng,vàng, Red- blue) cùng cường độ chiếu sáng, ánh sáng Red-Blue thích hợp cho cây xà lách trồng thủy canh sinh trưởng, đạt năng suất cao nhất. 2/Trong 4 mức cường độ chiếu sáng nghiên của đèn LED thì cường độ ánh sáng trắng 190 $\mu\text{mol}/\text{m}^2/\text{s}$, cây xà lách trồng thủy canh sinh trưởng thích hợp nhất, đạt năng suất cao nhất.
721	Nghiên cứu ảnh hưởng ánh sáng của đèn LED đến sinh trưởng và năng suất của cải bó xôi trồng thủy canh	Ngô Thị Minh	Th.S Nguyễn Thị Phương Dung - GS.TS Nguyễn Quang Thạch	1/ Ở cùng 1 cường độ chiếu sáng (190 $\mu\text{mol}/\text{m}^2/\text{s}$), ánh sáng đỏ xanh(RB) thích hợp nhất cho cải bó xôi trồng thủy canh sinh trưởng và đạt năng suất cao nhất (4,64 kg/m ²) so với ánh sáng vàng (Y) và ánh sáng trắng(W). Ở đèn LED ánh sáng vàng (Y) năng suất cao thứ hai đạt 3,54 kg/m ² . Thấp nhất là đèn LED ánh sáng trắng (W) chỉ đạt năng suất 3,29 kg/m ² . 2/ Trong 4 mức cường độ được nghiên cứu, với 3 chất lượng ánh sáng khác nhau, cường độ 190 $\mu\text{mol}/\text{m}^2/\text{s}$ tỏ ra hiệu quả hơn các cường độ còn lại: năng suất cao hơn, hàm lượng NO ₃ thấp hơn...3/ Rau cải bó xôi hoàn toàn đảm bảo an toàn về dư lượng NO ₃ và phát hiện vi khuẩn E.coli hay Salmonella, có thể dùng ăn tươi được.
722	Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật trồng cây lan hồ điệp trong chậu tại Gia Lâm, Hà Nội	Mai Thị Quỳnh Giao	TS. Nguyễn Văn Phú	Nội dung:Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật trồng cây lan hồ điệp trong chậu Xác định được loại giá thể và tỷ lệ phối trộn để trồng lan hồ điệp trong chậu
723	Đánh giá đặc điểm nông sinh học và năng suất của một số giống lúa thuần ngắn ngày chất lượng trong vụ mùa 2018 tại Văn Lâm-Hưng Yên	Hoàng Văn Hùng	TS. Nguyễn Văn Phú	Đánh giá đặc điểm nông sinh học và năng suất của một số giống lúa thuần ngắn ngày chất lượng Đánh giá được một số đặc điểm nông sinh học của các giống lúa thuần ngắn ngày, chất lượng trong vụ xuân từ đó chọn ra 2 giống tốt giới thiệu cho sản xuất
				Evaluation of some promising lines of heat-tolerant lily (<i>Lilium formologi</i> and <i>Lilium longiflorum</i>) appropriate to summer-autumn crop

724	Evaluation of combining ability of some thermostable Lily combinations to produce F1 Hybrid seed in the autumn-winter season	Nguyễn Thị Mai	TS. Trần Anh Tuấn - TS. Nguyễn Xuân Trường	<p>1. The father lines had germinating time rom 3 to 6 days; total growth period ranged between 76 and 91 days. Almost all lines had a stable height ranged from 52.7 cm to 56.5 cm, average diameter of stem range from 8.1 to 11.6 mm; The highest number of leaves/plant reached at 67.0 with the leaf length ranged from 9.8 to 11.9 cm and the leaf width ranged from 1.8 to 2.2 cm. Among 10 evaluated lines, the were 7 lines blossomed and 4 lines had fruition.</p> <p>2. The germination rate of pollens of the father lines were increasing by the time (followed in 5 hours). Among the father lines, line 72 had the highest germination rate of pollens at 92%. The vitality of pollens was decreasing after storage time and lowest vitality were at the third month. Among father lines, line 72 had the best durable vitality in storage time.</p>
725	Effective evaluation of some technical solution for improvement in yield and quality on ware potato production	Ngô Thị Thu Thảo	TS. Trần Anh Tuấn - TS. Nguyễn Xuân Trường	<p>This study aims to find out the effective overlay method and irrigation system for potato at Lien Bao commune, Vu Ban district, Nam Dinh province in November, 2018 – February, 2019</p> <p>1. Potato plants in both var. Bliss and Atlantic had similar growth characteristics as growth duration, growing rate, vitality, uniformity, stem number/cluster, main stem diameter, plant height and leaves number. But potato plants var. Bliss had lower infections of black cutworm, mite, aphid, late blight, virus and Rhizoctonia disease.</p> <p>2. Three improved cultivation methods including of munching, drip irrigation and sprinkler irrigation gave good growth, low of pests and diseases infections and higher yield than the control cultivation method of potato plants in both var. Atlantic and Bliss. The theoretical yields ranged from 14.67 tons/ha to 15.33 tons/ha for Atlantic and 15.50 – 18.67 tons/ha. Among them, the highest theoretical yield of potato were 15.33 tons/ha in var. Atlantic cultivated with sprinkler irrigation method and 18.67 tons/ha in var. Bliss cultivated with drip irrigation method.</p>
726	Evaluating the growth and development of some grapefruit varieties in Gia Lam, Hanoi.	Ma Hải Nam	TS. Nguyễn Văn Phú	<p>Evaluating the growth and development of some grapefruit varieties</p> <p>Evaluation of growth, development characteristics of the some grape fruit and selection of the best varieties</p>
727	Đánh giá sinh trưởng phát triển và năng suất một số dòng, giống đậu tương trong điều kiện vụ hè thu trên đất gia lâm Hà Nội	Nguyễn Hương Lan	TS. Vũ Đình Chính	<p>Bộ trí thí nghiệm theo phương pháp tập đoàn, so sánh sinh trưởng phát triển, số cành, diện tích lá, nốt sần, số quả, khối lượng 1000 hạt và năng suất. Kết quả cho thấy các dòng giống có khả năng sinh trưởng phát triển, số cành, diện tích lá, nốt sần, số quả, khối lượng 100 quả và năng suất khác nhau. Trong đó đã xác định một số dòng, giống đậu tương triển vọng năng suất cao D913, D821.</p>

728	Đánh giá sinh trưởng phát triển và năng suất một số dòng, giống lạc trong điều kiện vụ hè thu năm 2018 trên đất gia lâm Hà Nội	Nguyễn Thị Luyến	TS. Vũ Đình Chính	Thí nghiệm bố trí theo phương pháp tập đoàn, so sánh sinh trưởng phát triển, số cành, diện tích lá, nốt sần, số quả, khối lượng 100 quả và năng suất. Kết quả cho thấy các dòng giống có khả năng sinh trưởng phát triển, số cành, diện tích lá, nốt sần, số quả, khối lượng 1000 hạt và năng suất khác nhau. Trong đó đã xác định một số dòng, giống lạc triển vọng năng suất cao you17, L15, ĐBG.
729	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số mẫu giống đương quy nhật bản (<i>angelica acutiloba kitagawa</i>) tại Sapa Lào cai	Nguyễn Thị Thu Thủy	PGS.TS. Ninh Thị Phíp	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số mẫu giống Đương Quy Nhật Bản được thu thập ở một số tỉnh miền núi phía Bắc và trồng tại SaPa- Lào Cai. Đánh giá các đặc điểm hình thái của các mẫu giống Đương Quy Đánh giá đặc điểm sinh trưởng phát triển và Đánh giá mức độ nhiễm sâu bệnh hại của cây Đương Quy nhật bản
730	Nghiên cứu đặc điểm nông sinh học của mẫu giống và ảnh hưởng của liều lượng đạm bón, mức độ che sang cho cây giáo cổ lam 5 lá (<i>gynostemma pentaphyllum</i>) tại Hà Nội	Nguyễn Phan Huy	PGS.TS. Ninh Thị Phíp	Đánh giá đặc điểm nông sinh học làm cơ sở xác định giống giáo cổ lam có năng suất, chất lượng phù hợp, triển vọng và nghiên cứu ảnh hưởng của một số loại đạm đến 3 mẫu giống Giáo cổ lam 5 lá nhằm xác định loại đạm và hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng các mẫu giống này tại Hòa Bình.
731	Ảnh hưởng của liều lượng đạm bón đến sinh trưởng và năng suất của giống đậu xanh ĐXVN7 trong các điều kiện che phủ khác nhau	Nguyễn Thị Lan	TS. Vũ Ngọc Thăng	Thí nghiệm được tiến hành nhằm đánh giá ảnh hưởng của 3 mức đạm bón (30, 50, 70 kg/ha) đến sinh trưởng và năng suất của giống đậu xanh ĐXVN7 trong điều kiện che phủ nilon và không che phủ. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng trong điều kiện được che phủ thời gian sinh trưởng của giống đậu xanh ngắn hơn so với trong điều kiện không được che phủ trong khi đó các chỉ tiêu sinh trưởng, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất lại cao hơn. So sánh giữa các mức bón và điều kiện che phủ kết quả cho thấy ở mức bón 50kg N/ha cho hiệu quả kinh tế đạt giá trị cao nhất
732	Ảnh hưởng của mật độ và lượng lân bón đến sinh trưởng và năng suất của giống đậu xanh ĐXVN7 trong vụ hè thu năm 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Nông Thảo Diễm	TS. Vũ Ngọc Thăng	Thí nghiệm được tiến hành nhằm đánh giá ảnh hưởng của 3 mức mật độ (20, 25, 30 cây/m ²) và 3 mức lân bón (60, 90, 120 kg/ha) đến sinh trưởng và năng suất của giống đậu xanh ĐXVN7 trong vụ hè thu năm 2018 tại Gia Lâm Hà Nội. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng với mật độ trồng 25 cây/m ² và mức lân bón 120 kg/ha cho hiệu quả kinh tế đạt giá trị cao nhất
733	Đánh giá ảnh hưởng của lượng silic bón đến khả năng sinh trưởng và phát triển của cây mạch môn (<i>ophiopogon japonicas</i> Wall) trong điều kiện không tưới tại Hạ Hòa, Phú Thọ	Vy Văn Hai	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Trên cơ sở nghiên cứu ảnh hưởng lượng phân silic bón (0-60kg SiO ₂ /ha) đến khả năng sinh trưởng, phát triển cây mạch môn trong điều kiện không tưới để xác định lượng phân silic thích hợp giúp cây sinh trưởng, phát triển thuận lợi. Kết quả cho thấy, cây mạch môn được bón bổ sung silic sinh trưởng và có yếu tố cấu thành năng suất tốt hơn công thức không được bón. Bón bổ sung 40kg SiO ₂ /ha giúp cây tăng chiều cao, số lá, số nhánh, độ dày lá, chỉ số SPAD, hàm lượng nước liên kết. Tại mức bón bổ sung 40 kg SiO ₂ /ha cây mạch môn có số củ, khối lượng rễ và củ cao hơn các công thức còn lại.

734	Đánh giá ảnh hưởng của thời điểm và nồng độ phun ethrel đến sinh trưởng, phát triển cây bìm bìm trong vụ thu tại Gia Lâm Hà Nội	Nguyễn Quốc Khánh	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Đánh giá ảnh hưởng của thời điểm và nồng độ phun Ethrel đến sinh trưởng, phát triển cây bìm bìm tại Gia Lâm - Hà Nội từ đó xác định được thời điểm và nồng độ phun thích hợp giúp cây sinh trưởng, phát triển tốt, chín tập trung rút ngắn thời gian thu hoạch góp phần xây dựng quy trình sản xuất cây bìm bìm. Kết quả cho thấy nồng độ và thời điểm phun ethrel có tác động đến thời gian sinh trưởng, các chỉ tiêu sinh trưởng (chiều cao cây, LAI, khả năng tích lũy chất khô, chỉ số SPAD) và các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất (tổng số quả/cây, số quả chắc, khối lượng 1000 quả). Tại nồng độ 15ppm và phun sau 60 ngày sau trồng giúp cây bìm bìm sinh trưởng và có năng suất quả cao hơn các công thức khác.
735	Ảnh hưởng của điều kiện hạn nhân tạo đến sinh trưởng của cây chè trong giai đoạn cây con	Võ Hoàng Anh	ThS. Bùi Thế Khuynh	#N/A
736	Evaluation of growth and development of groundnut genotypes in Autumn season, 2018	Lê Thị Linh	ThS. Bùi Thế Khuynh	#N/A
737	Effect of salicylic acid and abscisic acid on growth, physiology and water stress tolerance of Arabica coffee plants	Chan Pheap .	TS. Vũ Ngọc Thắng	Experiments was carried out to evaluate the effect of six salicylic acid concentrations (0 (control), 100, 200, 300, 400 μ M) and six abscisic acid concentrations (0 (control), 10, 50, 100, 150, 200 mg/L) on growth, physiology and water stress tolerance of Arabica coffee plants. The result showed that the foliar application of ABA reduced the growth characteristics such as plant height, leaf length, leaf width, leaf area, SPAD value, fresh and dry weight of leaf, shoot and root, Fv/m of Arabica coffee plants. However, the foliar application of ABA enhanced the drought tolerance in Arabica coffee plants by increasing SPAD values, Fv/m, relative water content in the leaves and decreasing the percentage of relative ion leakage, thus ABA delaying the starting time of wilting point in drought condition. Application of salicylic acid improving growth characteristics and SPAD values, Fv/m, relative water content in the leaves and decreasing the percentage of relative ion leakage, thus salicylic acid delaying the starting time of wilting point in drought condition. drought tolerance in Arabica coffee plants by increasing

738	Researches on effect of accessions, cover materials, fertilizers on growth and development of <i>polycias spp.</i> at Gia Lam Ha Noi	Vũ Văn Anh	PGS.TS. Ninh Thị Phíp	Morphological characteristics of all 7 accessions are generally similar: Erect shrub, bearing scars with irregular density, surface isglabrous when young, scabrous when mature. The growth and development of Polyscias spp. accessions are also clearly different. Moon leave Polyscias (G6) and tea leave Polyscias (G7) have highest growth dynamic of plant height. Fertilization has big effects on the growth and development of Polyscias fruticosa(L.) Harms propagated by both in vitro and in vivo plants
739	Comparison of Japonica rice lines in the autumn crop 2018 in Gia Lam-Ha Noi.	Nguyễn Ngọc Tuấn	PGS.TS. Tăng Thị Hạnh	One-factor experiment was designed in RCB with 3 replications. Data was collection to evaluate the growth, development, insect and disease resistance and grain yield of japonica rice lines, then some promising lines were selected to develop new variety.
740	Effect of planting season on growth and yield of DCG72 rice variety in Gia Lam Ha Noi	Đặng Sơn Quyền	PGS.TS. Phạm Văn Cường	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng 1 yếu tố, theo kiểu RCB, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, mức độ nhiễm sâu bệnh hại và năng suất của giống lúa DCG72 trên các công thức thời vụ gieo cấy khác nhau trong vụ xuân tại Gia Lâm-Hà Nội nhằm chọn ra thời vụ thích hợp nhất
741	Evaluation of growth and yield traits of quinoa in Dak Lak province	Nguyễn Thị Thanh Thủy	PGS.TS. Nguyễn Việt Long	Two-factor experiment was designed in Split-plot with 3 replications. Two varieties Atlas and 2 want for high yield of 2.8 -3 tons / ha are prospects for development
742	Rapid propagation of Rain lily (<i>Zephyranthes L.</i>) by in vitro culture technique	Lê Huy Nam	TS. Phùng Thị Thu Hà	Objectives:Establish propagation process of the rain lily using in vitro technique (from sterilization of the plant tissue to rooting stage) Result: Identified the effects of Javen-treated time on efficiency of surface disinfection in Rain lily seed, Identified the effects of 0.5% Persept-treated time on efficiency of surface disinfection in Rain lily flower bud. Identified effect of BAP, IAA, NAA and Kinetin on the rate of multiplication. The result showed that: MS medium + 2 mg/l BAP + 0.5 mg/l NAA + 1 mg/l Kinetin is the best medium for rapid shoot multiplication, with the highest coefficient of multiplier is 3 buds/sample, height of bud 2.38 cm after 4 weeks of cultured.
743	Evaluation of combining ability of some thermostable Liliium hybrid combination for production of F1 Hybrid seed in the autumn-winter crop	Nguyễn Thu Phương	ThS. Phạm Thị Huyền Trang - TS. Nguyễn Xuân Trường (viện sinh học nông nghiệp - HVNNVN)	Identify some main factors that influence on the combining ability of some Lilys lines and yield of fruit in different planting seasons. In evaluated father lines, line 54 of father line had high germination rate of pollen (more than 70%), so it was used for pollination. In next years, line 54 can be used for father line. Line 124, 57, 138, 110, 91, 95, 94, 135, 149, 156 was potential lines because they had good yield traits. The combination of line 54 with those lines also created fruit that brought high quality.

				In the different season, the growth and development and also yield of mother line was different. The season 3 had the highest ones such as the highest height, number of leaves, number of flower and also number of fruits.
744	The effect of drought on plant growth and development in Dancing-lady orchid, <i>Oncidium flexiosum</i>	Hoàng Duy Bách	TS. Nguyễn Thị Hòa	The research project focused on impacts of drought on growth and development of Dancing lady orchid. The results showed that Dancing lady orchid was sensitive to drought. Within the studied parameters, leaf area and pseudobulb size were the two features that variations with drought were pronounced among treatments.
745		Vi Tiến Dũng	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A
746		Nguyễn Thu Phương	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A
747		Nguyễn Thị Thúy	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A
748		Lê Sỹ Tuyên	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A
749		Nguyễn Thị Thắm	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A
750		Nguyễn Linh Chi	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A
751		Đặng Thu Mơ	TS. Đỗ Trung Kiên	#N/A
752		Kiều Văn Đức	TS. Đỗ Trung Kiên	#N/A
753		Nguyễn Thị Na	TS. Đỗ Trung Kiên	#N/A
754		Lê Thị Hà	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
755		Ninh Thị Hạnh	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
756		Nguyễn Thị Thúy Ngọc	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
757		Trần Thị Ngọc Luyên	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
758		Võ Thúy Quỳnh	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
759		Lê Hữu Trang	PGS.TS. Hà Viết Cường	#N/A
760		Lưu Công Đức	PGS.TS. Hà Viết Cường	#N/A
761		Nguyễn Huyền Trang	PGS.TS. Hà Viết Cường	#N/A
762		Đặng Thị Khánh Linh	PGS.TS. Hà Viết Cường	#N/A
763		Nguyễn Thị Thanh Nhung	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
764		Giàng Thanh Bình	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
765		Nguyễn Thị Hoàn	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
766		Phạm Thị Oanh	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A

767		Cao Thiệu Nam	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A
768		Hoàng Tuấn Anh	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A
769		Phạm Thành Trung	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A
770		Nguyễn Thị Định	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A
771		Vũ Anh Phương	PGS.TS. Hà Việt Cường	#N/A
772		Lê Thị Hồng Hạnh	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A
773		Nguyễn Thị Chinh	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
774		Đinh Thị Quỳnh Châu	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
775	Tốc độ hình thành tính kháng thuốc của quần thể rầy lưng trắng mẫn cảm <i>Sogatella furcifera</i> Horvath đối với một số hoạt chất năm 2018	Nguyễn Thị Hà	PGS.TS Lê Ngọc Anh	Đã tiến hành thí nghiệm theo dõi sự thay đổi các giá trị LD50, Ri qua các thế hệ của quần thể rầy lưng trắng mẫn cảm dưới chịu áp lực chọn lọc của hoạt chất Pymetrozine, Fenobucarb, Sulfoxaflor, Dinotefuran, bước đầu ghi nhận sự gia tăng các chỉ số và biểu hiện tính kháng thuốc trên các nhóm rầy thử với Fenobucarb, ở thế hệ G35. Đối với các hoạt chất còn lại, các chỉ số LD50, Ri có tăng nhưng vẫn trong giới hạn mẫn cảm.
				Nòi rầy lưng trắng kháng với hoạt chất Buprofezin chưa thể hiện tính kháng chéo với các hoạt chất Pymetrozine, Fenobucarb, Sulfoxaflor, Dinotefuran.
				Hoạt chất Dinotefuran có ảnh hưởng làm giảm sức sinh sản, giảm nhịp điệu sinh sản, kéo dài vòng đời của rầy lưng trắng mẫn cảm, làm tăng loại hình rầy cánh dài và tỷ lệ đục cánh dài cao hơn so với rầy không tiếp xúc với hoạt chất này.
776	Thành phần sâu mọt hại nông sản tại Hà Nội: Đặc điểm sinh học, sinh thái của loài mọt đậu đỏ <i>Callosobruchus maculatus</i> Fabricius năm 2018	Nguyễn Thị Quỳnh	PGS.TS Lê Ngọc Anh	Đã điều tra thành phần sâu mọt hại nông sản tại các chợ ở Hà Nội năm 2018 thu được 7 loài côn trùng thuộc 6 họ thuộc bộ Cánh cứng Coleoptera.
				Đã theo dõi vòng đời và một số chỉ tiêu sinh học khác nhau sức đẻ trứng, tỷ lệ trứng nở, tỷ lệ đục cái ở điều kiện nhiệt độ 20°C và 25°C, ẩm độ 70% trên 2 loại thức ăn là đỗ đen và đỗ xanh, ghi nhận có sự sai khác. Tỷ lệ đục/cái loài mọt đậu đỏ <i>Callosobruchus maculatus</i> khi nuôi trên các nguồn thức ăn khác nhau có sự chênh lệch.
				Tỷ lệ chết các pha phát dục của loài mọt đậu đỏ <i>Callosobruchus maculatus</i> là không đồng đều, pha trứng và sâu non tuổi 1 là pha có tỷ lệ chết cao nhất so với các pha phát dục còn lại. Thức ăn và nhiệt độ là những nhân tố ảnh hưởng đến tỷ lệ chết các pha trước trưởng thành, nhiệt độ 20°C thì tỷ lệ chết cao hơn so với nhiệt độ 25°C.

				Số lượng cá thể trưởng thành loài mọt đậu đỏ <i>Callosobruchus maculatus</i> ở 25°C cao hơn ở 20°C khi nhân nuôi trên 2 loại thức ăn sau 90 ngày bảo quản ở tất cả các công thức thí nghiệm. Mật độ mọt càng cao thì tỷ lệ hao hụt khối lượng sau thời gian bảo quản càng lớn
777	Sự phát triển tính kháng thuốc của quần thể rầy nâu <i>Nilaparvata lugens</i> Stal miễn cảm đối với một số hoạt chất thuốc BVTV năm 2018	Nguyễn Trung Hiếu	PGS.TS Hồ Thị Thu Giang	<p>Sinh viên tiến hành thí nghiệm theo dõi sự thay đổi các giá trị LD50, LC50 qua các thế hệ của quần thể rầy nâu miễn cảm dưới chịu áp lực chọn lọc đồng thời của một số hoạt chất thuốc BVTV Buprofezine, Nitenpyram, Sulfoxaflor và Chlorpyrifos ethyl. Kết quả ghi nhận tốc độ gia tăng tính kháng của rầy nâu miễn cảm tăng 5,9 lần so với thế hệ ban đầu khi tiếp xúc liên tục với Buprofezine; tăng 2,33 lần so với thế hệ đầu tiên khi tiếp xúc với Nitenpyram và tăng 5,26 lần so với thế hệ ban đầu khi tiếp xúc liên tục với Sulfoxaflor; tăng 1,29 lần so với thế hệ đầu tiên khi tiếp xúc với Chlorpyrifos ethyl.</p> <p>Sulfoxaflor ảnh hưởng trực tiếp đến các chỉ tiêu sinh học của rầy nâu, theo đó vòng đời rầy nâu miễn cảm ngắn hơn, sức sinh sản giảm, sức sống kém so với đối chứng. Tỷ lệ giới tính (tỷ lệ đực tăng lên) và sự hình thành dạng cánh (loại hình cánh dài xuất hiện nhiều hơn) cũng chịu ảnh hưởng bởi Sulfoxaflor.</p> <p>Đòng rầy miễn cảm đã kháng nhẹ với Buprofezin chưa ghi nhận xuất hiện tính kháng chéo với 3 nhóm hoạt chất là Sulfoxaflor, Imidacloprid và Fenobucarb.</p>
778	Nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái học và khả năng nhân nuôi trong điều kiện phòng thí nghiệm ngài gạo <i>Corcyra cephalonica</i> (Lepidoptera: Pyralidae) năm 2018	Đào Quang Hưng	PGS.TS Hồ Thị Thu Giang	<p>Sinh viên đã tiến hành nhân nuôi sinh học ngài gạo <i>Corcyra cephalonica</i> liên tục qua các đợt tương ứng với điều kiện PTN khác nhau, đồng thời trên các công thức hỗn hợp thức ăn khác nhau ghi nhận CT chứa cám ngô+ sữa bột xay tối ưu nhất cho sự phát triển quần thể ngài gạo.</p> <p>Trong điều kiện PTN với công thức thức ăn tối ưu hóa là cám ngô + sữa bột, độ thô có ảnh hưởng tới sự phát triển và tỷ suất nhân nuôi ngài gạo, theo đó tỷ suất nhân nuôi tăng theo thứ tự thức ăn xay vừa > xay mịn > cám thô trong ứng 55, 40 và 36.4 lần.</p>
779	Nghiên cứu diễn biến mật độ, đặc điểm sinh vật học và biện pháp phòng trừ bộ nhậy sọc cong <i>Phyllotreta striolata</i> F. hại rau thập tự vụ đông xuân 2018-2019 tại vùng ngoại thành Hà Nội	Phạm Văn Vương	ThS. Nguyễn Đức Khánh	<p>Sinh viên đã điều tra thành phần sau hại rau họ thập tự ở ngoại thành Hà Nội vụ đông xuân 2019 xác định được một số loài sâu hại chính là bộ nhậy sọc cong <i>Phyllotreta striolata</i>, sâu tơ <i>Plutella xylostella</i> Linnaeus, sâu xanh bướm trắng <i>Pieris rapae</i> Linnaeus, rệp cải <i>Brevicoryne brassicae</i>, xác nhận bộ nhậy gây hại nặng cho cây cải ở giai đoạn hai lá mầm.</p> <p>Theo dõi vòng đời của bộ nhậy trong điều kiện nuôi nhân tạo tiêu chuẩn ghi nhận bộ nhậy phát triển nhanh, kích thước các pha lớn và tỉ lệ chết thấp hơn</p>

				Thử nghiệm đánh giá hiệu lực của thuốc BVTV trong phòng trừ bọ nhảy cho thấy hiệu lực của hai loại thuốc hóa học là Dupont Prevathon và Voliam Targo 063 sc hiệu quả cho phòng trừ bọ nhảy. Quá trình thử nghiệm hoạt chất neem và nấm metahizium mang lại hiệu quả chưa cao.
780	Điều tra tình hình nuôi ong và nghiên cứu một số đặc điểm hình thái, sinh học và năng suất của hai giống ong <i>Apis cerana cerana</i> , <i>Apis cerana indica</i> tại huyện Đông Vã tỉnh Hà Giang	Lê Hồng Sơn	PGS.TS Phạm Hồng Thái	0
781	Nghiên cứu đặc điểm hình thái, sinh học và năng suất của con lai giữa <i>Apis melliera caucasica</i> , <i>Apis melliera carnica</i> , <i>Apis melliera ligustica</i>	Nguyễn Thị Hậu	PGS.TS Phạm Hồng Thái	0
782	Nghiên cứu thành phần nhện bắt mồi <i>Amblyseius largoensis</i> ăn bọ trĩ trên cây rau bầu bí, nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái và khả năng nhân nuôi nhện bắt mồi <i>Proprioseiopsis</i>	Phùng Thị Xuân	TS. Nguyễn Đức Tùng	Sinh viên đã điều tra được thành phần nhện bắt mồi họ Phytosiiedae ăn bọ trĩ trên cây họ đậu đỗ và họ cà. Đồng thời tiến hành thí nghiệm xác định được thời gian phát dục, sức sinh sản, sức tăng quần thể của nhện bắt mồi <i>Amblyseius tamatavensis</i> ăn nhện đỏ, bọ trĩ và nhện hại kho.
783	Nghiên cứu thành phần nhện bắt mồi ăn bọ trĩ trên cây rau họ cà, nghiên cứu đặc điểm sinh học sinh thái và khả năng nhân nuôi nhện bắt mồi <i>Proprioseiopsis</i>	Nguyễn Thị Việt Hà	TS. Nguyễn Đức Tùng	Sinh viên đã điều tra được thành phần nhện bắt mồi họ Phytosiiedae ăn bọ trĩ trên cây họ bầu bí. Đồng thời tiến hành thí nghiệm xác định được thời gian phát dục, sức sinh sản, sức tăng quần thể của nhện bắt mồi <i>Amblyseius largoensis</i> ăn bọ trĩ và nhện hại kho.
784	So sánh một số giống dưa chuột nếp trong điều kiện vụ đông 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội.	Hoàng Thu Trà	PGS. TS. Nguyễn Thế Hùng	Đã tiến hành thí nghiệm so sánh 9 giống dưa chuột nếp có triển vọng trong điều kiện vụ đông 2018 tại Gia Lâm Hà Nội . Các kết quả nghiên cứu giúp việc lựa chọn các nguồn gen tốt phục vụ công tác chọn tạo giống ngô nếp .
785	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số loại phân hữu cơ đến sinh trưởng, phát triển và ra hoa của một số giống hoa hồng.	Chu Thị Uyên	PGS. TS. Nguyễn Thế Hùng	Đã tiến hành thí nghiệm so sánh 4 loại phân bón lá hữu cơ cho 2 giống hoa hồng trong điều kiện vụ đông 2018 tại Gia Lâm Hà Nội . Các kết quả nghiên cứu giúp việc bổ xung vào quy trình sản xuất hoa hồng tại Gia Lâm Hà Nội .
786	Ảnh hưởng của thời vụ trồng đến năng suất hạt lai F1 giống ngô lai VNUA 153 trong điều kiện vụ đông 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội.	Chu Thị Thảo	PGS. TS. Nguyễn Thế Hùng	Đã tiến hành nghiên cứu ảnh hưởng của hai thời vụ trồng tới sinh trưởng, phát triển , khả năng chống chịu và các yếu tố tạo thành năng suất hạt lai F1 của giống ngô lai lá đứng VNUA153 trong điều kiện vụ Đông 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội. Lựa chọn được thời vụ 1 phù hợp cho việc trồng giống ngô thí nghiệm

787	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón và thời điểm cắt đến năng suất chất xanh của giống cao lương OPV 88 trong vụ đông 2018 tại Gia Lâm-Hà Nội	Hồ Linh Phương	GS. TS. Phạm Văn Cường	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng 2 yếu tố, theo kiểu split-plot, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, mức độ nhiễm sâu bệnh hại và năng suất chất xanh của giống cao lương OPV88 trên các công thức phân bón và thời điểm cắt khác nhau tại Gia Lâm-Hà Nội nhằm lựa chọn công thức phù hợp nhất
788	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân hữu cơ và phân vô cơ đến sinh trưởng và năng suất của một số loại rau vụ Đông 2018 tại huyện Lý Nhân - Hà Nam	Nguyễn Văn Hiệp	GS. TS. Phạm Văn Cường; ThS Bùi Ngọc Tấn	Bố trí các thí nghiệm đồng ruộng, mỗi thí nghiệm cho 1 đối tượng cây rau (cà chua, dưa chuột, cải bắp), thí nghiệm 1 yếu tố, theo kiểu RCB, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, mức độ nhiễm sâu bệnh hại và năng suất và chất lượng của cây rau trên các công thức phân bón (hữu cơ kết hợp với vô cơ) trong vụ Đông tại Lý Nhân, Hà Nam nhằm lựa chọn công thức phù hợp nhất
789	Nghiên cứu ảnh hưởng của nồng độ HNO ₃ và thời gian ngâm hạt giống, đến tỷ lệ nảy mầm và sức sống của cây con trong giai đoạn mạ của một số dòng lúa Japonica.	Nguyễn Đỗ Quốc Hưng	PGS.TS. Tăng Thị Hạnh	Bố trí thí nghiệm trong phòng, 3 yếu tố theo kiểu RCD, theo dõi và đánh giá tỷ lệ nảy mầm, khả năng sinh trưởng của cây mạ của một số dòng lúa japonica mới chọn tạo trên các công thức xử lý nồng độ HNO ₃ khác nhau và thời gian ngâm khác nhau nhằm lựa chọn công thức phù hợp nhất
790	Nghiên cứu ảnh hưởng của khoảng cách trồng và lượng phân bón đến sinh trưởng, phát triển giống ngô ST 6275 trong vụ thu đông tại Gia Lâm - Hà Nội.	Nguyễn Thị Tú Linh	PGS.TS. Tăng Thị Hạnh; ThS. Nguyễn Văn Hà	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng, 2 yếu tố theo kiểu split-plot, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, phát triển, mức độ nhiễm sâu bệnh hại, năng suất của giống ngô ST6275 trên các công thức lượng phân bón và khoảng cách trồng khác nhau trong vụ Thu đông tại Gia Lâm - Hà Nội nhằm lựa chọn công thức phù hợp nhất
791	Nghiên cứu kỹ thuật trồng ngô bầu và khoảng cách trồng giống ngô VNUA36 trong vụ thu đông tại Gia Lâm - Hà Nội.	Nguyễn Ngọc Hoàng	PGS.TS. Tăng Thị Hạnh; ThS. Trần Thị Thanh Hà.	Bố trí thí nghiệm đồng ruộng, 2 yếu tố theo kiểu split-plot, theo dõi và đánh giá sinh trưởng, phát triển, mức độ nhiễm sâu bệnh hại, năng suất của giống ngô VNUA36 trên các công thức cách làm bầu và khoảng cách trồng khác nhau trong vụ Thu đông tại Gia Lâm - Hà Nội nhằm lựa chọn công thức phù hợp nhất
792	Đánh giá ảnh hưởng của lượng đạm bón tới sinh trưởng, phát triển, năng suất của một số giống diêm mạch tại Sơn La trong vụ thu đông 2018.	Ngô Thị Thắm	PGS.TS. Nguyễn Việt Long	Bố trí thí nghiệm theo Split Plot, với 3 lần nhắc lại trồng trên 2 giống diêm mạch Nghiên cứu đã xác định được đặc điểm sinh trưởng, phát triển và năng suất của các giống diêm mạch trong vụ Đông năm 2018 tại Sơn La. Nghiên cứu xác định mức đạm N= 90kg/ha phù hợp cho 02 giống diêm mạch sinh trưởng. Nghiên cứu xác định tăng đạm làm tăng năng suất diêm mạch, hai giống Atlas và 2 want cho năng suất cao 2,8 - 3 tấn/ha là triển vọng để phát triển
	Nghiên cứu ảnh hưởng của lượng phân đạm và			Bố trí thí nghiệm theo Split Plot, với 3 lần nhắc lại trồng trên 2 giống diêm mạch

793	Nghiên cứu ảnh hưởng của lượng phân đạm và kali đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của cây Diêm mạch trong vụ thu đông năm 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội.	Chánh Mí Mua	PGS.TS. Nguyễn Việt Long	Nghiên cứu xác định mức đạm N= 90kg/ha phù hợp cho 02 giống diêm mạch sinh trưởng. Nghiên cứu xác định tăng đạm làm tăng năng suất diêm mạch, hai giống Atlas và 2 want cho năng suất cao 2,8 - 3 tấn/ha là triển vọng để phát triển. Lượng Kali không ảnh hưởng đến năng suất của 2 giống diêm mạch.
794	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số mức mặn nhân tạo đến sinh trưởng, phát triển của một số giống diêm mạch tại Gia Lâm - Hà Nội trong vụ thu đông 2018.	Trần Thị Dương	PGS.TS. Nguyễn Việt Long	Bổ trí thí nghiệm theo khối ngẫu nhiên để nghiên cứu ảnh hưởng của 04 mức mặn đến 10 giống diêm mạch.
				Nghiên cứu xác định sinh trưởng, phát triển, các chỉ tiêu sinh lý đặc biệt là cường độ thoát hơi nước của các giống diêm mạch trong các mức mặn khác nhau và so sánh với đối chứng.
				Nghiên cứu đã xác định khi tăng nồng độ muối từ 0mM NaCl đến 300 mM NaCl làm giảm sinh trưởng của bộ rễ và cây diêm mạch. Hai giống diêm mạch Atlas và 2 want có khả năng chịu mặn tốt nhất.
795	Đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của một số dòng lúa thuần trong vụ mùa 2018 tại Văn Lâm-Hung Yên	Nguyễn Thị Mai Hương	TS. Nguyễn Văn Lộc	Theo dõi, nghiên cứu đặc điểm nông sinh học của một số giống lúa thuần ngắn ngày chất lượng gồm: các tính trạng đặc trưng để đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của một số dòng lúa thuần vụ mùa 2018 tại Hưng Yên
796	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số loại Phytohormon đến sinh trưởng tái sinh chồi và rễ của cây sâm ngọc Linh (Panax VietNamensis)	Nguyễn Ngọc Bảo	TS. Nguyễn Văn Lộc	Ảnh hưởng của các chất điều hoà sinh trưởng thuộc nhóm cytokinin đến khả năng tái sinh chồi từ phôi vô tính. Ảnh hưởng của GA3 đến khả năng tái sinh chồi từ phôi vô tính. Ảnh hưởng của các chất điều hoà sinh trưởng thuộc nhóm cytokinin đến khả năng nhân chồi.Ảnh hưởng của α -NAA và than hoạt tính đến khả năng tạo rễ và cây hoàn chỉnh. Ảnh hưởng của IBA và than hoạt tính đến khả năng tạo rễ và cây hoàn chỉnh.
797	Nghiên cứu phương pháp cắt lá đến sinh trưởng, năng suất của giống cà chua đen	Nhữ Công Văn	TS. Đỗ Thị Hương	Mục đích: Xác định được nồng độ axit salicylic phù hợp để giống cà chua đen cho năng suất và chất lượng tốt nhất
				Kết quả đạt được: Phun axit salisilic nồng độ 1nm/l cho năng suất cà chua đen đạt 55,3 tấn/ha và nồng độ 1,5 nm axit cho năng suất đạt 48,33 tấn/ha
798	Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng phân hữu cơ đến sinh trưởng và năng suất của giống cà chua lai F1 MOTAVI	Giáp Văn Toàn	TS. Nguyễn Thị Ái Nghĩa	Thí nghiệm được thực hiện trên 4 mức phân bón 12 tấn phân hữu cơ loại 1(CT1), 10 tấn (CT2), 12 tấn (CT3) và 14 tấn hữu cơ loại 2 (CT4). Kết quả năng suất của cà chua đạt tương ứng là 29,15; 24,33; 28,52 và 33,54 tấn/ha.
799	Nghiên cứu ảnh hưởng của nồng độ dung dịch dinh dưỡng hữu cơ đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của rau cải mè trong hệ thống AQUAPONICS	Nguyễn Thùy Linh	GS.TS. Phạm Tiến Dũng	Dung dịch hữu cơ HUME bổ sung cho rau cải mè với nồng độ pha 1ml cho 1 lít nước là phù hợp nhất cho cải mè để đạt năng suất cao

800	Nghiên cứu ảnh hưởng của lượng phân chuồng ủ đến khả năng sinh trưởng và phát triển của cây cà chua tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Văn Mừng	ThS. Nguyễn Hồng Hạnh	Đánh giá ảnh hưởng của 4 mức phân chuồng ủ (15, 25, 35 và 45) tấn/ha đến sinh trưởng, năng suất cà chua vụ thu Đông 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội. Kết quả cho thấy bón 35 tấn/ha cho năng suất cũng như hiệu quả kinh tế cao nhất
801	Nghiên cứu sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh thay thế phân bón vô cơ cho sản xuất rau an toàn vụ đông 2018 tại Văn Đức, Gia Lâm, Hà Nội	Trần Văn Hiệu	PGS. TS. Trần Thị Minh Hằng	Trên cơ sở nghiên cứu sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh thay thế phân bón vô cơ cho sản xuất rau an toàn vụ đông 2018 tại Văn Đức, Gia Lâm, Hà Nội, đề tài đã xác định được việc bón phân hữu cơ vi sinh có thể thay thế cho 50% lượng phân vô cơ NPK so với mức bón thông dụng khi bón cho cải củ, cà chua và rau muống mang lại hiệu quả kinh tế cao và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm..
802	Ảnh hưởng của liều lượng phân bón ủ hữu cơ đến sinh trưởng, phát triển và năng suất một số loại rau hữu cơ tại Sóc Sơn, Hà Nội	Phạm Xuân Tiến	PGS. TS. Trần Thị Minh Hằng	Trên cơ sở nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng bón phân ủ hữu cơ đến sinh trưởng, phát triển và năng suất một số loại rau hữu cơ tại Sóc Sơn, Hà Nội trong vụ đông xuân 2018-2019, đề tài đã xác định được lượng phân hữu cơ ủ bón cho cải củ, cà chua và cải bắp có hiệu quả hơn cả là 14 tấn/ha. Đây là các mức bón nhiều nhất trong các mức nghiên cứu. Điều này cho thấy việc tăng cường bón phân hữu cơ ủ càng có tác dụng đối với các loại rau cải củ, cà chua và cải bắp trong canh tác hữu cơ.
803	Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật sau thu hoạch đối với giống nhãn hương chi trồng tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Lương Văn Quang	TS. Đoàn Văn Lư	Mục đích: xác định được một công thức phù hợp để kỹ thuật sau thu hoạch đối với giống nhãn hương chi trồng tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
804	Nghiên cứu đặc điểm nông sinh học của một số loại cây họ gừng (Zingiberaceae) trồng tại Gia Lâm, Hà Nội năm 2018	Nguyễn Thị Oanh	ThS. Nguyễn Anh Đức - ThS. Trịnh Thị Mai Dung	Đề tài được thực hiện dựa trên nội dung nghiên cứu đặc điểm nông sinh học của một số loại cây họ gừng (Zingiberaceae) trồng tại Gia Lâm, Hà Nội năm 2018. Kết quả cho thấy nhóm cây thuộc chi ngải tiên có chiều cao thích hợp làm hoa cắt cành, các mẫu giống gồm MG1,2,3,4,5 và MG11 cho cụm hoa có màu sắc đẹp, lá bắc có màu xanh rất thích hợp làm hoa cây cảnh. Các mẫu giống còn lại sinh trưởng tốt nhưng chưa có hoa hoặc không ra hoa. Các kết quả mặc dù còn ở mức đơn giản nhưng phần nào cũng có ý nghĩa trong việc chọn tạo giống hoa họ gừng.
805	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của tập đoàn giống cây họ hành (Alliaceae) được thu thập từ Việt Nam và các nước trên thế giới trồng trong vụ đông xuân 2018-2019 tại Gia Lâm – Hà Nội	Chu Hoàng Lâm	TS. Vũ Quỳnh Hoa	Sinh viên đã thực hiện gieo trồng, đánh giá 26 dòng/giống hành tỏi. Các dòng cho thấy sự khác biệt về khả năng nảy mầm, sức sống của cây con, mức độ nhiễm sâu bệnh hại, và các đặc điểm sinh trưởng, phát triển.

806	Đánh giá đặc điểm nông sinh học và khả năng lai nhân giống cây hoa giâm bụi vụ đông năm 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội.	Lê Việt Đức	ThS. Bùi Ngọc Tấn	Nghiên cứu đánh giá đặc điểm nông sinh học của 33 dòng Dâm bụi được thu thập tại Hà Nội và nghiên cứu khả năng nhân giống bằng chiết cành đối với bốn giống dâm bụi đỏ ta, đỏ kép ta, cam ta và đơn đỏ thái ở hai mức đường kính cành khác nhau là 0,5 cm và 1cm. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc nhân giống bằng chiết cành đối với các giống đều cho kết quả tốt. Không có sự sai khác giữa việc nhân giống ở cấp cành 0,5 cm hay 1 cm và giữa các giống khác nhau.
807	Ảnh hưởng của liều lượng phân bón hữu cơ đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng cam CS1 tại Hòa Bình	Võ Đức Trung	TS. Vũ Thanh Hải	Mục đích: xác định liều lượng phù hợp phân bón hữu cơ đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng cam CS1 tại Hòa Bình. Qua phân tích số liệu tác giả đã xác định được công thức bón 2,92 tấn/ha hữu cơ vi sinh + 262,5 N+ 262,5 P2O5 + 304,5 K2O/ha cho số quả/ cây đạt 154,4 quả/cây; khối lượng quả đạt 186,6g/quả; năng suất thực thu cá thể đạt 27,8kg/cây.
				Công thức bón 2,92 tấn/ha hữu cơ vi sinh + 262,5 N+ 262,5 P2O5 + 304,5 K2O/ha cho hàm lượng nitrate ở công thức 2 đạt thấp nhất 389,75 (mg/kg), hàm lượng carotenoid (11,55 mg/100g) tăng cao hơn đối chứng. Các chỉ tiêu về E. Coli và Salmonella đều dưới ngưỡng cho phép.
				Công thức 5,83 tấn/ha hữu cơ vi sinh + 175,0 N+ 175,0 P2O5 + 203,0 K2O/ha cho màu sắc vỏ màu vỏ vàng đậm, cho tỷ lệ phần ăn được cao nhất (81,19%); tỷ lệ vỏ (17,89%); số múi đạt 11,06 múi/quả; số hạt thấp nhất(17,8 hạt/quả).
				Công thức 3 có mức độ sâu bệnh hại thấp nhất.
808	Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật và vật liệu che phủ tới sinh trưởng và phát triển của giống dâu tây Itoga tại Sapa – Lào Cai năm 2018	Vương Thùy Giang	ThS. Nguyễn Thị Phượng	Mục tiêu chính: 2018. rên cơ sở đó góp phần hoàn thiện quy trình trồng và chăm sóc cây dâu tây tại Sa Pa và các vùng có khí hậu tương tự. Kết quả chính: Số quả và khối lượng quả cao nhất đạt được ở công thức bón đạm mức N2. Cây trồng với mật độ M3 cho số lượng quả thu được và khối lượng quả cao nhất. Không có sự khác biệt đáng kể về số lượng và chất lượng quả giữa hai công thức che phủ.
809	Đánh giá khả năng sinh trưởng của một số tổ hợp lai năm 2018 và kỹ thuật chăm sóc lan huệ vụ đông xuân 2018-2019 tại Gia Lâm – Hà Nội	Nguyễn Phương Thảo	PGS. TS. Phạm Thị Minh Phượng	Thời gian bắt đầu nảy mầm là 8 ngày sau gieo, tỷ lệ nảy mầm đạt từ 17,4% (THP45) đến 84,80% (THP79). - Trong năm 2019, thời điểm xử lý lạnh tốt nhất để điều khiển giống Lan huệ Hồng Đào ra hoa vào dịp Tết Nguyên Đán là 24 tuần trước Tết, tỉ lệ củ nở đúng Tết là 85%. Tần suất tưới Viusid agro 2 lần/tuần làm tăng các chỉ tiêu sinh trưởng của cây Hồng đào như chiều cao cây
				(78,43cm),chiều dài lá (61,47cm), số lá(5 lá) và chu vi củ(25,1cm). Xử lý Etylen (250ppm) hoa nở đúng tết, tỉ lệ củ ngừng 2 cao nhất 58,33%, số nụ/cụm là 4,89 nụ và độ bền hoa được 11 ngày.

810	Đánh giá đặc điểm nông sinh học và kỹ thuật nhân giống hoa huệ (<i>Polianthes tuberosa</i>)	Vũ Thị Hồng	PGS. TS. Phạm Thị Minh Phượng	Chiều cao và số lá của các giống hoa Huệ giảm dần từ tháng 9 đến tháng 1 trong đó giảm mạnh là giống Double pink, Double pink saphira và Super gold. 7/11 giống ngủ hoàn toàn trong vụ Đông và 4/11 giống (TX Thái Hòa, F1 (HD-VN), F2 (Nam Định), F3 (Sa đéc) lá xanh trong suốt thời gian theo dõi. Chẻ củ thành 4 mảnh cho hệ số nhân giống cao nhất đạt 6,6 lần. Lựa chọn được các giống lan dạ hương ký hiệu G1, G2, G3, G4, G7, G9 nở hoa đúng dịp tết nguyên đán 2019.
811	So sánh một số giống ngô lai đông tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Trần Đức Tài	TS. Nguyễn Văn Phú	So sánh một số giống ngô lai đông Đánh giá được một số đặc điểm sinh trưởng, phát triển và năng suất của 5 giống ngô lai từ đó chọn ra được 1 giống cho năng suất cao nhất
812	Đánh giá ảnh hưởng của một số phân bón lá đến giống đậu tương DT96 vụ đông tại Gia Lâm – Hà Nội	Đình Văn Trường	TS. Nguyễn Văn Phú	Đánh giá ảnh hưởng của một số phân bón lá đến giống đậu tương DT96 Đánh giá ảnh hưởng của một số phân bón lá đến một số chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý và năng suất giống đậu tương DT96 từ đó xác định được loại phân bón lá tốt nhất đến giống DT96
813	Nghiên cứu ảnh hưởng của Axit salicylic và chế phẩm Emina đến sinh trưởng và phát triển cây đậu tương trong điều kiện mặn nhân tạo tại Gia Lâm – Hà Nội	Bùi Thị Thanh Hằng	TS. Phạm Tuấn Anh - TS. Vũ Ngọc Lan	Mục đích: Đánh giá được khả năng sinh trưởng của cây đậu tương khi xử lý VSV và SA trong điều kiện mặn, từ đó tìm ra nồng độ thích hợp để cây sinh trưởng tốt trong điều kiện mặn. Kết luận: 1. Xử lý VSV và SA trong điều kiện mặn có ảnh hưởng tích cực đến sự nảy mầm của đậu tương DT2008. Khi xử lý các chủng VSV hầu hết các CT đều cho tỉ lệ nảy mầm cao, trên 80%, trong đó chủng VSV42 cho tỉ lệ nảy mầm ở mức cao nhất, không có ý nghĩa thống kê. Khi có tác động mặn, tỉ lệ nảy mầm giảm ở mức tương đối, khi kết hợp SA và VSV thì SA làm giảm hiệu lực của VSV nên tỉ lệ nảy mầm giảm. Các chỉ tiêu về chiều dài rễ mầm, thân mầm và khối lượng mầm bị giảm trong điều kiện mặn. 2. Xử lý VSV và SA có ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của giống đậu tương DT2008. Xử lý VSV2 cho chiều cao cây đạt 62,2 cm, xử lý SA 0,75mM cho chỉ số SPAD cao nhất so với các CT, số lá của CT xử lý VSV2 có số lá cao nhất so với các CT còn lại được xử lý (trừ CTĐC) đạt 8,6 lá/cây. Trong điều kiện mặn, các chỉ tiêu về sinh trưởng đều bị giảm, tuy nhiên khi có sự tác động của VSV hay SA thì cây vẫn sinh trưởng tốt. Trong đó khi xử lý SA trong điều kiện mặn cho kết quả khả quan hơn so với xử lý VSV hay VSV kết hợp SA.

				3. Xử lý VSV và SA có ảnh hưởng đến khả năng tích lũy chất khô và năng suất của đậu tương. Ở điều kiện mặn, khả năng tích lũy chất khô, số quả/cây và NSCT của các CT xử lý mặn có sự chênh lệch so với không xử lý mặn. Rõ ràng, mặn đã có ảnh hưởng rất lớn đến các chỉ tiêu trên, từ đó ảnh hưởng đến năng suất.
814	Nghiên cứu ảnh hưởng của thời gian úng đến sinh trưởng phát triển và năng suất của cây đậu xanh ở giai đoạn cây con	Đông Thị Kim Nhung	Th.s Vũ Tiến Bình	<p>Mục tiêu: Thông qua một số chỉ tiêu sinh trưởng phát triển và năng suất để đánh giá ảnh hưởng của thời gian ngập úng ở giai đoạn cây con cây đậu xanh. Từ đó đánh giá được tác hại của ngập úng để có biện pháp canh tác hợp lý, tăng khả năng chịu úng cho đậu xanh.</p> <p>Kết quả: Thời gian úng khác nhau đã ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng phát triển và sinh lý cây đậu xanh ở giai đoạn cây con, làm giảm chiều cao, chiều dài rễ, đường kính rễ, diện tích lá, chỉ số SPAD... Thời gian úng khác nhau cũng làm giảm các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất cá thể cây đậu xanh. Năng suất cá thể thấp nhất ở CT4 (gây úng 10 ngày), đạt 3,16g/cây, cho chỉ số chịu úng cũng là thấp nhất (50,01%). Năng suất giảm ít nhất ở CT2 (gây úng 3 ngày), cho chỉ số chịu úng cao nhất (84,2%).</p>
815	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số loại phân bón hữu cơ Chelate đến sinh trưởng phát triển và năng suất giống ngô nếp HN88 trồng vụ đông 2018 trên đất Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Thị Chinh	TS. Trần Anh Tuấn	Sử dụng phân bón hữu cơ silic làm tăng các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của ngô như: tăng chiều dài bắp, đường kính bắp, số hạt/hàng, khối lượng bắp và năng suất. Trong đó, công thức bón 5g/gốc cho hiệu quả cao nhất: khối lượng bắp có lá bi và không có lá bi đạt lần lượt là 256,59 g/bắp và 241,54 g/bắp; năng suất lý thuyết và năng suất thực thu đạt lần lượt là 115,17 tạ/ha và 121,17 tạ/ha.
816	Research on propagation of the elite cultivars of imported potatoes using in vitro and aeroponic technology	Marcia da Graca Simiao Matavele	Dr. Trần Anh Tuấn - Dr. Nguyễn Xuân Trường	<p>In vitro condition different cultural sample affected to multiplication rate of purple potato variety, tip of three kinds of samples (Shoot tip part, middle part and lower part) Shoot tip part part showed the highest multiplication rate (3.67 time/month).</p> <p>Different sugar concentration leads to produce microtuber of purple potato variety invitro condition. The MS medium 8% sugar (without sugar) gave the highest tuber number (37 tuber/15plant or 2.7 tuber/plant) after 75 DAP.</p> <p>At aeroponic condition the Shoot tip part part gave the highest multiplication rate (6.95 times/sample/month), in comparison with three different sample.</p> <p>Of four planting density (20 plant/m², 40, 80, 160) the density 80 plant/m² showed the highest tuber number/plant (7.2 tubers).</p>
817	Khảo sát sinh trưởng, phát triển của một số dòng giống Lan huệ nhân vô tính vụ Đông – Xuân năm 2018 – 2019 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Ngọc Oanh	ThS. Nguyễn Hữu Cường	<p>Đánh giá sinh trưởng, phát triển của một số dòng Lan huệ nhân vô tính trong điều kiện vụ Đông xuân năm 2018-2019</p> <p>Tìm được một số dòng Lan huệ có các đặc tính tốt cho bộ giống Lan huệ của VN</p>

818	Khảo sát sinh trưởng, phát triển của một số giống Lan huệ ngoại nhập và một số dòng Lan huệ lai vụ Đông – Xuân năm 2018 – 2019 tại Gia Lâm, Hà Nội	Trần Thị Anh	TS. Phùng Thị Thu Hà - ThS. Phạm Thị Huyền Trang	Xác định được đặc điểm nông sinh học cơ bản và đánh giá ưu nhược điểm của từng giống, dòng Lan huệ thí nghiệm trong vụ Đông – Xuân năm 2018 – 2019 tại Gia Lâm, Hà Nội
				Giống Lan huệ ngoại nhập ĐNK có khả năng ra mới nhiều nhất, kích thước lá chiều dài lá và đường kính thân hành lớn nhất. Trong khi đó giống NP3 có chiều dài lá ngắn nhất, khả năng đẻ nhánh kém nhất, đường kính hoa nhỏ nhất, chiều dài trục hoa ngắn nhất, độ bền cụm hoa ngắn nhất. Giống HL2 có khả năng đẻ nhánh tốt nhất, có đường kính hoa lớn nhất, nhưng có số hoa trên cụm là ít nhất. Giống PINK có khả năng lá mới. Giống ZE có độ bền cụm hoa là dài nhất và số lượng cánh hoa là nhiều nhất. Giống LE có chiều dài trục lá dài nhất với số hoa /cụm là nhiều nhất.
				Dòng Lan huệ lai dòng S46 có chiều dài lá là lớn nhất. Dòng S3 đường kính thân hành lớn nhất. Dòng A21 có chiều rộng lá lớn nhất. Dòng HK1 có khả năng ra lá mới nhiều nhất. Dòng Q12 và dòng T130 có khả năng đẻ nhánh tốt nhất. Dòng Q12 có chiều dài trục hoa dài nhất, nhưng có độ bền cụm ngắn nhất.
819	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của tập đoàn Cẩm cù vụ Thu – Đông năm 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội	Nguyễn Danh Toán	ThS. Phạm Thị Huyền Trang - TS. Phùng Thị Thu Hà	Mục đích: Đánh giá đặc điểm thực vật học của tập đoàn Cẩm cù và sinh trưởng, phát triển của các mẫu giống Cẩm cù giảm cành.
				KQ chính: Khóa luận đã cho thấy một số đặc điểm thực vật học của 15 giống Cẩm cù nghiên cứu, từ đó làm cơ sở nhận diện giống và làm căn cứ để xác định khả năng thích ứng của giống Cẩm cù tại Gia Lâm – Hà Nội. Khóa luận còn cho thấy đặc điểm sinh trưởng, phát triển của của 6 giống Cẩm cù nhân giống vô tính bằng phương pháp giảm cành.
820	Nghiên cứu hiện trạng sinh trưởng của quần thể cây Anh đào (<i>Prunus serrulata</i>) trồng tại công viên Hòa Bình, TP Hà Nội	Nguyễn Huy Dũng	TS. Trần Bình Đà	Mục tiêu nghiên cứu: Nghiên cứu hiện trạng sinh trưởng của cây Anh Đào trồng tại Công viên Hòa Bình – Hà Nội.
				Kết quả nghiên cứu chính: Hiện trạng về quy mô, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây Anh đào. Khuyến nghị một số vấn đề về kỹ thuật trồng và chăm sóc.
821	Nghiên cứu hiện trạng sinh trưởng của cây Phượng vĩ (<i>Delonix regia</i>) và Bàng Đài Loan (<i>Terminalia mantaly</i>) mới trồng trên một số quận của TP Hà Nội	Lê Văn Trường	TS. Trần Bình Đà	Mục tiêu nghiên cứu: Nghiên cứu hiện trạng sinh trưởng của Phượng vĩ và Bàng Đài Loan trên một số quận của thành phố Hà Nội nhằm đề xuất các biện pháp quản lý.
				Kết quả nghiên cứu chính: Hiện trạng về quy mô, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây Phượng Vĩ và cây Bàng Đài loan trồng trên một số quận của TP Hà Nội. Khuyến nghị một số vấn đề về quản lý 2 loài cây cảnh quan.
822	Khảo sát một số dòng, giống đậu tương trong điều kiện vụ thu đông trên ddaaats Gia Lâm – Hà Nội	Trần Thị Kim Oanh	TS. Vũ Đình Chính	Đánh giá STPT, chống chịu và năng suất một số dòng, giống đậu tương trong điều kiện vụ thu đông. Xác định dòng triển vọng là VK23, AU5.

823	Nghiên cứu ảnh hưởng của các mức kali bón đến sinh trưởng và sinh lý của cây đinh lăng 3 tháng tuổi trong điều kiện hạn	Mông Tiểu Yến	TS. Vũ Ngọc Thắng	Thí nghiệm được tiến hành nhằm đánh giá ảnh hưởng của 5 mức kali bón (0, 100, 150, 200, 250 kg K ₂ O/ha) đến sinh trưởng và sinh lý của cây đinh lăng 3 tháng tuổi trong điều kiện hạn và điều kiện không gây hạn. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng trong điều kiện gây hạn mức độ suy giảm các chỉ tiêu sinh trưởng và chỉ tiêu sinh lý của cây đinh lăng lớn hơn so với trong điều kiện không gây hạn. So sánh giữa các mức kali bón kết quả cho thấy ở mức bón 200 và 250 kg/ha cây đinh lăng có khả năng chịu hạn và khả năng phục hồi tốt hơn so với trong điều kiện hạn
824	Nghiên cứu đặc điểm hình thái và khả năng nhân giống bằng giâm cành của một số loài đinh lăng (<i>Polycias spp</i>) tại Gia Lâm – Hà Nội	Nguyễn Đắc Toàn	PGS.TS. Ninh Thị Phíp	Các loài Đinh lăng khác nhau ở 2 năm tuổi có những đặc điểm chỉ tiêu thân, lá, rễ khác nhau. Cụ thể, Đinh lăng lá chè xanh vượt trội cả về chiều cao (215,5cm), đường kính thân (4,04cm), kích thước lá (14,8cm x 10,2cm) và khối lượng rễ (1241,7g rễ tươi) nhưng có số nhánh gần ít nhất (2,3 nhánh/cây). Các loài Đinh lăng và vị trí cành giâm khác nhau có ảnh hưởng đến thời gian, tỷ lệ ra rễ và một số chỉ tiêu nông học của cành giâm.
825	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón qua lá và đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số mẫu giống cây đương quy nhật bản tại Hà Nội	Nguyễn Thế Hoàng	PGS.TS. Ninh Thị Phíp	Các mẫu giống có sự khác nhau về đặc điểm hình thái, đây là chỉ tiêu quan trọng để phân biệt 6 mẫu giống. Phân bón lá có ảnh hưởng đến sinh trưởng phát triển cây đương quy nhật bản. Sử dụng phân bón lasd định kỳ nâng cao khả năng sinh trưởng, chống chịu cây đương quy.
826	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số mẫu giống và ảnh hưởng của phân bón đến sinh trưởng và phát triển của cây chè dây (<i>Ampelopsis cantoniensis</i>) vụ thu đông	Trần Thanh Bình	PGS.TS. Ninh Thị Phíp	Các mẫu giống Chè dây được thu thập từ các tỉnh khác nhau (Sa Pa, Sơn La, Lai Châu, Bắc Giang, Cao Bằng) và trồng thí nghiệm tại Gia Lâm-Hà Nội có các đặc điểm hình thái và sinh trưởng phát triển khác nhau. Thời vụ giâm cành khác nhau có ảnh hưởng khác nhau đến sinh trưởng phát triển của hom giâm, thể hiện rõ nhất trên các chỉ tiêu: tỉ lệ bật mầm, tỉ lệ ra rễ, tỉ lệ xuất vườn, chiều dài chồi, số lá, số rễ tại thời điểm xuất vườn. Vị trí cành giâm khác nhau có ảnh hưởng khác nhau tới sự sinh trưởng, phát triển của hom giâm Chè dây và được thể hiện qua các chỉ tiêu: tỉ lệ bật mầm, tỉ lệ ra rễ và tỉ lệ xuất vườn, chiều dài chồi, số lá, số rễ tại thời điểm xuất vườn
827	Đánh giá đặc điểm nông sinh học và ảnh hưởng của phương thức nhân giống đến sinh trưởng, phát triển, năng suất một số mẫu giống rau đắng đất (<i>Glinus oppositifolius</i>) tại Gia Lâm – Hà Nội	Lê Thị Diệu	PGS.TS. Ninh Thị Phíp	Đặc điểm nông sinh học cho thấy các mẫu giống Rau đắng đất đa số giống nhau về hình thái hoa, quả, hạt, thân, lá,... thời gian sinh trưởng CT2 có thời gian sinh trưởng lâu nhất và ra hoa sớm nhất. Nghiên cứu về ảnh hưởng của các phương thức nhân giống đến tỷ lệ cây con sống sót/xuất vườn: CT2 (invitro) là công thức có tỷ lệ sống sót/xuất vườn cao nhất trong 3 công thức. Cùng với đó, các chỉ tiêu về chiều cao cây, số lá/cây, số rễ của cây con tại thời điểm xuất vườn của CT2 là lớn nhất

828	Đánh giá khả năng sinh trưởng phát triển của một số mẫu giống thuốc lá trong điều kiện vụ Xuân 2019 tại Bắc Giang	Linh Trung Hiếu	ThS. Bùi Thế Khuynh	#N/A
829	Đánh giá ảnh hưởng của một số loại phân bón đến khả năng sinh trưởng và phát triển của cây sim trong điều kiện hạn ở giai đoạn cây con tại Gia Lâm – Hà Nội	Trịnh Văn Nam	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Trên cơ sở đánh giá ảnh hưởng của một số loại phân bón (Phân kali, silic, chế phẩm AMF) đến khả năng sinh trưởng và phát triển của cây sim trong điều kiện hạn sẽ xác định được loại phân bón thích hợp nhất giúp cây Sim có thể sinh trưởng tốt trong điều kiện hạn góp phần hoàn thiện quy trình trồng sim trên vùng đất sử dụng nước trời. Kết quả chỉ ra rằng trong điều kiện hạn nhân tạo và các loại phân bón bổ sung có ảnh hưởng đến sinh trưởng và sinh lý cây sim ở giai đoạn cây con. Tác động của hạn ở giai đoạn cây con thể hiện ở việc giảm tốc độ sinh trưởng chiều cao cây, sự phát triển bộ lá, tích lũy chất khô và hiệu suất huỳnh quang diệp lục. Bón bổ sung các silic, kali và AMF giúp cây sim sinh trưởng, chịu hạn và phục hồi tốt hơn so với công thức không bón. Trong đó, bón bổ sung AMF (P4) giúp cây sim sinh trưởng tốt hơn trong cả điều kiện tưới nước đầy đủ và hạn.
830	Đánh giá ảnh hưởng của lượng phân và thời điểm bón đến sinh trưởng, phát triển cây bìm bìm trong vụ thu tại Gia Lâm – Hà Nội	Phạm Thị Thùy Linh	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hải	giá ảnh hưởng của lượng phân và thời điểm bón đến sinh trưởng, phát triển cây bìm bìm trong vụ thu tại Gia Lâm – Hà Nội từ đó xác định được lượng phân và thời điểm bón thích hợp giúp cây sinh trưởng, phát triển tốt, năng suất cao góp phần hoàn thiện quy trình sản xuất Bìm bìm chất lượng cao. Kết quả cho thấy, lượng phân L2 (2 tấn phân vi sinh sông gianh + 45kgN + 135kgP2O5 + 90kgK2O) thời điểm bón T4 (bón lót 100% phân vi sinh +100%P2O5+50%N+50%K2O; bón thúc đợt 1 là 30%N+30%K2O, bón thúc đợt 2 là 20% N+20%K2O) giúp cây bìm bìm sinh trưởng tốt, năng suất thực thu và hiệu quả kinh tế cao nhất
831	Khảo sát một số dòng giống lúa tẻ cấy vụ mùa 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Vũ Thị Kim Huệ	TS. Ngô Thị Hồng Tươi	<p>1. Mục đích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được các chỉ tiêu về hình thái, đặc điểm nông sinh học của một số mẫu giống tẻ cấy. - Đánh giá tiềm năng năng suất và mức độ nhiễm sâu bệnh hại của một số mẫu giống tẻ cấy. - Đánh giá các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của các mẫu giống thí nghiệm. - Chọn ra các mẫu giống tẻ cấy cho năng suất cao và chất lượng tốt. <p>2. Yêu cầu của đề tài</p> <ul style="list-style-type: none"> -Theo dõi các chỉ tiêu nông sinh học của các mẫu giống lúa tẻ cấy. - Đánh giá khả năng sinh trưởng phát triển, năng suất của các mẫu giống lúa tẻ cấy. <p>3. Kết quả</p>

				<p>Số hạt của các mẫu giống dao động từ 161,0-282,9 hạt. Tỷ lệ hạt chắc của các dòng cao trên 83%.</p> <p>Năng suất cá thể của các mẫu giống từ 17,4-26,1g/khóm . Năng suất lý thuyết của các mẫu giống dao động từ 81,4-119,1 tạ/ha.</p> <p>Kết quả trên chọn được 4 mẫu giống triển vọng là : DTL2, ĐT128, Bách hợp và GS55B.</p>
832	Đánh giá các tổ hợp lai cà chua mới ngắn ngày, chất lượng vụ thu đông 3 năm 2018	Nguyễn Văn Nghĩa	PGS.TS. Nguyễn Hồng Minh	#N/A
833	Đánh giá sinh trưởng, năng suất, chất lượng của các tổ hợp lai cà chua quả nhỏ vụ thu đông 2 năm 2018	Nguyễn Thị Hà	PGS.TS. Nguyễn Hồng Minh	#N/A
834	So sánh các tổ hợp lai cà chua triển vọng nhóm ngắn ngày, chất lượng vụ thu đông 3 năm 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Mai Thị Lộc	PGS.TS. Nguyễn Hồng Minh	<p>* Mục tiêu: Đánh giá đặc điểm nông, sinh học của tổ hợp lai cà chua ngắn ngày và tuyển chọn ra được các tổ hợp lai cà chua ngắn ngày mới có triển vọng thích hợp cho gieo trồng ở vụ Thu Đông.</p> <p>* Kết quả:</p> <p>1. Ở vụ Thu Đông – Đông năm 2018 các tổ hợp lai cà chua ngắn ngày có thời gian từ trồng đến chín ở mức trung bình dao động trong khoảng 64 – 75 ngày, số đốt từ gốc đến chum hoa thứ nhất dao động trong khoảng 10,6 - 12,2 đốt, chiều cao từ gốc đến chum hoa thứ nhất dao động trong khoảng 51,1 – 60,6 cm, chiều cao cuối cùng dao động trong khoảng 105,1 – 119,6 cm</p> <p>2. Trong vụ Thu Đông – Đông năm 2018, các tổ hợp lai nghiên cứu có tỷ lệ đậu quả dao động trong khoảng 62,1 – 82,7 %. Nhiều số tổ hợp lai có tỷ lệ đậu quả cao hơn 75% trở lên như: E19, K9, L19, H19, E13, L13, H13, E15, L15, H15.</p> <p>3. Vụ Thu Đông – Đông năm 2018 có thời tiết thuận lợi cho sinh trưởng, phát triển của các tổ hợp lai cà chua nên năng suất cá thể cao. Đã thu được 8 tổ hợp lai cà chua có năng suất cá thể cao hơn đối chứng. Đã thu được tổ hợp lai có năng suất cao như: E13(79,4tấn/ha), L13(79,9 tấn/ha), E15(71,6 tấn/ha), H15(83,1 tấn/ha) .</p> <p>4. Các tổ hợp lai có chất lượng quả cao được thể hiện ở màu sắc quả khi chín, Độ Brix, khẩu vị, hương vị đáp ứng chất lượng tiêu dùng</p> <p>5. Kết quả đánh giá tập hợp các chỉ tiêu đã chọn lọc ra được một số tổ hợp lai cà chua triển vọng vụ Thu Đông – Đông năm 2018</p>

835	Khảo sát sinh trưởng và năng suất của các dòng đậu tương thế hệ F8 trong vụ thu đông 2018 tại Hà Nội	Phạm Thị Ngọc Quỳnh	TS. Nguyễn Thanh Tuấn	Đánh giá được đặc điểm nông sinh học, khả năng sinh trưởng phát triển, khả năng chống chịu sâu bệnh và năng suất một số dòng, giống đậu tương triển vọng nhằm góp phần làm đa dạng bộ giống đậu tương ở nước ta, đồng thời tạo nguồn vật liệu phục vụ công tác chọn tạo giống đậu tương mới. Đã xác định được 4 dòng triển vọng có NSTT cao gồm: S30(21,8 tạ/ha), S28(19 tạ/ha), S58đạt (17,1tạ/ha) và S52 đạt (16,9 tạ/ha).
836	Nghiên cứu ảnh hưởng của mật độ và lượng lân bón đến sinh trưởng và năng suất dòng đậu tương mới chọn tạo trong điều kiện vụ thu đông 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Nguyễn Trọng Minh	TS. Nguyễn Thanh Tuấn	Nghiên cứu xác định được mật độ gieo trồng và lượng lân bón thích hợp nhất, đạt hiệu quả kinh tế cao cho dòng đậu tương mới chọn tạo trong điều kiện vụ Thu Đông 2018 trên đất Gia Lâm, Hà Nội. Các mức lân khác nhau và mật độ khác nhau có tác động vào năng suất lý thuyết. Cao nhất là công thức M3P1: 16,6 gram và thấp nhất M2P4 là 10,9 gram
837	Đánh giá sinh trưởng, phát triển và khả năng kháng bệnh bạc lá qua lây nhiễm nhân tạo của một số dòng lúa LT2 mang 2 gen Xa7 và Xa21	Lương Thị Xuân	PGS.TS. Nguyễn Văn Cường	#N/A
838	Đánh giá đặc điểm sinh trưởng và phát triển của một số dòng ngô nếp mới được chọn tạo trong vụ thu đông 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Nguyễn Thị Như Quỳnh	PGS.TS. Nguyễn Văn Cường	#N/A
839	Đánh giá ảnh hưởng của mật độ và phân bón đến sinh trưởng phát triển giống lúa tẻ cù tại huyện Phong Thổ Lai Châu	Bùi Văn Hùng	PGS.TS. Nguyễn Văn Cường	#N/A
840	Đánh giá đặc điểm sinh trưởng phát triển của một số giống lúa lai có triển vọng ở các tỉnh phía bắc	Nguyễn Văn Chiến	PGS.TS. Nguyễn Văn Cường - Lê Quang Hòa	#N/A
841	Khảo sát một số dòng lúa thuần chất lượng cao vụ mùa 2018 tại Gia Lâm - Hà Nội	Nguyễn Văn Cường	PGS.TS. Trần Văn Quang	Đã đánh giá được thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng, đặc điểm nông sinh học, đặc điểm hình thái, mức độ nhiễm sâu bệnh; năng suất, chất lượng của một số dòng lúa thuần. Thông qua đánh giá đã chọn được 05 dòng lúa thuần có triển vọng để gửi khảo nghiệm và phát triển sản xuất: 46, 252, 253, 256, 258
842	Đánh giá đặc điểm sinh trưởng, độ thuần và năng suất một số dòng lúa mới chọn tạo thông qua đột biến phóng xạ ở thế hệ M4 trong vụ mùa 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Nguyễn Thanh Vân	PGS.TS. Trần Văn Quang	Đã đánh giá được thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng, đặc điểm nông sinh học, đặc điểm hình thái, mức độ nhiễm sâu bệnh; năng suất, chất lượng của một số dòng lúa thuần mới. Thông qua đánh giá đã chọn được 08 dòng lúa thuần có triển vọng là: M4-7, M4-14, M4-24, M4-31, M4-32, M4-34, M4-36, M4-37.

843	Nghiên cứu sinh trưởng, năng suất của các tổ hợp lai cà chua nhóm vô hạn vụ thu đông năm 2018	Trần Thị Ngọc Tâm	ThS. Trần Thiện Long	<p>* Mục tiêu: Đánh giá đặc điểm nông sinh học của các THL cà chua nhóm vô hạn và chọn ra được các THL có triển vọng sinh trưởng tốt, năng suất cao, chất lượng tốt, khả năng chống chịu sâu bệnh và điều kiện ngoại cảnh bất lợi phù hợp cho vụ Thu Đông năm 2018.</p> <p>* Kết quả:</p> <p>1. Ở vụ Thu Đông năm 2018 các tổ hợp lai cà chua nhóm vô hạn có thời gian từ trồng đến chín dài dao động trong khoảng 64 – 88 ngày, số đốt từ gốc đến chum hoa thứ nhất dao động trong khoảng 8,5 – 14,3 đốt, chiều cao từ gốc đến chum hoa thứ nhất dao động trong khoảng 33,0 – 63,5 cm, chiều cao cuối cùng dao động trong khoảng 124,2 – 281,0cm.</p> <p>2. Trong vụ Thu Đông năm 2018, các tổ hợp lai nghiên cứu có tỷ lệ đậu quả dao động trong khoảng 67,5 –88,2 %. Nhiều số tổ hợp lai có tỷ lệ đậu quả cao từ 80 % trở lên như: A57, B57, H56, I58, L58, T26, T29, T44, T6, T4, T25.</p> <p>3. Vụ Thu Đông năm 2018 có thời tiết thuận lợi cho sinh trưởng, phát triển của các tổ hợp lai cà chua nhóm vô hạn nên năng suất cá thể cao. Đã thu được 15 tổ hợp lai cà chua có năng suất cá thể cao hơn 4200,0 g/cây, trong đó THL có năng suất cá thể cao nổi trội từ 4800,0g trở lên như: T29 (6315,8 g), T47 (5165,8 g), T57 (5049,0 g), Q57 (5020,7 g), T33 (4896,9 g), B57 (4850,0g).</p> <p>4. Các tổ hợp lai có chất lượng quả cao được thể hiện ở màu sắc quả khi chín, Độ Brix, khâu vị, hương vị đáp ứng chất lượng tiêu dùng: T8, T4, U57, L57, I56, L56, T47.</p> <p>5. Kết quả đánh giá tập hợp các chỉ tiêu đã chọn lọc ra được 8 tổ hợp lai cà chua nhóm vô hạn triển vọng vụ Thu Đông năm 2018 là : T29, T47, T57, Q57, T33, B57, T6 và A56.</p>
844	Đánh giá ảnh hưởng của biện pháp bón phân và tưới nước đối với năng suất và chất lượng quả của cà chua nhóm vô hạn vụ thu đông năm 2018	Trần Thị Ngọc Tâm	ThS. Trần Thiện Long	<p>Mục đích của đề tài:</p> <p>Xác định liều lượng phân hóa học (phân vô cơ)</p> <p>Mức độ đốn tỉa cành phù hợp cho cây bưởi Thò.</p> <p>So sánh với năng suất trung bình trong vùng rồi từ đó đề xuất một số quy trình, kỹ thuật canh tác hợp lý nhằm nâng cao năng suất và phẩm chất bưởi Thò tại Phú Xuyên- Hà Nội</p> <p>Qua theo dõi thí nghiệm cắt tỉa cho ta thấy sự phát triển của lộc trên từng công thức có sự khác biệt rõ rệt. Trên các cây của công thức cắt tỉa sau thu hoạch ta thấy trên cây cành lá có sự phát triển tốt hơn, lộc trên cây có sự phát triển trội hơn cả về chiều dài và đường kính so với các cây trên công thức không cắt tỉa.</p>

844	đơn tia đen sinh trưởng và phát triển của cây bưởi thồ phú xuyên Hà Nội	Trần Thị Thu	TS. Đoàn Thu Thủy	<p>Trên thí nghiệm cắt tia cành, qua theo dõi số lượng hoa ta thấy các cây trên công thức cắt tia một lần sau thu hoạch có số hoa trung bình nhiều nhất trên các công thức sau 30 ngày ST. Công thức không cắt tia có số hoa thấp nhất</p> <p>Qua theo dõi thí nghiệm ảnh hưởng của biện pháp bón phân Lân ta thấy trung bình số hoa trên công thức đối chứng không bón Lân có số hoa thấp nhất so với các công thức còn lại. Công thức bón với số lượng 1400g P205 cho số hoa nhiều nhất sau 30 ngày sinh trưởng</p> <p>Kết quả của thí nghiệm ảnh hưởng của biện pháp bón Kali tới trung bình số hoa trên các công thức cho thấy trên nền công thức bón với số lượng 1400g K20 cho số hoa nhiều nhất so với các công thức còn lại. Khả năng cho số quả nhiều hơn.</p>
845	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số giống đậu tương vụ thu đông 2018	Hồ Thị Tâm	TS. Đoàn Thu Thủy	<p>Mục đích: Nghiên cứu đề tài trên để đánh giá được đặc điểm nông sinh học của một số mẫu giống đậu tương từ đó có thể đề xuất ra một số mẫu giống đậu tương có triển vọng cho năng suất cao hơn so với các giống đối chứng. Kết quả đạt được: 1) Các mẫu giống khảo sát có thời gian mọc mầm dao động <u>xung quanh 4 ngày</u>.</p> <p>2) Tổng thời gian sinh trưởng của các mẫu giống đậu tương biến động trong khoảng 83 – 112 ngày. Nhóm chín trung bình sớm : R20, 8519. Nhóm chín trung bình muộn : 6651, D10, D6. Hầu hết các mẫu đều có thời gian chín trung bình.</p> <p>3) Các mẫu giống có chiều cao cây cuối cùng biến động trong khoảng 18,25 – 31,45 cm, chiều cao đóng quả đạt từ 5,5– 8,05 cm. Số đốt hữu hiệu của các mẫu giống đạt 6,5 – 11,1 đốt với số cành cấp 1 đạt 1,1 – 4,2 cành.</p> <p>4) Mức độ nhiễm sâu bệnh hại của các dòng, giống đậu tương tham gia thí nghiệm tương đối thấp. Trong điều kiện vụ Thu Đông 2018, tất cả các mẫu giống đậu tương đều không bị đổ và không bị tách vỏ quả khi chín.</p> <p>5) Tổng số quả/cây biến động trong khoảng khoảng 15,4 – 44,4 quả/cây, với tỷ lệ quả chắc biến động trong khoảng 88,51 – 99,52 %. Khối lượng 1000 hạt đạt từ 83,33g – 240,97g . Năng suất cá thể của các mẫu giống đạt 2,33g – 11,08 g/cây. Giống T-14037 (5,84 tạ/ha) có năng suất thực thu thấp. Giống có năng suất thực thu cao nhất là 8524 (25,51 tạ/ha).</p>
				<p>Mục đích: Đánh giá đặc điểm nông sinh học các cây bưởi Thồ ưu tú. Đánh giá các biện pháp nhân giống chiết ghép cây bưởi Thồ.</p>

846	Đánh giá khả năng phát triển và các biện pháp nhân giống bưởi thỏ Phú Xuyên Hà Nội	Đình Trọng Tùng	TS. Lê Thị Tuyết Châm	<p>Kết quả nghiên cứu cho thấy giống bưởi Thỏ là giống có khả năng sinh trưởng phát triển tốt, khả năng chống chịu các loại sâu bệnh cao, đồng thời cho năng suất và chất lượng cao, đặc biệt là giống quý có ưu điểm là giống bưởi có chất lượng tốt, được ưa chuộng có thời gian thu hoạch sớm (Rằm Trung thu hàng năm) cho hiệu quả kinh tế cao.</p> <p>Đặc điểm hình thái tán cây có dạng mâm xôi. Chiều cao cây trung bình khá cao là 5,2 m, dao động từ 3,3 đến 8,5m tùy theo độ tuổi từng cây. Cây bưởi Thỏ có bộ tán khá rộng và khỏe, đường kính tán trung bình là 7,8m. Lá thuôn dài nhọn, xanh đậm, gân cuống lá xê 2 thùy.</p> <p>Quả bưởi Thỏ có đặc điểm thuôn dài hình bầu dục, vỏ quả khi chín có màu vàng sáng và nhẵn, khối lượng quả trung bình đạt từ 1,1 - 1,30kg. Số hạt/quả khá nhiều, trung bình 45 hạt/quả, tỷ lệ phần ăn được trung bình chiếm 56,6%. Độ Brix của bưởi Thỏ khá cao, trung bình là 10,6 cho thấy bưởi Thỏ có vị ngọt thanh. Múi bưởi Thỏ khá dễ bóc, độ ráo múi trung bình, tép có màu vàng đậm, vị thơm</p> <p>Hầu như các loại sâu bệnh chính hại cây có múi đều xuất hiện tại vườn, tuy nhiên ở mức độ nhẹ như các loại sâu bệnh: Nhện, nhện đỏ, rệp, ruồi vàng, bện chấy gôm, bệnh loét.</p> <p>Trong diện tích bưởi Thỏ trồng tại xã Bạch Hạ chúng tôi tuyển chọn 20 cây có khả năng sinh trưởng phát triển tốt nhất, đồng thời cho năng suất chất lượng ổn định hơn các cây khác trong vườn: KHUC-02, KHUC-03, KHUC-04, KHUC-05, KHUC-06, KHUC-07, KHUC-08, HAY-10, HAY- 13, HAY-14, HAY- 16, HAY- 17, HAY- 18, HAY-19, HAY-20, THI-21, THI-22, THI-23, LOC-28, LOC-29.</p> <p>Ảnh hưởng của mắt ghép trên cây bưởi sẽ mang lại tỷ lệ sống cao hơn khi ghép mắt trên cây cháp. Qua 2 thời điểm ghép cho thấy nếu xét về tỷ lệ cây ghép thành công qua 2 lần thí nghiệm thì khi ghép mắt trên cây bưởi (đạt tỷ lệ cao nhất 52%); ghép mắt trên cây cháp (đạt tỷ lệ cao nhất 45,56%).</p> <p>Dựa vào kết quả 2 lần ghép cho thấy thời điểm ghép vào tháng 10 mang lại kết quả khả quan hơn thời điểm ghép cây vào tháng 1 (Tỷ lệ sống cao nhất khi ghép mắt trên cây bưởi là 52%, trên cây cháp là 38,67% vào thời điểm ghép tháng 10 và tỷ lệ sống cao nhất khi ghép mắt trên cây bưởi là 24,17%, trên cây cháp là 45,56% vào thời điểm ghép là tháng 1).</p> <p>Động thái phát triển của thân, lá trên các cây ghép trên gốc cháp phát triển nhanh và lớn hơn khi ghép mắt ở gốc bưởi.</p> <p>Thời điểm ghép tháng 10 giúp cây tăng trưởng phát triển về thân mầm, lá khỏe và phát triển nhanh hơn cây ghép vào thời điểm tháng 1.</p> <p>Tỷ lệ cành chiết đạt tỷ lệ sống là 100%.</p>
-----	--	-----------------	-----------------------	---

847	Đánh giá sinh trưởng, phát triển một số dòng đậu cô ve năm 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Hà Thị Hoài Anh	TS. Phạm Thị Ngọc	<p>1.2.1 Mục đích</p> <p>Nắm được đặc điểm hình thái và đặc tính nông sinh học của các dòng đậu cô ve.</p> <p>Chọn lọc được một số dòng triển vọng để tiếp tục đánh giá ở thế hệ tiếp theo.</p> <p>1.2.2 Yêu cầu</p> <p>Theo dõi, đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của các dòng đậu cô ve năm 2018.</p> <p>Chăm sóc và theo dõi tình hình sâu bệnh trên đồng ruộng.</p> <p>Kết quả nghiên cứu:</p> <p>Thời gian sinh trưởng của mẫu giống đậu cô ve từ khi gieo đến khi cây này mầm là 6 ngày, ra hoa sau 35,14 ngày, đậu quả đầu tiên sau 40,9 ngày, thu quả tươi đầu tiên sau 53,2 ngày và thu quả chín sinh lý sau 73,72 ngày. Các dòng đều có thời gian thu sớm vượt trội như: BH1, BH2, BH3, BH11, BH22, CV105, CH559.</p> <p>Chiều cao cây và số lá, số nhánh của các dòng đậu cô ve tăng dần trong suốt quá trình sinh trưởng, tăng nhanh nhất trong giai đoạn cây 36-50 ngày tuổi và giảm dần ở giai đoạn sau. Tốc độ ra nhánh của các dòng đậu cô ve leo diễn ra sau khi cây đã tăng trưởng chiều cao và số lá.</p> <p>Năng suất cá thể quả tươi trung bình là 434,94 g, năng suất cá thể hạt khô trung bình là 40,69 g. Một số dòng có năng suất vượt trội như BH2, BH3, BH11, BH22, CV105, CH559.</p> <p>Trong suốt quá trình sinh trưởng đậu cô ve luôn bị các loại sâu hại tấn công bao gồm: sâu đục thân, sâu đục quả, sâu đục lá, cuốn lá nên cần phải có các biện pháp phòng trừ kịp thời để không ảnh hưởng đến năng suất của các giống.</p> <p>Đặc điểm hình thái của các dòng đậu cô ve vụ đông năm 2018, hầu hết các dòng đều đạt độ đồng nhất.</p> <p>Qua toàn bộ quá trình theo dõi thí nghiệm chúng tôi đã rút ra một số dòng có khả năng sinh trưởng khoẻ, năng suất cao, mẫu mã quả đẹp, nhiễm sâu bệnh ít, thích ứng trong vụ Đông 2018 tại Gia Lâm – Hà Nội là: BH2, BH3, BH11, BH22, CV105, CH559.</p>

848	Sự biểu hiện và di truyền tính trạng của đậu tương ở quần thể F2	Phạm Thị Huyền Trang	PGS.TS. Vũ Đình Hòa	<p>Mục đích: - Phân tích sự di truyền và biến động di truyền của các tính trạng trong quần thể phân ly đậu tương ở thế hệ F2 của 4 tổ hợp lai; Xác định hệ số di truyền và các thành phần cấu thành năng suất của các quần thể đậu tương thế hệ F2. Kết quả: Trong thí nghiệm này, các quần thể F2 đều biểu hiện sự phân ly ở các tính trạng chất lượng liên quan đến màu sắc, đặc điểm hình thái và các đặc điểm ở quả, hạt. Kiểm định Chi square cho thấy một số tính trạng có thể do 1 hoặc 2 gen kiểm soát như tính trạng màu sắc thân mầm và màu sắc hoa, màu lông trên thân (do 2 gen kiểm soát), màu rón hạt (do 1 gen kiểm soát), tính trạng màu sắc hạt (do 1 gen kiểm soát), độ bóng của hạt (do 1 gen kiểm soát). Hệ số di truyền nghĩa rộng cho đặc điểm về thời gian sinh trưởng và phát triển dao động từ 39,6-87,7%, cho năng suất cá thể từ 61,0-83,6%.</p>
849	Đánh giá sinh trưởng phát triển của một số dòng lúa vụ mùa 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Đỗ Thị Thương	PGS.TS. Vũ Thị Thu Hiền	<p>Mục đích: Đánh giá đặc điểm sinh trưởng phát triển, đặc điểm nông sinh học, đặc điểm hình thái, mức độ nhiễm bệnh của các dòng, giống lúa trong điều kiện vụ Mùa năm 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội. Kết quả: Các dòng có thời gian sinh trưởng từ 120-129 ngày; Chiều cao cây của các dòng chủ yếu ở mức trung bình; Số nhánh/ khóm của các dòng ở mức trung bình; Góc lá dòng là góc lá đứng; Chiều dài bông và chiều dài cổ bông chủ yếu phù hợp với ngưỡng quy định; Mật độ hạt chủ yếu ở mức cao; Mức độ nhiễm sâu bệnh của các giống ở mức nhẹ, hầu như không ảnh hưởng tới năng suất; Số bông của các dòng theo dõi đều đạt trên 5 bông/khóm; Số hạt của các dòng dao động từ 114,3-271,3 hạt; Tỷ lệ hạt chắc của các dòng cao trên 78%.; Khối lượng 1000 hạt của các dòng đều trên 17,7g; Từ kết quả nghiên cứu, cho thấy các dòng triển vọng có tiềm năng năng suất, các yếu tố cấu thành năng suất, khả năng chống chịu tốt là : 29-02-3, 29-09-2.;16-07-4, 38-08-5</p>

850	Ảnh hưởng của mật độ đến sinh trưởng phát triển của đậu tương trong vụ đông 2018	Hoàng Thị Thu Thảo	PGS.TS. Vũ Thị Thúy Hằng	Mục đích: Ở 4 mật độ khác nhau trong vụ đông 2018:- Đánh giá các đặc điểm hình thái, từ đó xác định được sự khác biệt giữa các dòng đậu tương; - Đánh giá thời gian sinh trưởng phát triển của các dòng đậu tương; - Đánh giá đặc điểm sinh trưởng và phát triển của các dòng đậu tương; - Đánh giá các yếu tố năng suất và năng suất của dòng đậu tương. Kết quả: Mật độ có ảnh hưởng đến các đặc điểm sinh trưởng, phát triển, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của 2 dòng LSB10-12-2 và HSB0059-D2. Chiều cao giữa các dòng nghiên cứu có sự chênh lệch khá lớn, cao nhất là dòng HSB0059-D2 (42,1cm – mật độ 3), thấp nhất là dòng LSB10-12-2 (24,1 - mật độ 1); các dòng có năng suất cá thể biến động trong khoảng 10,9 g/cây - 14,3 g/cây. HSB0059-D2 là dòng có năng suất cá thể cao nhất ở cả 4 mật độ với 14,3 g/cây ở mật độ 3; năng suất thực thu của các dòng đạt từ 17,5 – 21,4 tạ/ha. HSB0059-D2 có năng suất trung bình là cao nhất với 21,4 tạ/ha; Trong 4 mật độ đánh giá, mật độ 3 với 55 cây/ m2 cho năng suất cũng như sinh trưởng phát triển tốt ở các dòng, giống nghiên cứu
851	Đánh giá các dòng, giống đậu tương trong vụ đông 2018	Vũ Công Cửu	PGS.TS. Vũ Thị Thúy Hằng	Mục đích: - Đánh giá đặc điểm, hình thái, đặc điểm nông sinh học và đặc điểm sinh trưởng, phát triển của các 46 mẫu giống đậu tương trong vụ Đông năm 2018; Đánh giá khả năng chống chịu với một số loại sâu bệnh hại; Đánh giá các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất các mẫu giống đậu tương trong vụ Đông năm 2018. Kết quả: Có 42 mẫu giống đậu tương là giống dài ngày (95-110 ngày), có 4 mẫu thời gian sinh trưởng trung ngày (85-90 ngày); các mẫu giống đậu tương sinh trưởng và phát triển tốt trong vụ Đông, thuộc loại sinh trưởng hữu hạn, có khả năng chống chịu sâu bệnh và chống đổ khá tốt; trong 30 mẫu giống chọn, năng suất cá thể biến động từ 6,4-9,8 g/cây; Các mẫu giống có tiềm năng năng suất là LSB17-1-1, LSB17-1-2, LSB17-7-2, LSB17-13-1, LSB17-27-3, LSB17-29-2.
852	Nghiên cứu, xác định liều lượng phân bón và mật độ thích hợp trong sản xuất ngô sinh khối QPM NL 13-1 tại bắc trung bộ	Nguyễn Công Tuấn	GS.TS. Vũ Văn Liết	#N/A
853	Đánh giá chọn dòng ngô ngọt kháng bệnh gỉ sắt trong vụ đông 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Lê Thị Hòa	GS.TS. Vũ Văn Liết	#N/A
854	Đánh giá năng suất chất lượng của hai tổ hợp ngô nếp lai VNUA 11 và VNUA 70 của vụ đông năm 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Hoàng Minh Vương	GS.TS. Vũ Văn Liết	#N/A
855	Đánh giá 20 tổ hợp lai ngô tẻ lá đứng trồng mật độ cao vụ đông 2018 tại Gia Lâm Hà Nội	Đỗ Thị Yến	GS.TS. Vũ Văn Liết	#N/A
856		Vũ Thị Mị	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A

857		Nguyễn Trường Long	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A
858		Nguyễn Thành Long	PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng	#N/A
859		Nguyễn Tuấn Khanh	ThS. Đỗ Trung Kiên	#N/A
860		Hoàng Thị Ngon	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A
861		Bùi Đức Ngọc	TS. Trần Nguyễn Hà	#N/A
862		Nguyễn Thùy Dịu	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
863		Nguyễn Thị Thu Thảo	PGS.TS. Nguyễn Văn Viên	#N/A
864		Bùi Quang Trung	PGS.TS Hà Viết Cường	#N/A
865		Vũ Minh Sáng	PGS.TS Hà Viết Cường	#N/A
866		Hoàng Thị Ngọc Ánh	PGS.TS Hà Viết Cường	#N/A
867		Đặng Văn Nam	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
868		Nguyễn Thanh Sáng	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
869		Trần Hoàng Ngọc Hoa	TS. Nguyễn Đức Huy	#N/A
870	The effects of the applied level potassium on quinoa tree in Ha Hoa,Phu Tho province	Đào Thị Thúy Mai	TS. Nguyễn Văn Phú	The effects of the applied level potassium on quinoa tree in Ha Hoa,Phu Tho province
				Evaluation of the effects of the amount potassium applied on growth, development some components yield and yield of the quinoa tree leading to determine the best level potassium applied of 90kg/ha is good in soil of Phu Tho
871		Đào Tuyết Nhung	PGS.TS. Nguyễn Việt Long	Thí nghiệm được bố trí tuần tự không lặp lại để khảo sát tập đoàn 52 dòng, giống diêm mạch nhập nội.
				Nghiên cứu đã xác định được đặc điểm sinh trưởng, phát triển và năng suất của tập đoàn dòng, giống diêm mạch trong vụ Xuân năm 2018 tại Gia Lâm, Hà Nội. Nghiên cứu xác định các dòng, giống: G8 (Baer cajon, nguồn gốc: Argentina), G16 (23-6R, nguồn gốc: Hà Lan), G22 (Cahuil 20, nguồn gốc: Chile), G37 (Baer 1, nguồn gốc: Argentina), G4 (27-6R, nguồn gốc: Hà Lan) có năng suất cao từ 2-3 tấn/ha phù hợp để nghiên cứu và phát triển sản xuất.
				Mục đích: Chọn được thời vụ trồng thích hợp cho sinh trưởng và phát triển của cây lúa tẻ

872	Ảnh hưởng của thời vụ đến sinh trưởng và năng suất lúa tẻ đen	Nguyễn Thị Hương	TS. Đỗ Thị Hương	Kết quả đạt được: Thời vụ khác nhau ảnh hưởng đến chiều cao cây cuối cùng, nhánh hữu hiệu, chỉ số SPAD ở giai đoạn trổ và chín sấp, khối lượng tích lũy chất khô ở thời kỳ đẻ nhánh và trổ, số hạt/bông, tỉ lệ hạt chắc, khối lượng 1000 hạt, năng suất lý thuyết, năng suất thực thu. Trong đó, thời vụ 3 (gieo ngày 24/07 và cấy vào 07/08) cho năng suất lý thuyết và năng suất thực thu cao nhất
873	Ảnh hưởng của một số loại phân bón đến sự tăng cường độ mọng nước của bưởi Đại Minh	Nguyễn Thị Lương	TS. Chu Anh Tiệp	Xác định ảnh hưởng của nồng độ của một số loại phân bón hữu cơ đến độ mọng nước của tôm bưởi Đại Minh
874	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân hữu cơ vi sinh thay thế lượng vô cơ bón đến sinh trưởng và năng suất một số loại rau trồng vụ đông tại thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên”	Phàn Cù Hồng	TS. Trần Thị Thiêm	Mục đích của đề tài đánh giá ảnh hưởng của lượng phân hữu cơ vi sinh thay thế lượng vô cơ bón đến sinh trưởng và năng suất một số loại rau trồng vụ đông tại thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Kết quả thí nghiệm cho thấy: lượng phân hữu cơ Quế Lâm thay thế lượng phân vô cơ bón có ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh lý của cả 3 cây củ cải, khoai tây và cải bắp, dẫn đến ảnh hưởng năng suất.
875	Ảnh hưởng của thời vụ đến sinh trưởng, năng suất Diêm mạch đỏ tại Thạch Thành, Thanh hóa	Lê Thị Quỳnh	PGS.TS. Nguyễn Ích Tân	Mục đích xác định thời vụ thích hợp cho giống diêm mạch đỏ tại Thạch Thành, Thanh Hóa.kết luận bước đầu thời vụ vụ Thu Đông, tại Thạch Thành với giống diêm mạch đỏ tốt nhất là gieo ngày 20/10/2018, lượng phân bón cho 1 ha là 5 tấn phân chuồng, 150 kgN + 90 kg P2O5 + 90kg K2O; năng suất lý thuyết đạt cao nhất là 33,45 tạ/ha ; năng suất thực thu cao nhất là 20,30 tạ/ha.
876	Ảnh hưởng của mật độ và lượng lân đến sinh trưởng, năng suất của Diêm mạch đỏ tại Thạch Thành, Thanh hóa	Trương Thị Thu Hồng	PGS.TS. Nguyễn Ích Tân	Mục đích xác định mật độ và lượng lân bón thích hợp cho diêm mạch đỏ tại Thạch Thành, Thanh Hóa. Mật độ 250 000 cây/ha; lượng lân bón 120kg P2o5/ha thích hợp và cho năng suất thực th cao nhất 23,31 tạ/ha.
877	Ảnh hưởng của mật độ và thời vụ đến sinh trưởng, năng suất của Diêm mạch đỏ tại Gia Lâm, Hà Nội	Lương Thị Hạnh	PGS.TS. Nguyễn Ích Tân - TS. Nguyễn Thị Ngọc Dinh	Mục đích xác định mật độ và thời vụ thích hợp cho diêm mạch đỏ tại Gia Lâm, Hà Nội. Bước đầu kết luận mật độ 250 000 cây/ha và thời vụ 20/10, năng suất thực thu cao nhất 2,19 tấn/ha là thích hợp cho vụ Đông tại Gia Lâm, Hà Nội.
878	Nghiên cứu đặc điểm sinh trưởng, phát triển, năng suất và chất lượng của một số mẫu giống Cúc Hoa Vàng tại Thanh Trì – Hà Nội	Nguyễn Hoàng Lực	TS. Nguyễn Mai Thơm - TS. Nghiêm Tiến Chung	Đánh giá được đặc điểm sinh trưởng, phát triển năng xuất và chất lượng của các mẫu giống cúc hoa vàng trồng tại Thanh Trì ,Hà Nội.
879	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón và một số loại thuốc trừ sâu, bệnh sinh học đến sinh trưởng, phát triển và năng suất cây Sắn Dây làm dược liệu tại Kinh Môn, Hải Dương	Đoàn Vĩ Tuyền	TS. Nguyễn Mai Thơm - KS. Đinh Nguyệt Thu	Xác định các loại phân bón phù hợp cho cây sắn dây nhằm xây dựng QTKT. Xác định một số loại thuốc và biện pháp phòng trừ sinh học sâu, bệnh hại chính trên cây sắn dây phù hợp với tiêu chuẩn GACP.

880	Thu thập và đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của tập đoàn Rau Má tại Gia Lâm, Hà Nội	Trịnh Thị Quyên	TS. Nguyễn Mai Thơm	Thu thập, đánh giá được khả năng sinh trưởng, phát triển của các giống rau má tại Gia Lâm, Hà Nội, từ đó xác định được giống sinh trưởng, phát triển tốt nhất nhằm đưa ra kế hoạch phát triển và nhân giống có triển vọng
881	Nghiên cứu kỹ thuật nhân giống và ảnh hưởng của phân bón đến sinh trưởng, phát triển cây Bưởi Tân Thắng xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	Lương Văn Tuấn	TS. Nguyễn Mai Thơm - ThS. Nguyễn Thu Thủy	- Xác định được phương pháp ghép nhân giống nhằm phát triển giống bưởi quý Tân Thắng tại huyện Nam Sách. Xác định được liều lượng phân bón Đạm, Lân, Kali thích hợp đến sinh trưởng, phát triển cây bưởi Tân Thắng, huyện Nam Sách
882	Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng đạm và kali đến sinh trưởng, phát triển trên cây Ôi Lê Đài Loan tại Hoa Lư, Ninh Bình	Vũ Văn Hùng	TS. Nguyễn Mai Thơm	Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng phân bón Đạm và Kali đến sinh trưởng, phát triển của cây Ôi Lê Đài Loan nhằm góp phần xây dựng quy trình kỹ thuật hợp lý giúp cây cho năng suất, chất lượng tốt nhất
883	Nghiên cứu bón phối hợp phân hóa học và phân hữu cơ lỏng đến sinh trưởng, năng suất và phẩm chất của cây cải xanh	Nguyễn Văn Sơn	PGS.TS. Nguyễn Tất Cảnh	0